NĂM THỨ SÁU • # 59 • MARCH 1994

English Section PAGE 45

THẾ KỶ 21

POBOX 2054-H39 WESTMINSTER CA 92684 • TEL (714) 894-9021 • FAX (714) 894-2752

PHAN THANH TÂM

STEPHEN YOUNG
NHÂN VẬT NĂM 1993

BÙI XUÂN QUANG

CHUYỆN TRÒ VỚI TRẦN ANH HÙNG
ĐẠO DIỄN PHIM **MÙI ĐU ĐỦ XANH**

HOÀNG KHỞI PHONG

CƠN GIÓ BỤI CỦA **TRỜI VÀ ĐẤT**

Một chục người đọc trang này hết chín người bỏ qua. Tuy nhiên những người nào chịu khó đọc, có thể sẽ quyết định mua hợp đồng bảo hiểm của New York Life.

Đã có rất nhiều Thân Chủ mua hợp đồng bảo hiểm nhân thọ thường trực có quyền lợi khi còn sống, chẳng hạn như có quyền được mượn tiền bằng tổng trị giá tiền mặt của hợp đồng.

Một thí dụ khác, khi về già, Thân Chủ có thể dùng trị giá tiền mặt trên hợp đồng để tăng cường hưu bổng của mình. Chưa kể có nhiều hợp đồng New York Life còn bảo đảm tiền bồi thường tử tuất. Chưa hết, khi Thân Chủ chúng tôi qua đời, thừa kế của họ còn nhận được tiền bồi thường mà không phải đóng thuế lợi tức.

NEW YORK LIFE

NEW YORK LIFE

THE SVN TEAM

The Company You Keep℠ — **The Team You Trust**

● Một trong 5 công ty được xếp hạng cao nhất bởi: A.M. Best, Moody's, Standard & Poor's ● Với số hội viên cao nhất gia nhập Million Dollar Round Table liên tiếp 39 năm qua ● Chuyên môn về: Bảo Hiểm Nhân Thọ, Sức Khoẻ và Bảo Hiểm Tàn Phế từ 148 năm qua ● Chúng tôi xin hân hạnh cống hiến Quý Vị:

● 1. Bảo hiểm tàn phế cá nhân: Bảo hiểm trang trải sở hụi cho doanh nhân và bảo hiểm lợi tức.
● 2. Bảo hiểm nhân thọ cá nhân: Phí tổn đại học, thu ngắn nợ nhà...
● 3. Mutual Funds* + Annuities**

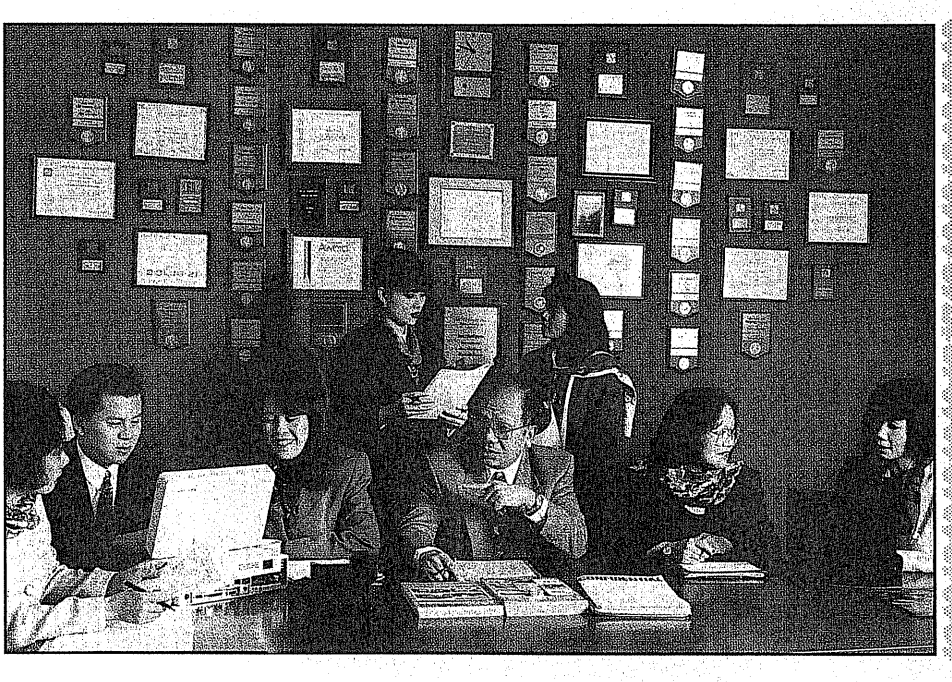

THE TEAM YOU TRUST

● Phục vụ cho cộng đồng Việt Nam trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ trong 18 năm qua ● Đại diện thượng thặng đã nhiều lần chiếm giải thưởng ưu tú như National Sales Achievement Award, National Quality Award, Million Dollar Round Table, Court of The Table... ● Hợp đồng có nhiều phụ khoản tốt đẹp ● Với SVN Team / NYL, Quý Vị sẽ đạt được:

CÔNG TY TỐT ● HỢP ĐỒNG TỐT ● DỊCH VỤ TỐT

Xin Quý Vị liên lạc ngay:

NGUYỄN VĂN SON
PHẠM HỒNG NGỌC
Pascal NGUYỄN GIA DŨNG

Hoặc đến viếng cơ sở khang trang tân tiến của chúng tôi tại:

FOUNTAIN VALLEY SATELLITE OFFICE
City Centre: 17330 Brookhurst St. Suite 330 FOUNTAIN VALLEY, CA 92708
Bus:(714) 962-4440 Fax:(714) 964-0545 Toll Free:1-800-543-3770

LỜI NHẮN NHỦ TRƯỚC KHI QUÝ VỊ QUYẾT ĐỊNH MUA BẢO HIỂM NHÂN THỌ VÀ TÀN PHẾ: Xin Quý Vị vui lòng tìm hiểu thành tích và khả năng phục vụ của chúng tôi. Cho phép chúng tôi có dịp tiếp đón Quý Vị tại văn phòng của chúng tôi, hoặc mang tài liệu đến giải thích cùng Quý Vị tại tư gia hay cơ sở thương mại của Quý Vị.

* Mutual Funds: Được phát hành bởi NYLife Securities, một chi nhánh của NYL Ins. Co. - ** Annuity: Được phát hành bởi một chi nhánh khác của NYL Ins. Co.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO, M.D.

ABR ▫ FACR ▫ FACNM

10051 Bolsa Ave., # A-2 ▫ Westminster, CA 92683

(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 - 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC VÀ ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

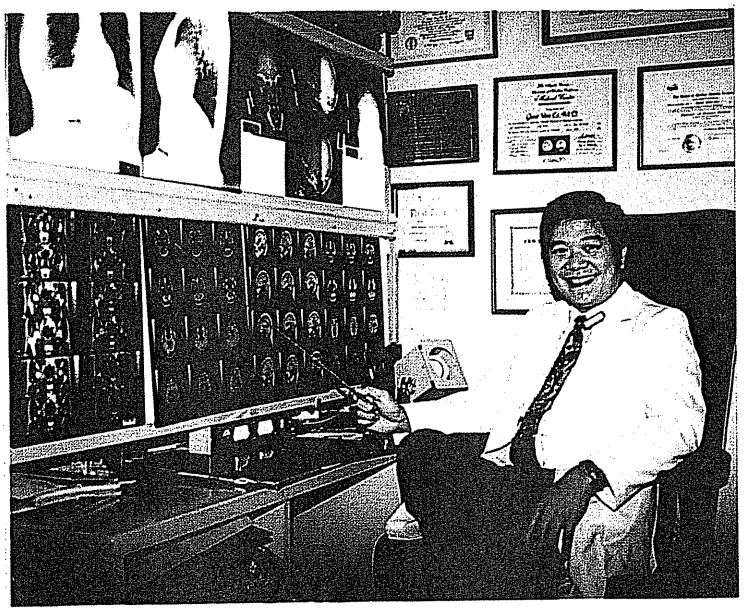

- *Tốt nghiệp Y Khoa Bác Sĩ tại Đại Học Y Khoa Utah*
- *Cựu Nội Trú Nội thương và Ngoại thương Đại Học Y Khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại Học Y Khoa USC*
- *Nguyên Giảng Viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại Học Y Khoa USC*
- *Hậu Đại Học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại Học Y Khoa USC*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng Khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại Nhà thương FHP và Fountain Valley*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- Những máy móc tối tân định các bệnh: Sản Phụ Khoa, Trẻ Em, Chứng bệnh Cấp Tính và Kinh Niên, Người Lớn.
- *Do nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình Ngực vô cùng chính xác, và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

Văn Phòng Luật Sư
EDWARD REID

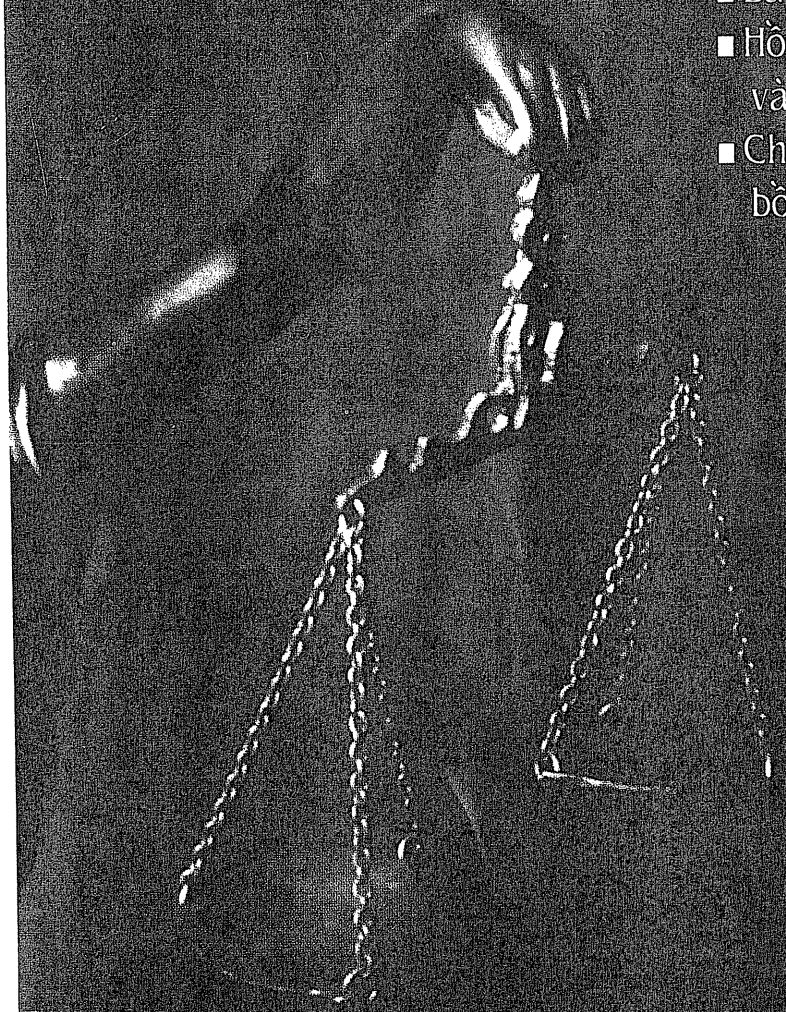

Chuyên môn về các loại tai nạn
Nhiều tín nhiệm với nhiều năm kinh nghiệm

- Bất cứ tai nạn gây thương tích
- Hồ sơ được theo dõi thường xuyên và giải quyết nhanh chóng
- Chỉ nhận thù lao sau khi được bồi thường.

NÓI TIẾNG VIỆT
XIN LIÊN LẠC:

Cô NHƯ LAN
(714) 536-4014

PERSONAL INJURY
ACCIDENT ALL TYPES

- MOTORCYCLE ACCIDENTS
- AUTO INJURIES
- UNINSURED MOTORIST CLAIMS
- SLIP AND FALL
- WRONGFUL DEATH
- PRODUCT LIABILITY

2120 MAIN STREET SUITE #150 HUNTINGTON BEACH, CA 92648

Đêm nhạc hội

TÌNH XUÂN

A Concert of Vietnamese Music
MỘT CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC SẮC ĐỂ TƯỞNG NHỚ CỐ NHẠC SĨ VŨ THÀNH
A Mostly Vu Thanh Program

TÁC PHẨM & TÁC GIẢ - WORKS & COMPOSERS:

* Đa số các nhạc phẩm bất hủ của nhà soạn nhạc tài danh Vũ Thành
* Nhiều ca khúc tiền chiến tiêu biểu và các nhạc phẩm giá trị của Văn Cao, Phạm Duy, Dương Thiệu Tước, Tô Vũ, Dzoãn Mẫn, Đoàn Chuẩn, Nguyễn Mỹ Ca, Phạm Đình Chương, Hoàng Trọng, Văn Phụng, Cung Tiến, Lê Văn Khoa, Lê Hữu Mục...
* Dân ca ba miền của Lê Ngọc Chân

CA SĨ - VOCALISTS:

- Kim Tước
- Mai Hương
- Quỳnh Giao
- Lệ Thu
- Hà Thanh
- Ái Vân
- Anh Ngọc
- Tuấn Ngọc
- Vũ Anh
- Nguyễn Thành Vân

HÒA ÂM - ARRANGEMENTS BY:

- Nghiêm Phú Phi
- Lê Văn Khoa
- Văn Phụng
- Lê Ngọc Chân
- Phạm Đình Chương
- Đoàn Châu Nhi

GIÀN NHẠC THÍNH PHÒNG - CHAMBER MUSIC ORCHESTRA:

Gồm 20 nhạc sĩ (musicians) Việt và Mỹ.

- Là giáo sư âm nhạc hoặc đã tốt nghiệp tại các đại học và nhạc viện, và đang chơi cho các giàn nhạc lớn tại Mỹ.
- Với sựgóp mặt đặc biệt của:
  * Karen Lak (first violinist), Master or Music
  * Đoàn Châu Nhi (guitarist), Master of Music
  * Lê Ngọc Chân (pianist), Master or Music

NHẠC TRƯỞNG - CONDUCTOR: Larry Grossman

ĐIỀU KHIỂN CHƯƠNG TRÌNH

- MASTER OFCEREMONY: Nguyễn Cao Kỳ Duyên

THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM - WHEN & WHERE:

PLUMMER AUDITORIUM

201 E. CHAPMAN (at LEMON) FULLERTON, CA.

Đúng 8:00 PM Thứ Bẩy ngày 25 tháng Sáu (June) năm 1994

(Xin vui lòng đến trước 7:30 PM để sắp xếp chỗ ngồi)

VÉCÓ BÁN TRƯỚC TẠI - TICKETS:

* Nhà sách TỰ LỰC 14318 Brookhurst St., Garden Grove (714) 531-5290
* Nhà sách TỦ QUỲNH 9581 Bolsa Ave., Westminster (714) 531-4284
* Nhà sách VĂN KHOA 9200 Bolsa Ave., Suite 123 (trong khu Phước Lộc Thọ) Westminster, (714) 892-0801
* Trung Tâm Băng Nhạc BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave., Suite 137 (trong khu Phước Lộc Thọ), Westminster, (714) 897-4519

Giá ủng hộ: $50 - Giá đồng hạng: $25

Checks xin đề tên: **NGUYỄN MINH TÂM** và gửi về:
P.O. Box 17073 Anaheim Hills, CA 92817 - 7073 • Phone: (714) 630-2627

PHONG PHÚ * ĐỘC ĐÁO * GIÁ TRỊ NGHỆ THUẬT

The Company You Keep®

NEW YORK LIFE

Phạm Hồng Ngọc
Agent
Chuyên môn:
- Bảo Hiểm Nhân Thọ
- Bảo Hiểm Tàn Phế
- Bảo Hiểm Sức Khoẻ

New York Life Insurance Company
17330 Brookhurst Street, Suite 330
Fountain Valley, CA 92708
Bus. 714-962-4440 #16
Fax: 714-964-0545
Pager: 714-565-8853

HOÀNG OANH CD8

DÂN CA VIỆT NAM
3 MIỀN NAM-TRUNG-BẮC

HOÀNG OANH
MUSIC CENTER
P.O. Box 9541
Fountain Valley, CA 92728
(714) 964-7591

NAM • TRUNG • BẮC
HOÀNG OANH CD8

Nữ Bác Sĩ Nha Khoa
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 Brookhurst Street
Garden Grove, CA 92643

Tel: (714) 531-2773

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103
640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

THẾ KỶ 21

P.O.BOX 2054-H39, Westminster, CA 92684, USA. Tel: (714) 894-9021; Fax: (714) 894-2752

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / Full name:.....

Địa chỉ / Address:.....

.....

Điện thoại / Telephone: .....

Tôi đặt mua / I would like *The Ky 21* delivered to me: Bắt đầu từ số / Starting from issue:.....

☐ 06 số / Issues (US$17.10) ☐12 số / Issues (US$32.40) ☐24 số / Issues (US$61.20)

Ngoài nước Mỹ, thêm cước phí cho mỗi số: Canada US$1.48. Âu châu: US$3.01. Các nơi khác US$3.90.

Kèm theo đây là chi/lệnh phiếu mang số tiền / Enclosed is check/money order of: $.....

Có thể trả bằng tiền địa phương qua các đại diện phát hành sau đây:

- Pháp: Mme Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013 Paris. ĐT (1) 45 83 19 12.
- Đức: Trần Hưng, Krimstr 9, 44145 Dortmund 1. ĐT 833 075.
- Canada: Hoàng Chiêu Nhân, 3895 Beriot, Brossard, Québec J4Z 2W8. ĐT (514) 445-0529.

KIM HOÀNG ĐIỆN TỬ TỰ ĐIỂN VIỆT NAM

GOLDEN TRANSLATION INC.

GẦN 400,000 TỪ ĐƯỢC THU GỌN VÀO COMPUTER BỎ TÚI, CÓ BỘ PHẬN PHÁT ÂM RÕ RÀNG.

SẢN PHẨM NÀY CHƯA HỀ ĐƯỢC BÁN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Một sản phẩm rất cần thiết cho mọi người muốn học Anh Văn tại Hoa Kỳ.

Tất cả các đại lý cần biết thêm chi tiết xin liên lạc Cô Lợi. Số phone: (818) 573-3496

VE 365-A

ANH - VIỆT THỰC DỤNG TRỰC TIẾP

ANH - VIỆT TRA CỨU TỪ GỐC

5 CÔNG DỤNG PHỤ CỦA MÁY

1. Máy tính thông thường, tính đến 14 con số.
2. Lịch và ngày giờ 98 thành phố trên thế giới.
3. Giữ 256 số điện thoại, ghi chú 32 buổi họp.
4. Thiết định được nhiều thứ như mật mã.
5. Điều chỉnh tắt mở tự động.

Có giá trị lợi ích, một phương tiện cần thiết cho cuộc sống hàng ngày tại Mỹ. Có 3 công dụng chánh của máy để học:

1. Từ Điển Anh Việt Thực Dụng chuyển TỪ TIẾNG ANH SANG TIẾNG VIỆT. Thí dụ bấm chữ RESTAURANT bạn sẽ được nghĩa là Quán Ăn.
2. Từ Điển Việt Anh tra cứu từ gốc sắp xếp theo mẫu tự A.B.C. có liên quan tới từ tiếng Việt mà bạn muốn tìm, ví dụ: Chữ Quán Ăn, đầu tiên máy sẽ hiện lên chữ Automat. Nếu bạn nhấn tiếp thì sẽ hiện lên một loạt từ tiếng Anh có liên quan với chữ Quán Ăn giúp bạn học hỏi thêm nhiều từ mới. Cả hai phần Việt Anh - Anh Việt đều có bộ phận phát âm tiếng Anh.
3. Bộ phận trắc nghiệm để bạn Test lại các chữ đã dùng qua. Tương tự Chương Trình Đố Vui (Wheel Of Fortune) để giúp bạn nhớ chữ đã đọc qua.

CÔNG TY TỔNG ĐẠI LÝ: CẦN NHIỀU ĐẠI LÝ, ĐIỀU KIỆN DỄ DÀNG.

GOLDEN TRANSLATION, INC.

8150 E. Garvey Ave., # 106, Rosemead, CA 91770

(Diamond Square - Cạnh chợ T&T)

Tel: (818) 573-3496 * Fax: (818) 288-9132

Ngoài tiểu bang xin gọi: **1-800-608-8088**

NHẬN

Chi phiếu cá nhân, Money Order, VISA, MASTER CARD

THẾ KỶ 21
PO BOX 2054-H39 WESTMINSTER, CA 92684
ĐT: (714) 894-9021. FAX: (714) 894-2752

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

I. BÌA (lọc màu):

- Bìa sau:.....$640.00
- Bìa trong (trước/sau):.....$520.00

II. TRANG TRONG GIẤY LÁNG (lọc màu):

- 1 trang:.....$460.00

(không có cỡ nhỏ hơn)

III. TRANG TRONG (trắng đen):

- 1 trang:.....$200.00
- 1/2 trang:.....$110.00
- 1/4 trang:.....$60.00
- 1/8 trang:.....$40.00

Thêm màu đỏ (bất cứ cỡ nào):...thêm $40.00

CHƯỚC GIẢM:

— 05% cho 4 lần.
— 10% cho 8 lần.
— 20% cho 12 lần.
— 25% cho trả tiền trước.

Viễn đông RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam
khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

Bác Sĩ
Đoàn Đức Ban, M.D.

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA BỆNH PHỤ NỮ
WOMEN'S HEALTH CENTER
15663 BROOKHURST STREET
WESTMINSTER, CA 92683
Đ.T. (714) 839-4988

Tốt nghiệp Y Khoa tại Louisiana State University School of Medicine
Tốt nghiệp Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa và Hiếm Muộn tại Charity Hospital, New Orleans, LSU Medical Center
Hội Viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.)
Hội Viên Hội Chuyên Khoa Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ (A.C.O.G)
Hội Viên Hội Sản Phụ Khoa Orange County (OC Society of OB-Gyn)

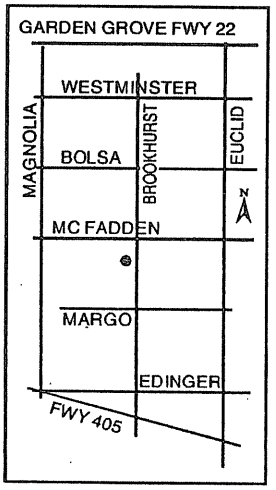

Xin khám bệnh
theo hẹn
Điện thoại:
(714) 839-4988

Thứ Hai tới thứ Sáu:
9:30AM - 6:00PM
Thứ Bảy:
9:30AM - 2:30PM

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

HƯỚNG DẪN:
* Phòng ngừa và truy tầm các bệnh ung thư của phụ nữ
* Các phương pháp ngừa thai
* Dinh dưỡng

CHUYÊN TRỊ:
* Các bệnh phụ nữ, sinh lý, Premenstrual Syndrome (PMS), Hiếm muộn
* Săn sóc Thai kỳ, Đỡ đẻ, Giải phẫu sanh sản (Obstetrical Surgery)
* Chuyên giải phẫu các bệnh Phụ Nữ và Hiếm Muộn (Gynecological Surgery)

Tranh bìa: *Tạ Tỵ*
Trình bày bìa: *Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp*
Minh họa: *Ngọc Dũng, Đinh Cường, Nguyễn Hữu Nhật*
Hí họa: *Vẹt, Babui*
Ảnh: *Trần Đại Lộc, Ngô Thanh Tùng, Bùi Xuân Quang*
Kỹ thuật: *Thanh Diễm*

MỤC LỤC

SỐ 59 • THÁNG BA NĂM 1994

CHÍNH TRỊ, KINH TẾ

* Tư duy và cái rún *(Nguyễn Hữu Chung)* 10
* Bản phúc trình tóm lược về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam *(Đoàn Viết Hoạt)* 12
* Việt Nam giữa Hợp Chủng Quốc Trung Hoa và Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ *(Lưu Văn Vịnh)* 15
* Bỏ cấm vận: giai đoạn mới, chiến lược mới *(Nguyễn Hoài Văn)* 18
* Phúc trình về tình hình phát triển con người 1993 *(Quân Tử)* 20
* Người của thời cuộc năm con gà 1993: Stephen B. Young *(Phan Thanh Tâm)* 24
* Mexico và những nan đề của việc cải tổ kinh tế *(Lê Mạnh Hùng)* 27
* Tương quan giữa y giới Việt Nam hải ngoại và nền y tế quốc nội hiện tại *(Nguyễn Gia Ân)* 29
* Nói thẳng với đảng Cộng Sản *(Nguyễn Thanh Giang)* 33

KHOA HỌC

* Thung lũng tử thần *(Ngô Thanh Tùng)* 39
* Lại bàn về chuẩn hóa *(Đỗ Thông Minh)* 52
* Vụ chữa mắt kỳ diệu trên quỹ đạo *(Nguyễn Viết Khánh)* 55

VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

* Xem tranh và tượng của Phạm Thế Trung *(Hiếu Đệ)* 42
* Chúc Lành *(Nguyễn thị Hoàng Bắc)* 58
* Truyện: Một chiều thứ bảy khác *(Nguyễn Tuyển)* 61
* Henri Miller, nhà văn và hiện thực *(Nguyên Hương)* 63
* Tại sao viết văn *(Bùi Bích Hà)* 67
* Tại sao tôi viết? *(Võ Doãn Nhẫn)* 70
* Mấy điều cần nói thêm *(Tôn Thất Thiện)* 71
* Trò chuyện với đạo diễn Trần Anh Hùng *(Bùi Xuân Quang)* 72
* Chu Tác Nhân và uống trà *(Thang Ma)* 79
* Truyện: Ngu như lợn *(Cao Xuân Huy)* 85
* Trời và Đất, cuốn phim mới nhất về Việt Nam của Oliver Stone *(Hoàng Khởi Phong)* 88

THƠ

* Ông Phật *(Phạm Kim Khôi)* 35
* Mùa Xuân Xanh *(Nhất Uyên)* 37
* Địa Ngục *(Hồ Trường An)* 53
* Không đợi, Em đi *(Hồ Đắc Vũ)* 65
* Trong chuyến tàu đêm từ City *(Nguyễn Tư)* 68
* Thương thân *(Phạm Kim Khôi)* 70
* Thở, Bơi, Chìm *(Lê Hữu Khóa)* 71
* Bài Thơ Tháng Giêng *(Trần Mộng Tú)* 92

ANH NGỮ / ENGLISH SECTION

* Vietnamese without Veneer *(Nguyễn Đình-Hoà)* 45
* The Compass of command transfered to a friend *(Luân Hoán)* 47
* Normalization revisited: Democratic reform and the US economic embargo against Vietnam *(Le Vu)* 48

THẾ KỶ 21

Tòa soạn: 14901 Moran St., Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9021
Fax: (714) 894-2752
Địa chỉ gửi thư:
P.O. Box 2054-H39
Westminster, CA 92684 USA

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu

Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Tổng thư ký tòa soạn:
Nguyễn Xuân Hoàng

Phụ tá Chủ nhiệm:
Đỗ Việt Anh

Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự

Quảng cáo:
Minh Phú, Võ Thẩm, Mai Văn, Laura Do, Hank Wu

Đại diện phát hành:
San Jose:
Bùi Duy Thuyết

Washington DC.
Nguyễn Văn Khanh

Paris
Mme Lê Tất Luyện

Đức
Thế Giang

Úc
Gia Du

Canada
Hoàng Chiều Nhân

Quảng cáo: Liên lạc địa chỉ nêu trên. Cước phí bulk rate trong nước Mỹ trả tại Santa Ana, California. In tại nhà in riêng Los Angeles, California. *Bài vở:* Gửi cho *THẾ KỶ 21* xin viết trên một mặt giấy; các nhân danh/địa danh xin viết bằng chữ in hoa. Nếu gửi cho nhiều báo xin ghi chú trong bài, để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Tòa soạn dành quyền cắt bỏ hay thay đổi một số chữ, nếu cần. *Tiền nhuận bút:* Tùy theo thỏa thuận giữa tòa soạn và tác giả. Bài của cộng tác viên và thân hữu đăng trên *THẾ KỶ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của tờ báo. Trích đăng bài *THẾ KỶ 21* phải có sự đồng ý của tòa báo và đề rõ xuất xứ.

ISSN 1056-4640

Thư Tòa Soạn

Tết đã qua, nhưng còn "mùa Xuân phía trước", như câu thơ Bùi Giáng viết năm xưa

Xin chào nhau, giữa con đường

Mùa Xuân phía trước, miên trường phía sau.

Tết là lễ hội, lời chúc Tết là lời của vui vẻ, của nghỉ ngơi và hưởng thụ. Nhưng khi chào nhau giữa con đường với mùa Xuân phía trước thì tư thế đã đổi khác. Hành trình của cuộc sống đã lại tiếp tục với một bầu trời ấm áp và tưng bừng đang chờ đợi.

Thế Kỷ 21 số Tân niên đang cùng các bạn cất bước mùa Xuân. Cuộc Xuân hành năm nay hứa hẹn nhiều mới lạ. Việc Mỹ bỏ cấm vận đối với Việt Nam sẽ gây ra một cuộc diện thế nào? Một thái độ tích cực của người Việt Nam hải ngoại đối với việc đó sẽ phải ra sao? Ý kiến về vấn đề ấy trong số báo này có thể chỉ là mở đầu cho nhiều trao đổi nữa về sau.

Từ hơn một thập niên qua người Việt ở hải ngoại đã gởi rất nhiều thuốc men về cho thân nhân trong nước, nhưng chưa ai đặt vấn đề "tương quan giữa y giới Việt Nam tại nước ngoài và nền y tế quốc nội hiện đại." Bác Sĩ Nguyễn Gia Ân bàn về việc đó trong số Tân niên này.

Bàn Tròn Văn Học tiếp tục cái vòng tròn ngày càng trở nên rộng lớn của mình. Thế Kỷ 21 tự hỏi hết mùa Xuân này liệu có đăng tải hết ý kiến của văn hữu các nơi gởi về chưa?

Những ngày cuối năm rồi Quận Cam đón tiếp hai cuốn phim liên quan đến Việt Nam trình chiếu ở đây, phim Trời và Đất của Oliver Stone (Mỹ) và Mùi Đu Đủ Xanh của Trần Anh Hùng (tại Pháp). Hai cuốn phim làm sôi nổi dư luận về Chính trị, trong khi thực chất của chúng lại mang nhiều tính chất văn hóa và nghệ thuật. Thế Kỷ 21 cố gắng trình bày cái nhìn gần với bản chất của chúng nhất.

Đại khái bước khởi đầu một năm buồn vui với bạn đọc là như thế... Chúc các bạn một mùa Xuân vui vẻ.

TK21

Đã tiến bộ, nhưng vẫn còn sơ sót

Tôi thấy dạo này TK21 có nhiều tiến bộ đẹp. Cách trình bày tuy vẫn còn hơi khô nhưng trang trọng. Có lẽ nên thêm nhiều khoảng trống nghệ thuật hơn. Trình bày chật cũng được, như cách của **Le Point** hay **L'Express International**, nhưng kiểu này phải đi màu mới đẹp và sáng được.

Về bài vở, có nhiều bài tốt và có đủ các... mặt hàng. Dĩ nhiên, theo chiều hướng đã đề ra của TK21 thì cách chọn lựa như vậy là đúng. Cái khéo là mặc dù mở ra đa diện như thế, các "mặt cắt" đều cho thấy những nét đẹp và có ích của nó. Trang Anh ngữ gần đây có những bài công phu. Tiêu biểu tôi thích bài của Nguyễn Mạnh Hùng viết về tính bóp méo trong "A Bright Shining Lie" của Neil Sheehan và bài của Wendy N. Duong về hình ảnh của người phụ nữ Á châu từ vở nhạc kịch **Butterfly** của Puccini đến câu truyện **Hòn Vọng Phu** của dân tộc Việt Nam. Tôi nhớ mấy năm trước chúng tôi cùng làm việc chung với nhau (có cả các anh N.M. Giác, Viên Linh, Xuân Vũ, cùng với một số học giả người Mỹ, do anh Hùng -- làm việc cho đại học George Mason -- mời) trong một dự án nghiên cứu về văn học và con người Việt Nam qua chiến tranh. Sự tức giận của anh Hùng về quyển sách và thái độ của Neil Sheehan rất có căn bản. Bài của Wendy N. Duong viết cẩn thận; đoạn cuối rất có lòng, tha thiết, và liên hệ được đến những kinh nghiệm và cảm xúc chân thật của mình. Đặc biệt, phần nói về hình ảnh người phụ nữ Á châu qua phim ảnh trùng với cái **theme** của một phim ngắn có tính tài liệu được trình bày trong khung cảnh của **Asian Pacific Film Festival** trong năm 1993 của UCLA (**Picturing Oriental Girls: A (Re) Educational Videotape** / The UCLA Film and Television). Nhưng Wendy W. Duong trình bày được nó trong một cái nhìn toàn cảnh và sâu sắc hơn nhiều. Phần trình bày về hình ảnh người phụ nữ Á châu trong văn chương khá kỹ. Cách chia phần và tiểu đoạn của bài làm cho độc giả dễ theo dõi tư tưởng của tác giả, nhưng cũng phần nào làm lệch sự cân bằng của bố cục. Đoạn một và đoạn hai chênh nhau nhiều, và tiểu đoạn hai chỉ là những câu chuyển tiếp của phần nhập đề sang phần thân bài mà thôi! Dù sao, phần kết rất đẹp và có tinh thần dân tộc, có cái hãnh diện của con người Việt Nam. Nếu tôi muốn xin phép để dùng bài này như một tài liệu đọc thêm cho sinh viên những lớp về ngôn ngữ và văn hóa Việt của tôi tại đại học thì tôi phải làm sao?

Số 57 vừa rồi có bài của Chu Việt cũng là một nỗ lực tốt trong việc đánh giá tác phẩm của DTH. Bài viết không dựa trên cảm tính hay những xúc động chính trị, mà trình bày được những giá trị, và phần nào những giới hạn, có tính văn học của tác phẩm TTVĐ. Nhưng ở số 57, tôi cũng thấy một lỗi lầm kỹ thuật khá lớn của TK21. Đó là việc đăng lại bài **Trung Quốc: Đông Phương không còn hồng nữa** của Lê Mạnh Hùng. Bài này đã đăng y hệt như thế ở TK21 số 53, SEPT. 1993 rồi.

Chúc mọi người vui, khỏe và làm việc hăng.

Bùi Vĩnh Phúc
Irvine

Cám ơn anh về những nhân xét ưu và khuyết điểm của tờ báo. Lỗi lầm kỹ thuật anh nêu ra quả là lớn. Ngay khi lấy báo ở nhà in về cả tòa soạn đã nhìn thấy, nhưng không còn cách nào sửa kịp.

Đừng để độc giả hiểu lầm

(...) Tôi nhớ trước đây có tờ báo nào đó đã gom một số báo Việt ngữ ở hải ngoại thành một nhóm gọi là "khí cụ của cộng sản" hoặc "làm lợi cho cộng sản" (qua một từ ngữ đầy tính diễu cợt là "giao lưu văn hóa" gì đó), trong đó có tờ *Thế Kỷ 21*. Rồi có người còn đòi, nếu tôi không nhớ lầm, "*xin hai giáo sư ĐQT và HCN cho bà con biết rõ về lập trường chính trị của mình...*" Bởi vậy, khi bắt đầu đọc *Thế Kỷ 21* (từ số 42), tôi đã đọc hết sức thận trọng.

Sau một thời gian theo dõi, tôi thấy tờ báo không phải như người ta đã nói ở trên. Tôi thấy *Thế Kỷ 21* có một lập trường hẳn hòi, một bãi đáp vững vàng, một nội dung xuyên suốt -- dù vẫn tôn trọng nhiều quan điểm khác nhau của người viết lẫn người đọc; tôi muốn nhấn mạnh, đó là lập trường quốc gia dân tộc, chống sự cai trị đất nước bằng độc tài đảng trị của cộng sản, và tranh đấu cho một nước Việt Nam tự do dân chủ. Tờ báo cũng đã để tâm rất nhiều về một tương lai tươi sáng cho quốc gia Việt Nam về đủ mọi mặt chính trị, văn hóa, giáo dục, tín ngưỡng, kinh tế, xã hội. Dĩ nhiên, trong vấn đề đấu tranh với cộng sản, mỗi người có sách lược riêng của mình: có người thì quá khích, cực đoan, sôi nổi; có người thì ôn hòa, uyển chuyển, thầm lặng. Riêng tôi nhận thấy, *Thế Kỷ 21* đã tranh đấu với Cộng Sản một cách ôn hòa, nhưng thật đứng đắn, thật sâu sắc, thật trí thức. (Tôi dùng chữ "trí thức" với cả lòng thành của tôi). Đó là cái thấy của cá nhân tôi về *Thế Kỷ 21*.

Còn một điều này mà tôi cho là khá quan trọng, xin Ông cho phép tôi được nêu lên với tòa soạn: Đối với những người làm báo đứng đắn thì vai trò của tờ báo phải là vai trò hướng dẫn cộng đồng. Với vai trò đó, trách nhiệm của tòa báo quả thật lớn lao (như ông Nguyễn Mạnh Hùng đã nói tới trong bài "*Việt Nam: Hiện Trạng và Triển Vọng*" trong *Thế Kỷ 21*, số 55, trang 9, cột giữa). Một phần trong cái trách nhiệm lớn lao đó của tòa soạn, theo tôi, là **cố gắng tránh, đừng để cho độc giả hiểu lầm về mình**; vì dù vô tình hay cố ý, nếu mình làm gì khiến cho người ta hiểu lầm thì trước tiên phải là lỗi ở mình. Ông có đồng ý với tôi về điều đó không?

Một lần nữa tôi xin cám ơn Ông, vì nhờ Ông mà hôm nay lần đầu tiên tôi dám nói chuyện với một tòa báo. Và nói có vẻ... nhiều lời! Nếu có gì quá đáng hoặc không đúng, xin Ông và Quí Tòa Soạn vui lòng

bỏ qua cho.

Kính chúc Ông và Quí Báo MỘT NĂM MỚI GIÁP TUẤT nhiều triển vọng sáng sủa trên con đường đấu tranh cho một tương lai Việt Nam huy hoàng, phú cường và tự do dân chủ

Nguyễn Hữu Lợi
Edmonton, Canada

Ý kiến xây dựng của độc giả giúp cho người làm báo nhận ra những lỗi lầm, sơ hở của mình để sửa đổi hay nếu là sự hiểu lầm thì cũng biết để mà giải thích. Thế Kỷ 21 luôn luôn hoan nghênh, đón nhận sự góp ý, phê bình của độc giả về mọi phương diện liên quan đến tờ báo. Chúng tôi vốn tôn trọng những ý kiến khác biệt nhau, chúng tôi nghĩ sự bình tâm để nghe những điều khác nhau cho ta nhìn được khá nhiều khía cạnh của sự thực hơn.

Cầu thủ nào mang tên họ Nguyễn, họ Trần?

Trong bài "Bệnh Mù... sách...", ông Bùi Bảo Trúc đã bàn về vấn đề đọc sách có liên quan một chút đến thể thao. Đọc bài này, ông Nguyễn Anh Thăng đã viết bài "Michael Jordan học lớp mấy?" đăng trên TK21 số 56 để góp thêm một vài dữ kiện cụ thể. Thấy đây cũng là một vấn đề đáng lưu ý, nên tôi cũng xin góp một vài ý kiến như sau:

Có những khả năng, tài nghệ mà sự huấn luyện phải dựa theo thời kỳ phát triển của cơ thể con người. Ví dụ như môn bóng rổ cần chiều cao, túc cầu cần sức vóc, cho nên cầu thủ các môn này thường được tuyển chọn vào các đội cầu nhà nghề trong hoặc sau khi tốt nghiệp đại học như ý kiến của ông Nguyễn Anh Thăng đã viết. Lúc đó là lúc cơ thể họ ở trong giai đoạn đã nảy nở gần như hoàn toàn. Các khả năng, tài nghệ khác cần đào luyện sớm hơn. Chẳng hạn như học chơi quần vợt, tập dương cầm hoặc vĩ cầm, cần bắt đầu càng sớm càng tốt. Danh thủ quần vợt Agassi đã được học chơi quần vợt khi mới bốn tuổi. Và nhờ vào sự tập dượt sớm sủa như vậy, có nhiều danh thủ quần vợt đã gia nhập hội cầu thủ quần vợt nhà nghề khi mới mười lăm tuổi như Monica Seles, Michael Chang. Seles đã chiếm ngôi vị số một trên thế giới về quần vợt phái nữ trong các năm 1991 và 1992 khi cô nàng này chưa học xong trung học. Michael Chang đã đoạt giải vô địch French Open năm 1989 khi mới mười sáu tuổi bảy tháng.

Đối với các thể thao gia, bằng cấp của một cầu thủ đã tốt nghiệp thực ra ít có ứng dụng thực tiễn một khi họ gia nhập hội nhà nghề. Nhưng ít hay nhiều, trình độ học vấn cũng thấm nhuần vào tác phong và ngôn từ của họ. Khán giả đi xem một trận đấu vì mến chuộng tài nghệ và phong cách của đấu thủ hơn là những yếu tố khác. Khi xem, cảm tình của họ dành cho người mà họ ưa thích. Từ đó đưa đến sự mỗi cầu thủ nổi danh được một số người coi là thần tượng. Trong số người coi Ivan Lendl, cầu thủ số một về quần vợt của thập niên 1980, là thần tượng có Petr Korda. Lendl và Korda đều là người gốc Tiệp Khắc. Korda trước đây mấy năm còn là cậu bé lượm banh trong các trận đấu của Lendl, mà nay đã trở nên một cầu thủ đáng nể. Lendl biết vậy nên đã tỏ ra sung sướng. Trong ngày 12/11/93, tại Munich, Đức Quốc, Korda đã đánh bại tay chơi số một là Peter Sampras trong trận bán kết, và ngày hôm nay trong trận chung kết, anh hạ luôn Michael Stich là cầu thủ số 2 trên thế giới để đoạt giải Grand Slam Cup với số tiền giải là $1,635,000 do hãng điện toán Compaq bảo trợ.

Nhưng nồng độ cảm tình của độc giả, khán giả đối với văn sĩ, thể thao gia từ lúc mới xem một vài tác phẩm, một vài trận đấu đến giai đoạn tôn ai làm thần tượng của mình, hoặc cho người đó là đồng điệu với mình thì còn là chặng đường xa vời. Ví dụ như trong TK21 số 56, nhà văn Đào Trung Đạo đã viết một bài khảo sát một số tác phẩm của bà Tonni Morrison, nữ văn sĩ da đen vừa được giải thưởng Nobel về văn chương. Nếu nói đùa một chút cho vui thì nhà văn Đào Trung Đạo có lẽ vì "*thanh khí nhẽ hằng*" cho nên ông mới đi một bước "*Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi*" vậy thôi. Mức độ cảm tình của ông Đạo dành cho bà Morrison khác với mức độ tình cảm mà ông Võ Doãn Nhẫn và cụ Chu Mạnh Trinh đã dành cho cụ Nguyễn Du. Trong "Bài Tựa Truyện Kiều", cụ Chu Mạnh Trinh đã hiểu và ví tâm sự Tố Như Tiên Sinh như một "*trời tình mờ mịt*", và một "*biển hận mênh mông*", để rồi khóc cụ qua nàng Kiều: "*...Ta cũng nòi tình thương người đồng điệu.*" Mới đây, trong bài "Về Một Cái Chết," đăng trên TK21 số 56, tả giọt lệ Kiều khóc Từ Hải, ông Võ Doãn Nhẫn viết:

"*... Những giọt lệ ở đây không phải là lệ xót thương người bất hạnh, nhưng là lệ tri kỷ, lệ tri âm, lệ của những 'đồng thị thiên thai luân lạc khách'...*". Độc giả cơ hồ nhận ra rằng ông Nhẫn không những đã khóc Tố Như Tiên Sinh mà còn khóc cho mình và những người đồng hội đồng thuyền trong hoàn cảnh hiện tại nữa. Tuy sinh ra cách nhau gần hai thế kỷ, nhưng cụ Chu và ông Nhẫn đã dành cho Tố Như Tiên Sinh những cảm tình đằm thắm, gần gũi, chứa chan.

Các thể thao gia khi đã nổi tiếng thường được khán giả coi họ là nguồn giải trí, nguồn vui của cộng đồng, và là niềm hãnh diện của địa phương, của xứ sở của họ nữa. Tên của các cầu thủ này trở nên quen thuộc với đồng bào, hay địa phương của họ, và được nhiều người nhắc tới như chuyện thời tiết nắng mưa. Đó là chưa kể đến những giải thưởng bằng hiện kim và những hợp đồng quảng cáo mà các xí nghiệp sẵn sàng mời ký để trả cho những món tiền rất hậu. Ngoài ra, một số cầu thủ hàng đầu còn được bầu cử và nếu thắng sẽ được tạc tượng và dựng bia ghi thành tích đạt được để đặt vào Hall of Fames (lâu đài danh dự, vinh quang?).

Dân Campuchia hẳn đang hãnh diện vì có một nữ cầu thủ quần vợt đang nổi danh trên thế giới, đó là cô Patricia Hy đứng hàng 33 trên thế giới năm 1992. Cô Hy là một người tị nạn Campuchia hiện đang cư ngụ tại Canada.

Thấy người lại ngẫm đến ta. Trải qua gần 4000 năm văn hiến, sử sách Việt Nam mới chép có hai ông Yết-Kiêu và Dã-Tượng là kỳ tài về nghề bơi lội. Như vậy thì quá ít oi. Ra nước ngoài có đầy đủ phương tiện, phải chăng đến lúc chúng ta cần lưu tâm đặc biệt về mặt thể thao cho thế hệ thứ hai, thứ ba của đồng bào tại hải ngoại. Tại trường M.I.T., và

các trường Ivy League không thiếu các sinh viên Việt Nam. Nhưng trong các môn thể thao, trên danh sách các cầu thủ nhà nghề, *cầu thủ nào mang họ Nguyễn, họ Trần?* Còn hiếm quá! Cứ mỗi bốn năm một lần, các lực sĩ trên thế giới lại thi tài trong thế vận hội, cố gắng mang huy chương về cho nước họ. Cộng đồng Việt Nam tại hải ngoại đặt nhiều kỳ vọng vào nhiệt tâm của quý vị phụ huynh trong nhiệm vụ "trồng người" với sự hỗ trợ tích cực của quý vị cầm bút trong sứ mạng văn dĩ tải đạo, để có con em góp mặt trên đấu trường quốc tế trong tương lai.

Nguyễn Hưng Quảng
Connecticut

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

● Nhân dịp Tết Giáp Tuất, tòa soạn nhận được thiệp chúc mừng của nhiều văn hữu và độc giả. Xin cám ơn quý vị, và xin mượn trang báo này gửi tới quý vị những lời chúc thân tình cho một mùa Xuân vui tươi và một năm mới hạnh phúc.

● Tòa báo đã nhận được phiếu gia hạn, phiếu tặng báo, hoặc đặt mua dài hạn, của quý vị sau đây. Xin cám ơn rất nhiều, và mong quý vị cho tin tức, góp bài vở, ý kiến, giới thiệu thêm bạn đọc, v.v...

Nguyễn Văn Bảy (San Jose CA), Lương Nhị Kỳ (Sceaux PHÁP, NVB tặng), Dana Healy (London ANH), Phạm Ngọc Khôi (Santa Clara CA), Nguyễn Tử Quý (Simi Valley CA), Nguyễn Minh Châu (Mantes Laville PHÁP), Trương Thanh Tuệ (Paris PHÁP), BS Nguyễn Đức Liên (Atlanta GA, TNT giới thiệu), Lê Đình Long (Okemos MI), Phạm Anh (San Jose CA), Nguyễn Xuân Thuyên (Garden Grove CA), Nguyễn Xuân Quang (Anaheim CA), Hoàng Xuân Sơn (Roxboro CANADA), BS Nguyễn Hào (Diamond Bar CA), Nguyễn Văn Cường (Olsvik NAUY), Nguyễn Trọng Cơ (Downey CA), Nguyễn Minh Hương (Portland OR), Tân Văn Hồng (Garden Grove CA), Trần Đức Thành (Houten HÀLAN), Nguyễn Thanh Hùng (Temple City CA, LVN tặng), Hoàng Cao Các (Lynchburg VA, LVN tặng), Phạm Công Hiên (Lakewood CA), Thành Tín (Le Blanc Mesnil PHÁP), Đỗ Kim Nhung (Lynnwood WA), Hoài Hương (Montréal CANADA), Phan Lê Dung (New London CT), Lê Hữu Khóa (Paris PHÁP), Nguyễn Thị Hoàng Bắc (Annandale VA), Nguyễn Thị Ngoan (Kingsford ÚC, NVT tặng), Carrie Estelle Doheny Mem Library (Camarillo CA), Việt Dương (Chicago IL), Ngô Vương Toại (Annandale VA), Nguyễn Suối Kiết (Waterloo CANADA), Từ Ngọc Lê (Clichy PHÁP), Phạm Liên Hoa (San Gabriel CA), Huỳnh Quan Hạnh (Westminster CA), Thiện Hỷ (Carrollton TX), Nguyễn Huy Thứ (Las Vegas NV), Thái Tú Hạp (Rosemead CA), Đỗ Thông Minh (Tokyo NHẬT), Bùi Ngọc Anh (Vancouver CANADA), Christopher Dương (Wichita KS), Nguyễn Công Bình (Carine ÚC, NTH giới thiệu), Cao Xuân An (Bobigny PHÁP).

● **Đỗ Phan Hạnh** (*Montréal Canada*): Có Phó TTK NVB gửi lời hỏi thăm! Cám ơn đã gửi cho báo CVA Canada. Thân chào.

● **Bùi Đông Triều** (*Washington DC*): Xin lỗi đã quên câu giới thiệu đó. Xin ghi ở đây luôn, để...khỏi quên lần nữa: Bài "Hành Trình Về Phương Tây" đăng trong số Xuân (58) "trích từ một cuốn sách sắp phát hành của Bùi Đông Triều." Mời bà con đón đọc!

● **Bửu Sao và Ngọc Lan** (*New York NY*): Đã nhận được bài "cảm hứng" sau khi đọc "Nửa Đời Nhìn Lại" của Tiêu Dao Bảo Cự. Số này có bài của NTHB rồi. Còn có một số góp ý nữa, có lẽ sẽ gom chung vào một mục, giới thiệu trong số tới. Cuốn sách đang viết có thể gửi vài chương/đoạn cho TK giới thiệu trước với độc giả chứ? Mong gặp vào tháng Sáu. Thân ái.

● **Chris Dương** (*Wichita KS*): Cám ơn những lời nhận định trong thư. TK 21 được các bạn trẻ đọc như thế là điều tòa báo hằng mong ước. Xin giới thiệu thêm các bạn cùng lớp, cùng trường nhé. Thân ái.

● **Đỗ Thông Minh** (*Tokyo Nhật Bản*): Đã có thư riêng nói rõ về vấn đề phát hành sách. Xin nói thêm ở đây, vì có một số bạn khác cũng muốn biết: Nhà XB và PH Thế Kỷ bước đầu chỉ nhận đứng tên xuất bản, còn tác giả phải lo các phí tổn xếp chữ, in ấn. Việc phát hành, TK làm quảng cáo, đóng gói gửi tới các nhà sách và độc giả, chứ không "mua mão" để bán lại (vì không có vốn lớn!). Có thể trao đổi sách lấy sách, hoặc sách lấy quảng cáo. Mong tin luôn. Thân ái.

● **BS Phạm Văn Hải** (*Irvine CA*): Câu lạc bộ VAALA có một quầy bán sách báo, băng nhạc, BS có thể gửi ở đó, ông Vũ Duy Tự sẽ bán giùm. Hoa hồng dành cho hội VAALA. Còn gửi đi các nơi thì chúng tôi có kế hoạch "direct mail," sẽ gửi tài liệu đến BS. Kính chào.

● **Tiểu Nguyên** (*Arlington VA*): "Mảnh đời" đã tới, rất lạ. Tòa soạn đọc và sẽ có thư riêng. Cám ơn nhiều. Chúc vui.

● **Hồ Bạch Thảo** (*Eatontown NJ*): Bài "phiếm luận" rất ý nghĩa, sẽ đăng trên một số gần đây. Cám ơn lòng ưu ái của quý vị. Kính chúc vạn an.

● **Nguyễn Ninh** (*Charleston SC*): Độc giả dài hạn đương nhiên nhận được báo Xuân không phải trả thêm tiền, vì năm nay báo Xuân cũng như số thường thôi. Nếu bà muốn mua báo Xuân Người Việt, xin cho biết rõ, chúng tôi sẽ gửi. Kính chúc bà luôn vui khỏe.

● **Hoài Hương** (*Montréal Canada*): Nếu chúng tôi không lầm, thì hồi cô còn ở bên Đông Âu, cô có viết báo? Vậy, đọc TK 21 chưa đủ. Phải viết nữa đấy. Cám ơn thư ngắn mà đầy ý nghĩa. Chúc vui. ■

TƯ DUY VỀ CÁI RÚN

NGUYỄN HỮU CHUNG

Con người thường hay nghĩ đến những chuyện xa vời mà quên chuyện bên mình. Cũng như ông Hồ Chí Minh, cứ lo nghĩ tới thiên đàng Cộng Sản tuy không biết nó là cái gì, gây không biết bao nhiêu khổ đau cho dân chúng. Cũng như tôi, tối ngày cứ nghĩ tới chuyện Việt Nam, cái nhà, cái xe không lo sửa chữa, cái thân thể mình cũng quên luôn. Nhân dịp Tết Tây, tôi quyết định không nghĩ tới chuyện Việt Nam nữa, chỉ lo nghĩ tới mình. Tôi đưa vợ con đi tắm biển. Nằm trên bãi biển, tôi ngắm nhìn thân thể già nua của tôi và lắng nghe sự mỏi mệt phát ra từ tim, gan, phèo, phổi. Nhờ sự quan sát này mà tôi có dịp nhìn lại một nơi thân thích đã bị quên lãng từ lâu, đó là cái rún.

Đây nhất định không phải là cái rún của vũ trụ, vì như nhà bác học Trung Hoa Phương Lệ Chí đã nói, vũ trụ không có trung tâm (rún). Đây chỉ là cái rún của một cơ thể vô duyên, chẳng giúp gì được cho đời, chẳng làm gì được cho mình. Trên cái cơ thể vô duyên này, cái rún lại là một bộ phận vô duyên nhất vì suốt đời nó chẳng dùng để làm gì cả. Tôi bắt đầu bất mãn về cái rún và bất mãn đời tôi, thấy nó cũng vô tích sự như cái rún này. Nhưng khi tôi ngồi dậy và bất ngờ quay nhìn cô đầm nằm tắm nắng bên cạnh thì tư duy liền đổi mới. Cô đầm nằm tắm nắng với một mảnh vải thôi, phô diễn một thân hình tuyệt đẹp và cái rún quả là một thành phần không thể thiếu được của cái cơ thể tuyệt tác này. Nhưng vốn có óc nghi ngờ một cách khoa học, nghi ngờ chức năng trang điểm của cái rún, tôi đã thử nhắm mắt lại để hình dung cô đầm không có cái rún xem cô còn đẹp hay không. Tôi đã thất bại vì không có khả năng thủ tiêu cái rún trên cơ thể cô đầm. Trong một thoáng, tôi có hình ảnh của cô đầm không rún, nhưng hình ảnh đó tan biến đi ngay vì thiếu thẩm mỹ. Tôi kết luận rằng cái rún cần thiết cho vẻ đẹp con người và bắt đầu trân trọng cái rún của tôi.

Nghĩ vơ vẩn về cái rún, tôi sực nhớ ra rằng nếu không có cái rún thì chết. Cái rún quan trọng gấp triệu lần tôi tưởng. Đây là dấu tích của sự khởi đầu của sự sống. Qua cái rún này mà mẹ tôi nuôi tôi, cho tôi tất cả năng lượng cần thiết để tượng hình, để có tay, có chân, có đầu, có óc, tuy rằng cái đầu óc này chẳng ra gì. Không có rún, không có nhau, thì năng lượng của mẹ tôi làm sao chuyển được sang tôi và làm sao có sự sống của tôi. Tôi cảm động quá, bèn rờ rún một cách thân thương. Nhưng tôi tự hỏi vì sao khi tôi vừa được sanh ra người ta lại cắt bỏ nhau, bỏ rún, cắt bỏ cái quan trọng nhất đã làm nên cuộc đời tôi. Sao không để cho tôi giữ nó, ôm nó trước bụng, biết đâu nó lại là một bộ phận trang điểm đẹp nhất trên cơ thể con người tôi. Nhưng đẹp, xấu không phải là một vấn đề quan trọng, vấn đề là tôi yêu thương nó, muốn giữ nó suốt đời tôi, sống với tôi, chết với tôi.

Nghĩ kỹ, tôi không trách bà mụ mà trách cơ thể tôi vô cùng. Bà mụ phải cắt bỏ nhau, bỏ rún vì biết rằng nó sẽ sinh thúi. Nhưng cơ thể tôi, đúng là một cơ thể phản bội. Ngày tôi còn trong bụng mẹ, năng lượng của mẹ tôi đã đi qua nhau, qua rún để nuôi cơ thể tôi. Sau khi ra đời, tôi tự ăn để tự cung cấp năng lượng, thì cơ thể tôi đã không còn chấp nhận cái nhau, cái rún là một thành phần của nó và không nuôi dưỡng nó. Vì vậy, người ta phải cắt bỏ.

Nhưng tôi lại nghĩ là loài người kém văn minh, tại sao lại không tìm cách cứu những bộ phận ân nghĩa đó thay vì bỏ vô thùng rác. Tại sao không nghĩ ra kỹ thuật "bất diệt hóa" nó như xấy khô để giữ nó tòn ten trước bụng? Chắc vì rún sẽ rụng. Sao không cấy nó trở vô cơ thể để trọn tình trọn nghĩa? Có nhà bác học nào đó đã phát minh ra phương pháp "cấy nhau", sao không áp dụng kỹ thuật này để cấy cái nhau ân nghĩa vào cơ thể hài nhi? Chắc vì đứa nhỏ chịu không nổi, vì mới sanh ra nặng có vài ba kýlô. Vậy thì đông lạnh chờ đó. Với kỹ thuật đông lạnh 80 độ âm, người ta có thể đông lạnh những cái trứng đã thụ thai, tồn trữ vài chục năm, vậy thì có thể đông lạnh nhau và rún để rồi khi cơ thể đã trưởng thành, đủ sức mạnh rồi thì cấy vô. Như vậy có phải trọn tình, trọn nghĩa không?

Quay nhìn người đẹp đang nằm phơi rún, tôi nghĩ chắc cô này chẳng bao giờ nghĩ tới lịch sử của cái rún của cô và chuyện ân nghĩa đối với cái rún này, cũng như hằng triệu người khác, sanh ra là cắt bỏ vì đã hết công dụng, tạo hóa đã xếp đặt như thế. Chỉ có tôi là lẩm cẩm. Thật sự, tôi không phải là người nhiều nghĩa, nhiều tình đến độ muốn giữ cái nhau, cái rún của mình trong khi cả nhân loại từ mấy triệu năm nay chẳng ai để ý đến. Nhưng gần đây, tôi chịu ảnh hưởng nặng của một anh bạn đảng viên Cộng Sản Việt Nam về chuyện tình nghĩa.

Không biết ở trong nội bộ thì lập trường anh bạn ra sao, nhưng khi nói chuyện với Việt kiều thì tư tưởng anh bạn rất là cởi mở. Khi thảo luận với Việt kiều thì anh bạn đồng ý là chủ nghĩa Cộng Sản đã bị phá sản, chủ nghĩa này đã gặp thất bại trên mọi phương

diện kinh tế, xã hội và đạo đức, và chủ nghĩa này đang là một trở ngại lớn cho sự ấm no và hạnh phúc của dân tộc. Nhưng trong câu chuyện, nhiều lần khi đi tới một kết luận thì anh bạn lại nói "dù sao... dù sao..." Dù sao, đảng Cộng Sản cũng đã lãnh đạo toàn dân giải phóng dân tộc, đã thắng Tây, thắng Mỹ..., vì vậy phải có một chỗ đứng trong lòng dân tộc, một vai trò trọng yếu trong công cuộc xây dựng và phát triển xứ sở (nghĩa là cai trị). Nói chuyện với Việt kiều, ông bạn không khẳng định rằng đảng Cộng Sản phải vĩnh viễn nắm bá quyền cai trị như các lãnh tụ trong chánh trị bộ luôn luôn khẳng định. Nhưng việc đảng cứ bám lấy chánh quyền (dù chỉ biết ăn hại, đái nát) là một chuyện bình thường, không nên thảo luận, vì chuyện tình nghĩa, vì chuyện ổn định.

Tôi muốn gởi những tư duy của tôi về cái rún tới anh bạn. Tôi tự đặt tôi vào địa vị của bạn để thông cảm bạn. Tôi cứ giả sử như đảng Cộng Sản là một hiện tượng tất yếu của lịch sử Việt Nam và nếu không có Bác Hồ và đảng Cộng Sản thì "nước Việt Nam anh hùng hôm nay" không có. (Sẽ có một nước Việt Nam khác hình thù ra sao không ai biết, vì không có Bác và đảng thì chẳng có ai đánh Tây, mà nếu có ai đánh Tây thì cũng chẳng có Mỹ để mà đánh, như Algérie). Đối với một đảng viên chân thành như bạn thì đảng Cộng Sản quan trọng đối với "nước Việt Nam anh hùng hôm nay" cũng như cái nhau và cái rún đối với một con người. Nhờ Bác và đảng mà tư tưởng của các đồng chí vĩ đại Staline và Mao Xế Đông mới có thể từ mẫu quốc thâm nhập vào thai nhi Việt Nam, nuôi dưỡng nó cho tới ngày sanh nở để trở thành "nước Việt Nam anh hùng hôm nay". Nhưng bạn ơi, tạo hóa đã bày chuyện trớ trêu là cái nhau, cái rún không phải là một thành phần của cơ thể, cơ thể không nhận nó, cũng như đảng Cộng Sản không phải là một thành phần của cơ thể Việt Nam, dân Việt Nam từ Bắc chí Nam chẳng ai nhận nó. Chuyện đã quá rõ ràng, vậy mà đã 19 năm rồi, "nước Việt Nam anh hùng hôm nay" vẫn mang cái nhau, cái rún kè kè trước bụng, phải vừa xấy khô, vừa đông lạnh để cho nó đừng thúi, phải mang nó trong một cái bọc vô trùng vì sợ nó bị nhiễm trùng của không khí, không dám chạy, không dám đi, không dám cựa quậy mạnh vì sợ bể cái bọc, không dám tắm gội vì sợ ướt, không thể làm tình với ai vì chẳng ai cho làm tình với cái bọc trước bụng, chỉ có thể làm một việc là lom khom om cái bọc và đưa lưng cho người ta cởi. Tôi nói không ngoa đâu! Hết cõng Tàu đánh Mỹ rồi sẽ tới lúc cõng Mỹ đánh Tàu. Trong khi chờ đợi thì cõng mấy chú nhỏ Á châu bò lòng vòng để xin tiền xu ăn khoai, ăn sắn.

Bạn ơi, độc lập đã 49 năm, thống nhất đã 19 năm rồi, đã quá trưởng thành rồi, chẳng lẽ lịch sử bắt dân tộc ta cứ phải đi làm nô lệ hay đi ăn xin mãi mãi. Hãy để dân tộc Việt Nam sống một cách tầm thường và bình thường, không anh hùng chi cả nhưng lưng đứng thẳng, vì vậy chúng ta phải cắt bỏ cái nhau cái rún đó đi. Chúng ta phải đồng thuận cùng nhau làm việc đó, vì cùng là người Việt Nam, khi cắt bạn đau thì tôi cũng đau, khi xong bạn thấy thong thả tự do thì tôi cũng sẽ thấy tự do. Nếu bạn thương nó quá thì tôi chiều ý bạn, ta đem nó cấy vào cơ thể ta, xem cơ thể có nhận nó hay không. Biết đâu nhờ nó mà cơ thể đâm ra béo tốt. Cấy làm sao bạn biết không? Tổ chức bầu cử tự do dân chủ để nó nhập vào cơ thể Việt Nam, để chỉ còn lại một dấu tích như cái lỗ rún trên cơ thể cô đầm đẹp đẽ kia. Đừng đeo tòn ten trước bụng nữa, để suốt đời cứ phải lom khom.■

Montreal ngày mùng Một tháng Giêng năm Giáp Tuất
Nguyễn Hữu Chung kính gửi viện triết học Mác-Lênin, Hà Nội

BẢN PHÚC TRÌNH TÓM LƯỢC VỀ TÌNH TRẠNG NHÂN QUYỀN TẠI VIỆT NAM

ĐOÀN VIẾT HOẠT

LTS - Trong khi công cuộc chống cộng của người Việt hải ngoại rầm rộ với những cuộc biểu tình nhằm nhiều mục tiêu khác nhau thì ở trong nước, trong hoàn cảnh tù tội, Đoàn Viết Hoạt đã âm thầm suy nghĩ, phân tích về tình trạng dân quyền và nhân quyền dưới chế độ hiện tại, và đưa ra những đề nghị cụ thể. **"Bản phúc trình tóm lược về tình trạng nhân quyền tại Việt Nam"** *sau đây của Đoàn Viết Hoạt viết vào ngày đầu năm 1994, ra mắt đồng bào hải ngoại đúng vào thời điểm chính quyền Hoa Kỳ vừa bãi bỏ cấm vận đối với Việt Nam, có thể được xem như là một đóng góp mới cho một tình hình mới.*

Bản phúc trình này được soạn thảo trong một hoàn cảnh giam giữ khắc nghiệt, do đó mới chỉ trình bày được những ý kiến tóm lược gợi ý cho một cuộc điều tra và một chương trình hành động cụ thể hơn của các tổ chức nhân quyền quốc tế để thúc đẩy tiến trình thực thi dân quyền và nhân quyền tại Việt Nam. Những ý kiến tóm lược này đều dựa trên những dữ kiện có thực mà tác giả đã trực tiếp tìm hiểu, và do đó tác giả hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính trung thực của những điều trình bày dưới đây trước dư luận trong nước và quốc tế.

A- Những vi phạm nhân quyền và dân quyền tại Việt Nam

I- Vi phạm trong các văn bản pháp lý

1- Trong hiến pháp 1992:

a/ Điều 4 xác định quyền lãnh đạo của đảng Cộng Sản Việt Nam. Điều này vi phạm điều 1 của Công Ước Quốc Tế về quyền Dân sự và quyền chính trị — tức là quyền tự do lựa chọn thể chế chính trị của nhân dân; quyền này chỉ được thực thi khi có những cuộc bầu cử thực sự tự do và công bằng, trong đó những quan điểm và tổ chức chính trị không Cộng Sản được tự do ứng cử. Một cuộc bầu cử như thế chưa hề có ở Việt Nam để nhân dân được tự do chọn giữa đường lối Cộng Sản và đường lối không Cộng Sản.

b/ Điều 70 và 71 thường xuyên bị vi phạm. Nhâm phẩm và danh dự của công dân chưa được bảo đảm bằng luật pháp. Ngược lại chính các cơ quan luật pháp đã vi phạm các điều này (như trình bày dưới đây:)

c/ Các điều khoản về tự do như tự do cư trú, đi lại, hội họp, ngôn luận, báo chí, tín ngưỡng đều chỉ có trên giấy tờ khi thực tế thường xuyên bị vi phạm hay bị hạn chế tối đa. Khi chưa có tự do hoạt động chính trị thì tất cả các quyền tự do khác không có ý nghĩa và không thể thực thi được. Khi chủ nghĩa Mác vẫn là tư tưởng độc tôn và độc quyền, thì không thể có tự do ngôn luận và tư tưởng được.

d/ Tính độc lập của Hành Pháp, Tư Pháp và Lập Pháp bị vi phạm: một người có thể vừa làm Hành Pháp vừa làm Lập Pháp (Giám Đốc Công An thành phố Hồ Chí Minh cũng là một dân biểu!) tình trạng mà dân chúng gọi là "vừa đá bóng vừa thổi còi".

2- Trong các văn bản pháp lý

a/ Bộ luật hình sự

* Việc cố tình trộn lẫn các hoạt động chính trị đối kháng với chính quyền vào tội danh hình sự hoàn toàn vi phạm các công ước quốc tế về quyền con người và dân quyền.

* Các tội danh trong bộ luật hình sự không xác định rõ các yếu tố phạm tội cụ thể, do đó không thể bảo đảm được tính công minh của luật pháp và không bảo vệ được người dân chống lại việc bị chính quyền buộc tội không chính xác.

* Khung án vừa quá co dãn vừa quá nặng tạo kẽ hở cho việc lạm dụng luật pháp đồng thời dựng lên một chế độ luật pháp hà khắc đối với nhân dân.

* Nguyên tắc căn bản của luật pháp hiện nay ở Việt Nam là: "luật pháp là để bảo vệ chế độ, bảo vệ chính quyền chuyên chính vô sản." Nguyên tắc này hoàn toàn vi phạm các công ước quốc tế về nhân quyền và dân quyền, đồng thời vi phạm tập quán luật pháp văn minh của thế giới.

b/ Luật tố tụng hình sự

* Mọi thủ tục tố tụng quy định trong luật này đều có thể bị vô hiệu hóa (nghĩa là vi phạm) một cách dễ dàng bằng hai "siêu thủ tục": một là sự can thiệp của đảng Cộng Sản, hai là cụm từ: "trừ trường hợp nghiêm trọng." Thí dụ: "Bị cạn có thể yêu cầu có luật sư hiện diện trong các buổi hỏi cung, trừ trường hợp nghiêm trọng..." Nhưng thế nào là nghiêm trọng? Ai có quyền quyết định và quyết định đó có thể bị phản kháng hay không? Tất cả những điều này đều không được quy định rõ rệt.

* Các thủ tục tố tụng thường xuyên bị vi phạm trong hầu hết các vụ án quan trọng, cả chính trị lẫn kinh tế. Hai vi phạm thường

xảy ra là: Giam cứu (tạm giam) quá thời hạn cho phép và khi bị bắt và bị truy tố là bị coi như có tội, do đó cả cơ quan điều tra lẫn viện kiểm sát đều có quyền sử dụng các ngôn từ thô bạo dành cho những người bị buộc tội như "tên, bọn, bọn chúng...," vi phạm nhân phẩm và danh dự công dân và vi phạm các điều 70 và 71 của "hiến pháp 1992".

II- Vi phạm trong hệ thống luật pháp

1- Vi phạm khi giam giữ để điều tra

a/ Tạm giam quá thời hạn luật pháp cho phép. Trong khi tạm giam, "bị can" bị tước đoạt gần như hoàn toàn các quyền công dân, điều kiện ăn ở, sinh hoạt tồi tệ.

b/ Điều tra xét hỏi thiếu vô tư, hoặc bằng các biện pháp ép cung tinh vi cũng như thô bạo (đánh đập, cùm kẹp, đặc biệt với hình sự.)

2/ Vi phạm khi xét xử

a/ Tệ tham nhũng hối lộ nghiêm trọng, đặc biệt trong các vụ án kinh tế, làm cho việc xét xử khó thể công minh được (câu nói thường xuyên được nghe, kể cả trong Công an là "có cây (vàng) mới chống (án) được."

b/ Trong các vụ án chính trị, quan điểm chính trị thường được sử dụng để buộc tội và xét xử hơn là những bằng chứng cụ thể và các cơ sở pháp lý. Chánh án thường đứng về phía Công tố viên (viện Kiểm sát) hơn là giữ cương vị công minh để xem xét cả các luận cứ buộc tội lẫn các luận cứ bênh vực.

c/ Luật sư hầu như chỉ để "làm kiểng". Các luật sư hầu như không dám đứng về phía phản bác lại Viện Kiểm sát để bác bỏ tội danh, nhất là trong các vụ án chính trị. Họ chỉ dám (và chỉ được phép) xin giảm nhẹ tội mà thôi.

3- Vi phạm trong các trại giam

a/ Tình trạng ăn ở và sinh hoạt tồi tệ, mất vệ sinh. Cách cư xử phi nhân của các cán bộ trong trại giam đối với các tội phạm (như đánh đập, chửi rủa, kỷ luật hà khắc). (Các quy chế giam giữ mới ban hành trong năm 1993 có một số quy định tương đối khá hơn nhưng việc thực thi còn phải được thực chứng bằng thực tế.)

b/ Việc giam giữ tù chính trị chung với tù hình sự trong đa số các trại tù tạo ra một hình thức áp bức tinh vi đối với những người chống đối chế độ.

c/ Bắt tất cả các phạm nhân làm lao động (thường là rất cực khổ) không phân biệt tội trạng và thời gian giam giữ; và bất kể tòa án có tuyên phạt lao động hay không.

III- Vi phạm trong sinh hoạt xã hội

1- Quyền tự do đi lại và cư trú bị hạn chế bởi các thủ tục hành chánh và an ninh gắt gao liên quan tới hộ khẩu và khai báo tại nơi đi và nơi đến.

2- Quyền tự do hội họp bị vô hiệu hóa vì bất cứ tổ chức nào không chấp nhận sự lãnh đạo của đảng Cộng Sản và chủ thuyết Cộng Sản sẽ không được phép thành lập và đương nhiên không được phép hoạt động.

3- Quyền tự do tư tưởng và ngôn luận trở thành vô nghĩa khi chủ nghĩa Cộng Sản dành quyền độc tôn và mọi biểu hiện trái hay chống lại chủ nghĩa này đều bị coi là "phản động" và bị bắt giữ.

4- Quyền tự do tín ngưỡng cũng trở nên vô nghĩa khi chính quyền dành quyền can thiệp vào hầu hết mọi sinh hoạt tôn giáo, ngay cả những công việc thuộc thuần túy tôn giáo như tấn phong linh mục..., nếu chính quyền không chấp nhận cũng không tổ chức được.

B- Những điều kiện cần có để nhân quyền và dân quyền được thực thi tại Việt Nam

I- Một cơ chế chính trị bảo đảm được dân quyền và nhân quyền:

Cơ chế này phải có các tính chất sau đây:

1- Tách đảng quyền ra khỏi chính quyền; chính quyền phải thực sự do dân, của dân và vì dân; không phải do đảng, của đảng và vì đảng, bất kể là đảng nào, Cộng Sản hay không Cộng Sản.

2- Ba quyền Tư pháp, Lập pháp và Hành pháp phải được tách biệt, độc lập và kiềm chế lẫn nhau.

3- Quyền của công dân phải được bảo đảm bằng luật pháp để chống lại mọi hình thức áp bức của công quyền và để mở đường cho mọi công dân tham gia vào việc điều hành và xây dựng quốc gia.

4- Công luận (thông qua báo chí và các hệ thống truyền thông đại chúng và các cơ quan nghiên cứu ý dân) phải được coi là quyền thứ tư, đóng vai trò giám sát, phản hồi (feedback) và điều chỉnh chính quyền trong tiến trình xây dựng một xã hội công dân và một chế độ dân chủ toàn dân (Dân chủ tham gia - *Representative Democracy.)*

II- Một hệ thống sinh hoạt chính trị xã hội thực sự tự do

1- Tự do lập hội và lập đảng không phân biệt xu hướng và quan điểm chính trị, xã hội.

2- Tự do bầu cử và ứng cử trong đó người dân được tự do lựa chọn giữa những quan điểm và xu hướng chính trị khác nhau.

3- Tự do ngôn luận, báo chí, xuất bản và tự do văn hóa tư tưởng.

III- Một hệ thống luật pháp công minh, tôn trọng dân quyền và nhân quyền

1- Sửa đổi luật Hình sự và luật Tố tụng Hình sự.

2- Sửa đổi hệ thống tổ chức Viện Kiểm sát, tòa án để bảo đảm việc xét xử công minh và tính độc lập của tòa án.

3- Tăng cường vai trò của luật sư đoàn và các luật sư để bảo đảm tính độc lập và vai trò bảo vệ công lý và quyền công dân của luật sư.

4- Bổ sung các đạo luật còn thiếu sót (như luật Dân sự, luật Thương mại, luật Hành chánh...). Rà soát lại tất cả các đạo luật đã có, hủy bỏ hoặc sửa đổi những đạo luật nào vi phạm dân quyền và nhân quyền.

IV- Một hệ thống bảo đảm việc thực thi dân quyền và nhân quyền tại Việt Nam

Hệ thống này bao gồm:

1- Các tổ chức bảo vệ dân quyền và nhân quyền tại Việt Nam trong cả ba lãnh vực: Kinh tế (?), Văn hóa và Chính trị.

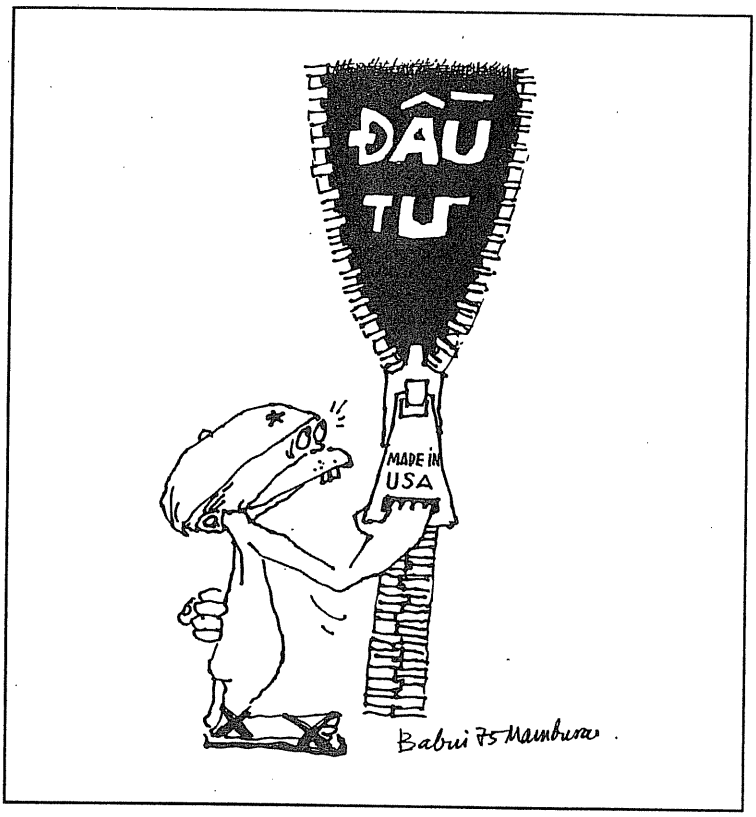

2- Giao lưu tự do giữa các tổ chức bảo vệ dân quyền và nhân quyền và với các tổ chức nhân quyền quốc tế trong việc trao đổi thông tin, tham vấn và thúc đẩy thực thi dân quyền và nhân quyền tại Việt Nam cũng như với các tổ chức nhân quyền quốc tế.

C- Tiến trình hành động để thúc đẩy việc thực thi dân quyền và nhân quyền tại Việt Nam

Tiến trình này gồm ba giai đoạn:

I- GIAI ĐOẠN 1: Tạo môi trường pháp lý cho việc thực thi dân quyền và nhân quyền.

1- Cải tổ hệ thống tổ chức luật pháp.

2- Sửa đổi, bổ sung và ban hành các đạo luật bảo đảm dân quyền và nhân quyền.

3- Cải tổ hệ thống hành chánh để ngăn chặn việc lạm quyền của các cơ quan công quyền đối với công dân.

II- GIAI ĐOẠN 2: Tạo môi trường chính trị, xã hội để bảo đảm việc thực thi dân quyền và nhân quyền.

1- Tự do ngôn luận, báo chí và tự do hoạt động chính trị.

2- Trả tự do hoàn toàn cho tất cả các tù chính trị; Thủ tiêu tội danh chính trị trong luật pháp; Không ai có thể bị bắt giữ vì bất đồng chính kiến với chính quyền.

3- Tự do bầu cử và ứng cử.

III- GIAI ĐOẠN 3: Thiết lập cơ chế chính trị bảo đảm vững chắc cho việc thực thi dân quyền và nhân quyền.

1- Quốc dân quyết định thể chế chính trị và người lãnh đạo quốc gia thông qua các cuộc bầu cử thực sự tự do và công bằng.

2- Quyền con người và quyền công dân được bảo đảm bằng một hiến pháp thực sự dân chủ do một quốc hội thực sự dân cử thông qua để thiết lập một cơ chế chính trị thực sự tôn trọng dân quyền và nhân quyền như đã mô tả ở đoạn BI trên đây.

D- Vai trò của các tổ chức nhân quyền quốc tế

Trong điều kiện chính trị xã hội hiện nay, việc thực thi dân quyền và nhân quyền ở Việt Nam chỉ có thể bảo đảm khi có sự can thiệp của cộng đồng quốc tế nói chung, của các chính phủ cường quốc nói riêng và nhất là của các tổ chức nhân quyền quốc tế. Các tổ chức này có thể có các hoạt động cụ thể sau đây để thúc đẩy tiến trình thực thi dân quyền và nhân quyền tại Việt Nam:

1- Thâu thập đầy đủ thông tin về tình trạng vi phạm dân quyền và nhân quyền tại Việt Nam trong tất cả các khía cạnh như đã gợi ý trong phần A của bản phúc trình này.

2- Phân tích thông tin và phân loại các vi phạm.

3- Lên danh sách các vấn đề vi phạm cần được giải quyết theo thứ tự ưu tiên, theo tiêu chuẩn tác động mạnh hay yếu tới việc thực thi dân quyền và nhân quyền ở Việt Nam.

4- Áp lực để chính quyền Việt Nam hiện nay giải quyết các vi phạm theo thứ tự ưu tiên đó.

5- Phối hợp hoạt động giữa các tổ chức nhân quyền quốc tế với các cá nhân hoặc tổ chức đấu tranh cho nhân quyền của người Việt ở trong nước và hải ngoại và với các chính phủ cường quốc cũng như với các tổ chức phi chính phủ khác.

Tác giả soạn bản phúc trình này hoàn toàn với một tâm nguyện là mong đóng góp một phần bé nhỏ vào tiến trình xây dựng một nước VIỆT NAM PHỒN VINH VÀ TIẾN BỘ, sớm hội nhập được vào cộng đồng quốc tế và sớm được chung hưởng nền văn minh của toàn thể nhân loại. Tác giả nhận thức rằng: không có tự do dân chủ thực sự; dân quyền và nhân quyền không được thực thi, thì DÂN TỘC VIỆT NAM chưa thể phát triển được. Đồng thời tác giả cũng tin tưởng vững chắc rằng dân tộc Việt đang chuyển mình để bước vào thời kỳ phục hưng lớn lao chưa từng có trong lịch sử. Do đó cuộc đấu tranh cho tự do dân chủ, dân quyền và nhân quyền tại Việt Nam không những là một cuộc đấu tranh bắt buộc phải có, mà chắc chắn sẽ thành công vì vừa đáp ứng được khát vọng xây dựng một VIỆT NAM HẠNH PHÚC VÀ PHỒN VINH của dân tộc Việt, vừa phù hợp với xu thế thời đại của nhân loại.

Xuân Phước
ngày 1 tháng 1 năm 1994

ĐOÀN VIẾT HOẠT

VIỆT NAM GIỮA HỢP CHỦNG QUỐC TRUNG HOA VÀ HỢP CHỦNG QUỐC HOA KỲ

HẠ LONG LƯU VĂN VỊNH

Nói đến Hoa Kỳ là nói đến một Hợp Chủng quốc đa chủng Tây phương, tuy gọi là hợp chủng nhưng chỉ có sự hợp chủng da trắng gốc Âu Châu, chất "xi măng" nối kết xã hội này là Anh ngữ, đạo Chúa, hệ thống truyền thông, và quyền lợi kinh tế tài chánh.

Nhưng ít sử gia chú ý tới một hợp chủng quốc lâu đời hơn, cũng đa chủng ở Đông phương. Đó là Trung Hoa, là nước Tàu, mà nhiều khi cũng vì nhãn quan từ một nước nhỏ, ta cứ nghĩ Tàu là một nước, một dân tộc, chỉ khác vì kích thước mà thôi. Thực sự hơn 2,000 năm trước, Tần Thủy Hoàng phải công phu sắt máu lắm mới kết được các nước nhỏ vào một bó đũa, và tới lượt Mao Trạch Đông cũng phải giết tới cả chục triệu người mới thống nhất được đại lục. Nhưng cả trăm triệu dân Quảng có nhận tiếng Quan Thoại làm tiếng mẹ đẻ không lại là chuyện khác, chưa kể tới ít nhất 15 ngôn ngữ của các dân tộc, các bộ tộc lớn, chung quanh Dương Tử, Hoàng Hà, từ Mông Cổ Tân Cương tới Vân Nam, Tây Tạng...

Dài dòng như vậy vì thế giới các nước nhỏ dường như không chia sẻ lối nhìn, lối nghĩ, của Mỹ và Tầu về cuộc diện hoàn cầu. Hai nước "hợp chủng" này không coi "đơn chủng" tiểu quốc là quan trọng và không cảm thông với quan điểm quốc gia dân tộc của các tiểu quốc. Họ có một lối nhìn **toàn cầu** hơn, có khả năng về nhân lực và tài lực để thiết kế toàn cầu, mà các tiểu quốc như Việt Nam, dù có những cá nhân với bộ óc toàn cầu, cũng không làm được.

Nga Xô tuy là một nước dân đông, diện tích khá, nhưng không có mấy ngàn năm lịch sử cường quốc, lại không có kinh nghiệm giao thương toàn cầu như Trung Hoa, vì thế, dù có kho vũ khí lớn, dù đã là "cái nôi" của Cộng Sản quốc tế, vẫn chưa có cái nhìn, và chưa có khả năng, thiết kế toàn cầu như Mỹ và Tàu.

Thế nên, cuộc diện toàn cầu trong những thập niên tới nằm ở giữa hai đối cực Tàu và Mỹ.

Ngả theo Tàu?

Mặc cảm chống Tàu suốt ngàn năm đã ăn sâu vào tâm khảm dân tộc Việt. Phân tích kỹ hơn, đó là một mặc cảm bao gồm cả yêu lẫn ghét giữa hai nước láng giềng môi hở răng lạnh. Ta vẫn vừa chống Tàu thực dân, vừa thờ Khổng, thờ Lão; vẫn đuổi Bắc xâm nhưng vẫn thích thơ Đường, trà Tàu! Nói khác đi, nếu Tàu không xâm lấn Việt, thì người Việt và người Tàu đúng là huynh đệ văn hóa và kinh tế.

Năm 1979, Tàu, Việt đánh nhau nhưng chỉ mười năm sau ta thấy người Tàu đã làm ăn tấp nập ở vùng biên giới, du khách Tàu nhan nhản ở Vịnh Hạ Long, Hà Nội, Hải Phòng, Sàigòn... Hàng của Tàu, từ quạt điện, đồ bếp, đến trang bị nhà tắm, cầu tiêu... đều từ đại lục mang sang. Có tin cho rằng hai mươi triệu tù nhân bên Tàu được biến thành nhân công sản xuất không lương, nên hàng Tàu rất rẻ tuy chưa đạt được tiêu chuẩn cao của Nhật, Đại Hàn. Ông Lý Quang Diệu cho rằng, trong tương lai, Trung Hoa sẽ là một thị trường lớn tiêu thụ hàng Việt Nam. Hiện nay mới, thấy Việt Nam là thị trường lớn tiêu thụ hàng Trung Quốc.

Trong thời gian vài năm gần đây Việt Nam đã trở thành một thứ Chợ Lớn cho mọi loại thương nhân Tàu từ Trung Cộng, Đài Loan, Hồng Kông, Tân Gia Ba... Đã có những thương gia Đài Loan lặn lội sang mua gỗ, thương gia Hồng Kông đi vào mãi Nam Định đặt hàng đan áo len (50 cents một chiếc?), Tân Gia Ba bán la de, Coca Cola, Seven Up, v.v... người Tàu ở Chợ Lớn vẫn cặm cụi làm đồ phụ tùng cho hai triệu chiếc xe Honda chạy như mắc cửi ở đường phố Sàigòn với nhãn hiệu giả **"Made in Japan,"** vì dân chúng chỉ tin vào hàng Nhật và hàng Mỹ. Ở những nước chậm tiến, luật lệ thương mại chưa rõ ràng và rất nhiều "cổng hậu," các thương gia Tàu dễ thành công hơn các thương gia từ Âu Mỹ vì họ am hiểu lề lối, cung cách hơn.

Trên thực tế với sức tăng triển kinh tế rất mạnh từ trên 5% (GDP) mỗi năm của các con rồng Đông Á, Việt Nam sẽ có đà tiến nhanh nếu *bắt vào vòng quay kinh tế này* bằng một kế hoạch quân bình giữa xuất và nhập. Sức tăng triển kinh tế hiện tại của Trung Hoa đang cao nhất (13%), nên có

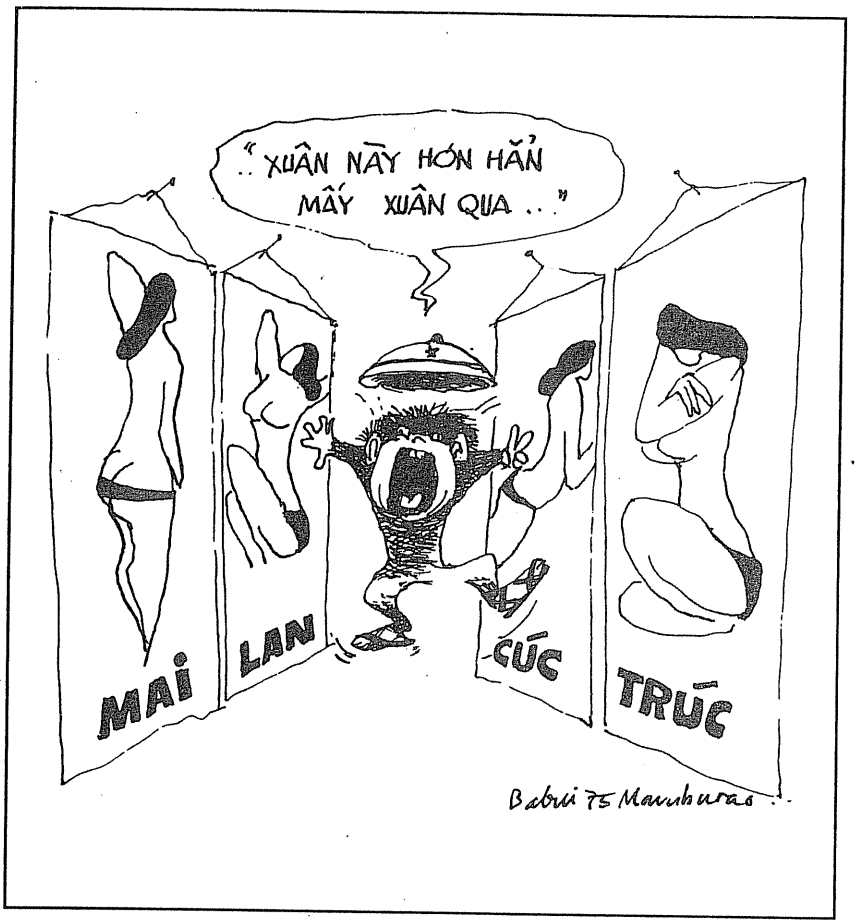

thể là bàn đạp tốt cho Việt Nam, vừa tiện vì gần gũi, vừa lợi vì đang phát triển.

Nhưng có nhiều dấu hiệu cho thấy đại cường Tàu đang nỗ lực thực hiện những kế hoạch toàn cầu rộng lớn: họ sản xuất rất nhiều vũ khí tối tân kể cả các loại hỏa tiễn liên lục địa. Vũ khí Trung Cộng bán sang Trung Đông và thị trường đen thế giới, song song với kế hoạch kinh tế toàn vùng Á Đông và toàn cầu. Đối thủ kinh tế Nhật Bản, tuy kỹ thuật cao hơn, nhưng tài nguyên không dồi dào bằng Trung Hoa, phụ thuộc rất nhiều vào tài nguyên nước ngoài, từ dầu khí tới kim loại, thực phẩm, nên ngọn tháp kinh tế Nhật Bản không có nền vững chắc như Trung Hoa và Hoa Kỳ. Chỉ cần một đường dây cung cấp bị xiết lại (như vụ dầu hỏa Kuwait), Nhật Bản sẽ bị lung lay, còn Trung Hoa vẫn có thể tự túc.

Hiện nay *Nhật Bản* đang ráo riết đi vào Việt Nam bằng mọi ngả. Hội Văn Hóa Việt Nhật nằm ngay trên lầu hội Khai Trí Tiến Đức ngày xưa, ở hàng Trống, Hà Nội, các "*dealers*" xe Toyota, Honda đã hiện diện với cơ sở to lớn ở Sàigòn. Thị trường Việt Nam sẽ là nơi cạnh tranh giữa các thương gia Tàu và Nhật. Kỹ nghệ điện tử Nhật Bản sẽ tràn sang Việt Nam như đã tràn sang các nước Đông Á, có thể sẽ tạo ra vài chục ngàn công ăn việc làm trong các cơ xưởng ráp nối. Nhưng quân bình xuất nhập với Nhật Bản không phải dễ, và Việt Nam trước sau cũng thành con nợ của tư bản Nhật.

Đối với Tàu, việc buôn bán dễ dàng hơn, vì Tàu chưa đạt tới hệ thống kinh tài tư bản với khối lượng tư bản tích lũy và thị trường chứng khoán. Tàu đang phát triển và chưa tới điểm bảo hòa trì trệ vì phát triển tột mức, vì thế mức kinh tế Việt Nam dễ bắt nhịp hơn để đồng hội đồng thuyền đồng tiến. Đại Hàn trong những năm đầu phát triển thật ra đã tự lực đầu tư tới 95% và chỉ có 5% đầu tư ngoại quốc. Vay mượn đầu tư nhiều quá sẽ thành gánh nặng cho nền kinh tế khi tới giai đoạn cất cánh (*take off*). Vì thế, tuy Tàu không có thặng dư tư bản để cho Việt Nam vay nhưng giao thương với Tàu sẽ giúp Việt Nam đi vững hơn từ căn bản kinh tế nông nghiệp tiểu công nghệ tiến tới kỹ nghệ đại thị trong tương lai.

Về kinh tế thì có lợi, về văn hóa thì đã quen thuộc, nhưng về chính trị thì Tàu và Việt vẫn chưa tin nhau, mặc dầu trong thế đứng toàn cầu Tàu tạm thời theo kế hoạch phát triển trong hòa bình, Tầu cần yên ổn ít nhất mươi năm nữa để tập trung vào việc phát triển kinh tế, kỹ nghệ. Sự tương nhượng của Bắc Kinh ở Campuchia, sự tự chế của Tàu ở Trường Sa, sự hòa dịu của Tàu trên trường ngoại giao đối với Mỹ, là những dấu hiệu *kế mua thời gian* của Tàu, cho tới khi Tàu ngang ngửa với Mỹ thì lại là chuyện khác.

Nghiêng theo Mỹ?

Trên **Thế Kỷ 21** số 35, tháng Ba năm 1992, chúng tôi đã đặt vấn đề *Việt Nam cần bang giao với Mỹ vì lý do quốc phòng hơn là lý do kinh tế*. Nga Xô xưa nay là quả cân cho Việt Nam quân bình quân sự với Trung Quốc, nay Nga Xô đã từ bỏ thế che chở đó thì Việt Nam chỉ còn trông vào Mỹ để ngăn ngừa phương Bắc. Sau hai mươi năm rút khỏi vũng lầy Việt Nam, đã tới lúc Mỹ trở lại cho một bàn cờ mới.

- Chiến tranh Việt Nam đã đi vào quá khứ, khối Cộng Sản đã tan vỡ và thế giới hiện tại là một đại thị trường trong đó *khách hàng là số một (customers first)*.

- Trong *một trật tự thế giới mới* chỉ còn vài nước lẻ tẻ đứng ngoài như Cuba, Bắc Hàn, vài nước Ả Rập... Mỹ, Nhật, và các nước kỹ nghệ lớn, đang quan tâm tới Tàu và Bắc Hàn, vì chỉ có Tàu mới đủ sức phá thế liên hoành của Mỹ. Việc Mỹ lấy cớ kiểm soát nguyên tử Bắc Hàn để sửa soạn mang hỏa tiễn vào Nam Hàn cho thấy Mỹ sẽ trở lại Đông Á để kiềm tỏa Trung Cộng, vì thế việc Mỹ trở lại Việt

Nam qua tư thế giao thương là chuyện dĩ nhiên phải tới. Có thể Việt Nam sẽ trở thành một đồng minh của Mỹ trong kế hoạch chặn Trung Cộng ở mặt Nam, nếu việc này xảy ra thì xương máu Việt Nam trước bị Nga Tàu dùng chống Mỹ nay có thể lại tới lượt Mỹ dùng chống Tàu; phải mươi năm tới, khi Tàu thực sự lộ diện đại cường, ta mới quyết đoán được thâm ý của láng giềng khổng lồ phương Bắc. Con sư tử mà Nã Phá Luân nhìn thấy từ thế kỷ 18 sẽ có lúc chồm dậy sau cả thế kỷ bị Tây phương đè ép.

Mỹ trở lại Việt Nam, trong *đoản kỳ*, sẽ giúp Việt Nam đạt được vài điểm quan trọng:

- Bỏ phong tỏa kinh tế, *các nước sẽ đầu tư* dồn dập vào Việt Nam, nếu đi đúng đường lối, kinh tế Việt Nam sẽ bùng dậy, nạn thất nghiệp, thiếu ăn, thiếu nhà ở, thiếu trường, thiếu bệnh viện có thể giải quyết được nhanh hơn.

- Dân Việt Nam sẽ *bớt dị hiềm nội bộ*, mặc cảm Quốc, Cộng sẽ tan dần, người Việt hải ngoại có thể sẽ trở về nước làm ăn, đầu tư trong an toàn và tin tưởng hơn.

- Chỉ có tiền Mỹ và truyền thông Mỹ mới đủ sức mạnh để thổi luồng gió *chuyển hóa* vào 70 triệu dân Việt trên bình diện kinh tế lẫn văn hóa — một luồng gió cần thiết cho một nước đứng mãi cả thế kỷ trong chậm tiến, phong kiến và chiến tranh. Nền văn hóa "Coca Cola" có sức mạnh vũ bão của nó. Ngay hiện tại, bên Hồ Gươm, Hà Nội, người ta đã thấy thanh thiếu niên nghe nhạc Mỹ, nhảy nhạc Mỹ. Trong nhiều lãnh vực sinh hoạt, văn hóa Mỹ đã trở thành tiêu chuẩn cho cả thế giới, từ chiếc quần *jeans*, tới nước ngọt, từ *video* tới thảo chương điện toán, người Mỹ đi đâu sẽ mang theo những tiêu chuẩn đó.

Trong *trường kỳ*, ảnh hưởng của Mỹ sẽ có thể đưa tới những vấn đề nan giải:

- Việt Nam dễ trở thành điện địa *tranh chấp* giữa Tàu và Mỹ, hạm đội Thái Bình Dương của Mỹ vẫn còn đấy và Tàu không bao giờ muốn Việt Nam rơi vào quỹ đạo của Mỹ để đối nghịch với Tàu ở mặt Nam. Sự tự chế của Tàu ở Trường Sa, tương nhượng ở Campuchia, cho thấy Tàu cần hòa dịu với Việt Nam lúc này nhưng không có nghĩa là mãi mãi.

- Kinh tế Hoa Kỳ đang cần nhiều thị trường để giải tỏa tình trạng trì trệ vì phát triển quá mức trong mấy thập niên qua, Việt Nam sẽ *tiêu thụ* hàng hóa Mỹ, tạo một hình thái *phồn thịnh giả tạo* mặt nổi như ở Miền Nam Việt Nam thời 1970, nghĩa là không tự lực sản xuất và phát triển từ gốc, quần chúng sẽ tập thói quen hưởng thụ và thiếu nỗ lực tiết kiệm tự túc tự cường trước khi kinh tế phát triển nhịp nhàng vững chắc.

- Văn hóa Mỹ khai phóng tự do cá nhân tiến dần tới một *nền văn hóa phi đạo đức, tuy không phải là vô đạo đức* nhưng có một khoảng cách xa với văn hóa dân tộc Việt. Sản phẩm truyền thông của Mỹ có mặt phải và mặt trái của nó. Ở nhiều nước chậm tiến, người ta thu nhập mặt trái nhanh hơn mặt phải. Bên cạnh đấy, ta sẽ có thêm một tôn giáo mới: Tin Lành sẽ đi vào Việt Nam rất mạnh như đã đi vào Đại Hàn. Có thêm tín ngưỡng càng phong phú hóa xã hội, chỉ sợ ở Việt Nam lại nổ ra cuộc tranh chấp tôn giáo vốn đã đa dạng và phức tạp.

Tạo thế đứng không ngả theo Tàu không nghiêng theo Mỹ

Trước kia Hà Nội đã thành công trong việc đi dây giữa Nga và Tàu. Nhưng đi dây giữa Tàu và Mỹ có thể khó khăn hơn vì Nga với Tàu cùng là Cộng Sản, cùng một mục tiêu bành trướng và ngăn Mỹ. Nay Tàu với Mỹ khác nhau rất xa về mục tiêu và khởi điểm. Trong thế *geopolitical*, Việt Nam nằm trong khối Đông Á và không thể phủ nhận ảnh hưởng của khối dân một tỉ người, cộng với cả chục triệu Hoa kiều giàu mạnh ở các nước Đông Nam Á. Chưa kể về văn hóa, Việt Nam và Tàu cả ngàn năm chia sẻ một nền móng lấy gia đình, lấy Trời Đất, lấy Tam giáo Phật Khổng Lão làm trụ cột.

Nhưng những tiến bộ điện tử hiện đại làm thế giới gần lại và thế *geopolitical* đang bị chiều hướng mới, tạm gọi là *electropolitical*, thay thế, có nghĩa là các cường quốc vẫn tạo ảnh hưởng mạnh được ở nơi xa xôi vạn dặm. Việt Nam tuy nằm trong Đông Á nhưng vẫn có thể, nếu muốn, nằm trong khu vực chính trị Âu Mỹ. Đây là chiều hướng chính trị *siêu địa vực* mà bảy đại cường kỹ nghệ (Mỹ, Nhật, Đức, Anh, Pháp, Ý, Gia Nã Đại) đã xếp đặt để tạo một thế giới mới, một trật tự mới, nối kết với nhau bằng "*super highways*".

Thế đứng lý tưởng của Việt Nam là thế đứng của toàn dân, giữa toàn cầu, *không ngả nghiêng hẳn về phe nào để tránh thế kẹt trâu bò húc nhau Việt Nam đổ máu!* Cơ hội hòa bình để phát triển từ thế kỷ 16 đến giờ (từ đời nhà Mạc và Nam Bắc Triều 1533...) ta mới có, giữa lúc các đại cường đang hòa hoãn tương nhượng, đây là cơ hội tốt nhất để ta dồn nghị lực dân tộc vào đại cuộc hưng quốc:

- Bước đầu phải là *đại phục hưng truyền thống dân tộc* để làm nền tảng vững chắc trước khi các làn sóng văn hóa kinh tế ngoại quốc đổ vào.

- Bước thứ hai cần phát triển *nông nghiệp và công nghiệp* từ làng xóm, *trải rộng toàn quốc* để tạo thế tự túc tự cường sâu rễ bền gốc và giải tỏa tình trạng ứ đọng tại đô thị.

- Bước thứ ba, *bỏ kỹ nghệ nặng, đi thẳng vào kỹ nghệ nhẹ* điện tử và các *kỹ nghệ tinh vi cao cấp vốn dĩ là sở trường* của lớp chuyên viên trí thức Việt Nam. So với các nước tiền tiến, đầu óc thông minh của người Việt nếu không hơn thì cũng chẳng thua ai, việc cần yếu là sử dụng sở trường ấy.

- Bước thứ tư, để sinh tồn, không thể không nghĩ tới việc nghiên cứu vũ khí khoa học tinh xảo để tự vệ. Việc *đứng dưới "dù che" của bất cứ đại cường nào cũng chỉ là con dao hai lưỡi*. Bảy mươi triệu dân Việt nếu muốn lấy "đoản thắng trường" cần phải được bảo đảm bằng khoa học trong thời đại khoa học hạch tâm.

Độc tài và chuyên chế vẫn có thể, như Tưởng Giới Thạch và Phác Chính Hy, phát triển quốc gia nếu đó là loại chuyên chế vì dân vì nước, vì cần kỷ luật mạnh để tạo sức mạnh chung. Đàng này chính quyền Việt Nam *đã chuyên chế những việc không cần chuyên chế, đã nới lỏng những việc không nên nới lỏng*, vì thế tuy có đổi mới mà vẫn chưa tiến xa được.■

BỎ CẤM VẬN: GIAI ĐOẠN MỚI, CHIẾN LƯỢC MỚI

NGUYỄN HOÀI VÂN

Suốt nhiều thập niên dài, chiến lược của các quốc gia chống Cộng đã là **Ngăn chống sự bành trướng** của Đế Quốc Đỏ. Các công tác chủ yếu trong chiến lược đó là: đề phòng, phát hiện, và tiêu diệt những sự xâm nhập của địch vào trong nội bộ của ta. Chúng ta có thể nhận thấy những điều này qua tiêu đề của nhiều kế hoạch đã được áp dụng tại Việt Nam trong thời chiến, như "Tìm và diệt" (search and destroy), "Đắp đê" (containment) v.v... Trọng điểm của giai đoạn này không phải là xâm nhập địch, bành trướng lãnh thổ của ta, mà chính là ngăn chặn địch xâm nhập ta, chống lại sự bành trướng lãnh thổ của địch. Thật vậy, suốt chiến tranh Việt Nam, không khi nào thấy có chủ ý chính trị muốn xâm chiếm miền Bắc. Trước đó, trong chiến tranh Triều Tiên, ý muốn thừa dịp tái chiếm Trung Hoa Lục Địa của Tướng Mac Arthur cũng đã bị bác bỏ ngay từ khi ló dạng. Phương cách giải quyết cuộc khủng hoảng Bá Linh cũng tuân theo một lý lẽ tương tự. Một trường hợp ngoại lệ là cuộc đổ bộ tại Vịnh Con Heo, nhưng nội vụ còn nhiều bí ẩn, và có lẽ không phù hợp với quan điểm của đa số chiến lược gia có trách nhiệm của Hoa Kỳ.

Nhân sự chống Cộng được đào tạo trong thời điểm đó đương nhiên là rất thấm nhuần cách suy nghĩ này. Họ được đào tạo để phát hiện địch trong hàng ngũ mình, để tổ chức "bên này bờ đê" sao cho chắc chắn, không cho địch chui vào lọt. Họ ít được đào tạo để xâm nhập hoạt động trong lòng địch, vượt "bờ đê" tiến vào lãnh thổ của địch. Ta có thể nói: chiến tranh Việt Nam là một cuộc chiến tự vệ, nằm trong một chiến lược toàn cầu có tính cách tự vệ của "thế giới tự do".

Chiến lược ấy đáp ứng nhu cầu hạn chế sự bành trướng mạnh mẽ của Đế Quốc Đỏ vào lúc ấy, trong khi chờ đợi "mô hình Liên Sô" lung lay trước những chênh lệch về phát triển giữa hai khối Tự Do và Cộng Sản.

Rồi, Liên Sô khủng hoảng. Đế Quốc Đỏ không còn khả năng bành trướng dữ dội như trước nữa, mà phải quay vào giải quyết những khó khăn trầm trọng ngay trong nội bộ của mình. Khi đó, đương nhiên là công việc "đắp đê", ngăn chặn sự bành trướng của địch không còn là ưu tiên hàng đầu nữa. Ngược lại, người ta bắt đầu nghĩ đến xâm nhập địch, vượt "bờ đê" tiến vào lãnh thổ của địch. Nhiều người cho là việc đó đã được bắt đầu từ thời Tổng thống Reagan, tại Ba Lan, với sự tiếp tay của Đức Giáo Hoàng...

Việc bãi bỏ cấm vận của Hoa Kỳ đối với Việt Nam Cộng Sản là một bước đi rất tiêu biểu trong chiều hướng đó, tức là: vượt "bờ đê," tràn sang lãnh thổ của đối phương. Những chần chờ từ nhiều năm nay có lẽ là để giải quyết một số vấn đề kỹ thuật, như sắp đặt nhân sự tại chỗ, thu xếp môi trường quốc tế trong vùng, v.v... Ngày nay, có thể các vấn đề đó, hoặc đã được giải quyết phần nào, hoặc không thể tiến xa hơn được nữa, và cũng có thể là lệnh cấm vận không còn kéo dài thêm được nữa, do những áp lực của thực tế.

Dù sao, chúng ta còn nhớ, bốn quan tâm của Hoa Kỳ trong việc đối xử với Việt Nam là:

- Vấn đề người Mỹ mất tích trong chiến tranh Việt Nam
- Vấn đề quyền lợi kinh tế của Mỹ trong vùng
- Vấn đề vị thế chiến lược của Mỹ trong vùng
- Vấn đề nhân quyền và dân chủ tại Việt Nam.

Người ta thường cho rằng vấn đề người Mỹ mất tích và vấn đề nhân quyền chỉ là những yếu tố để Hoa Kỳ "hâm nóng" hoặc "làm nguội bớt" những mâu thuẫn của họ đối với Việt Nam. Các quan tâm lâu dài của Hoa Kỳ có lẽ là các quan tâm về quyền lợi kinh tế và chiến lược nhiều hơn. Việc bãi bỏ cấm vận vừa được quyết định đáp ứng những quan tâm ấy, trong khi người ta dễ dàng tìm ra những biện minh gọn gàng liên hệ đến các "quan tâm" về nhân quyền và người Mỹ mất tích...

Nếu muốn công việc của mình hòa nhịp với cái thực tế hiển nhiên là bỏ cấm vận, và tái bang giao đối với Việt Nam Cộng Sản của Hoa kỳ, thì các lực lượng chống chính quyền Việt Nam hiện tại ở hải ngoại không thể không nhìn rõ thế **Chiến lược mới**. Vấn đề không còn là "tìm và diệt" địch trong hàng ngũ của mình nữa, mà là xâm nhập địch. "Bờ đê" đã bị phá bỏ bởi thế lực vẫn từng ra sức chống đỡ nó. Các hoạt động hạn chế trong phạm vi Cộng Đồng Việt Nam hải ngoại nhất định không phải là những công việc thực sự hữu ích cho việc thay đổi thể chế ở Việt Nam. Săn đuổi "Cộng Sản nằm vùng," hay nặn óc suy ra những "âm mưu thâm độc" của Cộng Sản để "phá hoại hàng ngũ Quốc Gia," cũng chỉ là những việc làm thứ yếu, tuy không hoàn toàn vô ích. Thứ yếu, vì khi chúng ta nói "Cộng Sản

nằm vùng," thì chúng ta nghĩ "nằm vùng trong Cộng Đồng Việt Nam hải ngoại," và khi nói "lũng đoạn hàng ngũ Quốc Gia" thì ta cũng nghĩ "hàng ngũ của Cộng Đồng Việt Nam hải ngoại," trong khi Cộng Đồng Việt Nam hải ngoại hoàn toàn là thứ yếu so với quốc nội. Nếu thực sự có Cộng Sản nằm vùng trong một tổ chức nào đó ở hải ngoại, thì quả là một điều quan trọng, nhưng chỉ quan trọng đối với tổ chức liên hệ mà thôi, chứ đối với tổ chức khác, vẫn là thứ yếu.

Vậy, khẩu hiệu của giai đoạn hiện tại là "**tất cả cho quốc nội.**" Quốc ngoại là thứ yếu. Mọi nỗ lực đấu tranh phải được dồn vào quốc nội, phải nhằm, vào chính quyền Việt Nam hiện tại một cách **trực tiếp**. Phải vượt "bờ đê" đi vào lãnh thổ của đối phương với những mục tiêu cụ thể, những công tác thực tế. Phải chọn những việc **dễ làm**, có thành quả **chắc chắn**, và phải tổ chức theo nhu cầu công tác đã được chọn lựa. **Công tác nào, tổ chức nào.** Các loại tổ chức kết hợp rộng rãi "toàn thể Cộng Đồng hải ngoại," hay "toàn thể người Việt" v.v... trong giai đoạn này, là viển vông. Phải **làm thật** trước, rồi mới nghĩ đến chuyện kết hợp sau. Đặt vấn đề kết hợp trước khi có những công tác cụ thể, và trước khi các công tác ấy đạt được những thành quả cụ thể, trong nước, thì sẽ chỉ chuốc lấy thất bại.

Nhiều người cho rằng: với việc Hoa Kỳ bãi bỏ lệnh cấm vận và sẽ bang giao với Cộng Sản Việt Nam, những người chống chính quyền Việt Nam hiện tại đã mất thế quốc tế, mất đồng minh. Có thể nhận xét đó đúng. Và giả sử nó đúng, thì sao? Thì ta càng phải chú ý đến chỗ dựa duy nhất còn lại của chúng ta. Đó là **người dân.** Xâm nhập vào đất địa của địch mà không được lòng dân, không được dân che chở, giúp đỡ, là đi vào chỗ chết. Ưu tư hàng đầu của người dân là đời sống. Cần tránh những khẩu hiệu quá trí thức không đủ làm cho người dân quan tâm đến. Người dân phải nhận thấy rõ là chúng ta đấu tranh cho đời sống của họ được khá hơn lên, chứ không phải chỉ để tranh giành hơn thua với nhà cầm quyền Việt Nam hiện tại. Người dân cũng quan tâm đến tôn giáo, đến công bằng xã hội, đến tự ái quốc gia, đến sự phát triển của địa phương họ... Cần tăng cường sự thống nhất với người dân, và giảm thiểu những mâu thuẫn với họ trong lập trường của chúng ta.

Sẽ có rất ít người còn lại trong giai đoạn đấu tranh sắp tới. Một số người sẽ thối chí, bỏ cuộc, đầu hàng, hay thu mình trong những quan điểm lỗi thời, để rồi không làm được gì hữu hiệu cả. Tuy nhiên, phải chăng những cuộc thay đổi đều khởi đầu từ một số nhỏ người? Vậy, nếu ta tin tưởng sẽ có thay đổi ở Việt Nam, thì hãy hướng tâm hồn mình đến những nhóm người ấy, ở trong cũng như ngoài nước.■

Vitré, Pháp
4 tháng 2 năm 1994

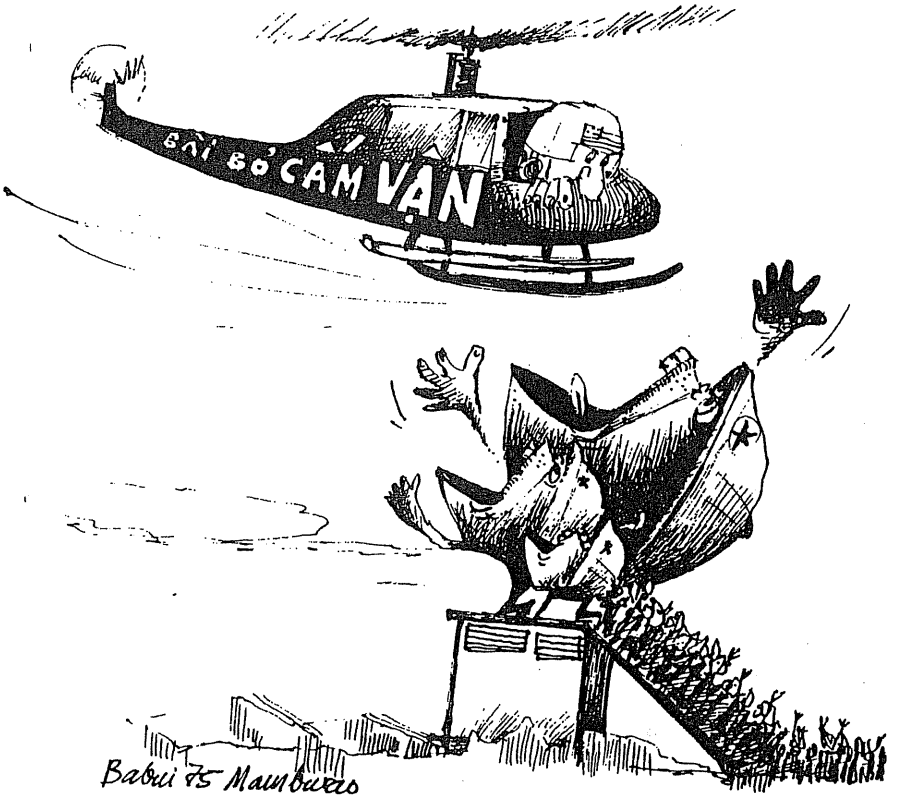

PHÚC TRÌNH VỀ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CON NGƯỜI 1993

QUÂN TỬ

Từ 1990, mỗi năm Chương Trình Phát Triển của Liên Hiệp Quốc (CTPTLHQ/UNDP) phát hành cuốn "Phúc Trình Tình Hình Phát Triển Con Người" trên thế giới (Human Development Report). Đây là cố gắng mới nhất của LHQ để nhấn mạnh việc ưu tiên trong phát triển kinh tế là việc phát triển con người.

Để so sánh mức độ phát triển kinh tế của các nước, các chuyên viên kinh tế và thống kê LHQ thường dùng chỉ số lợi tức đầu người (GDP/capita). Chỉ số này lấy TSLQD chia cho hối suất chính thức so với US dollar và chia cho đầu người. Khiếm khuyết của cách tính lợi tức này là chỉ những nghiệp vụ có trên thị trường hay nghiệp vụ sử dụng tiền mới được tính trong TSLQD. Thực vậy, trong các nước chậm tiến, nhiều nghiệp vụ hay dịch vụ không được tính trong TSLQD do đó lợi tức các nước này không được sát thực. Ngoài ra nhiều khi hối suất chính thức không nói một các trung thực tình trạng kinh tế của một nước. Tính như vậy thì với lợi tức đầu người được ước lượng là US $ 180-200 trong năm 1991, Việt Nam là một trong 15 nước nghèo nhất thế giới.

Để giải quyết khiếm khuyết này các chuyên viên LHQ dùng một cách tính mới gọi là Purchasing Power Parity hay PPP (so sánh mãi lực). Trong cách tính này, các chuyên viên dùng những món hàng tương đương để so sánh trình độ/mức sống kinh tế. Ví dụ: một bữa cơm hay một cái Big Mac tại Tokyo, New York, Paris... Cách tính này có phần trung thực hơn. CTPTLHQ còn đi thêm một bước cho rằng tính như vậy vẫn chưa đủ mà cần phải tính cả trình độ phát triển con người.

Bài này gồm hai phần: tóm lược những điểm chính của bản phúc trình "Tình hình phát triển con người" của CTPTLHQ và thứ hai là chỗ đứng của VN.

I) Phân tích bản phúc trình phát triển con người của CTPTLHQ

1.1 Cách tính chỉ số HDI

Từ năm 1990 trở đi, CTPTLHQ dùng Human development index/HDI tạm dịch là "Chỉ Số Phát Triển Con Người" để mô tả trình độ phát triển của các nước. Chỉ số này được tính bằng cách ghép ba thành phần: lợi tức (income), trình độ giáo dục (education) và tuổi thọ (life expectancy). Các thành phần trên là những điểm chính. LHQ còn dùng nhiều thống kê khác và các thống kê này được biến thành chỉ số và "chỉ số phát triển con người/HDI" là tổng hợp của các chỉ số.

Với chỉ số HDI này tình hình phát triển của các nước khác hẳn so với cách tính theo lợi tức đầu người (GDP/capita). Trong bản phúc trình, CTPTLHQ dùng "mãi lực/PPP" để tính phần lợi tức quốc gia. Nói tóm HDI gồm:

* Tuổi thọ (life expectancy);

*Trình độ giáo dục (Educational attainment) gồm % người thành niên biết đọc (adult literacy rate), năm học (mean years of schooling); lợi tức/đầu người (GDP/capita) và lợi tức được điều chỉnh (adjusted real GDP/capital).

Những con số được dùng là những con số thống kê chính thức do các quốc gia đưa ra. Đa số các con số này là những số năm 1991. Cũng như các chuyên viên sử dụng thống kê rành nghề, những thống kê chính thức phải được sử dụng một cách rất thận trọng vì nhiều khi thiếu chính xác hay bị sửa đổi. Bản phúc trình tính chỉ số HDI cho 173 nước trên thế giới và trong đó có cả VN.

1.2 Những nhận xét chính của bản phúc trình

Bản phúc trình hơn 200 trang gồm bản phúc trình 112 trang, các phần phụ và nhất là phần phụ về thống kê được chia ra làm năm chương:

*Chương một: đề cập đà tiến triển trong việc phát triển con người (Trends in human development);

*Chương hai: tham gia của quần chúng (People's participation);

*Chương ba : quần chúng và thị trường (People and market);

*Chương bốn: quần chúng và cách tổ chức chính trị/quyền lực (People and governance);

*Chương năm: quần chúng trong những tổ chức cộng đồng (People in community organizations)

Phúc trình của CTPTLHQ là một luận đề ủng hộ việc phát triển kinh tế vì và cho "con người" chứ không phải chỉ là để tăng lợi tức, tăng vật chất. Phúc trình đã trọng "phẩm chất" trong tiến trình phát triển kinh tế và chú ý nhiều đến "con người" (giáo dục, tham gia của phụ nữ, tham gia trong việc quyết định chính trị, quyết định kinh tế, v.v...) hơn là phần lượng trong cách tính mức phát triển của một nước.

Đây là lần đầu tiên một cơ

quan phát triển cõ quốc tế như Chương trình phát triển của LHQ (UNDP) chú trọng đến phẩm chất trong việc phát triển kinh tế. Cách đây 20 năm ít kinh tế gia nào để ý đến "phẩm chất của việc phát triển kinh tế" cũng như không ai đã nghĩ đến việc bảo vệ môi sinh.

2. Theo bản phúc trình, 90% dân số trên thế giới chưa được tham gia trong việc quyết định đời sống và tương lai của họ mặc dầu đã có nhiều thay đổi trên thế giới đưa đến dân chủ và thúc đẩy việc lập chính thể đa đảng hay là đi về cơ cấu thị trường. Hiện nay dân chúng không những phải tranh đấu được quyền quyết định chính trị về tương lai của họ nhưng còn phải tranh đấu cho những quyền căn bản hơn như: quyền sở hữu đất, quyền có công ăn việc làm, quyền hưởng những nghiệp vụ xã hội, v.v... Bản phúc trình có ba nhận xét chính:

1) Các dân thiểu số hay thành phần yếu kém trong một xã hội (phụ nữ không được trả cùng lương) thường không được thụ hưởng đồng đều;

2) Kinh tế phát triển mau chóng nhưng việc tạo công ăn việc làm không theo cùng đà tăng;

3) Quyết định chính trị có ảnh hưởng đến tương lai dân chúng thường nằm ở thủ đô.

Đúng như vậy, theo chỉ số HDI, trong năm 1993, Nhật được xếp hạng nhất (mặc dầu đứng thứ sáu về lợi tức). Sau đó là Gia Nã Đại, Na Uy, Thụy Sĩ, Thụy Điển, Mỹ, Úc, Pháp, Hoà Lan và Anh. Vậy cũng như bản phúc trình đã nêu cho thấy là việc phát triển con người không nhằm các nước chậm tiến mà cả các nước kỹ nghệ tân tiến. Điển hình là mặc dù Mỹ đứng nhất thới giới về lợi tức, nhưng theo chỉ số HDI chỉ đứng thứ sáu. Nếu phân tách các con số thống kê trung bình thì người Mỹ gốc da trắng sẽ đứng nhất trên thế giới nhưng người Mỹ gốc da đen thì lại được xếp vào hàng 31 và người Mỹ gốc Tây Ban Nha lại đứng vào hàng 35 sau cả Đại Hàn và Trinidad & Tobago và Bahamas. Ngoài ra khi kể cả phụ nữ vào trong chỉ số HDI, Nhật từ hạng nhất xuống hàng 17. Lý do là phụ nữ Nhật chưa được đối xử đồng đều, như lãnh lương đồng đều khi họ làm cùng việc với các cộng sự viên phe nam.

3. Những nghiên cứu của bản phúc trình cũng cho thấy là các thành phần nghèo, tàn tật, đàn bà hay dân vùng nông thôn không được tham gia vào việc quyết định tương lai của họ. Bản phúc trình đề nghị năm quan điểm mới về phát triển:

* An ninh nay không những là An ninh quốc gia mà phải được coi là An ninh cho cá nhân, cho con người;

* Chiến lược phát triển phải nhằm cho con người;

* Tìm mối liên kết chính phủ - thị trường để đi đến một thị trường phục vụ con người;

* Mang quyền quyết định tới dân chúng bằng cách tản quyền;

* Tìm một định nghĩa mới về viện trợ và hợp tác quốc tế phát triển.

Để xây dựng những điểm trên, bản phúc trình kêu gọi THAM GIA: tham gia kinh tế; tham gia chính trị; tham gia qua các cơ quan thỉnh nguyện.

4. Trong những năm gần đạy, các nước CS đều muốn thay đổi cơ cấu kinh tế đi đến thị trường. Một trong những khuyết điểm lớn của cơ cấu thị trường là việc phát triển mà không tạo công ăn việc làm. Một điểm nữa là việc quản

trị yếu kém của các công ty quốc doanh (CTQD) gây thâm hụt cho ngân sách.

Giải quyết những khó khăn của CTQD bằng cách "Giải tư" là phương pháp tốt nhưng việc giải tư phải có kế hoạch chứ không phải bừa bãi. Có bảy trường hợp không nên Giải tư các công ty QD:

* Giải tư vì muốn tìm giải pháp ngắn hạn giải đáp thâm thủng cho ngân sách;

* Giải tư khi môi trường không thích hợp: Nếu không có khung cảnh luật pháp rõ ràng việc giải tư coi như thay một độc quyền QD và bằng một độc quyền tư nhân;

* Giải tư phải minh bạch, rõ ràng vì nó sẽ gây tham nhũng và bè đảng;

* Giải quyết khó khăn ngắn hạn của ngân sách;

* Nếu không có một chiến lược tài chính: ví dụ bán trái phiếu cho ai? giá nào? ngoại quốc mà thôi hay lẫn nội địa?;

* Phải có chiến lược giải quyết vấn đề công nhân thất nghiệp;

* Đồng nhất trong quan niệm chính trị khi giải tư các CTQD.

5. Tại sao có ít sự tham gia của quần chúng trong việc quyết định tương lai? Vì phần đông các chỉ thị được đưa từ trên xuống dưới, và đa số quyết định là do trung ương. Việc tập trung quyền hạn là do nhiều lý do: lịch sử cũng như là cách tổ chức chính trị. Muốn có sự tham gia đắc lực của quần chúng phải tản quyền. Quyết định càng gần người thụ hưởng càng tốt.

Với chiều hướng tiến càng ngày càng mạnh đến dân chủ, quần chúng sẽ có dịp tham gia nhiều hơn trong việc quyết định tương lai. Việc này sẽ do các tổ chức: công nhân như Solidarity hay tổ chức quần chúng. Trong việc tài trợ các dự án phát triển, chiều hướng là đi đến việc dùng nhiều cơ quan thiện nguyện để đem tài chính thẳng đến các thành phần dân chúng bị bỏ rơi. Trong việc này các cơ quan thỉnh nguyện (Care, Medecins sans frontieres, Caritas, Oxfam, v.v...) đã đóng góp lớn trong việc tài trợ các thành phần không được chính quyền chú ý.

Việc tản quyền cũng phải thận trọng vì các vùng giàu sẽ giàu thêm trong khi các vùng nghèo thì sẽ thiếu phương tiện để phát triển.

Nói tóm, trong những năm gần đây, trào lưu suy nghĩ trên thế giới về phát triển, nhân quyền, môi sinh, v.v... đã thay đổi rất nhiều. Cách so sánh mức phát triển của một nước không những chỉ đặt trên những chỉ số về "lượng" như lợi tức/đầu người, v.v... mà nay còn dựa trên những chỉ số về "phẩm" như mức giáo dục, chỗ đứng của phụ nữ, cách đối xử với dân thiểu số, cách "cai trị một nước", quyền dân chúng được tham gia trong việc lấy quyết định tương lai.

Đây là một bước tiến quan trọng trong cách suy nghĩ về lý thuyết phát triển kinh tế.

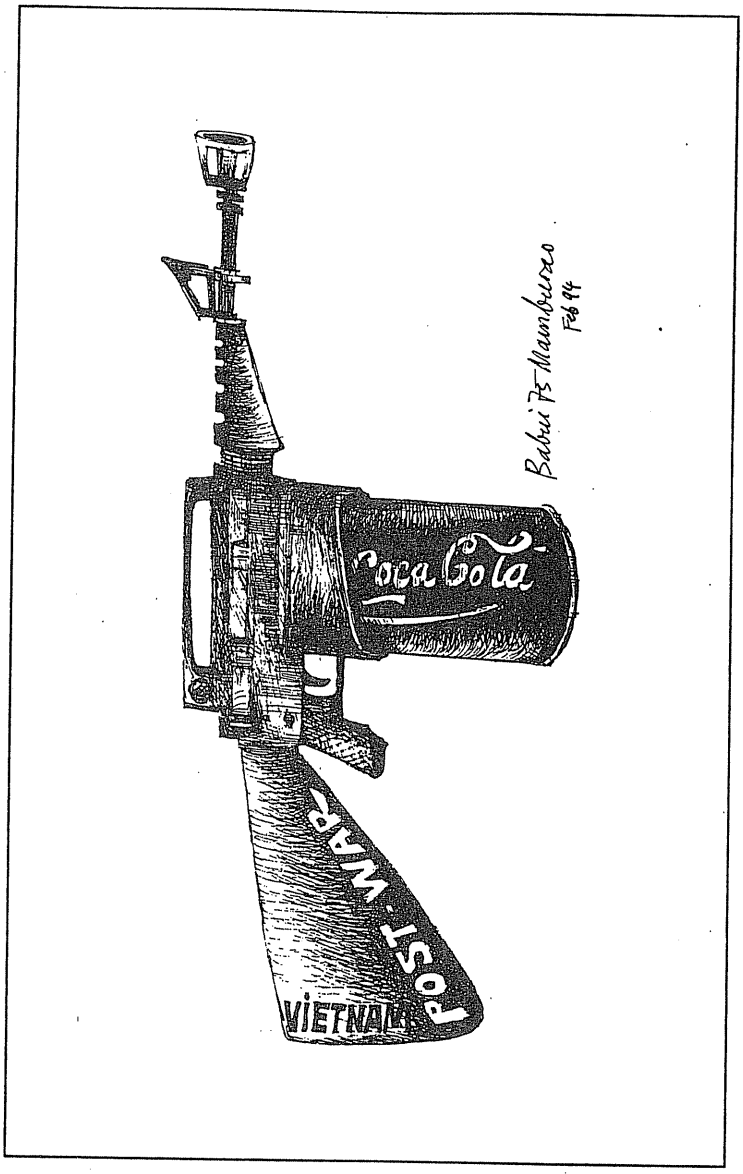

II) VN trong bản phúc trình phát triển con người của CTPTLHQ

Trong cái nhìn mới của quốc tế về vấn đề phát triển kinh tế thì VN ngày nay ở chỗ nào? Ảnh hưởng của cái nhìn mới của quốc tế trong vấn đề phát triển sẽ giúp hay không giúp VN trong việc "cởi trói và cởi mở" xã hội?

2.1 Chỗ đứng của VN trên thế giới

Cũng như mọi người đã biết, với lợi tức đầu người dưới US$ 200/năm, VN ngày nay thuộc loại các nước cầm đèn đỏ. Trong 173 nước thì VN đứng hạng 156. Trong đây phải tính là trong năm 1991 đã có nhiều biến cố như Somalia, Afganistan, Ethiopia, vv. và vì đã có nhiều thay đổi kinh tế

từ khi chính sách "Đổi mới" cho nên VN nay đã có tiến và ở hàng 156 trên 173 nước về lợi tức quốc gia (trên 14 nước mà thôi). Thiết tưởng cũng nên biết là các biện pháp của chính sách "Đổi mới" gồm:

(a) việc công nhận kinh tế gia đình trong nông nghiệp và kinh tế nhiều thành phần.

(b) thả tự do về mặt giá cả và điều chỉnh tiền tệ (thả nổi hối suất đồng VN);

(c) cải tổ hệ thống ngân hàng và cải tổ cách quản trị các công ty quốc doanh;

Trên thực tế những biện pháp "Đổi Mới" có những hậu quả sau đây:

2.1.1 Quyền sử dụng đất và công nhận kinh tế nhiều thành phần. Kinh tế "cá thể/gia đình" đã được công nhận và được khuyến khích. Nông dân được quyền "sử dụng" đất từ 10 đến 50 năm tùy theo loại hoa mầu và tuỳ theo vùng. Những thống kê mới nhất cho thấy là nông dân làm ăn "cá thể" đã chiếm 53 % tổng sản lượng nông nghiệp.

2.1.2 Thay đổi chính sách quản trị kinh tế vĩ mô: cho Giá Cả, Hối đoái, Ngân hàng và lãi suất theo thị trường, CSVN đã phá giá đồng bạc và thay đổi chính sách về lãi suất và giá cả vào 1989. Giá cả được thả "tự do". Ngoại tệ cũng được thả nổi. Hối suất thả nổi theo "cung và cầu" và nhờ đó nạn chợ đen ngoại tệ đã giảm. Nhà cầm quyền CSVN còn "cởi mở" cho việc buôn bán, dễ dãi cho khu vực "cá thể" và khuyến khích sản xuất nhất là ngành xuất khẩu. Việc này có nghĩa là nông dân được buôn bán gần như tự do.

Một chính sách tiền tệ và thuế khoá mới đã được mang ra áp dụng để kìm lạm phát. Nay lạm phát đã đi từ 487 trong năm 1986 xuống 18% trong năm 1992/93.

2.1.3 Mở cửa và khuyến khích đầu tư ngoại quốc CSVN đã cho lập Luật Đầu tư và đã có nhiều nước đến đầu tư ở VN.

Nói tóm, chính sách "Đổi mới" nhằm sửa đổi những sai lầm trong quá khứ về chính sách phát triển kinh tế và chính sách phát triển nông nghiệp. Việc thay đổi đường lối kinh tế đi đến cơ cấu thị trường đã mang thành quả khả quan. Những kết quả kinh tế khả quan này đã phần nào ảnh hưởng đến các chỉ số nhất là chỉ số HDI vì LHQ cố gắng có những thâu thập các thống kê mới nhất.

2.2 Nếu dùng chỉ số HDI của CTPTLHQ, VN từ hạng 156 về lợi tức theo đầu người được xếp vào hạng 115 nghĩa là hơn 57 nước. Tại sao? Trình độ biết đọc cao: 88; màng lưới Y tế cao: 97%; Tuổi hưởng thọ trung bình 62.7 năm cao, v.v... HDI được dựa trên những thống kê chính thức của chính phủ. Các cơ quan quốc tế nhiều khi đã phải đặt nhiều câu hỏi về thống kê VN vì nhiều khi trong khu vực xã hội các nghiên cứu đã cho thấy là các con số chưa ăn khớp.

Các con số đã cho thấy chỗ đứng của VN trên thế giới. VN được xếp vào loại các nước có "chỉ số phát triển con người thấp". VN chỉ thua Trung Cộng 14 bậc (hạng 101).

Nhìn vào những con số, tổng số dân biết đọc (không mù chữ) là 88%. Đây là một con số khá cao. Nhưng khi nhìn vào số năm trung bình được học 4.6 năm và số % học sinh học hết cấp tiểu học là 59% thì ta thấy là tỷ số biết đọc mới chỉ có giá trị tương đối mà thôi. Nếu phân tích thêm thì thấy là phần chi tiêu cho Giáo dục chỉ là 2% GDP nghĩa là rất thấp so với trung bình các nước Á châu +2.9 % GNP.

Ngoài ra số dân có nước uống vệ sinh hay có nhà vệ sinh mới chỉ là 50 và 53% mà thôi. Số dân nằm dưới màn lưới là 97%. Đây là con số đáng khen nhưng khi nhìn vào phẩm chất thì ai cũng biết VN thiếu thuốc, thiếu dụng cụ hay phải "dùng thuốc nam trị bịnh" thì tỷ số 97% nằm trong màn lưới y tế cũng rất tương đối mà thôi. Theo tỷ lệ bác sĩ/đầu người thì VN nằm trong thành phần các nước tân tiến nhưng ai cũng biết là "bác sĩ theo kiểu Hà Nội" thì có nhiều nghĩa khác nhau. Nhìn vào chi tiêu Y tế/GDP thì VN rất kém: 0.7% GDP so với trung bình các nước Á châu 3.7% GNP.

Dù sao đi nữa các con số (mặc dầu nặng phần tuyên truyền) cũng cho biết chỗ đứng của VN. Không tệ như ta tưởng mà không tốt như nhà nước cộng sản tuyên truyền. Những con số cho một ý niệm nào đó về VN.

2.2 Ảnh hưởng của HDI với chính quyền VN

Cách dùng HDI bắt đầu được chấp nhận và các nhà cầm quyền nhất là ở các nước thiếu nhân quyền sẽ biết là nay họ sẽ bị xét không những trên những con số về lợi tức mà còn trên những con số về cách "tham gia của dân chúng vào việc điều hành guồng máy chính trị", các con số về việc đối xử của các nhà cầm quyền với phụ nữ, với dân thiểu số, với người tàn tật kể cả các cựu chiến binh VNCH, v.v...

Tất cả các nhà cầm quyền trên thế giới, kể cả VN, sẽ phải "có bộ mặt mới, văn minh hơn " để dễ trình bày cho thế giới. Do đó chỉ số HDI là một áp lực tinh thần rất mạnh mẽ đối với nhà cầm quyền để họ trình bộ mặt "văn minh". HDI là một khí cụ tinh thần áp lực lên nhà cầm quyền các nước trên thế giới và trong đó có VN, để họ có một cách "cư sử văn minh" với chính dân chúng của họ.

Kết luận

Phúc trình "Human Development Report 1993" của UNDP nói lên phần nào ưu tư của thế giới về vấn đề phát triển kinh tế. Nó nói lên chỗ đứng VN trên thế giới. Tài liệu được dựa trên những thống kê chính thức cho nên người đọc phải phân tích để hiểu thực/giả và nếu thực thì đến mức nào? Những con số cũng nói lên sự nghèo nàn trong "lãnh vực xã hội" của VN (Chi tiêu Giáo dục:2% GDP và Y tế: 0.7% GDP trong năm 1991).

"Chỉ số phát triển con người hay HDI" là một cách nhìn tổng hợp mới về suy tư về phát triển kinh tế dưới nhãn quan nhân bản. Nó cho thấy VN cần phải cố gắng và thay đổi. Cái lợi của chỉ số HDI là các nhà cầm quyền trên thế giới nay biết là họ sẽ bị quốc tế xét xử dưới cách nhìn "Nhân Bản" về phát triển kinh tế. Việc này nhất định sẽ đòi hỏi thay đổi và cởi mở.■

Lời tác giả: Các thống kê được coi là những con số mới nhất và lấy từ cuốn "Human Development Indicators: Statistical Annex"; UNDP, New York, 1993.

NGƯỜI CỦA THỜI CUỘC NĂM CON GÀ 1993: STEPHEN B. YOUNG

PHAN THANH TÂM

Chú rể Stephen Young và cô dâu Phạm Thị Hòa trong ngày cưới.

Người của thời cuộc Việt Nam trong năm con Gà là một người Mỹ da trắng. Tên Stephen B. Young là tên được nói tới nhiều nhất trong chính giới và báo giới năm 1993. Việc làm của ông luật sư này, có ảnh hưởng tới tương lai của cả nước, khiến không ai có thể bỏ qua. Thế nhưng, tác giả "Tiến Trình Dân Chủ Hóa Qua Sáu Giai Đoạn" là người thế nào? Tại sao ông "nhảy xổm" vào vấn đề Việt Nam sâu đậm như vậy?

Người chống kế hoạch, gọi ông Steve Young, hiện hành nghề luật tại thành phố đôi Saint Paul - Minneapolia, có vợ Việt Nam, cựu nữ sinh trường Couvent des Oiseaux và Văn Khoa Saigon, là tay phù thủy quốc tế, tên Việt Nam, kẻ trở cờ, tên đầu cơ chính trị, tay sai của Hà Nội, một diễn viên hạng hai, một cố vấn dại khờ; kế hoạch của ông là một trò hề, một sự gian trá. Người khác bảo, ông là bạn của dân tộc Việt, con rể quí của nước Việt Nam; kế hoạch nếu được thực hiện sẽ đưa nước Việt Nam tới một chân trời mới có tự do dân chủ.

Riêng CSVN thì kêu ông đi chỗ khác chơi. Tờ Sàigòn Giải Phóng ở Việt Nam viết: cuộc hội thảo là một âm mưu hoàn toàn vi phạm luật nhà nước. Theo tờ Pioneer Press, phát hành ở Saint Paul, một cán bộ của Tòa Đại Sứ Hà Nội ở Liên Hiệp Quốc nói rằng, ông Steve Young bị mời ra khỏi nước, vì ông có "những hành động chống chính phủ, vi phạm nền an ninh quốc gia." Cũng theo báo này, Ông Steve Young đã phủ nhận việc ông có liên hệ đến CIA. Tuy nhiên, theo lời ông, chẳng ai tin điều ông nói.

Ông Steve Young, cựu khoa trưởng Trường Luật Mamline ở Saint Paul, và cũng là Giáo sư về Lịch Sử Việt Nam tại trường đại học Minnesota, đã qua Việt Nam hồi tháng 10/93 để giúp ông Nguyễn Đình Huy, Chủ tịch Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc và Xây Dựng Dân Chủ (PTTNDT/XDDC) thực hiện một cuộc hội thảo về phát triển Việt Nam. Cuộc hội thảo bất thành. Người tổ chức bị bắt giam. Kẻ yểm trợ bị mời ra khỏi nước.

Theo dự trù, cuộc hội thảo sẽ diễn ra ở Sàigòn, có khoảng 300 người tham dự. Trong đó có vài nhân vật ngoại quốc và Chủ tịch Ủy Ban Tổ Chức Quốc Hội của CSVN. Hội thảo này, nằm trong phần ba của kế hoạch, nhằm thành lập các hiệp hội không chính trị, gồm tín đồ các tôn giáo lớn và các câu lạc bộ thuộc các khuynh hướng chính trị, văn hóa trong xã hội.

Ký giả Anthony Morley, chủ nhiệm tạp chí Colors, tờ báo qui

tụ các cây viết thuộc mọi màu da, phát hành ở Minnoaplolis, và cũng là một tay phản chiến hồi thập niên 60, cho rằng việc ông Steve Young bị tống xuất khỏi Việt Nam là một điều đáng tiếc. Ký giả kỳ cựu này nói, ông Steve Young, một bình luận gia trên đài truyền hình địa phương về các biến chuyển quốc tế là một người thuộc phe hữu. Tuy nhiên, ý tưởng bảo thủ đó rất đáng được lưu ý.

Luật sư Steve Young, một khuôn mặt quen thuộc của dân chúng xứ vạn hồ. Ông xuất hiện khắp nơi. Ông có mặt ở các buổi lễ, ở các buổi họp mặt. Ông lên đài truyền hình hàng tuần. Hễ có biến chuyển lớn, thời cuộc sôi động, là thấy ông trên màn ảnh nhỏ. Ông viết báo. Ông đi chùa, đi nhà thờ. Ông tham dự vào nhiều Ủy ban văn hóa, xã hội, chính trị. Tết nhất của cộng đồng, bao giờ cũng thấy ông, bắt tay trò chuyện, nói tiếng Việt ngon lành. Hầu hết ai cũng biết "anh Steve Young".

Gia đình không quân bình

Hỏi vợ ông, bà Hòa Phạm Young, tại sao "ông hoạt động dữ vậy?". Bà Hòa bỗng bật khóc. Tiếng khóc và nước mắt của bà, vợ một người mới gây sóng gió trong cộng đồng Việt Nam ở khắp nơi, làm cho kẻ phỏng vấn và chồng bà ngỡ ngàng, bối rối. Không khí ấm cúng của phòng khách, trở nên nặng nề. Tôi ngỏ ý với ông Young là muốn nói chuyện riêng với bà. Ông Young nhẹ nhàng đứng dậy, rời phòng.

Cuộc phỏng vấn được thực hiện vào một buổi sáng cuối tuần, gần ngày Giáng Sinh tại nhà riêng của hai người ở Saint Paul. Đây là một căn lầu hai ở một khu gần trường đại học. Lúc ấy, vào khoảng hơn chín giờ sáng. Trời mờ đục. Qua khung cửa kính, sương mù còn giăng mắc khắp nơi. Đêm trước, tuyết phủ trắng xóa trên mấy nóc nhà ở các căn lân cận. Yên lặng, một lúc, để cho bà dịu lại, tôi lập lại câu hỏi.

Nhìn tôi, mắt hãy còn ướt, bà nói, với giọng Bắc Hà Nội di cư vào Nam năm 54, "Lâu lắm rồi tôi không khóc, vì khóc không ai dỗ. Hồi xưa tôi dễ dàng hơn. Tôi muốn giữ hình ảnh tốt đẹp của hai người. Giờ tôi nản, tôi hết muốn giữ vẻ bề ngoài nữa. Gia đình không có sự quân bình. Lúc nào cũng không có thì giờ. Chiều nay, ảnh đi nữa." Bà cho biết, bố của ông Steve Young, một chính khách, cựu Đại sứ Mỹ ở Thái Lan, và người tham dự vào việc đề ra sách lược Mỹ ở Việt Nam trước đây, đã ảnh hưởng ông Steve Young quá mạnh.

Bà Hoà, tên thật Phạm Thị Hòa, còn có tên Kim Thái, con của ông bà Hiệp Chương, một thương gia giàu có ở Hà Nội, trước hiệp định Geneve. Trước khi lấy ông Steve Young, bà có đính hôn với một nha sĩ Việt Nam. Sau không thành, bà sang Mỹ. Thông thạo Anh Pháp, bà làm thông dịch viên cho các viên chức VNCH du học hay công tác ở Hoa Thịnh Đốn trong hai năm 1967 và 1968. Thời gian này, bà ở cùng nhà với chị ông Nguyễn Ngọc Bích. Bà quen ông Steve Young qua ông Bích.

Ám ảnh không nguôi

Sau đó, ông Steve Young, sang công tác ở Việt Nam. Bà làm lễ thành hôn với ông Young ở Sàigòn năm 1970, do Đại sứ Việt Nam ở Hoa Thịnh Đốn làm chủ hôn. Hiện bà làm việc cho Council Asian-Pacific Minnesotans với vai trò người đại diện liên lạc với các cộng đồng Á Châu. Bà làm cho cơ quan này, đã hơn tám năm rồi. Bà nói, "Anh thấy, Việt Nam làm anh Young bị ám ảnh. Tôi lo ngại, vì anh thường nói với tôi "tôi ghét bị thua cuộc"." Theo bà, cái ám ảnh này là một ám ảnh không lành mạnh.

Bà Hòa và ông Steve Young có ba người con. Hai trai đã vào đại học và một gái, 15 tuổi, còn học ở bậc Trung học. Bà tâm sự, "Tôi thường khóc với con tôi. Tôi muốn cho mọi người biết là tôi không có ảnh hưởng gì với anh ấy cả. Gây gỗ xảy ra đều đều, từ năm 1975 tới nay. Lý do là anh mãi mê hoạt động." Theo bà, cả một sai lầm lớn, nếu vợ không vui, con không vui, làm để làm gì?

Bà nói, người ngoài bảo "Tôi có phước lấy một ông chồng như vậy, lo cho nước Việt Nam, nổi tiếng, và tôi giúp cho ông chồng hiểu Việt Nam. Cái đó khôi hài kinh khủng." Bà nói tiếp, "Tôi đi làm từ năm 1971 tới nay, tự lập, lo cho gia đình. Tôi cắt coupon, tiết kiệm 10, 15 xu, trong khi anh lại tiêu vào ngân quỹ gia đình. Tôi không muốn làm nữa, dù tụi này không có tiền nhiều."

Bà nói tiếp, "Nếu lấy một người chồng ngoại tình, tức có một người đàn bà mình oánh được; đánh bài thì có con bài. Còn cái này mình không cách gì đối lại." Bà không biết báo chí Việt nói gì về chồng bà. Ngày đi làm chín tiếng, bận bịu suốt ngày. "Đi đâu anh cũng bàn về Việt Nam, về chuyện Nga chuyện Mỹ. Ngồi nghe dài người ra, nhiều lúc muốn xỉu."

Bà kể lại, khi còn ở Nữu Ước, vào một buổi trưa, ông Steve Young gọi về nhà rủ ra quán ăn. Hăm hở đến chỗ hẹn, thấy ông Nguyễn Ngọc Huy lù lù ở đó. Bao nhiêu hứng khởi tiêu tan hết. Bà nói, "Tôi có cảm giác ông Huy là mèo của anh Steve Young. Có nhiều cái liên hệ giữa hai người, tôi không hiểu hết."

Người tình Việt Nam

Hỏi bà nhận xét thế nào về kế hoạch của chồng bà, gỡ bỏ dần quyền độc tôn chính trị của đảng CSVN, nhưng không đòi đảng CSVN từ bỏ quyền lực ngay bây giờ, bà đáp, "Tôi gạt ra ngoài, tôi không cần biết. Tôi không thèm đọc, vì tôi tức ảnh."

Bà nói tiếp, "Cái đau đớn là chuyện này, là chuyện Việt Nam mà mình không dính vô. Ảnh làm kệ ảnh. Suốt ngày, ảnh làm chuyện chùa quá đáng. Theo tôi, đó là một sự ngoại tình. Việt Nam là người tình của ảnh. Tôi không thể đánh lại được. Chiều nay anh đi Pháp nữa, chỉ còn vài ngày nữa là Noel, không biết chừng nào về."

Bà Hòa cho biết, bà rất thích công việc hiện tại của bà vì nó giúp bà có dịp tìm hiểu thêm về văn hóa của các nước Á Châu. Bà Hòa còn là hội viên của nhiều tổ chức văn hóa, xã hội khác tại thành phố đôi này. Bà phủ nhận việc đã giúp ông Steve Young hiểu biết về Kiều, về lịch sử Việt Nam. Bà nói, "Anh tự học lấy. Nếu có thì giờ rãnh, tôi thích nghe nhạc Phạm Duy."

Nhận xét về ông Steve Young, bà Hòa, người mà ông chồng đã nói trước với kẻ phỏng vấn, "Đó là một người đàn bà hoàn toàn Việt

Nam", nói, ông ta là một người tốt, ưa ai thì ưa tới chết; ghét ai thì ghét tới cùng. Bà nói thêm, "Có một điều hai người không cãi nhau là cùng không thích Cộng Sản. Gia đình tôi có kinh nghiệm về họ."

Vừa lúc đó, ông Steve Young bước vô, bà không muốn được hỏi nữa. Bà đứng dậy đi ra. Đợi cho bà Hòa vào hẳn nhà trong, tôi hỏi ông: Tại sao ông "dính" vào nước Việt Nam nhiều như vậy? Ông khựng một lúc, hỏi lại "Vợ tôi nói sao?" Không đợi tôi trả lời, ông nói tiếp, "Việc tôi làm có liên hệ nhiều đến nước tôi hơn là nước Việt Nam."

Ông nói tiếp, vả lại, "Tôi có vợ Việt Nam. Con tôi một nửa Việt Nam, một nửa Mỹ. Tôi muốn dân tộc Việt Nam là một dân tộc cả thế giới kính nể; để cho con cháu mình sao này khỏi hối hận khi thấy Việt Nam hãy còn là một nước chậm tiến, thua trận, bị Cộng Sản đô hộ, lộn xộn và tham nhũng hoài."

Ngoài ra, theo ông, vai trò và bổn phận của nước Mỹ trong thế kỷ hai mươi là chống lại chủ nghĩa Cộng Sản, một chũ nghĩa sai lầm, hoàn toàn trật. Ông nói, "Việc hàng chục triệu người chết vì một chủ nghĩa trật là điều vô lý." Ông nhắc lại lời Tổng thống Johnson, khi quyết định gửi quân sang tham chiến ở Việt Nam: Chúng tôi không lựa chọn làm người gác cửa, ngăn giặc, nhưng không có ai khác. Cái số phận của người Mỹ là như vậy.

Vẫn theo ông, cái truyền thống gia đình ông là truyền thống phục vụ đất nước. Hiến Pháp Hoa Kỳ và bản Tuyên Ngôn Độc Lập của nước Mỹ người trong gia đình hai bên nội ngoại đều có liên hệ vào. Kẻ thì ký vào Bản Tuyên Ngôn; người thảo Bản Hiến Pháp.

Điều khác nữa, ông nhấn mạnh, ông bố tôi có trách nhiệm lớn trong việc ủng hộ miền Nam Việt Nam chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng Sản. Ông nói, "tôi làm là vì quyền lợi và danh dự của người Mỹ; mình thua từ năm 1975 đến nay là thua trong giai đoạn; không phải thua hoàn toàn trong lịch sử."

Trả lời câu hỏi về đảng Đại Việt, ông thanh minh ông không phải là đảng viên của Đại Việt. Theo ông, đảng Đại Việt dựa vào lý thuyết dân tộc sinh tồn." Tôi là người Mỹ, tổ quốc tôi là nước Mỹ. Tôi là người bạn của Đại Việt."

Ông nói ông rất thích lý thuyết dân tộc sinh tồn của Đại Việt. Ông cho hay ông đã đọc nhiều lần cuốn sách nói về lý thuyết sinh tồn này. Kế hoạch mà ông soạn thảo, dựa vào lý thuyết đó. Cộng Sản có nhu cầu sinh tồn. Họ không muốn bị diệt, họ phải thay đổi. Dân chủ là một điều tất yếu. Do đó, họ phải thực thi dân chủ. Mình dựa vào nhu cầu của họ để thực hiện mục tiêu của mình là tạo ra một nước Việt Nam có tự do dân chủ.

Ông nói tiếp, ông rất thích lối làm việc của cố giáo sư Huy. Theo đó, nếu có mười điều, Anh với tôi chỉ đồng ý có bốn điều, ta hãy cùng nhau làm việc chung về bốn điều đã. Còn cứ cãi nhau về sáu điều khác thì có sẽ chia rẽ và thua trận hoài.

Về tương lai cá nhân ông, Luật sư Steve Young cho biết, cuộc đời phần nhiều là cái số. Làm chính trị ở Mỹ phải có thì giờ. Vợ tôi không thích, vì không có thì giờ dành cho gia đình. Về chuyện Đại Sứ, ông nói cái đó tùy thuộc vào đường lối của ông Tổng thống. "Tôi thuộc đảng Cộng Hòa. Hồi xưa bố tôi và tôi thuộc đảng Dân Chủ. Tôi thấy đảng Dân Chủ theo phong trào phản chiến. Chính sách về quốc nội sai. Họ còn làm nước Mỹ suy yếu về ngoại giao, kinh tế và xã hội."

Biết hát nhưng không đẹp

Ông Steve Young phục vụ tại Việt Nam trong ba năm, qua chương trình bình định ở Vĩnh Long. Ông quen cố Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, qua ông Dương Hiếu Nghĩa năm 1969, nhờ đó ông biết về Tân Đại Việt. Ngoài ra, bạn của bố ông như Bác sĩ Trần Văn Đỗ, Bác sĩ Phan Huy Quát cũng cho ông biết nhiều về tình hình đảng phái quốc gia như Quốc Dân Đảng, Đại Việt, Cao Đài, Hòa Hảo và Cộng Sản Việt Nam.

Nói về kinh nghiệm rút được sau khi tiếp xúc với phía Cộng Sản Việt Nam và làm việc nhiều với phe quốc gia, ông cho biết cả hai bên đều có một số người, có tinh thần: nếu không ăn được thì đập bể. Điều này, theo ông, đã làm cho những người có thiện chí và giỏi không muốn làm chính trị, sợ mang tiếng, sợ bị chửi.

Lối làm chính trị đó, ông nói tiếp, sẽ làm khó giải quyết vấn đề căn bản. Người tốt sẽ tránh xa, nhường sân khấu chính trị cho những tài tử có lẽ biết hát, nhưng không đẹp. Hiện nay, các tài tử hát trên sân khấu chính trị Việt Nam cảm thấy, họ chỉ còn có năm phút nữa thôi, họ cố giữ, cố vơ vét, cố thu thật nhiều."

Ông cho biết, ông vẫn tiếp tục... Một phần lớn là vì quyền lợi chính nghĩa của nước Mỹ. "Tôi không nản. Tôi muốn nói là trong trận chiến này, phút cuối cùng, mình phải nói cho cả thế giới biết, người miền Nam yêu tự do và người Mỹ thắng. Cái đó mình phải làm."

Vẫn theo ông, hiện nay Cộng Sản Việt Nam muốn xây dựng một chế độ quân phiệt. Họ có khả năng làm điều này vì họ có tiền và có bộ máy công an. Nếu họ thành công thì nước Việt Nam và dân tộc Việt Nam sẽ thiệt thòi lớn. Tài của người Việt Nam sẽ không được tận dụng. Ông nói, trong nước 70 triệu dân là phần thân thể. Hải ngoại có hai triệu dân là phần trí óc. Người Cộng Sản không giỏi. Muốn cứu dân tộc Việt Nam phải làm sao cho trí óc và thân thể dính lại với nhau. Muốn làm chính trị cứu Việt Nam thì làm trong nước trước. Hải ngoại quan trọng nhưng không phải là ưu tiên.

Đáp câu hỏi về cố Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy, ông Steve Young, ngồi nhổm dậy, nói "Ôi giời! Tôi với ông Huy quen nhau một cách lạ kỳ. Đó là số trời. Hai người thân nhau hơn là anh em ruột thịt. Ông với tôi cùng sinh một ngày 2/11. Cách suy nghĩ và lối sống giống nhau, cùng học luật, cùng thích chính trị."

Ông Steve Young nói, "Cố Giáo sư Huy không nản, cho đến khi mất. Tôi cũng vậy. Mọi người có một thiên hướng, chiều nay tôi đi Pháp và chắc chắn sẽ về trước Giáng Sinh, để vận động cho việc phóng thích ông Nguyễn Đình Huy."■

11-1993

MEXICO VÀ NHỮNG NAN ĐỀ CỦA VIỆC CẢI TỔ KINH TẾ

LÊ MẠNH HÙNG

Những năm vừa qua, cải tổ kinh tế chiều hướng kinh tế thị trường đã biến nhiều nước trong thế giới thứ ba từ tình trạng nghèo đói tưởng như không thể nào ra khỏi thành ra những nước có một nền kinh tế được nhiều người chú ý. Có lẽ ít có nơi nào mà sự thay đổi đó được xem như thành công bằng Mexico. Nhưng chỉ hai tháng sau khi những thành quả của Mexico được vẻ vang công nhận khi Quốc Hội Hoa Kỳ thông qua thỏa hiệp về Khu Mậu Dịch Tự Do Bắc Mỹ, NAFTA liên kết các nền kinh tế Hoa Kỳ, Canada và Mexico thì đúng vào ngày 1 tháng 1 năm 1994, ngày NAFTA bắt đầu có hiệu lực, những tiếng súng phản đối đã nổ lên tại bang Chiapas phía nam của nước này. Đến nay, tiếng súng tuy đã ngừng nổ, nhưng những dư âm của cuộc phản kháng vẫn còn chưa dứt. Có phải là những cải tổ kinh tế sâu rộng của Tổng thống De Salinas là một sai lầm nghiêm trọng chăng? Dù thế nào chăng nữa, bài học của Mexico là một bài học quan trọng cho các nước khác nhất là đối với Việt Nam, nơi mà đảng Cộng Sản cầm quyền đang đứng trước một ngã ba đường cốt tử cần phải lựa chọn.

Cần phải nói trước, vấn đề nổi loạn lần này không phải là một chuyện quan trọng, Chiapas, bang thuộc vùng cực nam của Mexico không phải là một tiểu bang tiêu biểu cho đất nước này. Quân Đội Giải Phóng Dân Tộc Zapata có lẽ chỉ có chừng 2000 người, mà một số còn võ trang chỉ bằng súng gỗ. Và họ đã mau chóng bị quân đội Mexico đẩy lui vào vùng rừng núi, với một số thương vong khoảng 100 người. Nhưng chỉ sự hiện diện của họ đã làm cho chính phủ Mexico lo sợ. Sau khi cách chức vị bộ trưởng nội vụ cứng rắn, Tổng thống De Salinas không những đã ra lệnh đơn phương ngưng chiến nhưng còn đề nghị thương thuyết vô điều kiện với những người nổi loạn. Có thể một phần lý do cho những hành động này của chính phủ Mexico là những quan ngại về ngoại giao nhất là đối với Hoa Kỳ, muốn tránh những chỉ trích từ Mỹ là thỏa hiệp về mậu dịch chỉ củng cố thêm một chế độ độc tài tại Mexico, nhưng lý do chính tại đây có lẽ là nội bộ.

Khi tìm một giải pháp chính trị với những người nổi loạn, ông De Salinas chắc hẳn đã tìm cách đáp ứng với một tình cảm rộng rãi của quần chúng. Đa số dân chúng Mexico có lẽ chẳng muốn nổi dậy vũ trang chống chính phủ, nhưng tất cả đều có tình cảm với những đòi hỏi của những người nổi dậy, muốn công bằng xã hội, ruộng đất cho người cày và một quan tâm của xã hội với những người cùng khổ nhất. Những người nổi dậy đã diễn tả bằng bạo động những sự bất mãn thầm của đa số dân Mexico hiện vẫn chưa được thấy lợi gì qua những thay đổi.

Bài học của Chiapas là một bài học cho thấy các vấn đề kinh tế xã hội và chính trị quyện với nhau như những mắt lưới. Vấn đề đầu tiên là cái giá phải trả của xã hội trong cải cách kinh tế. Một trong những ảnh hưởng không may đầu tiên của việc cải tổ kinh tế theo đường lối thị trường là đào sâu thêm cái hố ngăn cách vốn đã sâu đậm tại các nước thứ

ba giữa giàu và nghèo. Với thời gian cái hố sâu này có thể từ từ khép lại, nhưng trong giai đoạn đầu đây là một chuyện tất yếu xảy ra.

Tuy nhiên chính phủ cũng có thể đóng góp một phần trong việc giảm thiểu các sự khác biệt này. Đối với nhiều nước vấn đề ở đây là vấn đề chính trị. Muốn làm giảm bớt hố sâu cách biệt cần phải có một sự cải tổ sâu rộng về hệ thống thuế khóa, thực thi nghiêm chỉnh vấn đề thâu thuế để ngăn chặn tệ nạn trốn thuế hầu như phổ quát tại tất cả những nước này. Với hầu hết tài nguyên ngân sách tại các nước thuộc thế giới thứ ba dựa trên thuế gián thâu, gánh nặng thuế đã đè nặng nhiều nhất lên trên những tầng lớp nghèo, trong khi đó các thuế trực thâu như thuế lợi tức, thuế đánh vào lợi nhuận tư bản lại hầu như không thâu được bao nhiêu. Một sự điều chỉnh thuế vụ sẽ trải gánh nặng ra cho đồng đều hơn trong xã hội. Chi tiêu công cũng có thể giúp giảm nhẹ tình trạng của người nghèo bằng cách bớt chi cho các xí nghiệp quốc doanh, quân đội, công an và hệ thống hành chánh mà chuyển sang cho y tế, giáo dục, và hạ tầng cơ sở nhất là tại các vùng quê. Tuy nhiên đây là một vấn đề rất khó thực hiện trên phương diện chính trị. Dân nghèo thường không có tiếng nói trong chính quyền mà ngược lại dù dưới chế độ gọi là cộng sản hay dân chủ, những thế lực của các hệ thống có sẵn luôn luôn tìm cách để dành phần lợi cho mình.

Một vấn đề quan trọng thứ hai và có lẽ là nguyên nhân chính của cuộc nổi dậy tại Mexico là vấn đề cải cách ruộng đất. Ông De Salinas đã làm một cuộc cải cách ruộng đất rộng lớn trên toàn cõi Mexico. Nhưng riêng tại bang Chiapas, cải cách này đã không giúp cho người dân bao nhiêu, đất đai của họ đã bị những tay có thế lực cướp mất, nhiều khi với sự giúp đỡ của những viên chức và tòa án địa phương trong cả một hệ thống tham nhũng cấu kết.

Nhưng có lẽ điểm gốc của những vấn đề này nằm trong cơ cấu tổ chức chính trị của Mexico. Giống như các nước cộng sản, Mexico không phải là một nước mà người ta có thể coi như là dân chủ. Một chính quyền trung ương tập quyền mạnh đã cai trị nước này kể từ sau năm 1911 dưới sự lãnh đạo của đảng cầm quyền, đảng Định chế Cách mạng (PRI/Institutional Revolutionary Party). Trong nhiều thập niên hệ thống này bảo đảm cho đất nước Mexico một sự ổn định chính trị khác với các nước châu Mỹ La Tinh nơi đảo chánh và quân đội cai trị xảy ra liên miên. Mexico cũng khác với các nước thuộc chế độ cộng sản là các vị tổng thống mặc dầu có quyền lực rất lớn nhưng không được quyền tái cử thành ra giúp cho đảng có thể có những đổi mới định kỳ. Nhưng nay hệ thống này đã trở thành một trở ngại. Về phương diện lãnh đạo hệ thống đã làm mất sự suy tư độc lập và tinh thần trách nhiệm. Còn ở phía dưới, các chính quyền tiểu bang hoặc thành phố không có đủ phương tiện để giúp làm nhẹ đi những bất công xã hội gia tăng mà sẽ còn tăng hơn nữa dưới ảnh hưởng của NAFTA, với chỉ 15% tổng số ngân sách mà hiện nay họ được hưởng. Quan trọng hơn cả là sự kiện Chiapas cho thấy đảng PRI nay đã sơ cứng không thể là một đường dây báo động cho những tranh chấp và căng thẳng của một xã hội càng ngày càng đa dạng và phức tạp dưới một chế độ kinh tế tự do.

Có thể một số người tại Mexico nhất là trong những giới chức quyền thế biện luận rằng cuộc nổi loạn tại Chiapas chứng tỏ nước họ chưa sẵn sàng cho một số chế độ dân chủ. Điều này cũng tương tự như những biện luận của những nhà lãnh đạo Trung Quốc hoặc Việt Nam muốn đòi hỏi phải ổn định chính trị trước khi nói đến dân chủ, nhưng quả thật họ đã sai lầm. Dân chủ cố nhiên là phải có những rủi ro chính trị. Đó chính là bản chất của một chế độ dân chủ. Và trong ngắn hạn việc cải tổ chính trị có thể tạo nên những bất ổn, và cũng có thể làm mạnh thêm quyền lực của những giới chức tham nhũng địa phương nữa, nhưng về trung hạn nếu muốn cải cách kinh tế thành công tại Mexico thì cần phải có cải tổ chính trị.

Thế giới hiện nay ai cũng nói đến kinh tế thị trường. Người ta nói đó là vì một nền kinh tế thị trường có hiệu quả tốt. Nhưng căn bản của một nền kinh tế thị trường là gì? Tính chất căn bản của một nền kinh tế thị trường là tự do. Nếu ta cho con người một số quyền tự do như quyền tư hữu và quyền tự do bán sức lao động của mình rồi sau đó để tự nhiên thì ta sẽ có một nền kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường là một chuyện tốt chính là vì tự do là một chuyện tốt.

Nhưng trong một xã hội tự do thì các định chế chỉ có thể cai trị được với một sự đồng tình của quần chúng và sự đồng tình này phải được bảo đảm bởi một sự phân quyền để không một cơ chế nào có thể chi phối mọi cơ chế khác. Chính vì sự thiếu phân quyền giữa hành pháp, lập pháp và tư pháp tại Mexico đã tạo ra khó khăn và ảnh hưởng ngay cả đến kinh tế. Cuộc nổi loạn tại Chiapas một phần chính là bởi những người dân tại đây đã không thể nào chứng tỏ những nỗi bất bình của họ qua những cuộc tuyển cử đã sắp đặt trước với mục đích để kéo dài quyền lực của những người áp bức họ, và cũng bởi vì họ không thể nào dùng tòa án để giải quyết cho họ những bất công mà họ phải chịu.

Sắp tới Mexico sẽ có một cuộc bầu cử tổng thống, người nào thắng trong cuộc tuyển cử này sẽ có một cơ hội ngàn năm một thuở để chuyển Mexico sang một chế độ dân chủ thực sự. Nếu đảng PRI thắng, đảng sẽ phải có một quyết định tự nguyện hợp lý để từ bỏ một số lớn đặc quyền và quyền lực của mình. Có thể điều này là một đòi hỏi quá khó khăn nhưng nếu không thì triển vọng là quyền lực của PRI cũng sẽ dần dà đi tới một sự sụp đổ hoặc bạo động hoặc không bạo động, và một phản ứng mạnh mẽ của quần chúng chống lại những cải cách kinh tế mà ông De Salinas đã cố gắng thực hiện trong bảy năm qua. Và nếu chuyện đó xảy ra thì sẽ là một điều rất đáng buồn cho Mexico.■

Cáo lỗi: Tòa soạn TK21 chân thành cáo lỗi cùng tác giả Lê Mạnh Hùng và quý độc giả: Do một sơ suất khi chạy bài từ đĩa điện toán, đã in lại bài "Trung Quốc: Đông Phương không còn hồng nữa." trên số 58. Bài này đã đăng trên số 53!

TƯƠNG QUAN GIỮA Y GIỚI VIỆT NAM HẢI NGOẠI VÀ NỀN Y TẾ QUỐC NỘI HIỆN TẠI

NGUYỄN GIA ÂN

Dẫn nhập

Sau những biến chuyển đột ngột ở Nga Sô và Đông Âu, người Việt ở trong nước và hải ngoại, ai ai cũng chắc mẫm sẽ có một biến cố ngoạn mục tương tự ở Trung Quốc và Việt Nam.

Nhưng mấy năm đã trôi qua, hai nước này vẫn bình chân như vại, không có dấu hiệu gì "giẫy chết" hoặc "sắp tan rã" như chúng ta đã tưởng.

Rõ ràng là có một dị biệt lớn lao giữa bức tường sắt, bức tường Bá Linh và giải màn tre ở Việt Nam hay Trung Quốc.

Lý do chính là giải màn tre đã được trồng lên bằng máu và thân xác của hàng trăm triệu người chống đối bị tàn sát qua các cuộc đấu tố cải cách, những bước nhảy vọt và những cuộc chiến chinh.

Máu đã đổ quá nhiều,

Hận thù đã quá sâu đậm.

Lòng nghi kỵ như một căn bệnh nan y, không dễ gì một sớm một chiều tan biến.

Chắc chắn là giới cai trị hiện tại ở Việt Nam không bao giờ dám từ bỏ quyền bính đang nắm vững trong tay với hơn một triệu bộ đội và một hệ thống công an kềm kẹp chặt chẽ.

Không phải là họ còn tin tưởng ở cái chủ nghĩa Marxist ngoại lai vô lý, đang bị đào thải kia, nhưng họ biết chắc đang ở thế cỡi cọp, nếu giải thể chế độ ngay thì sẽ bị tiêu diệt bởi dân chúng vì họ đã tạo ra quá nhiều kẻ thù. Họ sẽ không lùi bước trước bất cứ những cuộc bạo động, chống đối nào, vụ Thiên An Môn ở Trung Quốc, những vụ đàn áp Phật giáo ở Việt Nam là những cảnh cáo nặng nề cho những ai đang tin tưởng vào thái độ cởi mở của hai quốc gia này.

Nhưng theo trào lưu tiến hóa của thế giới, giới cai trị ở Việt Nam và Trung Quốc dù muốn dù không cũng phải chấp nhận một cuộc **chuyển hóa.**

Họ đã cố gắng tìm đủ mọi cách để giao dịch với các quốc gia giàu mạnh trên thế giới, nhiều lúc với thái độ quá mềm dẻo, nếu không muốn nói là hèn hạ. Họ đã gởi một số lớn chuyên viên, sinh viên ra nước ngoài du học tu nghiệp. Dĩ nhiên những người này phải thuộc thành phần tin cẩn, hay con ông cháu cha.

Họ kêu gọi thế giới đầu tư vào Việt Nam với những điều kiện dễ dàng, nhưng trên thực tế tất cả các cuộc đầu tư đều gặp nhiều trở ngại, vì sao chắc ai cũng biết.

Mấy năm gần đây, đã có không biết bao nhiêu cuộc hội thảo diễn thuyết, những bài tham luận, góp ý về nhiều đề tài tái thiết Việt Nam, những diễn giả, tác giả luôn luôn cẩn thận kèm thêm ba chữ "Hậu Cộng Sản". Quả thật ba chữ này là cái bùa hộ mệnh che chở cho cái đầu khỏi bị chụp nón cối.

Với cái nhìn của một y sĩ, vấn đề y tế ở Việt Nam tại quốc nội không thể chờ đợi được nữa, cuộc chuyển hóa dần dần biết bao giờ mới đạt được "trình độ hậu Cộng Sản"?

Y giới đã đắn đo, do dự suy tư quá nhiều, quá lâu rồi. Chuyện bệnh tật, tử sinh là chuyện cấp bách, phải được ưu tiên giải quyết càng sớm càng tốt.

Dĩ nhiên con đường đã lựa chọn sẽ lắm chông gai cạm bẫy, đi giữa hai lằn đạn của bạn và của kẻ thù.

Sự tương quan mật thiết giữa nền y tế quốc nội hiện tại và y giới hải ngoại rất chặt chẽ, nếu không muốn nói thái độ của y giới hải ngoại quyết định sâu đậm tình trạng sức khỏe của dân chúng trong nước.

Vấn đề y tế ở quốc nội hiện tại

Tình trạng y tế Việt Nam có thể mô tả là tồi tệ, bết bát, chậm tiến, kẻ viết bài này không dùng những bản thống kê của chính phủ Cộng Sản, của Liên Hiệp Quốc v.v... vì biết chắc các tài liệu đó đã được phô trương, phóng đại.

Chắc chắn không có ai ngây thơ tin rằng số tử vong của trẻ em ở Việt Nam tương đương với Canada, Mỹ Quốc.

Qua một số nhân chứng đã từng đi, từng sống ở Việt Nam, từ thôn quê cũng như thành thị, qua sự liên lạc với một số đồng nghiệp hiện còn kẹt lại tại Việt Nam và một số y sĩ đã trở về Việt Nam để tìm hiểu, hoạt động, ta có thể có một cái nhìn bao quát tương đối khách quan về nền y tế tại quốc nội.

Nhân sự

Sau ngày Việt Cộng chiếm đóng miền Nam, gần sáu, bảy trăm bác sĩ "Ngụy" đã nhanh chân chạy thoát, số bác sĩ kẹt lại bị đưa đi học tập cải tạo. Các bác sĩ ngoài Bắc và trong bưng đua nhau tiếp thu các cơ sở, bệnh viện của Việt Nam Cộng Hòa.

Các "bác sĩ" ở trong bưng với

quá trình hồng hơn chuyên, đi từ y công lên y tá, y sĩ, bác sĩ. Khỏi cần phải nói nhiều về phẩm chất, và sự hiểu biết y khoa của họ. Một số lớn sau khi đã lên chức "bác sĩ" đã phải trở về học lại khóa bổ túc văn hóa.

Sau khi tiếp thu các bệnh viện họ nắm giữ những chức vụ quan trọng. Có nhiều bác sĩ bị kẹt lại, được miễn học tập cải tạo vì một lý do nào đó, phải làm dưới quyền của họ đã kể lại những lối chữa trị cười chảy nước mắt, vượt ra ngoài sự tưởng tượng của một người bình thường. (như dùng địa long (trùn) làm thuốc chích ngừa sốt rét, lấy phân người làm thuốc, bắc chước Trung Quốc, lấy nước dừa làm serum...)

Số bác sĩ đào tạo ở Bắc có trình độ khoa học cao hơn, nhưng không có dịp tiếp xúc với y khoa thế giới bên ngoài nên trình độ cùng lắm là tương đương với các y sĩ Đông Dương của những thập niên 40.

Gần ba năm sau, sau khi bị các phái đoàn ngoại quốc tham quan khuyến cáo là phải dùng lại các bác sĩ "ngụy" trong ngành y tế, các bác sĩ bị học tập cải tạo mới được thả ra, nhưng sau vài tháng làm việc dưới quyền các bác sĩ Việt Cộng, thấy không thể cộng tác được với nền "y khoa rừng rú", các bác sĩ Ngụy vừa được thả, một chân còn ở lại bịnh viện, chân kia lò dò ra Rạch Giá, Cà Mau tìm đường vượt biên.

Và phần lớn đã thành công với những chuyến đi bán chính thức.

Để điền vào khoảng trống này, chính quyền Cộng Sản mở một loạt bốn, năm trường đại học y khoa nữa. Phẩm chất các bác sĩ này chắc cũng không vượt khỏi mức trung bình.

Cho đến nay số bác sĩ ra trường đã thặng dư. Muốn kiếm được một chỗ làm, một bác sĩ thường phải đút lót một cây và ít nhất ba, bốn năm sau mới lấy lại vốn với số lương chết đói.

Cơ sở, dụng cụ thuốc men.

Các cơ sở bị chiếm đóng, kể từ ngày miền Nam thất thủ, hầu như vẫn giữ y tình trạng như cũ. Các hệ thống điện, nước, dần dần bị hư hại và không được chỉnh trang lại. Chỉ còn một vài bệnh viện mới xây như Chợ Rẫy... giữ được phong độ của một bệnh viện tương đối tốt, nhưng lại chỉ dành cho các cán bộ cao cấp.

Sau khi tiếp thu, một số dụng cụ y khoa tối tân đã được chở về Bắc trang bị cho các bệnh viện của chính quyền.

Một số ít dụng cụ còn lại (quang tuyến, đồ mổ...) hao mòn dần vì không được bảo trì đúng mức, những bộ phận hư hỏng không có thể thay thế. Một số dụng cụ được các nước ngoại quốc viện trợ (Pháp, Nhật...) nhưng không có chuyên viên sử dụng được. Một y sĩ vừa từ Sàigòn qua cho biết có thấy một máy bắn tia lazer để mốc meo trong kho.

Về thuốc men, lúc đầu Việt Cộng cũng sản xuất được một số thuốc nhờ các hãng bào chế cũ để lại, về sau, phẩm chất thấp dần vì chuyên viên kém và một số nguyên liệu đã bị lấy cắp bán ra ngoài.

Bây giờ thì thuốc men không thiếu một thứ gì ở Chợ Trời.

Hầu hết ở các nước Bắc Mỹ, Âu Châu, Úc Châu đều có những dược phòng công khai tranh giành nhau trong dịch vụ gởi thuốc về Việt Nam từ mười mấy năm qua.

Tóm lại, ở Sàigòn và các tỉnh lớn, nếu có tiền, có thể mua bất cứ thuốc gì. Ở thôn quê, thuốc tây hầu như không có, họa hoằn lắm, mới có một ít thuốc cảm cúm thông thường, dân quê bị bệnh thường phải dùng thuốc Nam, thuốc gia truyền, châm cứu...

Hệ thống hành chánh và y tế

Thủ tục hành chánh này thực là nặng nề và quái đản.

Lấy thí dụ một bệnh nhân ở một xã nọ bị bệnh ruột thừa, đương sự phải được y tá xã khám và cấp giấy giới thiệu lên phường, rồi mới được lên quận, sau đó mới được đến một bệnh viện tỉnh để được giải phẫu.

Thường thường sau những thủ tục hành chánh này, căn bệnh đã nặng thêm nhiều tầng, lắm lúc nguy hiểm đến tính mạng.

Dĩ nhiên chỉ có người dân mới phải theo những thủ tục rườm rà này, các cán bộ hoặc những người giàu có, có thể đi ngay đến bệnh viện qua những con đường rẽ khác.

Song song với hệ thống y tế công cộng này, còn có một hệ thống phòng mạch tư, thường do các bác sĩ cũ sót lại cáng đáng. Các phòng mạch này rất đông khách, bác sĩ vừa khám vừa bán buôn thuốc do thân nhân ngoại quốc gởi về, vừa mổ xẻ tại gia -- ngay cả giải phẫu thẩm mỹ nữa. Điều hơi bất thường là không những chỉ dân chúng mà ngay cả các cán bộ cũng chỉ tin các "bác sĩ Ngụy".

Với một nền y tế như thế, ai ai cũng thấy rõ người bị thiệt thòi nhất vẫn là những người dân quê, xa thành phố. Họ sống trong nghèo đói, thiếu dinh dưỡng triền miên, lãnh đủ mọi thiên tai như lụt lội, bão tố hàng năm, kèm theo những bệnh dịch không thể nào tránh khỏi.

Những chương trình cứu trợ nếu có, chắc chắn phải nhắm đến giới dân quê này, họ chiếm hơn 80% dân số, nếu có đầy đủ sức khỏe, được hướng dẫn về tinh thần, họ sẽ là lực lượng duy nhất có thể đập tan bất cứ mọi bạo lực nào.

Y giới hải ngoại

Trong bài này tác giả không dám lạm bàn về hai giới Nha và Dược. Trong bốn, năm năm nay, một số giới chức của ba ngành đã cố gắng bàn thảo để ngồi chung lại hầu lập thành một "khối y giới" để sự điều hợp được dễ dàng trong các công tác y tế. Nhưng hình như những nỗ lực này đã bị chống đối mạnh mẽ. Không ai chấp nhận một Nhạc Bất Quần, Tả Lãnh Thiền hay Đông Phương Bất Bại.

Các y sĩ ở hải ngoại có thể chia làm hai thành phần.

Các y sĩ tốt nghiệp và đã phục vụ tại Việt Nam trước 75

Phần lớn đã từng phục vụ trong quân, dân y, dù muốn dù không họ đã đứng vào hàng ngũ chống cộng, không chấp nhận chính phủ đang cầm quyền.

Số y sĩ được may mắn chạy thoát năm 75, sau khi định cư, các quốc gia thâu nhận họ đã dành nhiều đặc ân, nên phần lớn đã trở lại nghề dễ dàng. Mấy năm sau, số thuyền nhân càng ngày càng

lên cao nên chỉ số "y sĩ boat people" đã gặp nhiều khó khăn hơn qua những đạo luật vô lý, quái đản.

Như đã nói trên, hầu hết các y sĩ này đều có ý thức chống Cộng rõ rệt vì đã biết không ít thì nhiều về Cộng Sản. Nhưng mức độ căm thù Việt Cộng thì khác nhau nhiều lắm. Các bác sĩ bị học tập cải tạo làm sao có thể quên được những đòn thù, những sự ngược đãi, nhục mạ của bọn cán bộ quản giáo dành cho họ.

Các y sĩ này đã làm được gì trên đất nước họ định cư?

Sau những năm đầu khốn đốn vừa làm vừa học, hầu hết đã lấy lại được bằng hành nghề, thấy lại được ánh sáng cuối đường hầm.

Có người mở phòng mạch, thân chủ phần lớn là người Việt. Một số làm việc trong các bệnh viện, cơ quan chính phủ.

Sau một vài năm làm ăn, công việc vững vàng, vấn đề tài chánh đã được thỏa mãn, họ mới thấy nhu cầu bạn bè đồng nghiệp.

Các hội y sĩ của từng tiểu bang, từng vùng, lần lượt ra đời. Thường thường hoạt động của các hội này không vượt qua mục đích của một hội ái hữu, lo việc quan hôn tang tế. Xuân Thu nhị kỳ mở dạ hội để gặp gỡ nhau, trao đổi những kỷ niệm xưa, những kinh nghiệm hành nghề tại xứ này, tổ chức một vài khóa hậu đại học, xuất bản một vài nội san tạp chí.

Mãi cho đến năm 86, Hội y sĩ Canada có ý kiến tổ chức một hội y sĩ Việt Nam trên toàn thế giới, bao gồm tất cả mọi hội. Từ đó cứ hai năm một lần, các y sĩ tị nạn khắp bốn phương lại có dịp gặp gỡ nhau trong các kỳ đại hội.

Trên phương diện ái hữu thuần túy thì các hội đoàn địa phương đã thành công. Nhưng khi đến mức độ hội y sĩ thế giới thì vấn đề trở nên rắc rối. Hội này không có thực lực, hội viên thực sự còn quá ít, về hoạt động, mãi cho đến đầu năm 93 vẫn còn loay hoay ở mục điều lệ.

Có thể nói hội y sĩ thế giới là một hội hữu danh vô thực.

Các y sĩ trên với quá trình chống Cộng qua những kinh nghiệm sống với Việt Cộng, có thái độ, ý kiến gì về nền y tế Việt Nam hiện tại?

Ta không thể chờ đợi kết quả bản thăm dò của hội y sĩ thế giới mới phân phát vào tháng 7/93.

Nói chung, phần đông ngoảnh mặt làm ngơ, theo đúng chỉ thị của các ban chấp hành, là bây giờ không làm gì cả, đợi thời kỳ hậu Cộng Sản sẽ hay. Trên thực tế, khó mà trách họ được, sau 18, 19 năm ở ngoại quốc, bị ràng buộc vào cuộc sống ở các xứ đang định cư, tuổi tác chồng chất, sức khỏe suy mòn, đòi hỏi ở họ những hoạt động nâng cao sức khỏe đồng bào trong nước quả là những điều không tưởng.

Một số bác sĩ còn có chút nhiệt tâm, đã âm thầm về nước, quan sát những gì mình có thể làm được. Có người trở về, tìm kiếm, đào tạo một số tay chân trong các tôn giáo, dùng làm hạ tầng cơ sở, từ đó họ phân phối các y vụ, thuốc men thực phẩm.

Có người trở về quê cũ, lập một trạm y tế, một trường học rồi hàng năm gởi tiền bạc về điều hành. Cũng có người trở về bệnh viện đã phục vụ lúc trước để hoạt động.

Xin đừng đội cho họ cái nón cối Việt Cộng, sự thật, họ chỉ là những kẻ có lòng.

Cách đây hơn sáu năm, một y sĩ đàn anh nổi tiếng đã nói nếu không kết hợp được một thành phần trẻ tốt nghiệp ở ngoại quốc, các hội y sĩ địa phương đương nhiên sẽ trở thành các hội y sĩ cao niên "Rồng Vàng" rồi sẽ bị đào thải. Lời tiên đoán trên đã thành sự thật trong tình trạng hiện tại.

Thực vậy, hội y sĩ Canada, một hội y sĩ có thực chất, biết nhìn xa, đã nhiều lần cố gắng tiếp xúc, thuyết phục các y sĩ trẻ gia nhập hội mình nhưng đã thất bại rõ ràng.

Sự dị biệt quá lớn về tuổi tác, vai vế, những quá khứ, kỷ niệm, cách suy tư, xử thế đã là những khoảng cách quá lớn khó mà lấp đi được.

Lúc này ta có thể khẳng định là không thể có một hội y sĩ hai giới trẻ và già ngồi chung hoạt động được.

Các y sĩ trẻ được đào tạo ở nước ngoài

Tuy chưa có bản thống kê chính thức, nhưng chắc chắn số y sĩ trẻ xuất thân tại các đại học y khoa ngoại quốc kể từ gần 20 năm qua không dưới hai ngàn người, thường, họ là những bác sĩ chuyên khoa có trình độ cao, hành nghề giống đúc như những y sĩ ở quốc gia đã đào tạo họ.

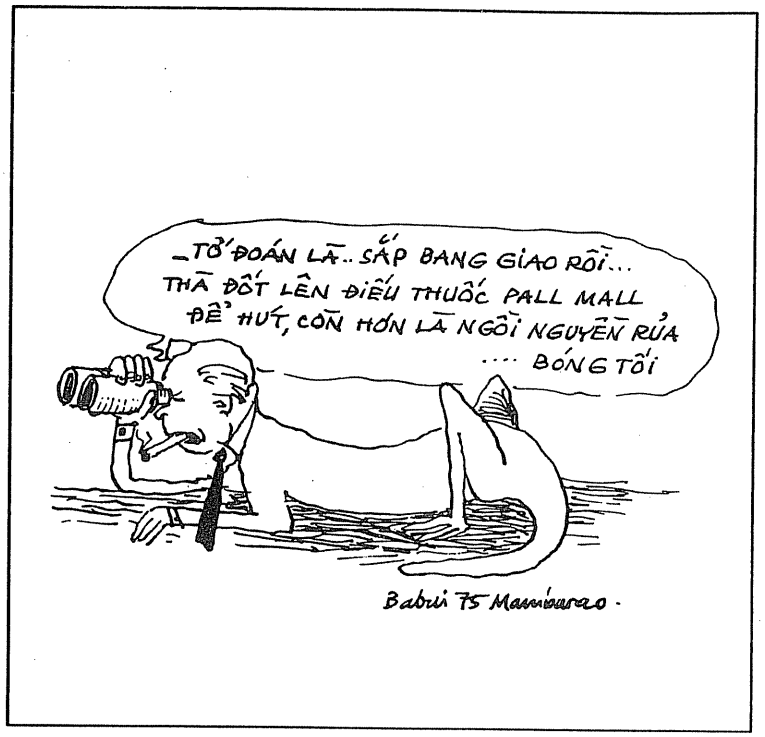

Một số vẫn còn biết được, tha thiết nghĩ đến nước Việt và cũng như các y sĩ thuộc các quốc gia di dân khác, mộng ước của họ là được về phục vụ, thăm viếng đất nước của mình năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp.

Tuy nhiên tình trạng kinh tế của họ rất khác biệt.

Một bác sĩ chuyên khoa ở Mỹ, sau khi tốt nghiệp thường phải nợ ngân hàng cả trăm ngàn đô la, học xong, họ phải hùng hục làm việc để trả nợ và tồn tại trong nếp sống tư bản ở Mỹ, có thể nói thẳng là các y sĩ này bị quay cuồng trong cơn lốc tài chánh, công nợ, tiền bảo hiểm, nhà cửa, xe cộ..., họ ít có thì giờ đến với Cộng Đồng Người Việt chứ đừng nói gì đến cái xứ Việt Nam xa xôi nào đó. Muốn họ có một lý tưởng, giúp dân, giúp nước, không phải là điều dễ dàng, cần phải có sự hỗ trợ, hướng dẫn của gia đình từ đầu.

Ở Pháp, Canada, Úc..., vào học Y, Nha, Dược dễ dàng hơn, chỉ cần sinh viên có số điểm trung học hoặc dự bị y khoa cao, và qua một vài kỳ khảo hạch, có thể được thâu nhận dễ dàng vào các Đại Học Công Lập với chi phí nhập học rất ít!

Các y sĩ trẻ này tốt nghiệp xong, còn có thể dành dụm được một ít tiền vì trong thời gian thường trú họ đã có lương.

Các y sĩ này, sau khi ra trường có thể bỏ ra dễ dàng vài tháng, vài năm trở về quê hương phục vụ đồng bào khốn khổ của mình, nếu họ thấy những hoạt động y khoa thuần túy của họ là đúng.

Thiết nghĩ sự dấn thân các y sĩ trẻ có tâm huyết, đầy đủ sức khỏe, phẩm chất về y khoa rất cao, cái nhìn về tổ quốc chưa bị bóp méo bởi cuộc chiến tương tàn vừa qua, sẽ nâng cao trình trạng y tế tồi tệ hiện tại trong nước và sức khỏe của dân chúng.

Phải để cho họ có cơ hội thành lập những hội y sĩ riêng, với những mục đích chính xác và rõ ràng của họ. Họ sẽ sinh hoạt tự nhiên hơn, không gò bó như hiện tại, trong các hội y sĩ mà các bậc đàn anh, cha chú, luôn luôn dành phần quyết định.

Ở Montreal, Canada, một hội Nha sĩ trẻ vừa được thành lập vào tháng 12/93. Chắc chắn là họ phải đương đầu với nhiều vấn đề phức tạp về phía Cộng Đồng Việt Nam hải ngoại cũng như chế độ Cộng Sản trong nước. Kết quả ra sao chưa ai biết rõ, nhưng chắc chắn những hoạt động của họ đáng được khuyến khích và hỗ trợ.

Thay phần kết luận

Tác giả có những nhận định sau: Nền y tế hiện tại tại quốc nội tùy thuộc rất nhiều vào thái độ của y giới hải ngoại. Thực là một điều đáng buồn nếu giới này cho rằng hơn 70 triệu dân Việt trong nước đều có liên hệ với Việt Cộng, nâng cao trình trạng sức khỏe của họ chỉ có lợi cho Cộng Sản, phải để cho tất cả đồng bào phải nghèo đó, bệnh tật, chết dần chết mòn thì chế độ Cộng Sản mới suy tàn, cáo chung.

Nghĩ như vậy chẳng khác nào muốn cứu một số trẻ con bị bọn cướp bắt làm con tin, lực lượng bao vây nhất định không cung cấp thực phẩm, nước uống, vài tuần sau bọn cướp chắc chắn sẽ bị chết đói, còn số phận các trẻ con ra sao họ không cần nghĩ đến.

Cho đến nay, dù chưa có thông cáo chính thức, luật "cấm vận y tế" đã được áp dụng triệt để.

Bây giờ, nếu ta thử nhìn lại tình hình chung của các biến chuyển trên toàn cầu, chắc chắn ta phải thay đổi thái độ.

Nhìn về Việt Nam, **cuộc chuyển hóa đã bắt đầu**, với tư cách của một y sĩ ta phải nâng cao tình trạng sức khỏe của quần chúng, có no đủ, có khỏe mạnh, toàn dân mới có đủ sức đương đầu với bạo quyền Cộng Sản.

Dù muốn, dù không, trong vòng mười năm nữa, số y sĩ di tản từ năm 75 sẽ tàn lụn dần, hoặc bị lôi cuốn vào quỹ đạo của quốc gia họ đang sống. Thế hệ này sẽ biến mất.

Trong lãnh vực y tế, giới y sĩ trẻ với bầu nhiệt huyết tràn đầy, sẽ là chiếc chìa khóa mở đường cho vấn đề nâng cao sức khỏe của đồng bào để đưa đất nước đến chỗ phồn thịnh.

Ngay từ bây giờ, chúng ta phải khuyến khích họ thành lập những hội đoàn y sĩ để sinh hoạt chung. Một khi đã thông suốt được vấn đề, được cố vấn cách thức hoạt động, nhất là đối với Cộng Sản, họ sẽ không ngần ngại dấn thân vào đại sự.

Tương lai, họ sẽ là những tiềm năng chủ yếu trong các chương trình, các công cuộc cải cách trong một thể chế chính trị hậu cộng sản, một thể chế mà hiện ta khó biết được thế nào với đà chuyển hóa đang quẫy mạnh.■

NÓI THẲNG VỚI ĐẢNG CỘNG SẢN

NGUYỄN THANH GIANG

LTS - Chế độ Cộng Sản đã từng là mối họa của loài người và của nước Việt Nam. Nay một phần lớn nhân loại đã thoát khỏi mối họa ấy nhưng nước Việt Nam thì chưa. Xã hội bị kèm kẹp man rợ theo lối trại lính tuy không còn nữa trong thời kỳ đổi mới, nhưng Việt Nam lại đối diện với một nguy cơ mới, đó là sự biến thái từ một đảng chính trị độc tài sang một tổ chức Mafia có súng ống thao túng trên dân tộc và đất nước. Dân tộc đang bị băng hoại theo một lối mới, và đất nước đang bị tan hoang vì một bọn con buôn vô trách nhiệm.

Nhiều người từ trong nước, trong đảng hay ngoài đảng, đã nhìn rất rõ mối nguy to lớn và mới mẻ ấy, bất chấp nguy hiểm cho bản thân, đã liên tiếp lên tiếng phản kháng và báo động trực tiếp với giới lãnh đạo đảng. Đó là những Phan Đình Diệu, Nguyễn Kiến Giang, Hà Sĩ Phu, Trần Minh Thảo... và gần đây nhất là bản kiến nghị của Nguyễn Thanh Giang viết tại Hà Nội ngày 20-11-93, gởi cho Ban Chấp Hành Trung Ương đảng Cộng Sản Việt Nam nhân dịp sắp có Hội nghị Đại biểu toàn quốc của đảng. Nguyễn Thanh Giang là một chuyên viên Địa Vật Lý thuộc Cục Địa Chất Việt Nam, hiện đang làm việc và cư ngụ tại Hà Nội.

Nhận thấy đây là một tài liệu phân tích tình hình xã hội Việt Nam hiện tại một cách khá sâu sắc và trung thực, chúng tôi xin đăng tải sau đây hầu hết toàn văn của bản kiến nghị, chỉ lược bỏ bớt vài đoạn ngắn để tránh rườm rà.

Hà Nội 20 tháng 11 năm 1993

Kính gởi: Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Cộng Sản Việt Nam

I- Đánh giá tình hình xã hội Việt Nam hiện nay

Quá trình đổi mới vừa qua đã cho phép chúng ta gặt hái những thành tựu đáng khích lệ về mặt kinh tế. Do bước đầu hình thành được nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, đời sống kinh tế nước ta đã bắt đầu khởi sắc, đã tạo được nhịp độ tăng trưởng kinh tế tương đối nhanh có sự nhảy vọt trong kim ngạch xuất khẩu cùng với những tiến bộ kìm chế lạm phát và những triển vọng về tín dụng, viện trợ và đầu tư nước ngoài.

Từ chỗ phải xếp hàng để mua một mớ rau đến chỗ có thể mua thịt, cá mà không cần tem phiếu, từ chỗ phải đăng ký mới được cho mua phân phối một chiếc chậu rửa mặt đến chỗ có thể tự do xây nhà, mở quán..., ai cũng thấy rõ ràng đã có đổi đời về mặt kinh tế.

Tuy nhiên đời sống xã hội nói chung không được tốt đẹp. Xã hội tồn tại không dựa trên sự công khai và trung thực nên lòng tin bị hủy hoại ghê gớm. Sự nguỵ tạo, dối trá lan tràn từ hoạt động thương mại sang hoạt động khoa học và giáo dục, từ cơ quan hành chánh đến cả cơ quan tư pháp...

So với các nước tư bản, nạn thất nghiệp ở ta không những vượt xa về số lượng và tỉ lệ mà còn hết sức đáng phàn nàn về cơ cấu thất nghiệp. Không chỉ có người lười biếng, kém cỏi mà cả thanh niên trai tráng, những người cần cù, thông minh và rất ham lao động, những tài năng thật sự, những trí tuệ rất đáng tôn trọng v.v... cũng bị thất nghiệp. Người lao động, kể cả chân tay và trí óc, bị rẻ rúng đến mức các ông chủ cứ mặc nhiên sa thải không cần tuyên bố, không cần bảo đảm những quyền lợi tối thiểu mà nhà nước tư bản thường buộc phải giành cho người thất nghiệp.

Những chỉ số về nạn mãi dâm, xì ke ma túy, cướp của giết người, tự tử, bắt bớ giam cầm trái pháp luật, trẻ em thất học và suy dinh dưỡng... đều thật là đáng sợ.

Buôn lậu, tham nhũng đã thành quốc nạn ngày càng phát triển mà chưa thấy có khả năng kiểm soát. Người lao động bị bóc lột, hà hiếp mà không tìm được sự che chở của luật pháp, không có sự bảo trợ của chính sách xã hội v.v...

Dường như chúng ta chỉ mới tạo được lớp váng kinh tế nhấp nhoáng trong khi đại bộ phận nhân dân vẫn bị ngụp lặn trong một môi trường ô nhiễm nặng.

Tình hình trên đòi hỏi một số chủ trương chính sách lớn phải được xem xét, bàn bạc với tinh thần nghiêm túc và thái độ thực sự cầu thị.

II- Về sự phân hóa giai cấp và phân tầng xã hội

Rõ ràng đang có sự manh nha một giai cấp tư sản mới chủ yếu dựa vào các hoạt động buôn lậu và tham nhũng. Giai tầng này bao gồm các quan chức có quyền lực trong bộ máy Đảng và Nhà Nước ở mọi cấp, mọi ngành (chủ yếu ở hải quan, thuế vụ, ngân hàng, ngoại giao, hàng không) cấu kết chặt chẽ với bọn gian thương, lưu manh và với bè lũ bộ hạ cò mồi. Sau hơn sáu năm tung hoành ở các khâu mua bán hàng hóa, vận chuyển hàng hóa, trốn thuế và vô hiệu hóa ở các cơ quan pháp luật, tầng lớp này đang phát triển và giàu có lên rất nhanh. Một tài liệu

thống kê cho biết vốn lưu hành trong khu vực buôn lậu đã lên tới 24 tỉ đôla Mỹ. Vậy là ở Việt Nam đang diễn ra một quá trình tích lũy nguyên thủy rất tàn khốc. Phải chăng như thế có nghĩa nước ta đang đi vào thứ chủ nghĩa tư bản hoang dại?

Quá trình tích lũy tư bản nguyên thủy từng xảy ra ở nhiều nước trên thế giới và ngay trong lịch sử nước ta. Tuy nhiên, quy trình tích lũy tư bản ở các nước và ở Việt Nam trước đây chủ yếu dựa vào tiến trình đầu tư sản xuất, từ đấy tạo nên tư bản thông qua bóc lột giá trị lao động thặng dư. Trong khi đó quy trình tích lũy nguyên thủy của tầng lớp tư bản mới ở Việt Nam hiện nay chủ yếu thông qua quyền lực và những thủ đoạn gian lận để cướp đoạt tài sản của nhà nước và của nhân dân.

Giai cấp tư sản này chi phối đời sống chính trị và sẽ thống trị nhân dân ta. Điều đáng nói là nếu như giai cấp tư sản ở các nước và ở ta trước đây còn có chút tài năng về tổ chức sản xuất, kinh doanh thì tầng lớp tư sản mới này chỉ có "tài" ăn cướp, móc ngoặc. Chúng sẽ tàn bạo hơn tư sản phương Tây rất nhiều. Thật là tai họa cho dân tộc ta, hiện tại cũng như tương lai!

Ngay bây giờ, tầng lớp tư sản mới đã đang lũng loạn ghê gớm nền kinh tế và góp phần tích cực phá hoại nền văn hóa dân tộc ta.

Do không thể kiên trì làm tư sản dân tộc, họ chạy đua trở thành tư sản mại bản. Họ không chỉ mua bán lòng vòng tài sản tập thể cho nhau mà còn bán cả tài sản quốc gia cho nước ngoài. Họ đào bới bừa bãi các vùng quặng mỏ. Họ chặt phá tan hoang các rừng cây xanh. Họ sẵn sàng nhận ồ ạt hàng ngoại vào chèn lấn và bóp chết tiểu thủ công và công nghệ trong nước. Tiền của phù du mà họ kiếm được một cách quá dễ dàng kích thích họ thả cửa ăn chơi, làm lan truyền một lối sống trác táng, vô nhân bản, phi văn hóa trong xã hội.

Trong khi đó, những ai đang bị đẩy xuống tầng lớp nghèo khổ?

Không phải chỉ có những người lười biếng, vô nghề nghiệp. Trớ trêu thay là ở đây lại gồm những trí thức tài năng bị vô hiệu hóa, những cựu chiến binh đã từng rơi xương đổ máu, những người lao động chân chính không đang tâm chịu làm các trò ma giáo.

Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội là không tránh khỏi và đành chấp nhận. Đảng và Nhà nước chỉ nên có cơ chế kiểm soát và tiết chế nó. Nhưng, phân hóa giàu nghèo tạo nên do bất công và lại cùng góp sức tạo thêm bất công thì không thể dung thứ.

Đáng tiếc là một số cán bộ của ta rao giảng mập mờ rằng tham nhũng là hiện trạng phổ biến của thế giới, bất công là không thể tránh khỏi.

Họ nói "chúng ta phải lùi một bước về sự công bằng để tạo bước nhảy cho sự phát triển. Có phát triển mới có điều kiện để giải quyết công bằng xã hội."

Thì ra chỉ khi nào giàu lên rồi, thì mới thực hiện công bằng xã hội, mới sống có đạo lý được?! Thế mà nhân dân ta thì đã từng bát cơm xẻ nửa, hạt muối cắn đôi. Thế mà Hồ Chủ tịch thì đã từng nói "Không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng."

Tham nhũng thì đâu cũng có nhưng có lẽ không ở đâu tràn lan, tai hại và bẩn thỉu như ở Việt Nam. Tham nhũng ở Việt Nam không chỉ là sản phẩm tiêu cực của kinh tế thị trường mà chủ yếu là do di sản của tệ đặc quyền đặc lợi.

III- Ổn định chính trị hay ổn định xã hội?

Cải tạo, đổi mới kinh tế đòi hỏi phải cải tạo, đổi mới chính trị tương ứng thì mới giữ được ổn định xã hội. Chỉ tăng cường ổn định chính trị, tất sẽ dẫn đến phá vỡ ổn định xã hội.

Trong xã hội có giai cấp, mỗi cơ sở kinh tế nhất thiết đòi hỏi một cấu trúc chính trị thích ứng, mở rộng kinh tế thị trường tức là kết cấu lại các quan hệ giữa các giai tầng xã hội thì không thể nào không mở rộng những sinh hoạt chính trị phù hợp với các kết cấu các giai tầng kinh tế mới.

Gìn giữ chính trị ổn định mà chỉ thả cho kinh tế phát triển còn dẫn đến một thứ kinh tế chủ nghĩa. Trong đảng vốn đã luôn luôn tồn tại bệnh ấu trĩ. Trước đây ấu trĩ tả khuynh xui người ta giương cao khẩu hiệu "Mo cơm, quả cà với tấm lòng cộng sản." Ngày nay ấu trĩ hữu khuynh lại giục người ta hô toáng lên "Đảng viên phải biết làm giàu."

Tôi nghĩ rằng đảng viên có thể gồm người giàu, người nghèo nhưng chủ yếu họ phải là những người có bản lĩnh là nhà chính trị, nhà tư tưởng, nhà văn hóa, nhà khoa học kinh tế, nhà khoa học công nghệ...

Đảng và Nhà nước cần tạo điều kiện cho bất cứ ai muốn và có khả năng làm giàu đều có thể làm giàu. Nhưng, dứt khoát "làm giàu" không thể là mục tiêu đáng khích lệ nhất cho mọi người, đặc biệt là đối với đảng viên.

Chính chủ nghĩa kinh tế đang góp sức làm tha hóa xã hội Việt Nam một cách ghê gớm. Nó thúc đẩy sự nảy sinh các phản giá trị văn hóa với lối sống vật chất thấp hèn.

Ông tổng giám đốc UNESCO nhân thập kỷ thế giới phát triển văn hóa đã viết "Hễ nước nào tự đặt cho mình mục tiêu phát triển kinh tế mà tách rời môi trường văn hóa thì nhất định sẽ xảy ra những mất cân đối nghiêm trọng cả về mặt kinh tế lẫn văn hóa và tiềm năng sáng tạo của đất nước ấy sẽ bị suy yếu rất nhiều."

Khổ tâm biết bao nhiêu khi các em nhỏ của ta ngày nay còn phải thay nhau học theo ca vào cả giờ trưa trong những lớp tối tăm, ẩm thấp mà gió bấc có thể lùa tứ phía trong khi người ta ra sức đầu tư xây hết khách sạn sang trọng này đến khu vui chơi giải trí khác. Giáo dục không xuống cấp sao được khi nó chỉ được đầu tư vài đô la/người/năm; trong khi chỉ ở các nước Đông Nam Á thôi mức đầu tư đó cũng phải tới 100-200 đô la.

Khoa học thì không những chỉ xuống cấp mà còn lụi tàn. Một trong những niềm tự hào ít ỏi mà chúng ta gây dựng được trong thời gian qua là đã đào tạo được một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật khá đông thì nay tan tác hết. Nếu trước đây các nhà khoa học muốn tiến thân phải lách vào đường quan lộ thì nay muốn nuôi thân họ phải "biết làm giàu."

Lực đẩy do sự rẻ rúng của các cấp lãnh đạo và lực hút của "mùi làm giàu nồng nặc" đã buộc các nhà khoa học xếp sách, bỏ sự nghiệp, đi buôn. Nếu ai còn muốn "ở với lửa hương cho vẹn kiếp" thì

chỉ có thể tồn tại bằng hai cách. Hoặc phải van nài bán chất xám rẻ mạt cho các ông chủ tư bản mới, hoặc phải xoay sở đăng ký cho được một đề tài, một chương trình nghiên cứu nào đó. Đề tài có được chấp thuận hay không không phụ thuộc vào tính thiết thực của nó và năng lực của nhà khoa học mà phụ thuộc vào hai yếu tố: thứ nhất, anh có phải là người có quyền lực hoặc dính dáng đến quyền lực không; thứ hai, anh có biết nịnh nọt, chịu luồn cúi hoặc móc ngoặc, lo lót cho các cấp quản lý không?!!

Trong khi có thể dựa vào tư chất thông minh ở hạng thượng đẳng của dân tộc Việt Nam để xây dựng trực tiếp xã hội hậu công nghiệp thông qua nền công nghệ trí tuệ (intelligent technology) để từ nền văn minh nông nghiệp ảm đạm, bỏ qua nền văn minh công nghiệp náo động tiến thẳng tới nền văn minh trí tuệ trong sáng thì trước mắt chúng ta lại đang xuất hiện một khoảng trống về khoa học và giáo dục thật đáng sợ.

Ổn định xã hội là việc nên làm, cần làm và có thể làm được. Chủ trương ổn định xã hội tức là muốn xây dựng một chính quyền vì nhân dân. Chủ trương ổn định chính trị tức là muốn xây dựng một chính quyền vì chính quyền. Điều đó không nên làm và sẽ không làm được.

Xin nêu một ví dụ. Vì muốn tăng cường ổn định chính trị, khi cải tiến chế độ tiền lương người ta chủ trương ưu tiên bộ đội, công an bằng mức lương hưởng gần gấp đôi (1, 8 lần) tất cả các loại cán bộ khác.

(Lẽ ra chế độ này chỉ nên dành cho các chiến sĩ ở Trường Sa, ở các hải đảo và vùng biên giới).

Thế là bỗng dưng một sĩ quan bình thường được nhận lương cao hơn một chuyên viên kỳ cựu. Nhiều trong số các chuyến viên này từng là bộ đội lâu năm trong "thời kỳ xương máu" chứ không phải chỉ là lính thành phố thời bình như mấy sĩ quan kia. Các chiến binh đã từng xông pha nhiều trận mạc dù chỉ mới về hưu cách đây mấy tháng cũng không được hưởng chế độ ưu tiên hậu hĩnh đó.

PHẠM KIM KHÔI

ÔNG PHẬT

Thuở bé tôi theo ngoại đến chùa
Vâng lời tâm niệm khấn nam mô
Đài hương khói tỏa trầm nghi ngút
Chư Phật đang ngồi yên lắng nghe

Phật nhiều tôi cố học nhớ tên
Lòng hơi e ngại ngước trông lên
A Di Đà Phật nam mô trước
Ông Phật uy nghi nhưng rất hiền

Tượng lớn nhất chùa Phật Thích Ca
Tọa thiền trên bệ trổ liên hoa
Lim dim đôi mắt nhìn tôi bái
Chi thể an nhiên thế kiết già

Di Lạc Đương Lai ông Phật cười
Y trang bình dị nét vui tươi
Đương lai có nghĩa là đang đến
Đang đến nhưng sao đã tới rồi

Ông Phật là ai tôi hỏi ngoại
Con ơi ông Phật là ông thầy
Thấy nhân gian quá nhiều đau khổ
Chỉ lối cho người thoát đắng cay

Phật học mênh mông nào nhớ hết
Riêng lòng tôi vẫn khắc ghi câu
Bao nhiêu dục vọng trong tâm diệt
Là bấy nhiêu đời bớt khổ đau

Cali 8/1993

Thế là rối loạn xã hội xảy ra ít nhất là đã ở lĩnh vực tâm lý.

Một ví dụ khác. Để cưỡng bức ổn định chính trị bằng ngôn từ hình thức người ta buộc phải ngụy tạo ra một loại thuật ngữ vô lý: kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, tài sản XHCN, tổ quốc XHCN...

Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì không thể để cho kinh tế thị trường phát triển. Buộc lòng phải bước vào kinh tế thị trường thì nên tạm thời chưa nói đến chủ nghĩa xã hội.

Dù muốn định hướng lên CNXH thì bây giờ cùng lắm ta cũng mới chỉ ở chặng đầu của thời kỳ quá độ. Thế thì đã làm gì có được tài sản XHCN. Chắc chắn không ai định nghĩa nổi tài sản XHCN là gì. Trong năm thành phần kinh tế, tài sản của thành phần nào là tài sản XHCN? "Bảo vệ tổ quốc XHCN" được ghi thành tiêu đề lớn của chương V Hiến pháp nước ta. Thế nhưng, tổ quốc ta chưa phải là XHCN thì nhân dân Việt Nam có nghĩa vụ cần bảo vệ không? (Vấn đề này tôi đã từng góp ý kiến chính thức khi thảo luận Hiến pháp).

Để bảo đảm tính khoa học, sự nghiêm túc và thái độ thực sự cầu thị tôi đề nghị nên đổi tên nước ta là nước VIỆT NAM, thay cho tên nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Gán ghép thêm cụm từ CHXHCN vào hai chữ Việt Nam chỉ làm hổ thẹn lương tri những ai vốn tôn trọng thực tiễn và làm nản lòng mọi người.

Dù có đúng nòi rồng đi nữa thì trứng rồng cũng không thể mạo xưng là rồng.

Tiêu chí XHCN ngày nay không còn huyễn hoặc được ai. Bởi vì, XHCN nguyên bản đã làm sụp đổ Liên Xô, Đông Âu. Xã hội chủ nghĩa ngoan cố đang làm cho Cuba, Bắc Triều Tiên điêu đứng. XHCN lai ghép làm cho Angiêri lụn bại, Miến Điện bị vấy bẩn về nhân quyền. Etiopia, Libia, Môzambíc... mới mon men theo xã hội chủ nghĩa đã lâm cảnh nghèo đói.

Hãy trả lại cái tên VIỆT NAM tinh khôi cho đất nước này.

Chỉ cần đức cần cù, lòng dũng cảm, trí tuệ trác việt của con người Việt Nam đã làm nhân dân thế giới yêu mến và khâm phục; chỉ cần thiên nhiên giàu có, tươi đẹp, những phụ nữ đảm đang, duyên dáng đủ làm tất cả chúng ta tự hào với hai tiếng VIỆT NAM.

Chúng ta luôn suy tôn tự do trước hạnh phúc bởi vì chúng ta hiểu rằng không thể có hạnh phúc khi thiếu tự do và, có tự do là đã có một phần hạnh phúc rồi.

Khát vọng truyền thống này của nhân dân Việt Nam rất phù hợp với tinh thần đề cao quyền chính trị, dân sự và quyền tự do cá nhân trong tuyên bố nhân quyền Viên (Vienna) 1993.

Tại hội nghị nhân quyền này đại biểu Việt Nam đã rất có lý khi xác định "Nhân quyền không tùy thuộc vào sự phát triển kinh tế xã hội và không tách rời với sự phát triển của kinh tế văn hóa; nhân quyền là một ý niệm toàn diện." Trong khi đó, thật ngạc nhiên là một số người lại muốn phù họa cho một luận điệu lạc lõng: "Đối với bất kỳ một nước đang phát triển nào, vấn đề phát triển kinh tế là quyền con người quan trọng nhất." Phải chăng vì họ muốn ổn định chính trị bằng cái thứ chủ nghĩa kinh tế thấp hèn.

Không phải ngày nay thế giới mới nhấn mạnh quyền chính trị, dân sự và đề cao quyền tự do cá nhân. Chính Các Mác đã quan niệm: "Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người."

Thực tế cho thấy, không có tự do chính trị, không có dân chủ thì đất nước không thể phát triển xét về tổng thể cũng như riêng kinh tế. Sự sụp đổ cơ bản toàn bộ hệ thống XHCN có nguyên nhân từ sự trì trệ của nền kinh tế mà nguồn gốc sâu xa của kinh tế trì trệ lại là do cơ chế độc tài, mất dân chủ của hệ thống chính trị XHCN.

Ai cũng thấy rằng, vào đầu thiên niên kỷ này, chủ nghĩa tư bản bộc lộ rất nhiều khuyết tật trong nó. Tuy nhiên, nhờ tinh thần dân chủ mà nó đã tự điều tiết được để không những "giấy mãi không chết" mà còn phát triển không ngừng. Trong khi đó, phe XHCN đã từng có tuổi thanh xuân quyến rũ nhưng do duy trì quá lâu chế độ chỉ huy tập trung độc đoán của đảng nên xã hội ngày càng trì trệ, suy thoái.

Viện lý dân chủ tập trung, người ta buộc mọi đảng viên phải nói theo Ban chấp hành Trung Ương và toàn BCHTƯ phải nói theo một vài người trong Bộ Chính Trị. Người ta không chỉ nô lệ hóa tư tưởng đảng viên, mà nô lệ hóa toàn xã hội.

Dù là tự phê bình hay phê bình thì quần chúng và đảng viên nói chung chỉ được quanh quẩn với đơn vị mình, với địa phương mình; đụng chạm đến cấp trên là phải uốn lưỡi trăm lần. Có những điều mà toàn xã hội đều bị uy hiếp kinh khủng đến mức không ai được nghĩ, được bàn bạc đến. Bởi vì chỉ cần đụng chạm đến một chút thì dù bất cứ trí tuệ nào thiện ý nào, nếu không bị thủ tiêu thì cũng bị đầy ải suốt đời. Trước đây là vấn đề chuyên chính vô sản, vấn đề vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, bây giờ là vấn đề đa nguyên, đa đảng v.v...

Tại sao lại có một nền dân chủ hà khắc như vậy?

Còn gì tủi buồn cho con người hơn khi chỉ được nghĩ theo cái đầu của người khác, chỉ được nói bằng giọng nói của người khác!

Tệ cửa quyền độc đoán về chính trị và tư tưởng xui người ta qui kết thành kẻ thù tất cả những ai khác mình và sẵn sàng dùng bạo lực triệt hạ những gì không giống mình.

Đảng hẳn đã có thể tránh được nhiều sai lầm tai hại trong việc vạch đường lối, chủ trương, chính sách nếu nới rộng dân chủ để các quan điểm, các chính kiến đều được phát biểu và lựa chọn nghiêm túc.

Muốn dân chủ phải có kỷ cương. Dân chủ xã hội chỉ có thể bảo đảm trên cơ sở luật pháp nghiêm minh. Tiếc rằng suốt thời kỳ lịch sử dài vừa qua chúng ta chỉ nhấn mạnh đường lối giai cấp, chuyên chính vô sản và quan niệm nhà nước pháp quyền chỉ là một yêu cầu thể hiện bản chất xấu xa của nhà nước tư sản. Tôi còn nhớ, vào khoảng những năm 60, C.B. có viết một bài trên báo Nhân Dân chỉ trích Mỹ không có dân chủ. Để chứng minh tác giả tố cáo Mỹ ngày càng ban hành nhiều đạo luật. Tính đến lúc ấy Mỹ đã có hơn ba vạn điều luật.

Ngày nay, tuy đã nói đến nhà nước pháp quyền nhưng hiến pháp 1992 của ta vẫn quy định thống nhất ba quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Muốn thực lòng xây dựng một chính quyền do dân và vì dân thì phải đặt pháp quyền là ý chí chung của nhân dân, không mang tính giai cấp và không dựa trên cơ sở kinh tế. Dù là đảng hay nhà nước cũng phải tuân theo hiến pháp và pháp luật. Phải bảo đảm sự độc lập, tự do của các cơ quan công quyền trong mối quan hệ với nhau trong khi thực thi quyền lực riêng được giao. Không có tổ chức quyền lực nào trong ba quyền được lấn át tổ chức quyền lực nào. Cụ thể là, để không ai có thể lạm dụng quyền lực thì phải phân lập ba quyền.

Làm sao mà xây dựng được nhà nước pháp quyền, làm gì có chuyện bình đẳng trước pháp luật khi Nghị Quyết 3 của ban BCHTU khóa VII đã chỉ thị "Việc công bố và phê phán các vụ việc tiêu cực trên các phương tiện truyền thông đại chúng cần có sự cân nhắc về hướng giải quyết và tác dụng giáo dục, tránh để địch lợi dụng xuyên tạc bôi nhọ Đảng và Nhà nước."

(Thế sao người Mỹ không sợ Đảng của họ, Tổng thống của họ bị địch bôi nhọ khi báo chí cứ rùm beng mãi về Oatơghet, Inranghet, về chuyện ông Clinton cắt tóc?)

Chẳng những thế, nghị quyết còn quy định "đối với những vụ án lớn có ảnh hưởng chính trị rộng, có liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại hoặc liên quan đến những cán bộ thuộc diện cấp ủy quản lý, cấp ủy cần có ý kiến về tư tưởng chỉ đạo việc xét xử..."

Thực tế là chúng ta vẫn cứ

muốn lấy chuyên chính vô sản để thay cho pháp quyền. Mà, chuyên chính vô sản thì đã từng gây bao nhiêu thảm họa trong lịch sử. Lợi dụng chuyên chính vô sản, Stalin, Pônpốt đã mặc sức giết hại hàng triệu đồng bào mình mà không cần xét xử, bất chấp đạo lý.

Có trong tay cái "Bùa chuyên chính vô sản" thì một kẻ tiểu nhân cũng dễ dàng tạo được đòn hiểm để đánh bại một ông tướng chiến thắng ở Điện Biên Phủ.

Xã hội Việt Nam hiện nay vẫn tiếp tục bị nhiều bệnh dịch nguy hại hoành hành: Nạn ô dù, nạn điều hành xã hội bằng những thế lực ngầm... (Một bức thư tay có thể giao cả tài sản lớn của quốc gia cho một kẻ bán trời không văn tự. Một cú điện thoại có thể xóa hoặc giảm án cho một tội phạm lớn. Cùng một con người với cùng những sự việc, nếu được cấp trên bật đèn xanh thì sẽ được phong anh hùng, nếu đèn đỏ thì có thể bị vào tù). Nạn Mafia ở Việt Nam ngày nay chưa đến mức ly kỳ như "Bạch Tuộc" nhưng lại rất phổ biến, rất nhày nhụa và không kém phần nguy hiểm.

Cũng như nạn Mafia, nạn tham nhũng và buôn lậu không những không thể ngăn chặn mà sẽ ngày càng phát triển ở qui mô lớn hơn chừng nào chưa có dân chủ thực sự, chừng nào Đảng vẫn chưa thừa nhận tính công khai của xã hội, chừng nào báo chí còn bị "lãnh đạo" nghiêm ngặt.

Thực tế vừa qua cho thấy về cơ bản chỉ mới ngăn chặn được dân thường đi buôn lậu và nói chung chỉ cán bộ cấp thấp tham nhũng bị trừng trị.

Rõ ràng dân chủ không chỉ là đòi hỏi của quần chúng. Dân chủ không chỉ là mục tiêu mà chính là biện pháp cần thiết để chính quyền ngăn chặn các "bệnh dịch" nguy hại đang hoành hành và đang dẫn xã hội đến những nguy cơ khủng hoảng rất trầm trọng. Có dân chủ mới phát triển được và chúng ta mới có cơ may thực hiện những tiêu chí đã vạch ra từ ngày đầu cách mạng.

V- Nhìn lại đường lối đối ngoại của ta

Từ Đại hội VI chúng ta đã đề ra yêu cầu nhìn thẳng vào sự thật và đã bắt đầu dũng cảm nói rõ một phần sự thật. Nhờ đó chúng ta đã dám nêu "Đảng đã phạm sai lầm chủ quan duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan: Nóng vội trong cải tạo XHCN, xóa bỏ ngay nền kinh tế nhiều thành phần; có lúc đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng; duy trì quá lâu cơ chế quản lý kinh tế tập trung quan liêu bao cấp; có nhiều chủ trương sai trong việc cải cách giá cả, tiền tệ, tiền lương. Công tác tư tưởng và tổ chức cán bộ phạm nhiều khuyết điểm nghiêm trọng."

Biểu hiện mới đó đã từng được quần chúng và đảng viền hoan nghênh. Tuy nhiên, phải thấy rằng quá trình tự nhận thức này diễn ra chậm và mức độ thành khẩn tự kiểm điểm ở đây còn dè dặt. Nhất định là các vấn đề "định hướng XHCN cho nền kinh tế thị trường," vấn đề "nắm vững chuyên chính vô sản" v.v... vẫn cứ còn là nghiệp chướng đối với các nhà chính trị cả lý luận lẫn thực hành ở nước ta.

Chưa kể rằng, cộng tất cả những vấn đề đó lại thì cũng chỉ mới ở chỗ chúng ta đang đặt vấn đề tự nhận thức chủ yếu là về đường lối đối nội.

Thế còn đường lối đối ngoại thì sao?

Làm sao hiểu nổi do đâu mà hơn 40 năm qua chúng ta lại phải đương đầu với quá nhiều lực lượng thù địch trên thế giới như vậy?! Chúng ta không những phải đánh nhau với cái mà chúng ta gọi là "kẻ thù không đội trời chung" mà cả với những người mà mới hôm qua chúng ta xác định "tình hữu nghị đời đời bền vững." Chúng ta vừa lên án Mỹ chỉ vì muốn bảo vệ đồng minh của mình ở miền Nam đã đem bom đạn trút xuống đất nước này thì chúng ta lại kéo quân sang Campuchia tiêu

NHẤT UYÊN

MÙA XUÂN XANH

Mùa xuân nào mới đến
lá mới reo trên cành
anh nâng nàng xuân dậy
hồn thơ cũng biếc xanh

thời gian nào ngừng đọng
vang vọng mãi trong hồn
mặt trời hồng khao khát
thương hoài nắng hoàng hôn

xuân nào về trong gió
hây hây má xuân đào
gặp em từ dạo ấy
ngày tháng đã chiêm bao,

tiếng nhạc nào trong lá
buông thánh thót trong lòng
con chim nào có hót
cũng gọi thầm tên em

giọt sương nào trên lá
cũng trong tựa hồn em
bướm nào vờn trong nắng
tình nghe cũng êm đềm.

đỉnh xuân hồng nắng gội
gió mới hát trên đồng
anh quỳ hôn lá mới
nghe tình xuân mênh mông.

diệt Pônpốt rồi đóng quân lại ở đấy. Trong lịch sử hiện đại của nhân loại, Việt Nam là hiện tượng độc đáo nhất có lẽ là ở chỗ chúng ta đã phải chiến đấu chống lại hầu hết các cường quốc trên thế giới.

Chắc chắn không phải vì thiên nhiên của ta quá giàu đẹp. Cũng không phải vì nhân loại muốn ỷ lại nên đã giao tất cả sứ mệnh lịch sử nặng nề cho ta.

Sở dĩ chúng ta có quá nhiều kẻ thù chỉ vì chúng ta nhìn thế giới qua một lăng kính đối nghịch. Nền chuyên chính vô sản và đường lối giai cấp đã thấm rất sâu vào các thế hệ chúng ta đến nỗi chính tôi mãi sau này vẫn còn ghi trong ký ức lời của Juliut Fuxic "Nhân loại hỡi, hãy cảnh giác!"

Mười sáu năm sau khi "Đất nước vĩnh viễn sạch bóng quân xâm lược", chúng ta đặt vấn đề xây dựng một bản cương lĩnh mới cho Đảng CSVN. Sau 10 lần viết đi sửa lại, trong bản dự thảo được công bố để lấy ý kiến quần chúng, tên của chương IV vẫn được ghi bằng hàng chữ đậm "Quốc phòng, An ninh và chính sách đối ngoại." Khi đó, tôi là người đầu tiên đã công khai phản đối việc ghép vấn đề quốc phòng, an ninh với chính sách đối ngoại. Rất may ý kiến đó được tiếp thu. Ở bản Cương lĩnh viết lại lần cuối, chính sách đối ngoại được tách thành mục riêng.

Song, kỳ lạ là đến "Dự thảo báo cáo chính trị tại Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII," người ta lại gắn đối ngoại với an ninh, quốc phòng. (Tên của mục III trong phần "Tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội VII là "Quốc phòng - An ninh, đối ngoại". Tên của mục III trong phần "phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu trong thời gian tới" là "Bảo đảm quốc phòng và An ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại").

Những nhận định về thế giới ghi trong mở đầu của bản báo cáo này cũng thật đen tối: "Từ sau đại hội VII tình hình thế giới tiếp tục diễn biến rất phức tạp, gây nhiều bất lợi cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta... Các thế lực thù địch trong và ngoài nước, nhân cơ hội đó đã ráo riết, tăng cường hoạt động "diễn biến hòa bình" đe dọa độc lập chủ quyền của nhân dân ta. Mỹ tiếp tục bao vây cấm vận đối với nước ta."

Vì sao mà thế giới cứ luôn luôn là đối tượng cảnh giác của ta như thế? Phải đâu thiên hạ đục cả, chỉ có ta trong thôi!

Rõ ràng là từ lâu ta đã thể hiện một nhãn quan không trong sáng, một thế giới quan không đúng đắn.

Do cực đoan, đường lối đối ngoại của ta lúc thì tả khuynh lúc hữu khuynh.

Phải chi chúng ta thực hiện được chủ trương xây dựng chính sách đối ngoại hòa hiếu và hòa hợp với tất cả các dân tộc trên thế giới như George Washington. Cách đây 200 năm, vị Tổng thống Mỹ đầu tiên đã nói "Một quốc gia nếu buông thả mình cho một tình cảm thù nghịch cố chấp hay một tình hữu nghị thái quá đối với một quốc gia khác thì trong chừng mực nhất định đều trở thành kẻ nô lệ -- Nô lệ của chính tình cảm thù nghịch cố chấp hay của chính tình hữu nghị thái quá đó. Và, một trong hai trường hợp đều có thể đưa đất nước đi chệch khỏi lợi ích và nghĩa vụ của mình."

Trong bản góp ý cho Cương Lĩnh 1991, tôi đã kiến nghị cần nhấn mạnh: "Việt Nam sẵn sàng thiết lập và mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị, xã hội... Trong tình hình biến đổi và phát triển rất nhanh của thế giới ngày nay nên thận trọng khi nêu các đối sách riêng với từng bước, từng cộng đồng."

Tuy nhiên, Đại hội VII vẫn khẳng định "Trước sau như một, tăng cường đoàn kết và hợp tác với Liên Xô."

Thế mà, đến dự thảo báo cáo chính trị tháng 10/1993, trong khi xác định nhiều chủ trương ưu tiên hàng đầu với Lào, Trung Quốc, Campuchia v.v... "Liên Xô mới" không còn được nhắc nhở gì nữa!

Liên Xô từng chung lưng đấu cật, nhường cơm xẻ áo với ta trong suốt nhiều năm qua. Do chìm đắm trong sai lầm quá lâu mà lại rất kồng kềnh, nặng nề nên khi chuyển mình, đất nước này có thể phải vật vã đau đớn và tỏ ra ậm ạch hơn ta. Điều đó là đương nhiên. Hoàn cảnh khác nhau, tư duy đổi mới khác nhau nên phương thức tiến hành cách mạng khác nhau. Dẫu thế nào đi nữa, nhờ tự do dân chủ đã được nới rộng thật sự, tin chắc rằng nhân dân Liên bang Nga sẽ lựa chọn đúng được người lãnh đạo và con đường phải đi cho mình. Chính sự mất ổn định tạm thời trước mắt sẽ tạo thế ổn định và phát triển vững chắc cho đất nước này trong tương lai không xa.

Trong khi thế giới đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại, lởn vởn trước mắt chúng ta vẫn là cái bóng ma "diễn biến hòa bình."

Làm sao xác định được tính chất phản động của "diễn biến hòa bình" với một tinh thần khách quan và chân thực?

Người dân Việt Nam sẽ mất gì, sẽ có gì nguy hiểm khi bị "Diễn biến hòa bình"?

Phải chăng chính chúng ta đang tự "diễn biến hòa bình"?

Chúng ta không chỉ luôn nhấn mạnh đề cao cảnh giác với nước ngoài mà cả với người Việt Nam sinh sống ở ngoài lãnh thổ. Giương cao khẩu hiệu đập tan chiến dịch chuyển lửa về quê hương, chúng ta khước từ mọi giao lưu văn hóa, văn nghệ, tư tưởng; hoặc cấm mọi ý kiến bàn bạc về chính trị, xã hội của đồng bào ta ở nước ngoài.

Vì sao lại phải kỳ thị gay gắt với chính đồng bào mình như vậy?

Nhất định dòng máu Việt Nam vẫn còn chảy trong vi ti huyết quản, lương tâm Việt Nam vẫn còn được thắp sáng trong tinh thần đại đa số những người đồng chủng, đồng tộc của chúng ta đang lưu lạc xa tổ quốc.

Nhất định chúng ta không chỉ cần khả năng đóng góp về kinh tế, tài chính; không chỉ đáng trân trọng khối lượng kiến thức khoa học -- công nghệ tiên tiến mà cả những nhận thức hiện đại về triết học, xã hội học, kinh tế -- chính trị... của kiều bào ta đang sống ở hầu khắp các nước trên thế giới.

Tôi không biết làm thế nào để có thể nói vừa khiêm tốn, dễ nghe vừa đủ sức thét lên gay gắt yêu cầu cách mạng bức thiết về thế giới quan, về đường lối đối ngoại của Đảng.

Thế giới như một tấm gương mà ta soi vào. Hãy mỉm cười với nó để ta nhận được chính nụ cười từ trong đó.■

THUNG LŨNG TỬ THẦN

Death Valley National Monument

NGÔ THANH TÙNG

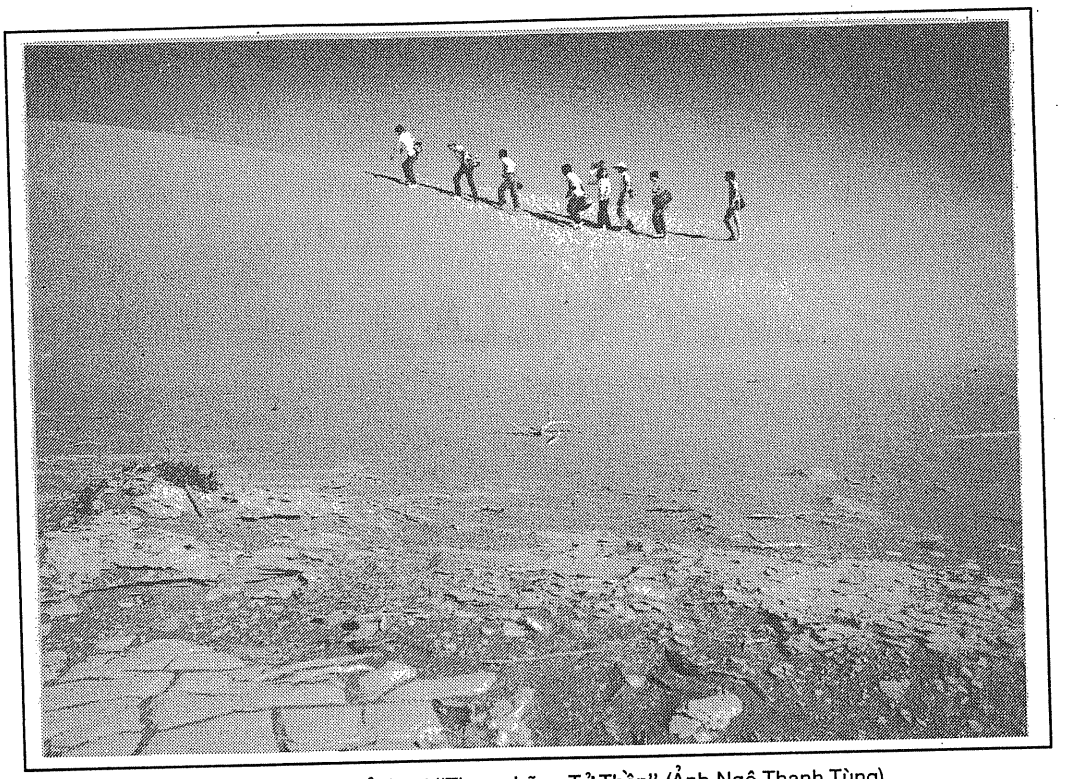

Các nhiếp ảnh gia Việt Nam đi săn ảnh tại "Thung Lũng Tử Thần" (Ảnh Ngô Thanh Tùng)

Người Việt Cali không lạ gì địa danh "Thung Lũng Tử Thần," công viên có đồi cát Giếng Ống Bễ (Stove Pipe Wells) và vườn cây trái chà là. Muốn giữ chỗ ngủ trong khách sạn nằm trong trung tâm công viên, xin viết thơ cho **Stove Pipe Wells Village**, Death Valley, CA 92328. (619) 786-2331. Đây là khu sa mạc bình nguyên, có lỗ rốn sâu nhất trái đất. Death Valley tọa lạc khoảng 100 dặm Đông Bắc Los Angeles. Từ Saigon Nhỏ đi viếng thung lũng, bạn cần một xe thật tốt (không bị nóng máy) và một người lái cứng, không sợ đường đèo, cộng thêm bốn giờ đồng hồ vặn tay lái. Lấy 5 North, 14 Lancaster, và 395 North, sẽ thấy bảng chỉ lối vào Death Valley. Từ 395 vào đến trung tâm công viên, trên 50 dặm sa mạc, nếu xe hết xăng, hỏng máy, cạn bình điện, phải chờ vài tiếng đồng hồ, may mới có xe đi qua, nhờ giúp đỡ.

Nổi tiếng là vùng đất thấp nhất trên trái đất, nhiệt độ Death Valley vào tháng Bảy, có thể nóng đến 116 độ F tại lỗ rốn trái đất, lỗ Xấu Nước Bad Water, 282 bộ dưới mặt biển, nhưng từ đó, núi nhô lên đến 11,049 bộ, tạo một vùng đất cao độ độc đáo. Các nhà thiên văn đã chọn và đặt một viễn vọng kính tại mỏm núi cao vừa kể, và cho núi cái tên: "Đỉnh Viễn Vọng" Telescope Peak. Mỗi năm mưa tại đây chưa tới 1.65 inch. Nhiệt độ từ tháng Năm đến tháng Chín, khoảng 100 độ F. Toàn công viên lớn gấp một rưỡi tiểu bang Delaware, bao gồm đầy đủ đất, đá, thảo mộc, đánh dấu hầu hết các nguyên đại. Tuy mưa rất ít, nhưng mỗi khi mưa, nước dồn về một mối, kéo theo đất đá của các nguyên đại khác nhau xuống "lỗ rốn", làm các nhà khoa học phải điên đầu.

Tuy là sa mạc toàn núi trọc, cát đá, khô cành, nẻ đất, vậy mà có đến 900 loài thảo mộc, trong số có 20 loài độc đáo không đâu

trên trái đất có. Nhiều cây sống được với nước mặn có 5% muối. Nhiều loại khác, mùa khô trút hết lá, hoặc chỉ sống bằng rất ít chất lỏng bảo tồn dưới lớp vỏ dầy.

Về sinh vật, Death Valley là tổ ấm của 230 loài chim, 17 loại thằn lằn rắn mối (lizard), 19 loài rắn, và một loại dê sừng quấn độc đáo (bighorn sheep). Hầu hết đều là thú ăn đêm, vì vậy những người

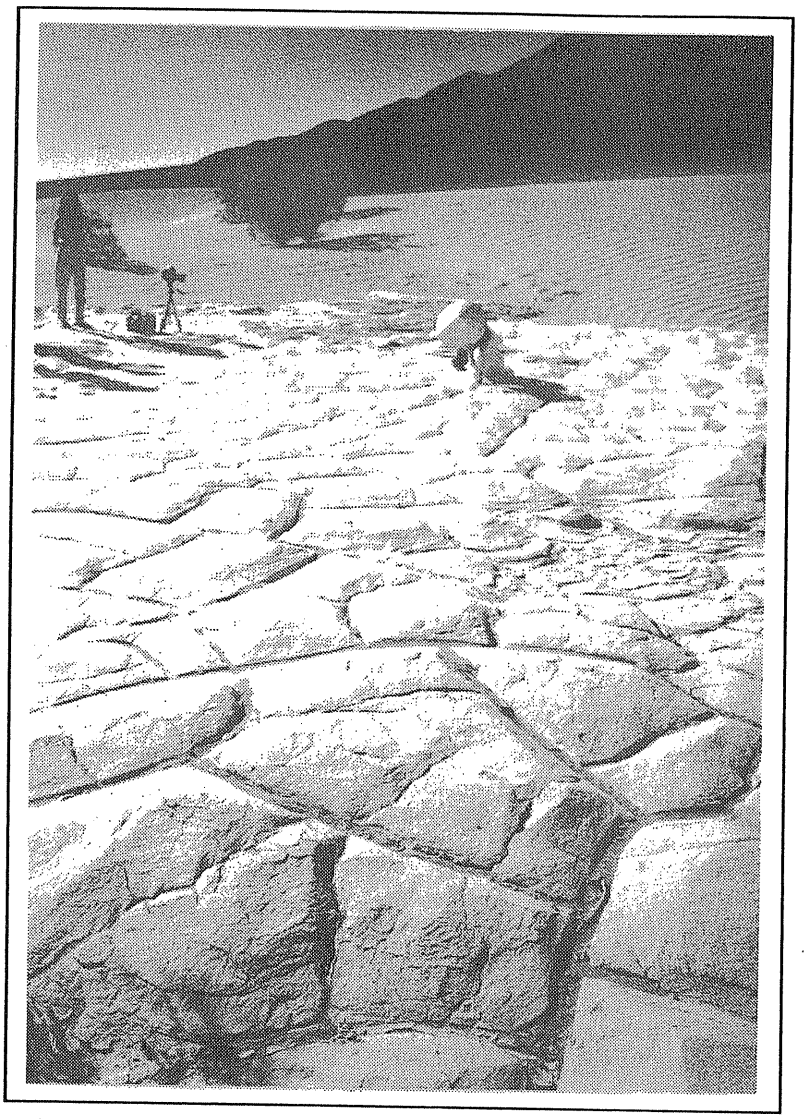

Đất sa mạc mà như đường cổ thành La Mã! (Ảnh Ngô Thanh Tùng)

ảnh chụp đồi cát, thường lội bộ vào lũng cát Giếng Ống Bễ Stove Pipe Wells khi còn tối trời, nên coi chừng loại rắn rung chuông kịch độc thường làm tổ dưới các bụi cỏ. Năm loài cá nóc, liệt vào nhóm sắp bị diệt chủng, vẫn còn tồn tại tại Thung Lũng: năm giống cá **pupfish** sống trong các lạch nước mặn và một ao cạn với cái tên khủng khiếp: Hồ Quỷ **The Devils Hole.**

Loài người đã sống nơi đây 6,000 năm trước Tây Lịch. Thời đó, hồ **Manley** dài 90 dặm, đầy nước ngọt. Đến thời cận đại, làn sóng di dân từ miền Đông sang khai khẩn Cali, đi qua vùng khô cằn đất nẻ này, bỏ mạng khá nhiều. Biệt danh Thung Lũng Tử Thần được các di dân đặt cho từ đó. Vùng này nổi tiếng có hàng trăm mỏ **borax**, do tàn tích phún thạch núi lửa để lại. Borax là một thứ bột trắng, dùng trong việc làm sà bông và tẩy sạch vết bẩn trong kỹ nghệ (và cả thuốc tráng phim rửa hình). Bắn ra một tin đồn, Death Valley có mỏ vàng do Scotty, một nhà quảng cáo, và Albert Johnson, một bạn hữu, chủ xướng. Hai người này xây một tòa lâu đài **Scotty Castle** tại trung tâm Death Valley năm 1922. Tòa nhà nay đã sụp một phần, cột kèo mục nát, trở thành một thắng tích của thung lũng, xin chớ mạo hiểm vào thăm.

Có bốn lối vào Thung Lũng Tử Thần: hai đường vào từ xa lộ **395**; một đường từ xa lộ **15**, và một đường từ xa lộ **95** nếu đến từ Nevada. Con đường dễ đi nhất đối với du khách Nam Cali là 5 North, 14, rồi 395 North, sẽ thấy lối vào công viên.

Sau đây là những địa điểm đáng cho du khách dừng chân, bấm máy đốt phim. Mũi **Zabriskie Point**, thạch cốc **Twenty Mule Team Canyon**, bãi ngắm **Dantes View**, lỗ rốn **Bad Water**, Đoạn Đường Nghệ Sĩ **Artist's Drive**, và dĩ nhiên là Động Cát lộng lẫy rộng hàng thứ nhì Cali: Giếng Ống Bễ **Stove Pipe Wells.**

Có năm cấm chỉ Tổng Nha Công Viên và Giải Trí Quốc Gia khuyến cáo du khách:

1- Khi xuống viếng lỗ rốn Bad Water, không nên lội xuống nước, tạo các lỗ trũng, gây trở ngại sinh tồn cho loài ốc biển còn sống trong vùng này. Xin chỉ di chuyển trong những lộ trình chỉ định.

2- Xin đừng lượm sỏi đá, hay cổ vật trong Thung Lũng về làm kỷ niệm, vì bạn có thể nhặt một lưỡi búa, chén bể, hay đá gối đầu... của người tiền sử, có thể cần cho nhà khảo cứu sau này.

3- Nếu bạn đem theo xe đạp, chỉ được chạy trên đường nhựa, không được lăn bánh khỏi đường. Nếu bạn dùng xe đạp trên các đường mòn, vết xe sẽ lưu lại trên mặt cát rất lâu, gây trở ngại cho sinh vật di chuyển. Bánh xe lại cán nát cây cỏ, môi sinh, rất cần cho sinh vật dùng làm thực phẩm.

4- Du khách phải tự đem theo nước uống, không được dùng nước trong Thung Lũng, nguồn sanh tử của sinh vật, nhất là loại dê sừng quấn (bighorn sheep).

5- Xin đừng lái xe ra khỏi đường lộ, bất kỳ bạn đi loại xe nào.

Sau cùng, khi thăm Thung Lũng, bạn phải nghiên cứu thời tiết. Nguy hiểm nhất là bão cát. Nếu bão nổi vào lúc bạn đang ở trung tâm Thung Lũng, phải tìm nơi khuất gió, để núp. Xe của bạn sẽ phải sơn lại, vì gió cát sẽ như một bàn chà nhám khổng lồ, không tha một ai.

Động cát Giếng ống Bễ
Stovepipe Walls Sand Dunes

Thắng cảnh độc đáo trong Thung Lũng Tử Thần

Mùa hè 1981, Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam tại Hoa Kỳ tổ chức Đại Hội Hải Ngoại đầu tiên trong bốn ngày, gồm năm tiết mục chính: 1/ Tường trình sinh hoạt Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam tại hải ngoại; 2/ Bầu Ban Chấp Hành Hội; 3/ Thi ảnh đẹp, triển lãm ảnh; 4/ Cao Lĩnh nói chuyện về nhiếp ảnh nghệ thuật quốc nội; 5/ Săn ảnh Giếng Ống Bễ, Thung Lũng Tử Thần.

Từ khắp các tiểu bang đổ về khoảng 50 người ảnh cũ mới, có mặt trong cuộc vui hôm đó, tôi còn nhớ: Lê Văn Khoa, Hội Trưởng, Lê Ngọc Minh, Ngô Thanh Tùng (hướng dẫn đại hội đi săn ảnh đồi cát), Bùi Văn Giai, Thái Đắc Nhã, Trần Cao Lĩnh, Mai Thảo, Đỗ Ngọc Yến, Nguyễn Huy Trực, Lê Trường Xuân, Võ Thạnh Văn, Trần Chí Trung, Đặng Văn Lợi, Đặng Văn Phước, Võ Văn Phước, Thương Mai, Trần Văn Anh, Lệ Chi, Nguyễn Đức Cung và nhiều vị nữa. Thấm thoát 12 năm đã trôi qua. Cao Lĩnh, người gây nhiều sóng gió sau buổi nói chuyện về nhiếp ảnh nghệ thuật Việt Nam, đã chu du miền nước nhược. Người ảnh Lê Trường Xuân gia nhập luật sư đoàn Cali, có lẽ gác máy một thời gian. Nhà báo Đỗ Ngọc Yến, thành công với tờ **Người Việt**. Một số tay ảnh đã gác máy. Hội Ảnh Nghệ Thuật Việt Nam đã đào tạo thêm được 1400 người ảnh mới, và vẫn tiếp tục.

Đây là động cát lớn nhất dành cho giới vung máy đốt phim. Cấm tất cả các loại xe vào khu vực 30 mẫu động cát này (có thế chứ). Cát không được vàng lắm, màu mỡ gà, nằm cách lộ 190 chừng hai dặm nhưng có một núi cát cao gần ngàn bộ. Tọa lạc Bắc của trung tâm Death Valley, động nằm ngay gần giao điểm đường 190 và North Highway Rd. Hầu hết các người ảnh Hoa Kỳ đều cắm lều tại đây, ít ra là đôi ba đến dăm sáu chục lần. Sau những trận bão cát là thời điểm săn ảnh lý tưởng.

Từ Hạt Cam, muốn đến Động Giếng Ống Bễ, lấy 91, 15 East, 395 North, đến thị trấn Olancha, sẽ thấy bảng chỉ đường vào Death Valley, quẹo phải, đó là mỹ cảnh lộ 190 dẫn đến phía Nam động cát. Từ Bắc Cali, phải đi hơi xa. Tôi xin cống hiến con đường êm ái nhất. Lấy 680 North, rồi 80 East, khỏi Reno, sẽ lấy 395 South, đi hoài, đến thị trấn Lone Pine, lấy 136 East, sẽ gặp 190 East, đưa thẳng vào Động Giếng Ống Bễ. Đi đường này, nhìn bản đồ, có vẻ xa đấy, nhưng không phải qua đèo.■

** Các thư viện đại học, thư viện thành phố và các trường học có đông học sinh Việt Nam*
** Các nhà nghiên cứu, quý vị giáo sư, các nhà doanh thương*
** Quý vị và các bạn sinh viên học sinh,*

Muốn biết các vấn đề liên quan đến Việt Nam,
xin đặt mua tạp chí bằng Anh ngữ:

JOURNAL OF VIETNAMESE STUDIES
Số 7, tháng 2/1994

Tạp chí này ra mỗi năm một số, dày 123 trang.
Nội dung gồm có: Văn học, lịch sử, phụ nữ, kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, định cư, điểm sách, v.v...

** Số 7 ra vào đầu tháng 2, 1994 đặc biệt về KINH TẾ và PHỤ NỮ.*
* Mỗi số 20 Mỹ kim, kể cả tiền gởi bằng đường thủy.
- Giá US$25 nếu muốn gởi bằng đường máy bay.

Xin liên lạc:

THE EDITOR
G.P.O Box 2918DD - Melbourne 3001, Australia.
Điện thoại: 61 3 353 9294 - Fax: 61 3 354 7908

XEM TRANH VÀ TƯỢNG CỦA PHẠM THẾ TRUNG TRONG TRIỂN LÃM 'SAFE HAVEN' Ở CANADA

HIẾU ĐỆ

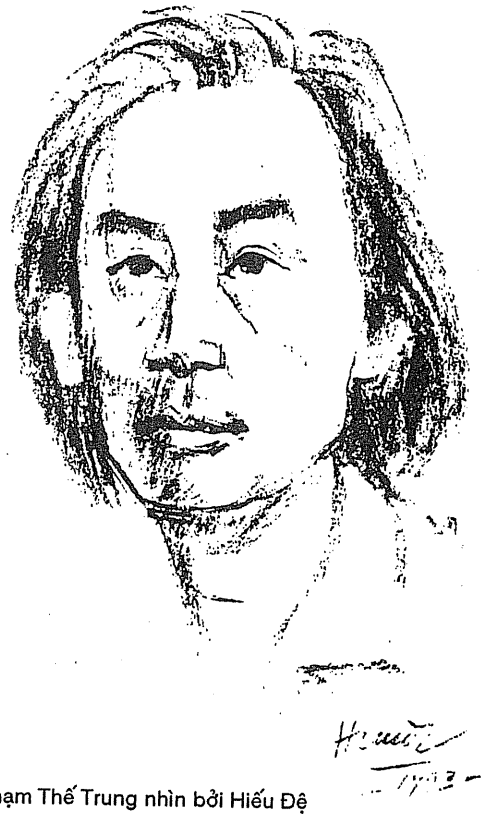

Phạm Thế Trung nhìn bởi Hiếu Đệ

Hội Sử Học Đa Văn Hóa OnTario (Multicultural History Society of Ontario) và Viện Bảo Tàng Hoàng Gia Toronto, vừa giở lại một trang sử của con người hôm nay bằng một cuộc Triển Lãm Di Sản của các sắc dân Canada (The Heritage Gallery of Canada). Những cơ quan trên đã phối hợp tổ chức một cuộc trưng bày mang tính cách thính thị, lấy tên là *Nơi Trú ẩn An Toàn (Safe Haven)*, đưa lên những hình ảnh về những người tị nạn của thế giới chúng ta hôm nay. Họ chọn ra năm gia đình tiêu biểu gồm có Việt Nam, Chi lê, Sri Lanka, Somalia và Tiệp Khắc.

Qua màn ảnh truyền hình, người ta chứng kiến và hiểu được nguyên nhân vì sao con người bỏ nước ra đi. Những sự chết chóc và gian khổ trên những chặng đường vượt thoát. Những kinh nghiệm sống từ những ngày mới đặt chân lên quê hương mới. Những bức ảnh của nhiếp ảnh gia tên tuổi người Ý Vincenzo Pietropaolo và những tư liệu của báo chí thế giới, góp phần trong cuộc trưng bày này, cùng những di vật của những người vượt thoát đã mang theo trên bước đường lưu vong.

Mô hình tượng đài Kỷ Niệm Việt Nam, thủ đô Ottawa: *"Trốn Thoát Cho Tự Do"* của điêu khắc gia Phạm Thế Trung (đoạt giải danh dự).

Người điều khiển cuộc triển lãm này là bà Elizabeth McLuhan, một chuyên gia lỗi lạc của Viện Bảo Tàng Hoàng Gia. Cuộc trưng bày mở đến cuối tháng Mười Một năm 1994, đi đôi với những cuộc trình diễn Âm nhạc và Kịch nghệ của các dân tộc như Tiệp Khắc vào tháng Hai; Việt Nam (với nhóm Lạc Hồng và nhạc sĩ Trần Quang Hải) vào tháng Tư 1994; tháng Năm Đại Hội Văn Hóa người Ấn và trình diễn thời trang của Hiệp Hội Tamil Eclam Society Canada; tháng Sáu văn hóa dân tộc Somalia. Chúng ta được dịp làm quen với nhiều nền văn hóa trên thế giới.

Trong cuộc trưng bày này ta được thấy những cách sinh sống của một gia đình người

Somalia mới đến Toronto chưa quá ba năm, gia đình của ông nhạc sĩ người Tiệp Khắc đã sống ở đây hơn một phần tư thế kỷ. Lại có những cuộc phỏng vấn từng người một trên đài phát thanh về việc họ bỏ nước ra đi, mô tả đầy đủ cuộc vượt thoát đi tìm tự do của họ đến nước thứ ba.

Về phía Việt Nam, người được chọn là họa sĩ kiêm điêu khắc gia trẻ tuổi Phạm Thế Trung. Trung cùng với người em vượt thoát trên một chuyến tàu, đến trại Soug Khla của Thái Lan năm 1980. Sau ba năm, Trung được người thân bảo lãnh sang Stradford, Ontario và hiện cư trú tại Toronto. Năm 1983, Trung gặp lại người yêu cũ là Phan Ni Thai ở Balê. Hai người làm lễ cưới và Trung bảo lãnh vợ qua Canada làm ăn, bây giờ họ đã có đứa con thứ hai.

Trung đã tạo được một xưởng điêu khắc và một cửa hàng bán vật liệu trang trí nội thất bằng điêu khắc. Vợ anh cũng dựng được một cửa hàng may mặc ở phố Dandas. Gia đình Trung được chọn làm tiêu biểu cho một gia đình người tị nạn Việt Nam có nề nếp và thành công trên quê hương mới mệnh danh là nơi sống An Toàn (Safe Haven).

Trong năm rồi Phạm Thế Trung đã tổ chức nhiều cuộc triển lãm hội họa và điêu khắc ở Canada do hội Hồng Thập Tự và các cơ quan văn hóa bảo trợ. Trung cũng được trúng tuyển Tượng đài *Mẹ Việt Nam* đi tìm tự do của Ủy Ban Xây Cất Tượng Đài ở thủ đô Ottawa, khởi công xây dựng trong năm nay.

Mặc dầu công việc làm ăn cầu thúc bên lưng nhưng lúc nào Trung cũng hăng say với nghệ thuật. Đặc biệt trong lần triển lãm này, Viện Bảo Tàng Hoàng Gia có trưng bày một số tác phẩm của Trung để làm những chứng tích lịch sử: Một số tranh do Trung vẽ trên đường vượt biên; những ký họa nơi trại tị nạn Soug Khla; một bức bích họa lớn diễn tả đêm vượt thoát ra biển; một số tượng, trong đó có cả bức mô hình của Tượng Đài Mẹ Việt Nam vượt thoát đi tìm tự do. Đó là những tác phẩm Trung vẽ bằng cả sinh mạng của mình. Nó là hơi thở, nó là sinh mệnh; không có Tự do thì không thể nào có những tác phẩm văn nghệ đích thực. Những tác phẩm của Trung là tiếng nói thay mặt cho những người đã bị trôi giạt trên đại dương. Nó cũng là tiếng nói đòi hỏi tự do và nhân quyền nơi những người còn bị cầm cố trong ngục tù Cộng Sản.

Người họa sĩ kiêm điêu khắc này đã ghi lại một chặng đường lịch sử của dân tộc mình bằng những tác phẩm sống thực mà ban tổ chức cuộc triển lãm gọi là một Trang Sử Mới (*Modern History*) chứng tỏ cho ta thấy đó là một kho tàng rất lớn của một nền văn học nghệ thuật hải ngoại, được đúc kết bằng những hiện thực mà người nghệ sĩ đã trải qua trên bước đường lưu vong bằng máu và nước mắt.

Tiếng nói của Phạm Thế Trung ở viện bảo tàng Royal Museum Toronto không những chỉ nói cho thế giới được biết sự khao khát tự do và nhân phẩm của mình mà còn đánh thức giới trẻ Việt Nam ở hải ngoại đang ngủ quên trên cuộc sống bình yên hạnh phúc hôm nay để biết nhìn về những người đói khổ và không có tự do trong nước.

Hiếu Đệ và Phạm Thế Trung tại phòng triển lãm "Safe Haven" ở Canada

Cuộc trưng bày Nơi Ẩn Trú An Toàn hôm nay cũng là một cách cảnh cáo nhà cầm quyền Việt Nam để họ có thể tỉnh táo lại mà thấy rằng lịch sử đã sang trang. Cộng Sản bên trời Âu là cha đẻ của họ ngày nay không còn nữa.

Cuộc triển lãm mở cửa từ 13-11-1993 cho đến 11-1994. Họa sĩ Phạm Thế Trung còn được Hội đồng Giáo dục Toronto mời thuyết trình năm buổi tại Trường Trung học Parkdale, và Ban giám đốc trường đã mời anh giảng dạy tại đây với tư cách nghệ sĩ thường trú (Artist - inresidence) trong niên học 1994.■

Sách do THẾ KỶ phát hành:

Đã phát hành:

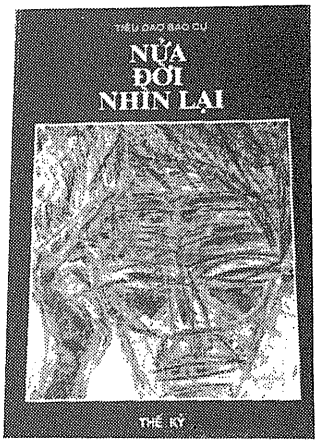

• NỬA ĐỜI NHÌN LẠI

Truyện của Tiêu Dao Bảo Cự (tác giả hiện ở trong nước). Truyện phơi bày một bi kịch nội tâm, phản tỉnh của một đảng viên Cộng Sản. Một mảng của cuộc đấu tranh đòi tự do dân chủ và đổi mới thực sự.
Sách dày 340 trang. Tựa của Đặng Tiến.
Bạt của Hà Sĩ Phu. Giá: $14.00

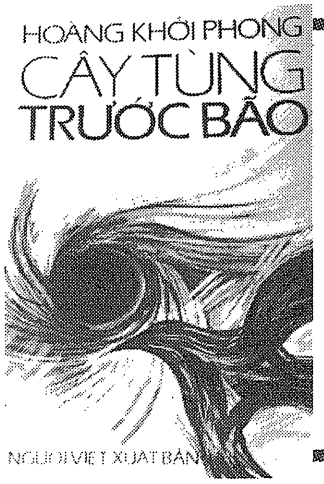

• CÂY TÙNG TRƯỚC BÃO

Ký của Hoàng Khởi Phong. Tác phẩm mang lại niềm tin rằng, còn có những con người thực sự đã sống và chiến đấu cho dân tộc và quê hương, với đầy đủ tinh thần trách nhiệm và nhân phẩm.
Giá: $15.00

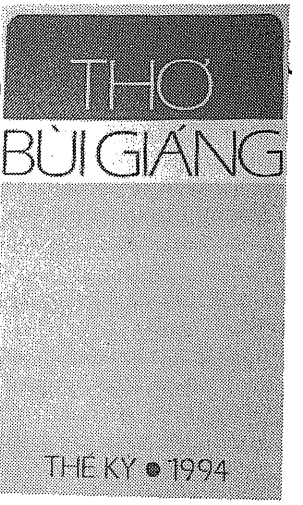

• THƠ BÙI GIÁNG

Một tập hợp các bài thơ mới nhất, sáng tác trong các năm 1992-1993 của nhà thơ tài hoa và lạ lùng nhất trong thời đại của chúng ta. Cũng là nhà thơ dài hơi nhất...

Giá: $8.00

Liên lạc:

THẾ KỶ
P.O. Box 2054-H39 Westminster CA 92684
ĐT: (714) 894-9021 * Fax: (714) 894-2752

VIETNAMESE WITHOUT VENEER

NGUYỄN ĐÌNH-HOÀ

1.1 Vietnamese is the mother tongue of the ethnic majority in Vietnam: the sixty million inhabitants who call themselves *người Việt* or *người Kinh* occupy mainly the delta lowlands of the S-shaped country. The other ethnic groups such as Cambodians, Chinese, Indians, and the highlanders (called "montagnards" in French and *đồng-bào Thượng* or *dân-tộc thiểu-số* in Vietnamese) also know Vietnamese as the mainstream language and use it in their daily communication with the Vietnamese. In addition, there are over one million overseas Vietnamese in France, Germany, Switzerland, Denmark, Norway, Great Britain, the USA, Canada, Australia, Japan, etc. A large number of those expatriates left their country following the fall of South Vietnam in 1975. After having resettled in those host countries, they are trying to preserve their native language as part of their culturual heritage being handed down to second -- and third -- generation community members.

1.2 Vietnam was ruled by China for ten centuries, from 111 B.C. to 939 A.D.: hence many Chinese loanwords have entered the Vietnamese language. Indeed, until the early decades of the twentieth century Chinese characters were used in the local system of education (with Confucian classics being the prescribed books for the literary examinations that led to officialdom), and the Chinese written communication among the educated people and the vehicle of literary creations either in verse or in prose. This predominant role of written Chinese in traditional Vietnam has ofen led to the misguided notion that the Vietnamese language is "derived from Chinese" or is "a dialect of Chinese." This is not true: Vietnam was merely under the cultural influence of China, just as Japan and Korea also owe several features of their cultures to Chinese culture. Indeed, like Japanese and Korean, Vietnamese is genetically unrelated to Chinese. It belongs to the Mon-Khmer stock--that comprises Mon, spoken in Burma, and Khmer, which is the language of Kampuchea, as well as several languages (Khmu, Bahnar, Bru, etc.) spoken by highlanders in Vietnam--within a large linguistic family called the Austro-Asiatic (*Nam Á*) family. The latter includes several major language groups spoken in a wide area running from the Chota Nagpur plateau region of India in the west to the Indochinese peninsula in the east.

1.3 Jean Przyluski, a French scholar, having compared Vietnamese with Mường, a sister language spoken in the midlands of northern and central Vietnam, wrote that ancient Vietnamese was closely related to the Mon-Khmer languages, which are characterized by several affixes (*tiếp-tố*) but no tones (*thanh-điệu*). Another French scholar, Henri Maspéro, included Vietnamese in the Tai family, all members of which are tonal.

Maspéro stated that Modern Vietnamese resulted from a mixture of many elements whose diversity is due to its contacts with Mon-Khmer, Tai and Chinese. More recently, another French linguist, André Haudricourt, traced the origin of the Vietnamese tones, arguing that, as a non-tonal language at the beginning of the Christian Era, the Vietnamese language, which belongs to the Mon-Khmer phylum, had developed three tones by the sixth century, and that by the twelfth century it had acquired all the six tones of Modern Vietnamese. This explanation thus enables us to state fairly safely the genetic relationship of the Vietnamese language: together with Mường, Vietnamese forms the Viet(namese)-Mường group within the Mon-Khmer phylum.

1.4 Vietnamese is an isolating language (*ngôn-ngữ đơn-lập*), that is to say, it has more free forms than bound forms. Each unit of form, often referred to as *tiếng*, is a syllable (*âm tiết*).

1.4.1 In the uniquely Vietnamese verse form called the "six-eight" (*lục bát*) meter, a line of six syllables is followed by a line of eight syllables. Thus

Thanh-minh trong tiết tháng ba,
Lễ là tảo-mộ, hội là đạp-thanh. (Nguyễn Du)
Now came the Feast of Light in the third month
With graveyard rites and junkets on the green.
(tr. Huỳnh Sanh Thông)

In the old days, when Vietnamese made use of the Chinese charactres (*chữ Hán, chữ Nho* "Han script, scholar's script") or the southern, i.e. Vietnamese, characters (*chữ nôm*), each graph represents a separate syllable:

However, in the presently used conventional orthography called (*chữ*) *quốc-ngữ*, literally "national language," each syllable, which can still be easily recognized as a graphic unit, may either stand as one of many independent words (for instance, *trong* "inside," *tiết* "season," *tháng* "month," *ba* "three," etc.) or serve as a constituent within hyphenated compounds that are usually made up of two or more syllables (for instance, *thanh-minh* "purity and light," *tảo-mộ* "to sweep the graves," or *đạp-thanh* "to step on the green grass").

1.4.2 Each of the building blocks within a syllable is a unit of sound, called phoneme (*âm-vị*). A phoneme is written with a symbol enclosed between slashed: we speak of the Vietnamese phonemes /m/,

/i/, /ng/ that made up the syllable *minh*, in which a phoneme can be represented by one letter (m, i) or two letters (nh).

In addition, since Vietnamese is a tonal language, the meaning of a given syllable may change according to its tone (*thanh-điệu*), which is determined by a pitch level and a definite contour (level, rising, falling, dipping-rising, etc.): *la, lá, là, lả, lã*, and *lạ* mean respectively "to yell," "tree leaf," "to be, equal," "exhausted," "[of-water] plain," and "strange."

Let us remember that, while the unit *tiếng* is coterminous with a syllable, the term *tiếng* also means "language" as in *tiếng Việt* "the Vietnamese language," *tiếng Pháp* "the French language," etc. People often say that "Vietnamese is a monosyllabic language" (*ngôn-ngữ đơn-âm-tiết* or *đơn-tiết*). But we should keep in mind that a formal (either oral or written) message contains many polysyllabic (*đa-âm-tiết* or *đa-tiết*) words that are made up of several syllables. For the time being, let us remember that a syllable (*âm-tiết*) is the smallest meaningful unit of linguistic form whose structure is a sequence of phonemes affected by a tone.

1.4.3 From the point of view of semantics (*ngữ-nghĩa-học*), we can distinguish several types of *tiếng:*

(A) those like *ăn* "to eat," *trong* "inside," *ba* "three," etc... which are used to denote things, actions, etc. and which can be used freely in larger constructions--phrases and sentences;

(B) those like *minh* "bright, light," *tảo* "to sweep," *thanh* "green," etc., which cannot be used alone, but have to occur in such larger forms as two-syllable compound words like *tảo-mộ, đạp-thanh.* These "restricted" forms are largely borrowing from Chinese, which was the language of culture in traditional Vietnam (China having ruled so long over the country south of its border);

(C) those like *áp* in *ấm-áp* "comfortably warm," *chạp* in *chậm-chạp* "slow(ly)," etc., which, though not carrying a meaning of their own, serve as helping syllables in the creation of such reduplicative forms that usually contain two syllables.

1.4.4 In morphology (*từ-pháp*), we study the structure of words, their shapes, and their meanings as well as the meanings of their components. In syntax (*cú-pháp*), we study sentences as meaningful strings of words, put together according to definite rules. On both levels, *tiếng* functions as the relevant grammatical unit that enters the composition of words, then phrases, then sentences. In

Tôi ăn cơm trưa ở trường. "I eat lunch at school"

each *tiếng* is a word, each syllable is a word. But in

Tôi ăn lót-dạ ở câu-lạc-bộ. "I eat breakfast at the club"

it takes two *tiếng* or syllables to make up the compound *lót-dạ* (literally, "to line up one's stomach"--"breakfast"), and three to yield the noun *câu-lạc-bộ* (from English "club" as borrowed through Chinese).

We are now ready to become familiar with a few more technical terms. First, a word (*từ*) in Vietnamese may consist of: one syllable (*tiếng* or *âm-tiết*), e.g. *tháng, ba, tôi, ăn, cơm;* two syllables, eg. *thanh-minh, tảo-mộ, lót-dạ;* or three syllables, e.g. *câu-lạc-bộ* "club," *quan-sát-viên* "observer," *liên-lạc-viên* "liaison person," etc.

Each word thus structured can function as a constituent in a sentence:

Bấy giờ là tiết tháng ba. "It was the third lunar month."

Lễ đó gọi là lễ tảo-mộ. "That rite is called the grave-sweeping ceremony."

Tôi ăn lót-dạ ở câu-lạc-bộ, chứ không phải ở hợp-tác-xã. "I eat breakfast at the club, and not at the cooperative."

The hyphenated units in these examples are either disyllabic (*bấy-giờ* "now," *lót-dạ* "breakfast") or trisyllables (*câu-lạc-bộ* "club," *hợp-tác-xã* "cooperative").

Whether those compounds are written with spaces between the syllables (*tảo mộ, quan sát viên*), with hyphens (*tảo-mộ, quan-sát-viên*), or as solid compounds with the syllables run together (*tảomộ, quansátviên*), they remain semantic wholes; their structures are very stable, and in actual normal pronunciation there is no break or pause between the syllables. Although the first style, considered by some people as careless, has been used in books, newspapers and other publications inside Vietnam and overseas, and although the third style is far superior because it reflects phonological realities--as conferences on spelling reforms in both North and South Vietnam had noted--we have chosen in this article the style with hyphens for purely pedagogic purposes.

1.5 At the word level, we speak of morphemes (variously called *tiếng, ngữ-vị, hình-vị, từ-tố*), which are parts or constituents of words. At the sentence level, we speak of words or lexemes (*từ*). [The Vietnamese word *chữ* is used to refer to either "a letter of the alphabet (like a, b, c)," or "a character," that is to say, a written symbol like a Chinese or a *nôm* character, or "a system of writing."]

A sentence is a string of words carrying a meaningful message and arranged according to the syntactic rules of the language. Its structure consists of two essential parts or constituents: the subject (*chủ-ngữ*) announcing a topic, and the predicate (*vị-ngữ*) providing a comment on that topic. For example, the subject-predicate or topic-comment relationship is obvious in such a simple sentence as

Trời mưa. "It's raining" [literally, "sky rain"].

in which *trời* is the subject and *mưa* the predicate which is a predication or statement about the weather.

The same sentence may be reduced to "Mưa," with the subject *trời* left out, or it may assume a more complex form, for instance:

Trời mưa thì tôi không đi. "If it rains I won't go."

[Editor's note: This introductory article is from the first chapter of Dr. Nguyen's monograph, Vietnamese without Veneer, *soon to be published by Asia Books.]*

Nguyễn Đình-Hoà taught Linguistics and Foreign Languages and Literatures at Southern Illinois University at Carbondale from 1969 to 1990. He also

THE COMPASS OF COMMAND TRANSFERED TO A FRIEND,
Command of a Cemetery Billet Passed to a Friend
(in memory of Lt. Nguyen Nam)

My reprieve from outpost duty at Duc Hai
left you, friend, to fill my boots and lead patrols
through no-man's land--graveyard of decapitated,
grass-high trees--that surrounds this clutch of thatched huts.

No tree tall enough to tie a hammock to,
you spread your sack of driftwood bones--their ache
floating down the river of your spine--beneath
her eaves, the bosom of our shared village whore.

I heard how badly that day went: sunlight
stacked in halos of heat like purgatory,
South China Sea wind whipcracking across
your face, coating it in a crusty salt mask.

And then, crackling at the edges of your sleep,
our carbines, their AK-47's
startled you, eyes filling with baby blue sky
that stared down like a painless future we crave.

Back from leave, I turn my grief on Duc Hai
like a bad cousin; put a pistol round
through the water jug that bleeds into the dirt,
then dries, a passing shadow--yours it seems.

Wailing across the chasm of my absence--
my two-week's leave--, sky torn by shads of light,
I divide my gift of dried squid--meant for you--
with our platoon, but this wine is for you and I.

Drink, little brother: dull the guillotine
blade of loss. To bring you joy, I sip my guilt
and chew the tough squid. But look... in this mist
of tears I taste the blood of my own finger.

Nam, my friend, Duc Hai seems more deserted
now without you. I sit by the calm sea
that no longer gives me peace. When we move
to Duc Phung outpost, who will know death next?

by LUÂN HOÁN

Translated from the Vietnamese
by Do Quy Toan and Chris Gompert - Joiner Center's
writer workshop 1992

Bàn giao cho bạn địa bàn
Bàn giao cho bạn nghĩa trang vô tình
(trích tập thơ *Cám ơn Đất Đá Trổ Thơ* -- của Luân Hoán)

directed the Center for Vietnamese Studies at that institution until his retirement. Having served for two schoolyears, 1990-1992, as Distinguished Professor at San Jose State University, Dr. Nguyen came closer to understanding the needs and aspirations of Indochinese youths in the Bay Area. We are presenting the first chapter from his monograph *Vietnamese without Veneer* to be published soon bay Asia Books (*Tiếng Việt Không Son Phấn*, the Vietnamese version, will follow the original edition).■

NORMALIZATION REVISITED: DEMOCRATIC REFORMS AND THE US' ECONOMIC EMBARGO AGAINST VIETNAM

By LE VU

Without access to the soil, it is almost impossible to plant the seeds of change. Without constant care and nurture, such tides of change will wither amidst a harsh environment. These words often accompany passionate defenses against isolationism as a political doctrine. The theory insists isolationism is the best way to stifle the chance for meaningful political dialogues with totalitarian regimes, which are needed to foster democratic reforms. Moreover as a policy, isolationism abdicates the use of freedom as a weapon of enticement to those lacking or deprived of such experience. Indeed, propenents for the normalization of relations between the US and Vietnam often echo such classical sentiments, entailing that this sole policy change is obligatory in order to have any hope for the eventual abandonment of communism in Vietnam. Normalization in this sense implitcitly encompasses not only the formal recognition of the present communist regime but more importantly, the removal of all major economic and trade embargo against Vietnam. Therefore normalization and removal embargo are intentionally treated as equivalents.

It is believed through such transaction, the increased trading activities will bring about rapid economic growth and stabilization to a failing economy. The byproducts will gradually act to immerse the Vietnamese, both in and out of the political establishment, in the rewards that are associated with a Western-style marketed economy. Such economic change will induce positive social reforms which in turns create an impetus for political reforms more palatable to the new socioeconomic status. in essence — a reform to mold after a Western style democracy.

Man by nature is driven by the satiation of desires, and such desires will not abate as long as he is presented with an opportunity to ask for more. An empirical observation would suggests those who are fully fed (ironically) tend to exhibit more desires than those who are starving, perhaps because it is harder for the latter to see beyond the need for a meager bowl of rice. This very human character trait has provided a stimulus for the underlining philosophy of totalitarian regimes — to keep their citizens starved and closed from the outside world in order to maintain a tight grip on power. Accordingly, if Vietnam is given a chance to better feed herself, the advent of sateity will initiate a chain of reaction, driven primarily by the desire to be wealthy, that would ultimately reduce communism into an anachronistic ideology.

But can hard-line, even dictatorial leaders change in such a short period of time? History seems to tell us yes. Leaders such as Mikhail Gorbachev, Poland's General Wojciech Jaruzelski, and their respective governments have provided us a glimpse of what is possible. Furthermore, the advocates for normalization point out that effective, durable reforms such as observed in Poland and Russia in the early eighties, are best achieved through peaceful means; not only because it prevents the bloodshed but because it was peaceful! This is explained by the notion that fundamental changes such as from a communistic idealogue to a democratic one can only involve some deep cerebral convictions. In a sense, it is the intellectual revolutions that truly wins conflicts and not the bloody ones. The fall of the Communist Party across Russia and Eastern Europe is often cited as examples. Normalization thus opens the door for such peaceful changes. Conversely, it is argued that idealogical changes brought about by forceful means are often not long-lasting and will ultimately reverberate into more subsequent conflicts. For example the Russian occupation of Afganistan and the Vietnamese occupation of Cambodia.

The fruits that spring forth from normalization are thought to be more reaching than mutual economic benefits between the two countries. An open channel of communication makes it easier to hold the Vietnamese government more accountable for egregious haman rights abuses, because it would be easier to detect transgressions such as the incarceration of the political oppositions into inhumane concentration camps (e.g. the Doan Viet Hoat case).

Perhaps the most compelling arguments for normalization with Vietnam are those which lie on the humanistic scale. Of particular urgency is the need to expose the younger generation of Vietnamese minds to democratic principles, present a reminder

that communism is indeed a failed solution, while at the same time offer them a glimpse of hope that change can come about through peaceful means. Normalization will pave the way of the relief of millions of desperately needed people, who are now living under conditions comparable to those seen in the most indigent country on earth. The communist regime has transformed Vietnam into the poorest country in Asia and one with the lowest standard of health care — while those belonging to the Party have not suffered. Humanitarian relief would make it possible to alleviate the unnecessary pain and sufferings. It would make it possible for the long awaited reunion between the Vietnamese abroad with those in the homeland, although such reunions are already being made in surprising number and with great ease. Nevertheless, it will also foster greater intellectual and cultural exchanges between students and scholars from both sides, which would advance both countries intellectually and culturally. As a people, Vietnam is falling so far behind in different aspects of modern industrialization that she may never catch up to the rest of the world with the fast paced electronic and computer innovations. The economic developments that come about with normalization will be needed to help advance Vietnam to modernism, which would help make her a more attractive market for large scale business ventures. Lastly, it is in the US' interest not to forgo an opportunity to sell goods in another market and take advantage of Vietnam's inexpensive goods and labor. Already, the US is falling behind other countries such as Japan and France in investments in Vietnam. More importantly, it would be strategically easier to manipulate the regime the more it is entangled in economic ties with the US.

It appears that the benefits arising from normalization of relations are mutual in many ways. While the arguments appear to be convincing, they are not without serious fallacies. The theory of normalization creating an economic impetus for democratization suffers from its inherent simplicity. Advocates of this theory never fail to evoke the experiences learned from Gorbachev's Russia, Lech Walesa's Solidarity Union, and the Tiananmen Square incident in China. In reality, many complex cultural and political factors must invariably come into play in spatial and temporal fashion to bring about a change of such caliber. Normalization at some point may factor into the equation, but it has hardly been the over-riding reason which guided such change in any of the examples throughout our modern history, including those described above. While the reforms in Russia were achieved remarkably with peaceful means, it is difficult to ascribe the outcome as a direct result of normalization because both the US and other Western European countries have had normalized relations with the former Soviet for decades before its demise. Instead, many historians are quick to point out factors such as the technological shortcomings of Russia, the arms race, and Gorbachev as the underlining reasons. Interestingly, what is often missed is the lack of a pivotal role played by the Russian people, i.e. those not in power. It appeared as though the tide of change that swept through Russia occured from the top down and not the bottom up. The salient point is that in totalitarian regimes, the seeds of change mus spring forth from within those holding power, while that coming from the common people played less of a role (for they are constantly repressed and deprived of the right to political empowerment). Ironically, the Tiananmen Square incident provides us with another case in point. Even though the enticement of Western opulence and freedom may have been the instigator for the students uprising, and many more may well appear in the future, each successive wave of protest will be dealt a swift blow even more brutal than the previous. So that in the end, perhaps all that can be learned from the experience is that the so called *"people power"* seen in Poland's Solidarity movement and much of Eastern Europe will be more appropriately called *"futile power"* when applied to the Asiatic totalitarian regimes. It is suggestive that the differences are cultural, perhaps the regard for human life is less in this part of the world. To say the least, normalization with China has produced neither concrete changes in its political idealogy nor noticeable steps toward political freedom. This is likely because the grip on power by the ruling class is too over bearing. It should be noted that China, under Deng's reign, catapulted itself from a once third-world economy to the world's fourth largest economic giant duing the period where normalization of relations with the West exists. This observation imply that at least to a limited extent, normalization/removal of economic embargo can be equated with economic prosperity for China, and perhaps also Vietnam. The leading scholars on China may rightfully contend that Maoist-style communism is rapidly fading across this country, but the same cast of characters is still tightly holding on to power. Whether or not a once idealogical struggle that has now metamorphosed into a pure power struggle is less relevant, than the fact that basic sets of freedom are still being deprived of in China — and will likely remains that way for some time to come. For similar reasons, normalization may not work with Vietnam because the one thing government officials are deft at is how to hold on to power. Thus normalization with Vietnam may at best, accomplish no more than to transform in into another Singapore, i.e. a wealthy country with a oppressive, dictatorial regime. While this scenarios may bode well when considering the US' economic interests, it is catastrophic for the state of freedom in Vietnam. It can be concluded that an economically well-off Vietnam may or may not advance down the democratic path depending on who is the victor of the power struggle. Suffice to say, given the successes of China, Singapore, and the tight strangle hold of the Hanoi govern-

ment on Vietnam, it is hard to predict that economic prosperity will prevail and ultimately eclipse over Hanoi's branch of hard-line ideology.

If indeed the Vietnamese government privately exhibited any doubts about their ability to maintain full control over the economic chaos that may ensues during the rapid growth phase, then why are they lobbying for normalization with the US so rigorously? To (absurdly) plant the seeds for their demise? A rational person must assume that these are intellectually capable men. Surely the same men who managed to militarily out-wit the world's foremost superpower would be capable of accessing the threat coming from their own opposition at home. It follows that the Hanoi government must have thought through and prepared for any negative consequences that may arise as a result of normalization. With the lessons already learned from the mistakes of other recently defunct communist regimes, Hanoi is poised, both in the short and long term, to react with unforgiving brutality. Already, there has been increased reports of massive crack-down of Buddhist dissidents.

While some leaders can change, others have shown just the opposite, for example Saddam Hussein. Second guessing Hanoi's motives is neither easy nor necessary. However given the low probability that they will succumb to an uprising opposition, it would seem obvious that one of the immediate goal is to scavenge any wealth and prosperity brought about through normalization. This is because the economic benefits arising from normalization with Vietnam will most likely trickle down starting from those in the hierarchy of power down to the lower rankings of the Party before it will reach the common people. Successful military institutions are more proficient at converting economic gains into military power than to institute reforms that would help advance their people intellectually and culturally. The principle goal is to use economic prosperity to promote political stability. The economic successes that China and Singapore enjoyed in many ways have strengthened their respective regimes.

The notion that sweeping political reforms achieved through peaceful means or through some strong personal convictions tend to be more durable than those achieved through forceful means can also be challenged, in light of the events that have precipitated in the former Czechoslovakia and Lithuania. Each of these states or their republics have more or less reverted back to communism or some forms of totalitarianism. Russia too is beginning to show signs of a revolution brewing. On the other hand, it can be argued that revolutions achieved through forceful means can be long lasting, albeit cruel and barbaric. The examples in this case are wide ranged including the American Civil War, the US-Japan War, the War in Granada, etc. Indeed, force is somtimes a necessary evil, as was the case with the Gulf War. However with respect to Vietnam, force is unlikely the answer. With the fourth largest army in the world, it would be imprudent use force as a mean to bring about democratic reforms.

Just as normalization will not guarantee a politica reform, or a reform that will lead the country down to the path of democracy, normalization will not guarantee a significant reduction in the human rights abuses that have been the norm of the Hanoi regime. From Chile to China, from Iran to Iraq, normalization of relation with the US counterpart at one time or another, has provided no clear pattern of effects. As long as China can get away with transgressions (amidst the constant presence of Western journalists) like Tiananmen Square, Hanoi will have little incentive to behave any better.

The argument that children growing up under Marxist ideology will be unalbe to comprehend any other ideologies, or unable to (eventually) evaluate the goods in democracy, not only underestimates the power of human imagination, but also its sensibility. Afterall, the East German students did not merely arrived at the revelation that democracy is something worth fighting for, just the night before they tore down the Berlin Wall. The Chinese students must have already grasped the meaning of true democracy and its fruits long before deciding to demonstrate at the now famous Square. The Coca Cola and the Levis Jeans may have helped to brew such revolutionary instincts, but to contend that it was the main reason would be to devaluate both the power of democratic principles and that of the young mind. People living under repressive regimes do have a severe disadvantage when it comes to obtaining unfiltered and untainted information. Nevertheless, a vast majority of these have, through the years, become surprisingly adept at obtaining the right information whether it'd be from word of mouth in dark alleys, intercepted radio transmissions, or black market newspapers. The caveat is that revelations acquired through maturation under oppressive environments tend to be more profound once the veil of constant mental repression is lifted. Therefore at best, it is not possible to evaluate whether there is a true need to normalize relations in order to instill democratic principles (to younger generations of Vietnam) if they already exists in the minds of these youngsters.

It is clear that Vietnam is a country in dire need of aid, but targeted delivery of such aid is a complex task because it has been difficult for the goods to escape pillage by the government officals. As a result, the cost of bringing goods and aid to Vietnam is high, such that a disproportionate amount of the starting material are needed in order to have enough left for the people. While the poor targetability of aid delivery does not provide a (ethically) sufficient reason for its discontinuation, this problem heightens and legitimizes the contention that helping the needed by normalization relation with the Hanoi government will likely come at the expense of helping the regime itself. Obviously, the validity of this argument will

depend on how much of an impact economic and humanitarian aid help to stabilize the present regime. Nevertheless, much economic development efforts funneled to a system as inefficient and corrupted as the present Vietnamese government will simply be squandered. This was the case with aid to many coutries in Africa and Eastern Europe.

Indeed, it is a political quagmire to determine which factor resulting from isolationism or normalization helps and which hinders the chance for democratic reforms. How easily will it be to manipulate the Hanoi government once she is entangled in a web of economic ties? A mirror-image question is how easily will the Hanoi government succumb to the economic deterioration brought about by continued economic embargo by the US? The notion that they are trained through years spent in the jungle of Vietnam to live on minimal subsistence, thus will not be easily swayed by the power of wealth, can be applied in support for either outcome of the questions above. One can not escape the fact that economic embargo is an imperfect weapon, if not an unpredictable one. Economic embargo seems to work best when it is carried out concertedly by all nations to sustain the pressure for change. While it is difficult to find clear examples where normalization directly cause sweeping reforms, there are instances where isolationism (with economic embargo), in combination with limited forceful means such as guerrilla warfare, appeared to be the chief architects of change. For example, the disband of apartheid in South Africa and the fall of Daniel Ortega's Nicaragua under severe US and the Western alliance economic embargo. No longer being supplemented by Russia, North Korea and Cuba are beginning to show grave economic and political instability amidst strong Western economic embargo. If one ascribe to this principle, then the contention that the US should beging lifting the economic embargo and invest in Vietnam because she losing grounds to other countries already investing there, is strategically bad if not morally corrupt.

In light of the shortcomings associated with both the pro- and anti- normalization arguments, normalization with or without economic embargo should not be the root of the debate on how to change Vietnam. But on a practical level, as long as Hanoi appear desperate, it would be unwise not to siege the opportunity to use it as a lever for change. The debate therefore becomes what are the minimal conditions for granting Hanoi its wish. The list should include the release of all political detainees, grant the right of political asylum seekers to leave the country and conversely guarantee the safety of those wishing to return to Vietnam, end the forceful suppression of political oppositions, allow for the extended presence of Western journalists and human rights groups such as Amnesty International and Asia Watch.

How long to wait until thse conditions are met? Although Hanoi's reaction to coercive pressures is likely similar to that of China (i.e. defiant), it knows that the conditions can only get worse at home the more it remains obstinate. The stakes will likely rise, to a point, the longer the waiting period — for *both* sides. On the one hand the US will loose some business opportunities, but as a compromise, it may be at a better negotiating position because Hanoi is already in an urgent need for an economic salvation. Since the chance for reforms with the isolationist policy is no better than that with normalization, the wait should not be too prolonged because in time, the potency of this "weapon" may decrease the more other countries establish trading relations with Vietnam. Mr. Clinton's recent decision of not lifting the ban is timely, the "wait and see" attitude is for now, strategically justifiable.

Le Vu, a Ph.D. candidate in Biomedical Engineering at John Hopskins University.

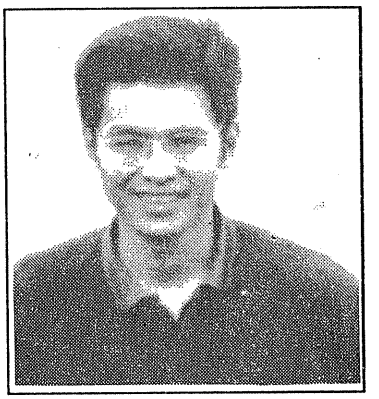

Le Vu

Vietnamese Culture Series, No.1
LANGUAGE IN VIETNAMESE SOCIETY:
Some Articles by Nguyễn Đình Hòa
Edited by Patricia Nguyễn Thị Mỹ Hương
Second Printing, Asia Books, Saratoga, California, 1991

EASY VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
SPEAK VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
READ VIETNAMESE (Charles E. Tuttle, 1966)
NHẤT THIÊN TỰ, THE BOOK OF ONE THOUSAND CHARACTERS (Asia/ Books, 1989)
ESSENTIAL ENGLISH-VIETNAMESE DICTIONARY (Charles E. Tuttle, 1983, 1991)

Inquiries about and orders for any one of the above publications can be addressed to:
Asia Books - 13455 Surrey Lane
Saratoga, Ca 95070,USA

LẠI BÀN VỀ CHUẨN HÓA

LTS - Thế Kỷ 21 *đã có dịp đưa ra vấn đề chuẩn hóa một số thuật ngữ điện toán, nhưng chưa đi vào các đề nghị cụ thể. Từ số này, chúng tôi sẽ lần lượt đăng tải với phần giải nghĩa, đối dịch và khảo dị, những thuật ngữ điện toán đã được dùng ở nhiều sách báo trong nước và hải ngoại.*

Để mở đầu, cũng là để thay lời giải thích lý do và mức quan trọng của việc chuẩn hóa, chúng tôi trích thuật hai cuộc phỏng vấn của ký giả Hoàng Vũ, đài BBC Luân Đôn -- ngày 16 tháng Chạp 1993, với ông Nguyễn Quang A (ở Hà Nội), và ngày 23 tháng Chạp 1993, với ông Đỗ Thông Minh (ở Tokyo).

Một số thân hữu đã, hoặc đồng ý sẽ góp thêm tư liệu, như Hoàng Đồng (Oregon), Vũ Quốc Dũng, Lê Đình Nhất Lang và Hồ Thành Việt (nhóm VNI, Westminster), Phạm ngọc Lân (Paris), v.v...

I- Tình hình điện toán trong nước

Ngày 16/12, ông Hoàng Vũ đã phỏng vấn ông Nguyễn Quang A, tổng giám đốc công ty **máy tính** truyền thông và điều khiển, tức công ty 3C ở Hà Nội. Trong phần giới thiệu, ông Hoàng Vũ đã dẫn lời của ông Bill Hover, đại diện hãng IBM tại Hà Nội; theo ông Hover, nếu các trường ở Việt Nam chú trọng đến khoa học và chế tạo thì những tiến bộ của thảo chương và các dịch vụ điện toán là một hướng phát triển tự nhiên của Việt Nam trong tương lai. Đây là ngành không đòi hỏi quá nhiều vốn mà chỉ cần đổ kiến thức.

Và trong tháng 8/93, Việt Nam đã ban hành một nghị quyết đưa ngành **tin học** (dịch từ chữ **informatique** của Pháp, tương đương với **informatics** hay **computer science** của Mỹ) lên hàng ưu tiên quốc gia. Dự tính cho đến năm 2,000, đầu tư cho ngành này sẽ lên đến 1 tỷ Mỹ kim, 2/3 số này dự kiến trông cậy vào nguồn viện trợ quốc tế và tư nhân cung cấp.

Theo ông Nguyễn Quang A (xin để nguyên cách dùng thuật ngữ ở trong nước):

Ở Việt Nam hiện có khoảng 50,000 **máy vi tính** và một số **máy tính** lớn khác; trong vòng ba năm tới, con số này sẽ tăng gấp đôi.

- Về công nghệ **phần mềm (software)**, tuy có nhưng chưa đáng kể. Sự phát triển **phần mềm** mới bắt đầu, lực lượng người làm còn ít. Sản phẩm làm ra tuy có đáp ứng một số nhu cầu hiện tại nhưng chưa nhiều lắm, nói chung là còn yếu và bé nhỏ.

- Về công nghệ **phần cứng (hardware)** tức sản xuất máy hay là lắp ráp **máy tính** thì đáng tiếc là Việt Nam chưa có công nghiệp như vậy.

- Về dịch vụ như bảo trì, sửa chữa, **bảo hành**... có nhiều công ty đang tiến hành làm và chắc phải đợi một thời gian nữa lãnh vực này mới phát triển thành một ngành quan trọng được.

Tuy thế, bốn, năm năm trở lại đây, việc sử dụng **máy tính** ở Việt Nam đã có những bước tiến triển rất là lớn. Việc sử dụng được triển khai rất là rộng ở khắp mọi nơi, từ giáo dục, công ty, cơ quan nhà nước... Phong trào học **máy tính** của trẻ em cũng phát triển. Ngoài trường học còn có các trung tâm đào tạo của các công ty hay tổ chức nhà nước, đào tạo ra những người biết kiến thức cơ bản, biết sử dụng **máy tính**...

Máy tính cũng được dùng trong việc dự báo kinh tế, tiên đoán thời tiết... nhưng còn giới hạn, không hiện đại như các nước tân tiến.

Có nhiều cơ sở Việt Nam nghiên cứu phát triển **phần mềm** đặc thù cho hoàn cảnh Việt Nam như sản xuất **phần mềm** tiếng Việt, **xử lý văn bản** tiếng Việt và chủ yếu là phần ứng dụng cho các công ty, cơ quan như quản lý nhân sự, lương bổng, vật tư...

Có loại **phần mềm** do phía Việt Nam hoàn toàn làm từ đầu đến cuối, có loại làm độc lập nhưng chạy chung với **phần mềm** ngoại quốc để biến **phần mềm** này chạy bằng tiếng Việt.

Việt Nam có nhập cảng một số **phần mềm** thông dụng của thế giới. Do lệnh cấm vận của Hoa Kỳ (mà đa số **phần mềm** là do Hoa Kỳ chế tạo) đã gây cản trở khá lớn trong việc phát triển và ứng dụng ở Việt Nam.

Để kết luận phần phỏng vấn này, ông Hoàng Vũ đã nói:

"*Đây là lần đầu tiên Hoàng Vũ nói chuyện với một người hiện đang ở trong nước về ngành máy tính. Cuộc điện đàm này đã làm tôi suy nghĩ nhiều về những thuật ngữ điện toán mà người Việt Nam chúng ta ở trong và ngoài nước sử dụng. Chúng ta có nên thống nhất với nhau về việc sử dụng thuật ngữ điện toán, hoặc ít ra thống nhất về nguyên tắc phiên dịch thuật ngữ này hay không? Hay thôi cứ giữ nguyên tiếng Anh cho đỡ rắc rối?*"

II- Vấn đề phiên dịch thuật ngữ

Một tuần sau cuộc phỏng vấn

nói trên, ký giả Hoàng Vũ đã phỏng vấn ông Đỗ Thông Minh, một "nhà biên soạn thuật ngữ" ở Tokyo. (Nói theo Hoàng Vũ, trong khuôn khổ đề tài cuộc phỏng vấn. Thực ra, ông Đỗ Thông Minh đã biên soạn nhiều bộ tự điển giá trị, như Nhật-Việt, Điện Toán, chữ Nôm, v.v...)

HV: Sau bao năm bị trì trệ, ngành tin học ở Việt Nam đang chuẩn bị chuyển mình. Càng ngày càng có nhiều người sử dụng máy điện toán. Theo lời ông Nguyễn Quang A Tổng Giám Đốc công ty 3C mà tôi có dịp nói chuyện lần trước thì mấy năm gần đây môn điện toán đã được đưa vào giảng dạy ở các trường học và nhất là các trung tâm huấn luyện. Nhu cầu phiên dịch các thuật ngữ điện toán rất cao. Người Việt ở trong và ngoài nước đều đang ra sức biên soạn từ điển thuật ngữ, nhưng nói chung cũng chỉ là tự phát không thống nhất.

Ngày hôm qua tôi đã đem chuyện này thảo luận với ông Đỗ Thông Minh, tác giả từ điển thuật ngữ sinh sống ở Tokyo, Nhật Bản. Ông Minh đã hiệu đính đối dịch cuốn Tự Điện Giải Nghĩa Điện Toán (của soạn giả Lê Thiệu Lương) Anh-Việt gồm 1,200 chữ (có đối chiếu cả tiếng Pháp và Đức, phát hành năm 1993). Ông cũng đã hoàn tất cuốn Từ Điển Anh-Việt và Việt-Anh Tin Học Tổng Hợp 30,000 chữ, sẽ được xuất bản vào khoảng giữa năm tới (1994). Ngoài ra ông Minh còn là tác giả của nhiều bài biên khảo và ông đã đi nói chuyện nhiều nơi về phiên dịch thuật ngữ.

Đầu tiên tôi hỏi ông Minh là tại sao nhu cầu chuẩn hóa Việt ngữ lại cần thiết như vậy và ông cho biết.

ĐTM: Chúng ta đang ở thời điểm thu thập rất nhiều kiến thức ngoại quốc đi song song với các thuật ngữ, do đó xảy ra tình trạng là mạnh ai dùng thì người ấy dịch. Do đó nhu cầu thống nhất thuật ngữ lại càng cấp thiết hơn.

HV: Thế nhưng phương pháp dịch thuật mà ông đang sử dụng là như thế nào?

ĐTM: Hiện tại, chúng tôi trong vấn đề dịch thuật, đầu tiên chúng tôi đọc sách Anh văn rồi cả các sách bằng tiếng Việt để hiểu rõ nghĩa mà chúng tôi muốn dịch. Sau đó chúng tôi tìm những từ điển đối dịch mà phía Việt Nam trong nước hoặc ngoài nước đã xuất bản ra để tìm xem những từ đó đã được dùng chưa, (nếu) đã quen thuộc với người Việt Nam rồi thì chúng ta ưu tiên chọn trừ trường hợp chúng ta thấy nó không được chỉnh lắm bấy giờ chúng ta mới tìm những từ khác. Bởi vì tuy ngành **tin học** là mới nhưng nếu tính từ thời IBM vào Việt Nam thì đã có 20, 25 năm nay nên đã có một số từ căn bản, ít nhất chúng ta cũng nên tìm

HỒ TRƯỜNG AN

ĐỊA NGỤC

Mùa thu đó, tôi trở về ảo tưởng
Màu thời gian bỗng đổi xám màu tro
Phòng thính nhạc tắt nghẹn ngào âm hưởng
Chiếc hồ cầm phủ lớp bụi hoang sơ

Trên phế tích, cây xương rồng trơ trọi
Vươn tay gầy, ngoặc dĩ vãng xa xăm
Trong nghĩa trang, bao mộ bia mòn mỏi
Lũ mèo hoang sục sạo dưới trăng rằm.

Tôi lạc lõng giữa kinh kỳ quá khứ
Chạy kinh hoàng trên bão sóng thời gian
Vượt từng chặng những cơn điên mộng dữ
Ngoảnh lại nhìn cồn cát nắng chang chang

Chiều hổn hển, gió tanh nồng vật vã
Mặt trời chiều mửa máu giải sông đen
Đêm tối đến mang theo cơn rời rã
Cùng bao lời rên siết tiếng ho hen

Tôi vùng vẫy giữa trùng trùng bóng tối
Tai dần dần tê điếng những âm vang
Rồi bật sáng bao quãng đời tội lỗi
Bao điên cuồng giữa trí não khô khan

Tôi đã hiểu đây thênh thang địa ngục
Chờ đợi người say mộng lạc đường về
Say Vệ Nữ ôm nhầm thây mục rã
Vĩnh viễn rồi hối tiếc một cơn mê

hiểu những từ đó trước khi tiến xa hơn.

HV: Thưa có nhiều người họ nói như thế này, là tại sao mình dịch làm gì? tại sao không dùng thẳng tiếng Anh hay chỉ phiên âm từ tiếng Anh sang mà thôi?

ĐTM: Cá nhân tôi cũng du học ở ngoại quốc, có thể cùng tâm trạng với đa số người Việt đang ở hải ngoại ngày hôm nay. Thế nhưng khi chúng tôi bước chân vào ngành điện toán thì thấy rằng những tiếng Anh hoặc là tiếng Nhật hay các thứ tiếng ngoại quốc khác, dù gì đi chăng nữa vẫn xa lạ với cá nhân tôi và nhất là nếu muốn phổ biến nó ra giới bình dân. Vì vậy chúng tôi cũng có ý hướng là làm sao dùng nó bằng tiếng Việt, đọc vẫn thấy nhanh, hiểu tường tận hơn tiếng ngoại quốc.

HV: Thế bây giờ mình chuyển sang, mình thử đối chiếu một vài chữ. Thưa ông thời giờ không cho phép nên chúng tôi chỉ nói tới một số từ căn bản. Xin bắt đầu bằng chữ **software** mà ở Việt Nam, theo từ điển của ông Phùng Quang Nhượng dịch là **phần mềm (của máy tính)**, cuốn từ điển của ông dùng chữ **nhu kiện** hoặc **nhu liệu.**

ĐTM: Trong lúc chúng tôi biên soạn, chúng tôi có tham khảo và chúng tôi cũng biết trong nước dịch chữ **software** là **phần mềm**. Tôi xin đi luôn một số chữ trong loạt này như chữ **hardware** được dịch là **phần cứng**, chữ **firmware** được dịch là **phần dẻo** (hoặc dịch là **phần sụn**). Chúng tôi thu thập ở trong và ngoài nước, riêng chữ **software** có hơn 10 lối dịch khác nhau (**thiết bị mềm, phương tiện chương trình, phương tiện logic, nhu phẩm, nhu thể, phần mềm, hư liệu, nhu liệu, phần nhu dụng, phần não, nhu cụ, nhu kiện...**), và cách dịch **phần mềm** cũng là một cách. Chúng tôi thấy rằng nói một cách dễ hiểu thì dịch vậy cũng được, tuy nhiên chữ **soft** dịch là **mềm** và chữ **ware** dịch là **phần** thì chưa có sự cân xứng về đối dịch. Khi chúng ta sang những chữ khác đi với chữ **ware** thì chưa có sự cân xứng về đối dịch. Khi chúng ta sang những chữ khác đi với chữ **ware** thì không còn dịch được là chữ **phần**, tức khi dịch trên hệ thống toàn bộ cũng còn trục trặc. Về phần chúng tôi thấy ở hải ngoại này, đa số dịch chữ **software** là **nhu liệu** và **hardware** là **cương liệu.** Ngoài này dịch là **nhu, cương** đó là những chữ hơi Hán một chút, nhưng đa số người Việt Nam ai cũng hiểu. Trong trường hợp này, chúng tôi cũng băn khoăn không biết là phải chọn lối dịch nào, vì vậy chúng tôi cố gắng tìm sách vở để tham khảo thì chúng tôi thấy là đối với người Hoa, họ dịch chữ **software** là **nhuyễn kiện** và **hardware** là **ngạnh kiện** và **firmware** là **cố kiện.** Chữ **nhuyễn** là **nhu nhuyễn.** Giống như chúng ta có **nhu nhuyễn** là **"mềm"** và **ngạnh** như **ương ngạnh, ngạnh** là **cứng**, còn **cố** là **bền chắc** như kiên cố. Cách dùng chữ **nhuyễn** và **ngạnh** thì người Việt chúng ta có thể hiểu được nhưng ghép trong trường hợp này thì chữ nghe rất là chối tai và không diễn tả chữ **soft** và **hard** mà người Việt thường hiểu, vì vậy chúng tôi thấy hơi có vấn đề với người Việt. Nhưng riêng chữ **kiện** dùng trong trường hợp này khá hợp lý. Chữ **kiện**, có những chữ như **kiện hàng, bưu kiện; kiện** để chỉ một vật cụ thể (ngoài ra còn có **phụ kiện, linh kiện, trợ kiện**...) Và thứ hai nữa chúng ta có **sự kiện (văn kiện)**, thành ra **kiện** nhưng là một vấn đề có tính cách **trừu tượng** hay **tinh thần.** Do đó, chữ **kiện** trong trường hợp này nó thích ứng cho cả trường hợp chúng ta dùng chữ **soft** và chữ **hard** trong điện toán. Vì vậy, chúng tôi mạo muội dùng chữ **nhu kiện, cương kiện, cố kiện.**

HV: Tôi không hiểu là khái niệm **mềm. cứng, dẻo, sụn** thì có chính xác không thưa ông? Nếu mình nói **nhu, cương** thì nghĩa nó bao quát hơn, tôi nghĩ là nó gần đúng với nghĩa của tiếng Anh hơn, tại vì **software** dịch là **phần mềm** nhưng thực sự nó đâu có **mềm.**

ĐTM: Dạ vâng, đúng ạ. Chúng tôi cũng đã phân tích (trong một bài viết) như vậy đó. Chữ **nhu** không hẳn chỉ là **mềm**, như khi nói **nhu mì** là chỉ một yếu tố có tính cách **tinh thần** (chỉ **đặc tính**), để mình có thể dịch thoát được đối với phần **hard** là phần **cụ thể**, đây là phần **chương trình.** Và mới đây có thêm một từ nữa là **middleware**, chúng tôi gọi là **trung kiện**, là một **chương trình trung gian** để có thể chuyển dữ kiện từ máy này qua máy kia, tức các máy thuộc hệ thống khác nhau.

HV: Thêm một chữ nữa là **menu**, theo từ điển Phùng Quang Nhượng thì dịch là **thực đơn**, theo từ điển của ông dịch là **mệnh đơn**, tôi nghĩ **mệnh đơn** hợp lý hơn phải không thưa ông?

ĐTM: Dạ, tôi cũng có thấy ở cả Bắc và Nam (Việt Nam) dùng thống nhất chữ **menu** là **thực đơn.** Nhưng ở hải ngoại này không ai dùng như vậy cả, tôi thấy ngoài này dùng là **mệnh đơn hay đơn chọn lựa.** Tôi thấy chữ **menu** cũng giống như chữ **charge** hay **fee** có rất nhiều nghĩa. Trong trường hợp này họ dùng đặc biệt trong ngành điện toán thì chúng ta phải có chữ đối dịch đặc biệt riêng cho nó. Nếu chúng ta dùng nghĩa **thực đơn** thì một số người thấy nó hơi buồn cười, vì không có yếu tố gì là thực trong đó cả. Trong trường hợp này, người Hoa dịch là **tuyển trạch đơn**, thì chúng ta có thể gọi nó là **đơn chọn lựa** hoặc chúng ta dịch thoát đi một tí, chúng ta gọi là **mệnh đơn.** Đó là những từ tương đối sát với ý hơn là **thực đơn.**

HV: Vô hình trung, đến một lúc nào đó chúng ta sẽ có thuật ngữ cho người Việt ở hải ngoại và thuật ngữ cho người Việt ở trong nước. Mà như ông cũng biết, số người Việt ở hải ngoại chỉ là một thiểu số nếu so với người ở trong nước.

ĐTM: Dạ thưa, với ý kiến của chúng tôi thì chúng tôi thấy rằng vừa rồi chúng ta đưa ra vài từ có sự khác biệt, nhưng đó chỉ là một số rất ít, còn đại đa số những công trình biên soạn trong nước mà chúng tôi tham khảo đều hầu hết có thể dùng được, chứ chúng tôi không làm công việc khác hẳn công việc làm ở trong nước. Khi chúng tôi biên soạn, chúng tôi cũng tham khảo sách dùng ở trong nước. Một vài trường hợp chúng tôi cũng có sự trao đổi và nhờ góp ý kiến, cho nên tôi thấy trong và ngoài có phần khác nhau đó nhưng mà chỉ là tiểu tiết thôi.■

Kỳ sau: *Các thuật ngữ thông dụng*

VỤ CHỮA MẮT KỲ DIỆU TRÊN QUỸ ĐẠO

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Cuộc chữa mắt trên quỹ đạo Trái Đất đã thành công rực rỡ. Tháng 1-94 vừa qua, những bức hình mới nhất do NASA (cơ quan Hàng Không và Không Gian Mỹ) công bố đã đem lại niềm hân hoan và phấn khởi cho các nhà Thiên văn học và vũ trụ học trên toàn thế giới. Viễn vọng kính Hubble -- loại kính thiên văn lớn nhất từ trước đến nay bay trên quỹ đạo Trái đất -- quả nhiên đã hết bệnh cận thị, và đã nhìn được rất xa, xa hàng tỷ năm ánh sáng, sâu trong vũ trụ và đã chụp được những hình ảnh rất rõ, rất ngoạn mục về những thiên hà (galaxy) ở xa thẳm.

Kỳ này, chúng ta hãy tạm thời bỏ những lý thuyết về Vật lý thiên thể và Vật lý lượng tử, để nhìn vào một lãnh vực dễ hiểu hơn, đỡ gây nhức đầu hơn. Đó là kỹ thuật quang học (*optics*), tạo ra những "ống nhòm" nhìn lên trời.

Trước hết hãy xác định một vài danh từ. Con mắt của loài người chúng ta có giới hạn. Nhỏ quá không nhìn rõ, mà xa quá cũng không nhìn được. Dù có máy chụp hình, máy ảnh, kính ảnh trợ giúp cho con mắt, nhưng rút cuộc chúng ta vẫn bị giới hạn về hai chữ "vi" (nhỏ) và "viễn" (xa).

Để nhìn cho rõ những vật nhỏ như vi trùng hay các tế bào và các phân tử, chúng ta có kính hiển vi (*microscope*).

Và cố nhiên để nhìn cho xa, ta có ống nhòm, ở một mức cao nhất, gọi là viễn vọng kính (*telescope*). Thời xưa theo các chuyện Tây du, Phong thần, người ta có kính "chiếu yêu", nghĩa là loại kính bửu bối, bất cứ loại yêu quái nào tàng hình hay biến hình, bị kính này chiếu vào cũng phải hiện nguyên hình. Ngày nay các vị tổ sư bồ đề khoa học hiện đại có loại kính "chiếu yêu" gọi là *Telescope*. Bởi vì các sao, ngay cả những "*quasars*" hay các galaxy ở xa hàng chục tỷ năm ánh sáng -- đơn vị đo lường năm ánh sáng là khoảng cách mà ánh sáng chạy được trong một năm với tốc độ 300,000 cây số một... giây đồng hồ -- dù ở xa như vậy, mắt thường không thể nhìn thấy, nhưng một khi bị Telescope chiếu vào, nó cũng phải hiện nguyên hình.

Kỹ thuật của kính thiên văn

Năm 1990, người ta phóng lên quỹ đạo Trái đất một viễn vọng kính đặt tên là Hubble để nó chạy vòng vòng bên ngoài địa cầu trong 15 năm và nhìn vào vũ trụ. Chữ Hubble là tê một nhà thiên văn học Mỹ Edwin Hubble năm 1929, đã khám phá ra vũ trụ đang giãn nở, để rồi xác nhận thuyết Big Bang (vũ trụ bùng nổ).

Thế giới ngày nay thiếu gì các loại ống nhòm khổng lồ của các Thiên văn đài -- cả ngàn, cả chục ngàn cái lớn nhỏ rải rác ở nhiều nước có nền khoa học hiện đại -- vậy tại sao phải cầu kỳ đặt một viễn vọng kính bay ở bên ngoài trái đất để quan sát thiên văn? Lý do giản dị là ở trên mặt đất này, dù ở đỉnh núi chăng nữa, vẫn còn "vướng vít bụi trần", nghĩa là còn không khí, mà các phân tử không khí tuy mắt thường nhìn không thấy, lại có khả năng làm vướng mắt kính chiếu yêu tân thời.

Quan niệm đưa một viễn vọng kính ra ngoài bầu khí quyển của Trái đất đã được đưa ra lần đầu tiên vào ngăm 1946, do nhà thiên văn học Lyman Spitzer ở Đại học Princeton. Thời đó chưa có kỹ thuật phóng vệ tinh nhân tạo.

Về sau khoa học tiến bộ, dự án ống nhòm trên kỹ đạo mới thành hình.

Nhưng cũng phải mất năm năm trời, dụng cụ quan trọng nhất của Hubble là con mắt của nó mới "đúc" xong và hoàn thành việc mài vào năm 1981, trị giá riêng dụng cụ này là 3 triệu đôla.

Thế nào là con mắt của Hubble? Đó là một tấm gương lõm hình tròn, đường kính đo được 94.5 inches, khoảng 2.3 mét.

Tại sao mắt lại là tấm gương. Kỹ thuật thiên văn kính ngày nay khác với kỹ thuật kính hiển vi và ống nhòm bình thường. Ngày nay hầu hết các kính thiên văn đều là loại thiên văn kính phản chiếu (*reflecting telescope*).

Kỹ thuật "dòm" đơn giản như thế này: Tấm gương lõm (*concave*) thật lớn để thâu gọn các tia sáng từ xa thẳm vọng tới. Vì là gương lõm tất nhiên nó phải phản ảnh lại đúng vào tiêu điểm (focus) của một tấm gương khác. Gương thứ hai này nhỏ hơn nhiều và đặt phía trước gương lõm lớn. Gương thứ hai này có nhiệm vụ khuếch đại rồi chiếu lại đúng vào một nơi, để mắt quan sát hay để máy chụp hình. Trường hợp Hubble cố nhiên là máy chụp hình.

Thế nhưng thiên văn kính bay trên quỹ đạo không phải chỉ có hai tấm gương. Còn nhiều dụng cụ phức tạp khác nữa. Vì kính thiên văn luôn luôn di chuyển trên quỹ đạo cao cách xa 389 dặm (nặng 127.5 tấn, dài 425 bộ), trong khi người ta lại bắt nó tiếp tục dính mắt vào một thiên hà nào đó để chụp hình, tự nhiên phải có một loạt máy định hướng và luôn luôn điều chỉnh cho đúng hướng chụp. Thí dụ như bắt một ông phó nhòm ngồi trên bánh xe quay vun vút trong Hội Chợ và bảo ông ta phải chụp cho "dính" hình một con kiến cũng đang bò ở

dưới đất. Người ta phải gắn cho nó sáu bộ máy *gyroscope*, nghĩa là loại "địa bàn" kiểu con quay xoay tròn mà người ta vẫn dùng trên các phi cơ do "máy" phi công tự động lái.

Nó lại có "từ trường kế" (*magnetometer*) để đo từ trường của Trái đất mà biết độ cao hay thấp, khiến nó có thể tự động điều chỉnh bay cao bay thấp cho đúng quỹ đạo.

Nó cần những máy chụp hình khổng lồ, tối tân nhất cũng như các máy computer và hệ thống điện tử và xử lý truyền tin về Trái đất. Thế lấy điện ở đâu ra mà chạy cả mấy năm trời liền? Hubble có một đôi cánh rất lớn để hứng lấy ánh sáng mặt trời và biến nó thành điện để xài hoài.

Ngoài ra còn nhiều dụng cụ vi diệu nữa do khoa học và kỹ thuật hiện đại cung cấp: máy đo quang phổ, đo ánh sáng, đo bức xạ quang tuyến X v.v... Nó chính là một phòng thí nghiệm vĩ đại đầy đủ các dụng cụ khoa học, đồng thời phải biết tuân theo lệnh những người ở trên mặt đất, bảo nó phải nhìn vào phía nào, chụp cái gì, đo cái gì, và truyền những hình ảnh hay tin tức xuống đất.

Một câu hỏi chót: Tại sao Hubble cứ phải chạy trên quỹ đạo? Cũng như mọi vệ tinh khác, kính thiên văn Hubble phải tuân theo một định luật của "trường" hấp dẫn. Nó bị trọng lực của trái đất kéo vào. Khi nó chạy vòng tròn, tự nó tạo ra một sức ly tâm (*centrifuge*) có khuynh hướng làm nó văng ra ngoài. Sức quăng ra ngoài đó quân bình với sức kéo vô của hấp dẫn thành ra nó không rớt xuống mà cũng không bay ra ngoài vào không gian.

Với sức nặng của Hubble là 125.5 tấn, với quỹ đạo viễn điểm là 380 dặm trên cao, và khi đã biết hằng số hấp lực cùng khối lượng (mass) của Trái đất thì một cậu học trò Trung học ngày nay cũng có thể tính được vận tốc quỹ đạo của Hubble. Nó phải bay với tốc độ 5 miles một giây đồng hồ (khoảng 25,000 cây số một giờ) thì mới quân bình được ly tâm và trọng lực và có quyền ở trên quỹ đạo cả chục năm.

Đoạn kỹ thuật này sẽ thiếu sót nếu ta không nói đến tiền. Năm 1984, khi toàn bộ Hubble hoàn thành, trị giá của nó là 1.5 tỷ đôla, đó là tiền theo thời giá lúc đó. Bây giờ còn hơn. Thế tại sao không đưa nó lên quỹ đạo ngay? Ngăm 1986, như mọi người đã biết, phi thuyền Challenger nổ tung, thế là mọi cuộc phóng phi thuyền con thoi phải đình chỉ 3 năm để nghiên cứu lại.

Công cuộc sửa "mắt" cho Hubble hồi tháng 12 năm 1994 đã tốn thêm hết 630 triệu đôla, bao gồm cả chi phí cho một chuyến bay của phi thuyền con thoi là 380 triệu (mặc dù các chuyên gia nói mỗi chuyến bay tốn đến 1 tỷ đô la).

Căn bệnh cận thị của Hubble

Bây giờ đến vấn đề chữa bệnh cho Hubble. Thiên văn kính này được phóng lên quỹ đạo ngày 24-4-1990. Nhưng ngay sau khi Hubble được đặt vào quỹ đạo, các nhà thiên văn, các khoa học gia thất vọng lớn. Con mắt của Hubble mắc bệnh cận thị.

Đến đây, chúng ta phải trở lại vấn đề quang học một chút. Trong mọi thứ dụng cụ trên cõi đời này, dụng cụ tiếp sức cho con mắt vẫn là những dụng cụ đòi hỏi một sự chính xác tuyệt đối.

Một vấn đề đòi hỏi chính xác cao chính là vấn đề tiêu điểm (*focus*). Ánh sáng phải tụ lại thành một tiêu điểm. Ánh sáng đi vô mắt chúng ta cũng phải tụ thành tiêu điểm ở chỗ chính xác nhất. Sai chệch một chút xíu thôi, con mắt sẽ trở thành cận thị hay viễn thị.

Tấm gương lõm, rộng 2.2 mét của Hubble đã tụ tiêu điểm sai, chỉ vì sai "khuyết tật" của nó do chính đoàn kỹ sư mài nó gây ra. Độ lõm của nó đã không đủ lõm chính xác, nó hơi nông (flat) vào đúng 1 phần 10,000 của một inch, nghĩa là nó không lõm sâu thêm khoảng 1 phần 50 bề dày của một sợi tóc mới thật đúng. Các bạn bật cười chăng, một tấm gương lõm rộng đến hơn 2.2 thước tây, mà chỉ thiếu độ lõm có chưa bằng 1/50 của bề dày sợi tóc của bạn?

Thế mà anh chàng Hubble hóa thành cận thị đấy. Anh không nhìn xa được, nghĩa là anh ta không thu được ánh sáng vào tiêu điểm chính xác. Thành ra mọi

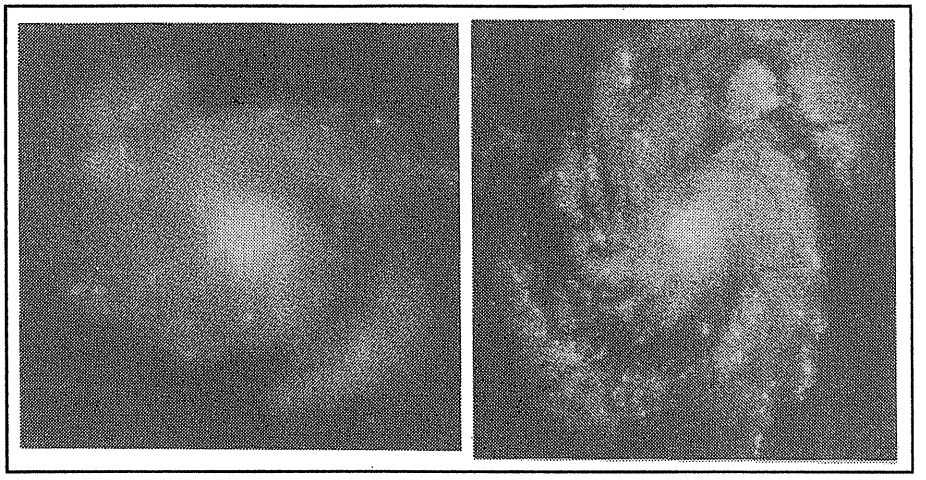

Sau khi được chữa bệnh cận thị, viễn vọng kính Hubble đã có thể nhìn xa, với độ phân giải cao. Trên hình: Thiên hà M.100 trong chòm sao Virgo cách địa cầu 20 triệu năm ánh sáng, trước COSTAR (bên trái), và sau COSTAR bên phải.

hình ảnh anh ta chụp được đều bị nhòe.

Chuyến bay của phi thuyền Endeavour hồi đầu tháng 12-93 vừa qua chính là để chữa bệnh mắt cho Hubble.

Trên nguyên lý, chữa chứng cận thị quá dễ. Cũng như con người, chúng ta chỉ đeo cho anh chàng một cặp kiến cận thị là xong chớ gì?

Khốn thay, trên thực tế, mọi việc không dễ dàng như vậy. Nếu đem một tấm kiếng cận thị to bằng tấm gương lõm lên, thì làm một tấm gương lõm khác đem lên thay thế còn hơn. Nhưng bốc lên trời một tấm gương -- hay một tấm kiến sửa cận thị -- cồng kềnh dễ sợ, dễ xay xát, và tháo cái cũ ra, ráp cái mới vào hệ thống viễn vọng là cả một chuyện thiên nan vạn nan khi lơ lửng trên quỹ đạo.

Cũng may kỹ thuật chữa mắt cho Hubble đã phát minh từ một chuyện tình cờ, hơi... khôi hài một chút. Một anh chàng kỹ sư Đức từ lâu đã được hỏi tham khảo về cách chữa bệnh cho Hubble, một hôm, buổi sáng, vào trong phòng tắm. Cố nhiên anh tắm... truồng và đứng trước vòi hoa sen (shower) như mọi loại phòng tắm khác. Mở nước ra, các tia nước của vòi sen tỏa rộng.

Anh chàng tuổi trẻ tài cao này, sau một đêm mệt mỏi với người bạn gái, cố nhiên cần các tia nước tụ vào một chỗ cho thật mạnh, thật trúng chỗ, để kỳ cọ nơi cần kỳ cọ. Theo thói quen anh ta với tay xoay hoa sen để điều chỉnh cho các tia nước thu hẹp lại.

Đột nhiên một tia sáng lóe lên trong đầu: Điều chỉnh tia nước được tức là cũng điều chỉnh được cả tia ánh sáng. Và cần gì điều chỉnh tận gốc, chỉ cần điều chỉnh ở "giữa đường", khi sánh sáng đã do tấm gương lõm thu nhỏ đến một độ nào đó chỉ bằng cái vòi sen thôi.

Ý niệm sơ khai đó được nghiên cứu và rồi tự nhiên phát triển đến một kỹ thuật tinh diệu nhất trong việc chữa bệnh cho Hubble.

Phi thuyền Endeavour đã đem lên quỹ đạo một cái thùng dài, trông tựa như một cái phòng gọi điện thoại công cộng có kính che, như ta vẫn thấy ở lề đường phố. Thùng này được gọi là COSTAR (*Corrective Optics Space Telescope Axial Replacement*) tạm dịch là "Bộ phận thay thế ở trục thẳng Viễn vọng kính không gian để điều chỉnh tia ánh sáng". Tại sao lại thay thế? Nguyên là ở trục giữa của Hubble có một cái thùng bằng cỡ đó, nhưng chỉ chứa một dụng cụ gọi là "High Speed Photometer" (máy đo ánh sáng -- quang kế -- với tốc độ cao) và dụng cụ này rất ít dùng đến. Viễn vọng kính Huble đã có nhiều quang kế khác, tuy không nhanh bằng. Công việc sửa chữa là tháo bỏ thùng quang kế lớn ra, để thay thế COSTAR vào đó. Tuy thùng COSTAR cồng kềnh và ở mặt đất nó nặng đến 375 kí, nhưng ở trên quỹ đạo, nơi mà lực hấp dẫn và lực li tâm triệt tiêu lẫn nhau, nó bồng bềnh như một cái lá.

Trong thùng COSTAR có chứa 10 chiếc gương điều chỉnh, mỗi chiếc chỉ nhỏ bằng một cái móng tay, như một hệ thống điện tử và computer đặt trong đó sẽ tính toán và điều chỉnh độ xòe ra đúng chỗ đúng lúc, chữa lại các tia ánh sáng cho nó tụ đúng chỗ, y hệt như tấm gương lõm chính rộng 2.2 mét đã được mài lõm sâu thêm 1/50 phần của sợi tóc.

Qua báo chí hàng ngày, chúng ta đã biết công cuộc sửa chữa suốt trong 11 ngày trên quỹ đạo của bảy phi hành gia không gian (trong đó có một nữ) đã diễn tiến khó khăn như thế nào. Ngoài công việc chữa mắt, các phi hành gia còn phải chữa cho Hubble một loạt những bệnh khác: thay thế ba trong sáu gyroscope đã hư, thay thế hai cái cánh mới để hứng ánh nắng mặt trời, thay thế hai từ trường kế hiện đại, thay thế một máy chụp hình loại tối tân nhất có thể tự động điều chỉnh tia sáng, thay thế một computer loại siêu đẳng mới có. Thay thế một hệ thống điện từ điều khiển hoàn toàn mới.

Khoa thiên văn bước vào thế kỷ 21

Những hình ảnh mới công bố của NASA đã cho thấy những công việc sửa chữa vô cùng khó khăn nói trên đã thành công mỹ mãn.

So sánh những bức hình chụp galaxy trước khi có COSTAR và sau khi có COSTAR, người ta phải công nhận rằng thiên văn kính Hubble đã hết cận thị, nó đã có thể nhìn rất xa và nhìn rất rõ.

Nhưng thế nào là nhìn xa và nhìn rõ của tầm mức viễn vọng kính vũ trụ?

Để có một sự hiểu biết về tầm nhìn, chúng ta đành phải làm một vài thí dụ.

Viễn vọng kính Hubble sau khi điều chỉnh, có thể "bắt" được ánh sáng của một con đom đóm ở cách xa 8,500 dặm. Nó có thể nhìn rõ những thiên thể ở cách xa chúng ta 12 tỷ năm ánh sáng.

Nhưng thế nào là "nhìn rõ"? Danh từ quang học gọi đó là "độ phân giải cao" (high resolution).

Độ phân giải cao là thế này. Thí dụ từ Los Angeles đến New York, theo đường "thẳng cánh cò bay", là xa độ 3,000 miles. Nếu ban đêm thí dụ không có vướng vật gì, có một chiếc xe hơi bật đèn pha ở New York, thì ở L.A. nhờ kính Hubble, chúng ta không những nhìn thấy ánh sáng, mà còn thấy rõ đó là hai ngọn đèn ở đầu xe hơi cách nhau, chớ không phải chỉ thấy một vệt sáng lóe mà thôi. Theo lời một chuyên gia, Hubble có thể phân giải một vật rất nhỏ trên bầu trời chỉ bằng một "arc-second" (tức bằng 1 phần 3,600 của độ, trong 360 độ xung quanh của vòm trời).

Bức hình thiên hà (galaxy) do Hubble mới chụp được và được NASA công bố hồi tháng 1-94 vừa qua là hình galaxy này, điều đó chứng tỏ Hubble có thể phân giải các vật tương đối nhỏ trong các galaxy hàng chục triệu năm ánh sáng.

Trong khoảng 15 năm hoạt động của Hubble, các nhà thiên văn sẽ quan sát những vật gần nhất như các tiểu hành tinh, các sao chổi hay các hành tinh khác trong Thái dương hệ, cho đến những thiên thể lạ lùng gọi là "quasars" ở những vùng sâu thẳm của vũ trụ.

Trong năm nay hơn 1200 nhà thiên văn sẽ sử dụng Hubble. Họ hy vọng xác nhận và nghiên cứu rõ rệt những lỗ đen và trong vòng ba năm tới, họ có thể tính được tuổi thực sự của vũ trụ. Ngay vào mùa xuân 1994 này, họ sẽ chuyên chú đi tìm một lỗ đen nghi là nằm giữa galaxy M87.

Người ta có thể tin tưởng rằng với Hubble vừa được hoàn chỉnh, khoa học đã bắt đầu bước vào thế kỷ 21.■

CHÚC LÀNH

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

**NỬA ĐỜI NHÌN LẠI, truyện của TIÊU DAO BẢO CỰ,
tựa ĐẶNG TIẾN, bạt HÀ SĨ PHU, nhà xuất bản THẾ KỶ, 1994**

Tôi không có ý định viết về **Nửa Đời Nhìn Lại** của Bảo Cự như một phê bình gia trích dẫn, phê bình, nhận xét, khen chê và nhắn nhủ tác giả dăm ba điều về câu cú, cách hành văn, dựng ý, dựng chuyện, trách nhiệm của nhà văn, những yêu cầu của thời đại vân vân... Nhà văn cần nhà phê bình và vì các phê bình gia mà chúng ta lên gân, cố gắng, sửa sai...

Nửa Đời Nhìn Lại là tiểu thuyết hư cấu hay là bút ký người thật việc thật hay hơn nữa là những bài lý luận mang tính bút chiến của một tác giả tràn đầy tình cảm, thiết tha sôi nổi, đau đớn nhọc nhằn, nhức nhối băn khoăn, nhiệt tình và rực lửa dù có lúc đã chìm sâu xuống tận đáy vực của đau khổ tuyệt vọng và ruồng bỏ? **Nửa Đời Nhìn Lại** mang tất cả những tính cách đó và hơn thế nó là xương là thịt, là máu, là tủy là tình yêu, là nước mắt, là hạnh phúc, là đớn đau, là nhục tình, là hy sinh, là đóng góp và tất cả là thể nghiệm của một con người đem chính cuộc đời mình ra — chứ không thể là ai khác, cái gì khác, để chứng minh cho những suy tư, khắc khoải, những lý tưởng và ngụy tín, những chân lý và trá ngụy, những điều đáng sống và những mất mát của cuộc đời. Nhắm mắt lại, tôi cũng có thể hình dung ra vài thái độ đón nhận tiêu cực **Nửa Đời Nhìn Lại** trong không khí của bạn đọc hải ngoại như sau:

Một số người đọc sẽ dè bỉu: ồ, có cái gì đâu mà làm ầm ĩ, một tên ngu dốt dại dột, hám danh hám lợi, cách mạng ba mươi, một tên chầu rìa theo đảng nay bị đảng cho de và đang ai oán.

Một số khác lại xoa tay sung sướng: ta đã bảo, Việt Cộng là cái tụi không ra gì, ngay từ đầu ông đã sáng suốt đem vợ con tếch đi Mỹ. Nay thì cả nhà ta đã may mắn và hạnh phúc, các con đều đỗ đạt, ông này ông nọ, dại dột ở lại thì ráng mà chịu chứ than thở cái nỗi gì.

Một số khác lại có thể xem **Nửa Đời Nhìn Lại** của anh như một bản cáo trạng về những xấu xa và tội ác của Cộng Sản và như thế càng làm sáng ngời thêm chính nghĩa chống Cộng đến chiều và triệt để của phe ta.

Có lẽ phản ứng trong nước cũng không thuận lợi theo một chiều hướng khác và có lẽ đã đoán trước được những lạnh nhạt dè bĩu đó, ở cuối tác phẩm, Bảo Cự đã viết mấy lời gởi gắm "nửa đời" của mình đến các bạn thân của anh. Và do đó, vượt lên trên tất cả những tố cáo, phê phán, suy tư trăn trở, đánh giá, những cảm nhận về tình yêu, hạnh phúc đau khổ, những ngọt bùi cay đắng của tình bạn bè, đồng chí, tình vợ chồng, những đấu tranh để dành lại các giá trị thiêng liêng và tối thiết của tự do, vượt lên tất cả những phản ánh hồn nhiên và có dụng ý của **Nửa Đời Nhìn Lại** của Bảo Cự, có lẽ có nỗi cô đơn của tác giả. Bảo Cự và Mây Đầu Non (mà người đọc dễ dàng nhận ra là hình ảnh của nhà thơ Sao Trên Rừng) ở đây có những điểm tương đồng đặc biệt và có lẽ vì thế, trong một hoàn cảnh lịch sử, hai người từ ở hai thế đứng hoàn toàn khác biệt nhau, một người là đảng viên Cộng Sản tin tưởng và dồn hết nhiệt tình của mình cho sự nghiệp của đảng gắn liền với trách nhiệm đối với đất nước, một người tuyệt đối chống đảng, chống một cách hầu như triệt để, đem vợ con về một nơi núi rừng hoang vu "trồng lấy ruộng mà ăn, đào lấy giếng mà uống thì vua chúa làm gì được

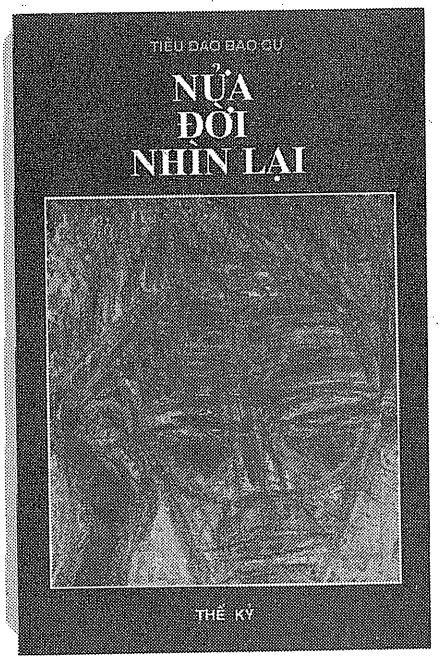

Bìa cuốn sách "Nửa đời nhìn lại".

ta" lại hết sức thân thiết, thật thà, thẳng thắn với nhau như trong một tình bạn lý tưởng. Bảo Cự đã phác vẽ mấy dòng về chân dung của Sao Trên Rừng hay chính trong tâm tư tiềm thức, anh cũng đã tự tìm thấy mình như thế, như những con người trung thực luôn luôn thấy mình cô đơn giữa cuộc đời này: "*Anh ta điên hay anh ta đích thực là một con người chân chính không thể sống giữa cuộc đời trá ngụy này?*" (trang 63).

Toàn bộ **Nửa Đời Nhìn Lại** là liên tiếp những câu hỏi như thế, những câu hỏi nhức nhối về tình

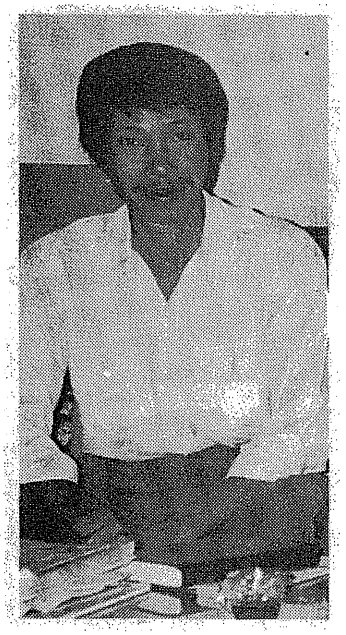

Tiêu Dao Bảo Cự

yêu và hôn nhân "*Thế nào là trung thành và chung thủy khi vợ chồng nằm bên nhau, đầu gối tay ấp mà vẫn đồng sàng dị mộng?... Anh mất tự do rồi sao? Có thể nào cuộc đời, hôn nhân, yêu thương, trách nhiệm đã làm anh trở nên một tên nô lệ thảm hại, dù là một tên nô lệ tự nguyện?*" Cũng vẫn những câu hỏi ray rức, tra vấn về cái lý tưởng mà mình một đời theo đuổi "*Vậy thì đảng Cộng Sản là cái gì, là nghị quyết hay là bộ máy nhân danh lý tưởng, nhân danh nghị quyết để cai trị, để ăn trên ngồi trốc, để chà đạp lên giai cấp, dân tộc mình?*". Và rồi những câu hỏi tự mình ngạc nhiên với chính mình về sự đổi thay của mình khi đã quen tiếp cận với một guồng máy cai trị con người bằng những mớ lý luận cứng nhắc cùng những con người máy chỉ biết thi hành theo mệnh lạnh mà không thể cho trái tim đập cùng một nhịp với những điều có lý, có tình vốn là bản chất chân thật nhất của cuộc đời: "*Bút ký của một người bị khai trừ đảng mà hình như chỉ toàn lý luận. Tâm trạng, cảm xúc đâu?*"...

Những ai đã sinh ra và lớn lên nơi quê nhà cùng một thời với Bảo Cự với những cuộc biểu tình hoan hô đả đảo, với những đấu tranh Phật tử chống đàn áp tôn giáo, những vụ sinh viên xuống đường bãi khóa, những phong trào hát nhạc phản chiến... ở miền Nam trước đây trong cái không khí đổ vỡ của một xã hội đầy những đe dọa chết chóc của chiến tranh ủy nhiệm, nỗi thất vọng lạc hướng của một thời tuổi trẻ lạc loài trước những chính quyền thối nát yếu ớt và thụ động của một quốc gia nhược tiểu, sẽ dễ dàng thông cảm sự lên đường đến với đảng như một chọn lựa để đóng góp công sức mình vào sự nghiệp chung của đất nước, của dân tộc, và sau đó là sự tan vỡ não nề khi nhận ra mình đã có một chọn lựa sai lầm khi đi theo đảng Cộng Sản Việt Nam. Tôi cho rằng định mệnh đã quá khe khắt đối với chúng tôi, những người cùng thế hệ với anh Bảo Cự, và nói như Đặng Tiến "thế hệ bất hạnh". Cứ giả dụ như một con người tâm huyết, thẳng thắn cương nghị, đầy nhiệt tình say mê với cuộc đời, trái tim rộng nồng nàn hiến dâng hết cho dân tộc, do một tình cờ may mắn (hay bất hạnh) của riêng anh, Bảo Cự vượt thoát ra được nước ngoài, giờ đây ta có thể hình dung anh không phải là người "*vốn gầy yếu nay đã trở nên xanh xao... trông anh như một người ốm đang nằm bệnh viện mặc dù anh vẫn làm việc bình thường*" (trang 251) hiện nay để trở thành một ông chủ chợ béo tốt hoặc một thương gia Á Châu hồng hào hạnh phúc, cũng có thể, thông minh giỏi giang như anh thì anh sẽ học được một ngành nghề nào đó và sẽ trở thành một chuyên viên của nhà nước Mỹ, Tây, Úc, Á... Nhưng liệu anh có thể ngày ngày cặp da láng cóng, lái xe đi đi về về hài lòng với công việc tạm ổn và đề huề với vợ đẹp con khôn? Chúng ta có quyền nghi ngờ điều ấy và chính Bảo Cự, trong bức thư gởi đến các bạn thân của anh ở cuối sách cũng tự trả lời điều này: "*Chúng ta đã chia sẻ biết bao điều trong một thời kỳ lịch sử đầy biến động và bão táp. Các bạn có bình yên không? Tôi tin rằng những ai thực sự có lòng dù đang sống theo một cách nào đó bề ngoài vẫn không sao có thể bình yên được, dù ít hay nhiều, dù thoáng qua hay không thôi khắc khoải.*" (trang 336) Vậy thì nên chúc mừng cho Bảo Cự khi anh đã đứng ngoài đảng để sống một cách "*tự do hay chết*" như anh thường nhắc đi nhắc lại trong tác phẩm của mình. Và ở một mặt tích cực nào đó, dù cuộc hành trình gian khổ của anh đến với đảng đã phải trả một giá quá đắt như cuộc sống chênh vênh hai bên bờ vực thẳm hiện nay của Hoài, gia đình tan vỡ, vợ con bỏ đi, người tình không thể trở lại, bạn bè có người e dè xa lánh, những đồng chí cũ trở mặt bội phản, những người đồng chí hướng co rút lại trong cái guồng máy chính quyền thao túng bởi "*một thứ cán bộ cộng sản kiểu mới, một loại người hãnh diện, đầy âm mưu, thủ đoạn, tìm cách nắm lấy các chức vụ và ăn cắp, nhận hối lộ, làm giàu bất chính không kém bất cứ một quan chức tham nhũng nào dưới chế độ tư bản mà những người cộng sản đã ra sức phê phán bôi nhọ*" (trang 273), cùng với nỗi đau buốt của một người nhìn thấy cái lý tưởng mà mình say mê chọn lựa, hy sinh và tận tụy đã biến chất, bên cạnh những nỗi đau đớn đó, dù sao, thái độ ở lại dấn thân cùng đồng bào đất nước của Bảo Cự đã cho anh cái cơ hội ngàn năm một thuở mà không phải ai cũng có thể có được như anh hằng mong ước: "*Chúng ta nhiều tham vọng, ảo vọng quá chăng trong giấc mộng lấp bể vá trời? Cá nhân nhỏ bé vô cùng trong trường kỳ lịch sử. Nhưng không có cá nhân làm sao có lịch sử, dân tộc, đất nước? Chúng ta đã tự gắn mình với số phận của lịch sử, đất nước và trách nhiệm đó thật nặng nề.*" (trang 332). Tôi nghĩ những bạn bè thân thiết của anh cũng như những người có duyên may đọc được

sách của anh sẽ hết sức chia sẻ điều này.

Về những biện pháp chuyên môn, tôi có thấy hơi lấn cấn về thể tài mà anh chọn lựa. Anh đã nối kết hai phần hoàn toàn khác nhau về thể loại, tiểu thuyết và bút ký, phần bút ký lại như phần nối dài của phần tiểu thuyết hư cấu ở trước. Tuy vậy, trong phần tiểu thuyết hư cấu thì người đọc dễ dàng tìm ra những người thật, việc thật, thí dụ như trường hợp Mây Đầu Non (Sao Trên Rừng) là một. Tôi không hiểu do sai sót của nhà xuất bản hay của chính tác giả mà những đoạn văn thơ trích dẫn trong tác phẩm không hề có ghi chú xuất xứ, vì nếu không có tên tác giả, thì người đọc đương nhiên hiểu rằng đó là sáng tác của chính tiểu thuyết gia Bảo Cự, nhưng chẳng hạn như bài thơ "Đ. mẹ cây bông" thì ai cũng biết là của anh Sao Trên Rừng. (Hay Sao Trên Rừng đã đổi bút hiệu thành Mây Đầu Non mà tôi chưa biết?) Dầu vậy giữa những tên thật, người thật, việc thật như nhà học giả Nguyễn Bạt Tụy (những ai có học chứng chỉ Văn chương Quốc Âm hay Ngữ học của những thập niên 60, 70 ở Đại học Văn Khoa Sàigòn hay Huế, đã chịu ơn dạy dỗ của thầy Nguyễn Bạt Tụy sẽ không cầm được nước mắt khi đọc những chương viết về thầy của **Nửa Đời Nhìn Lại**), nhưng Hà Sĩ Phu mà tên tuổi không xa lạ gì với những người đọc hải ngoại về những bài nghiên cứu văn chương và học thuật rất giá trị của ông, như nhà thơ "Màu tím hoa sim" Hữu Loan và cuộc đời oan khuất của ông sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm, như Bùi Minh Quốc được ngụy trang sơ sài dưới cái tên Minh Hương... là những tên tuổi hư cấu. Theo ý riêng của cá nhân một người đọc sách, tôi cho rằng có thể anh muốn tránh những kiện cáo lôi thôi lẩm cẩm của những tên tham quan "ngu xuẩn và cuồng tín" của chủ nghĩa xã hội, nên muốn gạt phiền phức đi, anh buộc lòng phải tiểu thuyết hóa nhân vật có thật của mình. Tuy nhiên đối với những tác giả mà tác phẩm được trích dẫn không cần xuất xứ, thì có ngại ngùng gì mà không thể dùng bút hiệu thật của họ? Tôi cho rằng làm như thế tính thuyết phục sẽ được nâng cao hơn, tính cách tiểu thuyết hóa có giảm xuống cũng không hề tác hại đến tác phẩm vì thực lòng mà nói, không ai nỡ đọc **Nửa Đời Nhìn Lại** như một tiểu thuyết thuần túy là tiểu thuyết, để định giá trị văn chương hay hay dở, thành công hay thất bại. Cũng cần mở một dấu hoặc ở đây để nói thêm là, dù xét dưới dạng một tiểu thuyết hoàn toàn hư cấu, viết ra vì tính cách văn chương hay nhằm phục vụ một luận đề như học giả Hà Sĩ Phu đã định loại thì tiểu thuyết **Nửa Đời Nhìn Lại** vẫn là một tiểu thuyết thành công. Dù là không có ý trích dẫn để bình luận, phê phán, tôi vẫn không thể cầm lòng mà không đọc lại những câu văn là thơ của **Nửa Đời Nhìn Lại**: *"Tình cảm như con ngựa bất kham chợt lồng lên, như cơn gió lốc tự nhiên xoáy tròn bốc cao đến tận trời xanh, như hoa nở về đêm âm thầm tỏa hương, như sương mù mỗi sớm mỗi chiều trên xứ sở này cuồn cuộn dâng lên rồi tan đi trong khoảnh khắc."* Những nét phác họa mà như những giọt lệ nóng còn đọng mãi nơi khóe mắt mọi người *"Còn vợ của Mây Đầu Non, chao ôi, hầu như Hoài không còn nhận ra người phụ nữ xinh đẹp với cặp mắt xanh biếc và hàng mi dài rợp bóng, liêu trai. Trước mặt Hoài là một phụ nữ tong teo, quần áo rách rưới, tóc vàng cháy, đang còng lưng dưới bó củi nặng. Khi chị vứt bó củi ngước lên, Hoài mới nhận ra giữa khuôn mặt gầy guộc lem luốc bụi than, một phần đôi mắt xưa, nhưng nhuốm nỗi u hoài mù mịt trong đó ánh lên nét hoang dã căm hờn như trong đôi mắt của mấy đứa con"* (trang 64). Những nụ cười tuy hiếm nhưng không phải là không có, duyên dáng một cách hồn nhiên như câu chuyện ông bí thư tỉnh ủy tán gái rất "ngộ": *"Tao bây giờ muốn lấy vợ, mày chịu lấy tao không, tao cưới liền..."*

Tóm lại là một tiểu thuyết có đủ hỉ nộ ái ố dục theo quan niệm cổ điển hay tân thời và làm cho người đọc khóc cười theo với nó, là một tiểu thuyết thành công, chứ sao! Nhưng **Nửa Đời Nhìn Lại** và Bảo cự không dừng lại ở mức viết một tiểu thuyết và thành công ở một tiểu thuyết. Cái can đảm đi suốt nửa đời mình, sống với những điều mình tưởng, chiến đấu trong cô đơn và đôi khi tuyệt vọng trong một cuộc chiến không cân sức mà vẫn không đầu hàng khuất phục, cái can đảm không mù quáng, chấp nhận phê phán những sai trái trong lý tưởng của mình, nhận trách nhiệm trong riêng tư cũng như trách nhiệm trước lịch sử, đó phải chăng mới là niềm gửi gắm của Bảo Cự và **Nửa Đời Nhìn Lại**? Cây cao thì dễ bị đốn ngã, nước giếng trong thì mau bị vét cạn," đó là cái đạo đức của thời loạn. Bảo Cự và những người bạn đồng hành của anh như Minh Hương, như Mây Đầu Non, như Nguyễn Vũ, Hà Sĩ Phu... vẫn cứ cứng cỏi, thẳng băng một cách ngang bướng (nói theo ngôn ngữ thông thường) nối bước những người đàn anh đi trước như Hữu Loan, Trần Dần... Biên giới từ những Hoài, Minh Hương, Hà Sĩ Phu... bước sang những Nguyễn Lâm, Yên Trung, Hoàng Ly Chân (hay ngược lại) chỉ là một bước ngắn, có lẽ ngắn hơn cả cái bước Calais (de l'idiote à la sagesse, il n'y a qu'un pas, c'est le pas de Calais), cái bước giữa hai điều chọn lựa *"Anh, hãy trả lời đi. Anh chọn cái thiện hay cái ác? Anh dám chống lại nhà cầm quyền vô đạo không? Anh dám sống trung thực với chính mình không? Anh nhận cây gậy hay củ cà rốt? Anh dám nói thẳng nói thực không? Anh chọn bình yên cho bản thân gia đình hay gian nan giả trá? Anh có đắp tai ngoảnh mặt? Anh có ngụy tín? Tiếng nói lương tri, giá trị cao nhất của người nghệ sĩ — trí thức ở đâu? Miếng mồi danh lợi cám dỗ anh đến mức nào?... Anh đã làm được gì trước những vấn nạn mà chính lương tri và đất nước anh đang đặt ra?"* (trang 332). Bảo Cự đã chọn lựa và bạn bè anh đã đem tiếng nói của anh vượt ra khỏi những thành lũy của giả trá, lừa lọc của uy quyền, độc đoán của thủ đoạn trù dập, của cố gắng ngăn chận sự thật, để đến với mọi người. Điểm tích cực và lạc quan của tác phẩm chính là ở chỗ đó.

Anh Bảo Cự, **Nửa Đời Nhìn Lại** anh đã qua một cách trọn vẹn, chúng tôi đón chờ, tin tưởng và xin chúc lành anh ở **Nửa Đời Còn Lại**. ■

2/94

MỘT CHIỀU THỨ BẢY KHÁC

NGUYỄN TUYỂN

Cũng như phần lớn những ngày thứ Bảy không đi làm, Quý đã thỏa thuận với mợ xã là chàng được tự do từ sáng đến khoảng một giờ trưa, cà phê cà pháo tán dóc với bạn bè ở đâu hay chỗ nào tùy ý. Sau đó, phải làm tài xế đưa vợ đi chợ. Chợ búa xong là phải còng lưng cắt cỏ dọn dẹp vườn trước sân sau trong khi vợ lo nấu nướng lỉnh kỉnh trong bếp.

Quý có ông con trai cũng có thể nhờ được cái chuyện cỏ vê này. Tuy nhiên, ông này chỉ làm tạp dịch khi nào cần tiền và phải được trả tiền sòng phẳng, nếu không thì "con đang bận cái *project* ông thầy bắt làm con phải nạp ngày mai," đại khái.

Ông này cũng như hầu hết những cậu mợ Mỹ con khác, sai gì làm đúng cái nấy, không hơn không kém. Cắt cỏ là cắt cỏ, không dọn rác, không tỉa cây. "Tại bố không nói rõ phải làm những gì." Cũng như em gái nó, mẹ sai rửa bát là rửa đúng mấy cái bát, không rửa soong chảo nằm trên bếp hoặc lau bàn ăn. "Tại mẹ chỉ sai rửa bát."

Mợ xã không phải vội vã như những ngày thường, bữa cơm thịnh soạn hơn. Cuối tuần mà.

Quý bỗng ngưng gắp thức ăn, toét mồm ra cười trước các con mắt ngạc nhiên của vợ con. Anh có tật hay nhóng tai nhóng mắt theo dõi tin tức tivi khi ngồi vào bàn ăn. Một cái tật vợ anh không ưa. Đời sống vất vả ở xứ này ít thời giờ rỗi rảnh quá.

"Anh cười gì vậy?" Dung vừa hỏi chồng vừa quay cổ ngó tivi, nhưng phần tin tức đó đã đi qua.

"Lorena Bobbitt vừa được tòa tha bổng. Đàn bà sướng quá."

Anh toét mồm cười tiếp và nhìn vợ.

"Chớ còn gì nữa. Bất tội người ta làm sao được khi mà mọi chuyện đều do cái thằng cha chồng của hắn gây nên."

Nàng phê bình một cách thản niên, Lorena Bobbitt, một đêm gần sáng hồi tháng Sáu năm 93 đã tùng xẻo con chim của chồng, lái xe đem đi quăng ở một bụi rậm. Một lúc sau nàng nghĩ lại, nàng gọi cảnh sát, chỉ chỗ cho họ để họ tìm và các bác sĩ đã khâu lại của quí cho anh chàng John Bobbitt tại nhà thương sau mấy tiếng đồng hồ đổ mồ hôi.

Vụ án đã làm cho cái thành phố nhỏ bé Manassas ở ngoại ô thủ đô Hoa Thịnh Đốn nổi tiếng khắp nơi. Hiếp dâm là một tội ác mà xã hội này không dung thứ. Đàn bà xứ này rất quyền thế. Đừng có đùa vớ vẩn. Cả thế giới đã chăm chú theo dõi các phiên xử để xem cái nước Mỹ này họ làm ăn ra sao, cư xử với nhau thế nào trước một sự kiện cổ kim hiếm có.

Ra tòa. Lorena vừa khóc sướt mướt vừa khai rằng đêm hôm đó nàng đã bị anh chồng hiếp dâm. Anh chồng say rượu nhất định đè vợ ra trong khi nàng nói nàng không bằng lòng và cũng không chống cự lại nổi.

Bồi thẩm đoàn, đa số là phụ nữ, không tin lời khai của anh chồng có chim khâu chỉ rằng thì là người vợ của anh biểu đồng tình. Nếu người ta đã bằng lòng thì làm gì có chuyện.

Khúc phim rất nhiều người muốn nghe là Lorena tường thuật lại đoạn nàng cầm con dao thái thịt tốc tấm chăn anh chồng đang đắp, nàng múa dao làm sao, nàng nghĩ gì, cảm tưởng ra sao trước cũng như sau ki nàng cầm cái của nợ ấy trong tay, thì nàng lại khai rằng, lúc đó, nàng giận đến mất hết cả trí khôn nên không còn biết nàng đã làm những gì nên không thể miêu tả lại được. Đó cũng là cái mấu chốt để bồi thẩm đoàn tuyên bố nàng vô tội vì tạm thời mất tri giác khi hành động.

John Bobbitt đã họp báo, tường trình rằng anh đã được một người bạn gái cũ cho mượn xạ trường để thử súng, nhưng súng chưa dùng được. Các bác sĩ nói súng của anh sẽ trở lại hoạt động bình thường chừng một hai năm nữa. Anh cần kiên nhẫn.

Mấy đứa nhỏ ăn cơm xong trước, dẹp đũa bát đứng lên.

"Sự việc có lẽ sẽ phức tạp hơn nếu người ta không tìm lại được cái phần bị cắt vất đi. Một hai chú chuột nhắt vô phước đi kiếm ăn ngang đó tha đi mất, chắc gì người đẹp Lorena thoát khỏi ít ngày gỡ lịch trong tù."

"Chưa chắc."

"Tỉ như cô Quờn ngày xưa đốt chồng ở Sàigòn cũng bị lãnh án gỡ lịch suốt đời tại khám lớn Chí Hòa."

Cô Trần thị Quờn hồi năm 1955 tẩm xăng đốt chồng tán mạng vì nàng này không chấp nhận cái thói mèo chuột lăng nhăng của một anh đàn ông đã có vợ. Vụ án đã làm xôn xao dư luận thời đó. Năm 1966, cô Quờn được ân xá sau khoảng 11 năm ở tù. Bây giờ cô còn sống thì cũng là một bà lão da mồi tóc bạc rồi.

Quý nói với vợ:

"Em à. Anh thấy em có tới hai bộ dao làm bếp. Chỉ có một mình em mà em sắm làm gì những hai bộ?"

Buổi sáng, ngồi uống cà phê với mấy người bạn quanh bàn cờ tướng nơi quán cà phê nổi trong một thương xá, Đức đã phát ngôn:

"Hay mình nói với mấy con mẻ nấu bếp mấy chục năm cực khổ thiệt tội nghiệp quá, nay cho mấy mẻ nghỉ chợ, ăn cơm tháng. Cơm tháng cũng chẳng tốn kém hơn là

bao. Rồi đem liệng hết mấy con dao lớn nhỏ vô thùng rác. Dao kéo lưỡi lam gì cũng dục hết cho chắc ăn, phải không mấy cha. Chớ cái điệu này tui thấy cơn điên của mấy con mẻ nổi lên bất tử, ai bảo đảm chuyện gì sẽ không xảy ra."

"Đúng đấy, mới đây này. Thổ Nhĩ Kỳ bên Trung Đông cũng vừa có một mợ bắt chước rồi. Ngay tại Los Angeles đã có người bắt chước chớ đừng nói đâu xa. Anh chồng L.A. bạc phận hơn. Bác sĩ không ráp lại được chim cho cậu nhưng cậu cũng bằng lòng tha thứ cho người đàn bà. Tuy nhiên tòa án thì họ lại không tha cái tội đả thương."

Quý kể lại đề nghị của Đức cho Dung nghe và tán rộng rằng, nước Mỹ đang ở lúc suy thoái kinh tế, nhờ sự phát triển bất ngờ của kỹ nghệ nấu cơm tháng, *food-to-go,* biết đâu đất nước này không nhờ đó mà phục hồi lại được.

Dung vừa dọn bàn vừa cười tươi với ông xã:

"Mấy anh đi mà đề nghị với ông Clinton. Biết đâu có ngày được mời làm cố vấn kinh tế."

Tại bàn cờ tướng, Tư và Du là hai kẻ thất nghiệp, đã không kiếm ra tiền từ mấy tháng qua. Tư đọc báo, đi săn việc ngược xuôi một cách chăm chỉ mà chẳng được tích sự gì trong hoàn cảnh kinh tế thụt lùi của xứ này. Vợ chồng Tư đang nhấp nhổm bán nhà vì số tiền trợ cấp thất nghiệp của chàng cũng chỉ giúp đỡ gia đình tiêu pha chi phí tằn tiện. Lỡ hết tiền thất nghiệp rồi mà vẫn chưa kiếm ra việc thì có mà thác.

Một trong những cái khó khăn của chuyện Tư kiếm việc có lẽ nó nằm ngoài khả năng chuyên môn. Có mấy ai thích mướn một anh thợ lao động đầu xuống trôn lên ở cái tuổi ngoài nửa trăm, lúc nào chiếc kính lão cũng treo tòn ten trước ngực. Nhất là khi công việc làm lại đòi hỏi sự chính xác cao độ.

"Ủi pháo xuống dọa nó tí coi." Huân đề nghị.

"Thì nó lại kéo xe về thủ có phải mất công không." Thư chống lại ý kiến có vẻ không mấy hấp dẫn với hắn.

"Rồi kéo đại bác đi chỗ khác làm ăn chứ để mãi chỗ đó nó lên nó dí cho lại te tua chạy không mất công hơn à." Quý bàn góp.

Huân quay ra nói với Thư:

"Tao có ý kiến này mày thấy sao."

"Cái gì?"

"Mày biết công tử John Bobbitt bị thiến chứ?"

"Nói tiếp."

"Cái bằng to nhất mày có được ở xứ người là bằng lái xe. Công đức bây giờ chỉ được mỗi ngày chở cho vợ mấy bịch đồ may, cơm cháo chẳng kiếm được bao nhiêu. Hay tụi mình kiếm tiền hùn mở hãng sản xuất sì-líp sắt có khóa số an toàn biết đâu đổi đời trở thành triệu phú."

"Mày bỏ vốn lập hãng đi rồi tao làm mướn cho mày."

"Làm mướn thì được bao nhiêu tiền. Tao nghĩ có rất nhiều anh sợ, đêm ngủ không yên giấc. Anh nào có cái giáp sắt thủ chắc chắn là bảo đảm ngủ ngáy pho pho. Cả mấy mợ cũng vậy. Mấy mợ mua mỗi người một cái, ngày nào muốn đóng cửa tiệm, cứ đeo vào, bấm khóa an toàn là chắc ăn như bắp, giữ được hạnh phúc, là không phải bắt chước Lorena Bobbitt. Nhưng ăn thua là phải có đứa giỏi *marketing.* Làm ăn ở xứ này mà không giỏi về tiếp thị là sập tiệm cái một."

"Này Huân, mày đang uống cà phê và đánh cà tướng."

"Thời buổi này phải làm khóa điện tử. Chìa khóa chìa khiếc lung tung lỡ khi để lọt vào tay đối phương không biết ăn nói làm sao. Hối không kịp."

"Tao thấy mày phải vẽ kiểu, xin lấy cái bằng sáng chế ngay đi. Nếu không, chí lớn gặp nhau, đứa khác nó ra trước là mày mất ăn, mộng triệu phú lại đang dở."

"Sang chốt đi. Còn chần chờ gì nữa." Có tiếng sốt ruột nhắc.

Trong đám ngồi chầu quanh bàn cờ tướng, Du chỉ ngồi hút thuốc lá vặt, lúc ngó bàn cờ, lúc ngó người qua lại ngược xuôi. Du làm nghề tự do. Du làm cho một công ty tài trợ địa ốc. Lúc nào cũng quần áo bảnh bao sang trọng. Cho người ta vay tiền thì phải khá lắm nếu không muốn nói là giàu có. Ai cũng có thể nghĩ vậy. Mấy ông mấy bà làm nghề địa ốc ai cũng tiền bạc như nước. Tuy nhiên, mấy tháng nay Du không kiếm được mối nào, đối vêu mỏ muốn phát điên lên được nhưng lúc nào cũng vẫn phải đóng kịch trong héo ngoài tươi thật dòn dã.

Nhiều người ở bên quê nhà sang đây tính trong đầu là tới Mỹ thì sẽ bung ra, không làm thuê cho ai cả. Làm thuê làm mướn mệt lắm. Trên đe dưới búa, hạch sách đủ điều. Làm nghề tự do, khi nào muốn làm thì làm, khi nào muốn nghỉ thì cứ nghỉ. Khỏe re. Người ta không biết rằng nghề tự do là một trong những thứ nghề khốn nạn nhất ở xứ này. Không kiếm ra được mối, không có việc, thì không có tiền vào, trong khi vẫn có đủ mọi thứ chi phí phải xỉa tiền ra. Ôm đầu máu, bỏ của chạy lấy người là chuyện thường tình của cái giới làm nghề tự do ở đây.

Du nhớ đám bạn bè cũ của anh hay tụ tập ở chỗ mọi khi ngồi nhâm nhi cà phê, tán chuyện trên trời dưới đất nên hay ghé lại. Từ khi có mấy quán cóc làm thành cái vòng cung trong thương xá Phước Lộc Thọ, bọn Du hay lấy địa điểm này làm chỗ ngồi tán nhảm cuối tuần như ngày nào hay ngồi với nhau ở La Pagode trên đường Tự Do Sàigòn.

Du nhìn đám người quần áo diêm dúa đi vào tửu lầu dự tiệc cưới, ngó đám du khách phương xa có dịp tới quận Cam lăng xăng máy hình, máy quay video. Ừ thì đất lành chim đậu. Du chợt thở dài, đứng lên bỏ đi mặc kệ đám bạn.

"Còn chuyện ăn cơm tháng," Dung nói với chồng, "anh với các con cứ việc gọi họ đem đến. Em đỡ phải hầu. Riêng em vẫn nấu cơm cho em ăn sau khi đi làm về. Chắc em không hạp nổi với cái thứ cơm xách."

Quý trêu vợ:

"Cái mà anh cũng như mấy tên kia bận tâm là mấy con dao. Thấy cậu John cậu ấy vất vả, tụi anh ái ngại."

Dung không nhịn được bật cười thành tiếng.

Điện thoại reo vang. Dung ngồi gần nhất máy. "*Hai* cô em. Khỏe. Vừa cơm nước xong còn làm biếng mà đi *shopping* cái gì. Thôi để mai đi. Chúng mày có muốn làm ăn lớn thì chạy sang đây tính gấp với ông chồng tao. Mấy ông ấy vừa nghĩ ra được cái trò này hay lắm."■

HENRI MILLER, NHÀ VĂN VÀ HIỆN THỰC

NGUYÊN HƯƠNG

Tặng Hoàng Đào

Không hẹn mà gặp; gần đây hai nhà xuất bản cùng phát hành liên tiếp hai tập sách dày cộm về Henri Miller, tiếp sau mấy tác phẩm khác ra mắt độc giả cách khoảng ba, bốn năm trước: "Happy Rock," "Henri Miller: Full of Life," "Always Merry and Bright" cùng viết về Henri Miller.

Hai tác phẩm phê bình văn học vừa phát hành "The Happiest Man Alive" do nhà văn nữ Mary V. Dearborn soạn, sách dày 368 trang; cuốn thứ hai "Henri Miller, a Life," về số lượng trang Robert Ferguson viết còn dài hơn, 416 trang.

Henri Miller mà M.Dearborn cho rằng tác phẩm Tropic of Cancer là một kiệt tác "a virile masterpiece of chaos," trong lúc R.Ferguson ví von nửa chừng: dù có tặng giải văn chương Nobel cho tác giả cũng chưa nói hết tài năng Henri Miller.

Henri Miller, nhà văn ấy là ai? Không bàn về nội dung hai tập sách của M.Dearborn, của R.Ferguson và mấy mục điểm sách khác đã "điểm" qua; dưới đây vài nét chấm phá cuộc đời Henri Miller, nhà văn vui sống và sống vui, tham khảo từ các tạp chí Anh, Pháp văn xuất bản trước đây.

Trong lịch sử văn học hiện đại Hoa Kỳ, có lẽ chưa nhà văn nào tạo được thành tích kỳ lạ trong ảnh hưởng phê bình khen chê, ái mộ và chỉ trích trái ngược nhau như trường hợp H.Miller. Con người nghệ sĩ tài ba, phóng khoáng đó thật sự viết văn lúc tuổi đời vừa vặn 43, sau khi đã làm đủ mọi nghề, kể cả những nghề ít ai làm, rửa chén bát, phu nhị tỳ, bán hàng rong. Vừa gia nhập làng văn Paris qua tác phẩm Tropic of Cancer (1934), H.Miller đã làm độc giả Âu Châu và Nhật Bản ngạc nhiên, thán phục. (Tác phẩm được chuyển ngữ ra ngoại văn gần khắp Âu Châu. Bản dịch Pháp văn phổ biến ở Việt Nam trước và sau 1945). Trong lúc giới trí thức Âu Châu chào đón H.Miller như một thiên tài hiếm có, một nhà văn phi thường với nhiều cá tính và nguồn xúc cảm bén nhạy thì tại quê hương Hoa Kỳ, H.Miller bị chỉ trích, kết án là nhà văn khiêu dâm, tục tĩu.

Danh tiếng H.Miller còn vang xa với hai tác phẩm kế tiếp, Black Spring (1936), Tropic of Capricorn (1939); nhưng nước Mỹ "puritain" hồi đó vẫn không nhìn nhận người con hoang đàng đang lưu lạc bên trời Âu. Tác phẩm của H.Miller bị cấm đọc, nhất là trong giới đại học đạo mạo như Harvard. Cả đến nhà Bưu điện cũng lạnh lùng từ chối luôn việc phát sách H.Miller. Và, cũng là điều ngạc nhiên với độc giả đồng hương lâu nay chỉ biết H.Miller vì những cuốn sách "cấm kỵ" khi nghe tin nhà văn bị ghi vào "sổ đen" đó được bầu vào Viện Văn Học Nghệ Thuật Hoa Kỳ. Nhà văn lạc loài, xa xứ mới 20 năm trước đây bị một số quần chúng, hầu hết chưa đọc H.Miller, đổ xô xỉ vả; lần này bỗng nhiên được V.V.H.N.T.H.K. tuyên dương, ca ngợi như một hiện tượng văn học.

"Một nhà văn kỳ cựu với nhiều tác phẩm đặc sắc, phong phú về đề tài sáng tác, điêu luyện với lối hành văn linh hoạt, độc đáo. Sự rung cảm chân thành và can đảm khi trình bày những đề tài về con người và nhân sinh, trước nay chưa có nhà văn nào đạt được..." H.Miller đi vào cổng chính tòa nhà cổ kính V.V.H.N.T.H.K. năm 1958, một sự phục hồi danh dự lẽ ra phải đến sớm hơn với độc giả Mỹ lúc này đang tìm đọc H.Miller, tìm hiểu con người và tác giả. Điều độc giả Hoa Kỳ không thông cảm được với tác giả cách đây 20, 30 năm, lần này họ chấp nhận một cách dễ dàng, tự nhiên. Điều kỳ lạ khó hiểu là cũng nhà văn đó, tác phẩm đó, một số đông cho là hiện thân của xác thịt "liberated sexual view," lại có thể là một nhà văn nổi tiếng trên thế giới, một thiên tài như H.Miller được chăng?

Một đề tài sáng tác rất thông thường nhưng cũng rất phức tạp, bí ẩn: Con Người! Làm sao trình bày được hết con người với những cái tốt, cái xấu, cái đẹp và cái không đẹp lẫn lộn, ẩn kín bên trong? Đọc xong H.Miller, độc giả tưởng chừng như hiểu được nhà văn, hiểu được những cái xấu của con người toàn diện nói chung, hay những cái xấu do chính tác giả tự phơi bày một cách không ngại ngùng, mặc cảm. Độc giả cũng sẽ ảo tưởng là đã cảm thông được những cái khôn ngoan cũng như dại dột, "trẻ con," khờ khạo thường chen lẫn nhau như mắc cửi trong những nhân vật do H.Miller sáng tạo nên. Độc giả cũng có thể nghĩ rằng con người trong tác phẩm, những lỗi lầm, hờn giận, ghét ghen, những dục vọng, thèm khát, những đam mê, đố kỵ, rất thông thường, cũng là những gì tiềm ẩn bên trong H.Miller, một thứ "démon," nhưng rất người và đầy tình người.

Khi nói đến thiên tài cũng nên nói đến thất bại. Càng sáng tác nhiều, nhà văn càng thấy mình chưa thành công trong thiên chức, sứ mệnh mình. Hay nói như lời F.Dostoiewski, nhà văn, người

nghệ sĩ suốt đời lang thang tìm kiếm một "ông trời," một vũ trụ riêng để tôn thờ. Danh tiếng càng vang xa, thất bại để diễn tả hết tâm tư, thực tại mình càng sâu sắc, đè nặng hơn.

Féodor Dostoiewski thấy mình chưa thành công khi viết cuốn "Tội Ác và Hình Phạt" cũng như Léon Tolstoi qua "Chiến Tranh và Hòa Bình" và "Anna Karénine" thất bại trong ước vọng dựa vào tác phẩm mình hình ảnh biến cải tâm hồn đạo giáo con người.

Làm sao đi sâu hơn vào tận cùng tâm khảm để diễn tả được đầy đủ những điều u ẩn, những ý nghĩ và tác động, những nguyên do giải thích được thái độ con người trong cuộc sống muôn mặt và biến đổi không ngừng. Cho đến những tác phẩm sau cùng, H.Miller vẫn chưa khai thác được hết đề tài tình yêu trai gái. Có chăng chỉ là những cuộc phiêu lưu lãng mạn trong một tâm thức lãng mạn của một nhà văn qua cái nhìn hiện thực của mình. Từ cái nhìn hiện thực ấy đến cái nhìn thẩm mỹ trong một công trình sáng tạo, vẫn còn một khoảng không, vẫn còn thiếu một sự chuyển tiếp.

Những điều gọi là xấu xa, tồi tệ nhất dưới ngòi bút của Henri Miller thường xen lẫn những cái tốt, cái đẹp trong con người đích thực tác giả. Những điều này hiển hiện rõ ràng như thành phố PARIS thời gian nhà văn đang sống, như những miếng thịt bò thơm ngon treo lủng lẳng ở Les Halles (chợ), H.Miller vừa đói ăn, vừa hết tiền, mỗi lần đi ngang qua đứng nhìn một cách thèm thuồng, say sưa. Tả hết được những cái tầm thường nhưng rất thực đó, chỉ có những người đang sống mãnh liệt như H.Miller mới làm nổi. Trong tác phẩm Big Sur and The Oranges (1956), H.Miller viết: Nhà văn muốn được cảm thông cùng người đọc và như vậy cảm thông với chính mình, chỉ cần viết lên một cách thành thật và thẳng thắn. Nhà văn khi sáng tác không cần phải lưu tâm đến những điều gọi là mẫu mực, qui tắc; cũng đừng chú trọng đến những cái gọi là trào lưu, xu hướng, thành phần độc giả nào sẽ đọc tác phẩm mình, cũng đừng e ngại ý kiến mình có được độc giả chấp nhận hay không. Cứ phô diễn ý nghĩ mình một cách tự nhiên, dù trần truồng, dù dễ bị chỉ trích. Con người không phải khổ sở, thiệt thòi vì thiếu âm nhạc, văn chương nhưng con người sẽ thiệt thòi, khổ sở khi phải đọc những bài văn, vở kịch hay nghe bản nhạc sáng tác thiếu rung động chân thành, thiếu nhân tính...

Với quan niệm đó, mặc dù bị chỉ trích, phỉ báng, nhà văn mà giới văn học Mỹ trước năm 1960 gọi là "L'enfant terrible" và 30 năm sau được coi như một hiện tượng "a twentieth-century personality," vẫn tiếp tục viết cho mãi đến ngày cuối cùng của đời mình. Vì sao sáng của nền văn học Mỹ mỗi ngày một soi sáng thêm hơn nền văn học xứ sở, đúng như lời Norman Mailer phê bình: "... Nói rằng đa số nhà văn hiện đại Mỹ chịu ảnh hưởng H.Miller cũng hơi quá, nhưng xét nhìn một cách khách quan thì những tác phẩm như Naked Lunch; Pornoy's complaint; Fear of Flying, Why We Are in Vietnam? đã in dấu hình bóng, ảnh hưởng văn phong độc đáo của H.Miller."

Ngay cả Saul Bellow, giải thưởng Nobel gần đây, trong tác phẩm "Augie March" ít nhiều đã mang nợ tinh thần thiên tài H.Miller. Thực vậy, từ gần 30 năm qua trên văn đàn Mỹ, những nhà văn trẻ kẻ ít người nhiều, trực tiếp hay gián tiếp đã chịu ảnh hưởng lối hành văn của H.Miller cũng như một số nhà văn trẻ khác chịu ảnh hưởng Hemingway, Faulkner va Fitzgerald...

Cũng từ 40 năm qua, một thiểu số nhà văn, nhưng là một thiểu số đáng kể trong lịch sử văn học hiện đại Hoa Kỳ, đã coi H.Miller như một đại văn hào trong số những đại văn hào khác. Thử hỏi ngoài những Hemingway, Fitzgerald, Wolfe, Steinbeck, Dos PASSOS, Sinclair Lewis ra, còn mấy ai được vinh dự gọi là đại văn hào nữa không? Rất nhiều nhà phê bình, nhiều học giả đã ca tụng H.Miller, nhưng đáng nhắc lại ở đây Lawrence Durrel, một nhà văn lối lạc Anh và bạn thân của H.Miller. Theo L.Durrel, trong làng văn học Mỹ, H.Miller có chiếu ngồi vinh dự không phải vì người nghệ sĩ này đã sáng tác nhiều mà chính vì tác phẩm của H.Miller là những công trình nghệ thuật hoàn hảo, chính vì những ý nghĩ của nhà văn này đã lay động ý thức văn học thế giới. Những tâm tư khép kín, những dằn vặt, mặc cảm dấu che trước nay ít người nói lên được, duy chỉ có H.Miller là có đủ thiên tài, can đảm để diễn tả một cách chân thành tuyệt hảo. Một nhà văn mà trong suốt 40 năm trời đã nối liền văn nghiệp mình với đời sống con người, nhà văn mà nhiều tác phẩm, nếu đem so sánh, đều được xem như những tác phẩm hay nhất của Hemingway hay sáng giá hơn Fitgerald, một nhà văn mà sức sáng tạo phi thường còn vượt xa hơn cả Thomas Wolfe, thử hỏi còn ai được vinh dự gọi là thiên tài hơn H.Miller.

Hồi nhỏ, cậu bé Henri Miller suốt ngày lêu lổng ngoài đường lúc gia đình còn cư ngụ vùng Williamsburg cũng như sau này dọn về khu Bushwich. Năm 18 tuổi theo học City College ở New York; không chịu được phương pháp giáo dục nhà trường, hai tháng sau chàng thư sinh nổi loạn, bỏ học đi làm để có dịp lang thang. Chàng đi lang thang thật. Năm 1913, người bạn thân của vỉa hè Brooklyn phiêu lưu sang California.

Ở nhà không yên, ra đi muốn về, về rồi lại muốn đi, đó là tâm tình chàng thanh niên lãng tử mang trong người dòng máu Đức. Khung trời California tuy trong xanh, tươi mát nhưng không cám dỗ bằng những dãy phố ẩm thấp, bụi bặm có nhiều bạn bè ở Brooklyn. H.Miller trở lại New York làm bác phó may giúp thân phụ lúc bấy giờ đang làm chủ một cửa hàng nhỏ. Nhưng con người thích giang hồ vặt như H.Miller làm sao có thể ngồi yên với đường kim mũi chỉ. Làm những "odd job" thiên hạ chê rồi cũng chán, cuối cùng chàng nạp đơn làm thơ ký cho hãng Western Union. Lâu lắm cũng chỉ được hai năm; lần này H.Miller nhất quyết giã từ cuộc đời đi làm công để được sống thỏa thích với nghiệp văn chương.

Tác phẩm đầu tay "Clipped wings" H.Miller viết liền một hơi

ba tuần lễ nhân dịp nghỉ thường niên ở hãng Western Union. Viết văn mới vào nghề, dù là ở nước Mỹ, làm sao đủ ăn! Còn khó khăn hơn khi chưa có ông "trùm" văn nghệ giới thiệu hay đỡ đầu! H.Miller lại phải đi làm công chức. Nhưng cuộc đời người công chức bất đắc dĩ đang ước mơ không phải là bốn bức tường nhỏ bé ở Queen Country, mà ở tận phương trời bên kia bờ Đại Tây Dương. Nhờ một ân nhân và "nạn nhân" cấp tiền bạc, H.Miller thực hiện chuyến đi Âu Châu lần đầu tiên năm 1928. Hai năm sau, lại khăn gói lên đường Âu du. Rời New York với vỏn vẹn 10 đô la mượn được của một người bạn, lần này H.Miller định "đóng đô" Tây Ban Nha. Sau mấy tuần lễ rong chơi ở London, gặp nhiều bạn mới, H.Miller đổi ý kiến: đi Paris. Vào khoảng thập niên 1930, không khí văn nghệ ở kinh đô Pháp vui vẻ, cởi mở và thân tình hơn những năm về sau này, khi các nhà văn, nhà báo ngăn cách nhau vì bức tường ý thức hệ, chia thành phe phái theo xu hướng chính trị hoạt động riêng rẻ. Nghệ thuật vị nghệ thuật, các nhà văn thời đó thường hội họp, gặp gỡ nhau qua tách cà phê hay ly rượu, thảo luận các vấn đề văn học nghệ thuật một cách say sưa, hứng thú. Đây chính là môi trường để H.Miller nhập cuộc.

Tuy quen biết nhiều nhưng cuộc sống mới của H.Miller tại kinh đô ánh sáng chẳng có gì tươi sáng. Thời gian H.Miller bắt đầu viết "Tropic of Cancer" là thời gian nhà văn lữ thứ tha hương đang kéo lê cuộc sống đói rách, có lúc lang thang suốt ngày, bạ đâu ngủ đó. Đói rách, khổ sở như vậy, dù gan lỳ như Hemingway cũng không thể nào chịu nổi. Ngoài một Fraenkel, bạn nối khố, khuyên H.Miller cứ tiếp tục viết; những bạn bè đồng hương khác thường nhắn nhủ "nhà văn đói rách," nếu sống thân tàn ma dại như thế thà trở về New York còn hơn. Nhưng dù đói rách lang thang, H.Miller vẫn bám víu Paris coi như quê hương tinh thần của mình. Vì những kỷ niệm vui buồn đó sau này rải rác trong mấy tác phẩm như Tropic of Cancer, Black Spring, Remember to Remember, độc giả thấy có nhiều đoạn, nhiều trang H.Miller viết về

HỒ ĐẮC VŨ

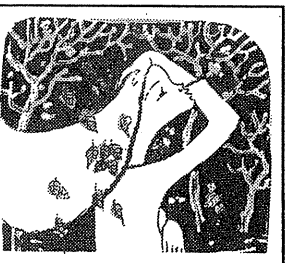

KHÔNG ĐỢI

Em buồn vui giữa mênh mông ấy
Còn khóc làm chi, chút bụi hồng
Đêm nghiêng ngửa, lòng nghe đời dậy
Một thoáng ngậm ngùi, một thoáng trông.

EM ĐI

Ngày buồn chạy mãi dưới chân
Trên cây nắng lạ, bởi lần em đi
Quen rồi một thuở thầm thì
Nên nghe bỗng thiếu cái gì với ta.

nước Pháp, những người bạn Pháp, những địa danh thơ mộng, những cảm nghĩ đầy chân tình của mình.

Có được chút tiền còm nhờ viết văn, H.Miller hai lần về thăm New York xong trở lại Paris sống mãi cho đến khi trận Thế Chiến Thứ 2 bùng nổ.

Trong số những bạn văn của H.Miller tại Paris có Raymond Quéneau, nhà văn đang lên và sau này được giải thưởng Goncourt. Qua sự giới thiệu của Quéneau, H.Miller quen George Belfont. Cùng với Quéneau, Belfont sáng lập tạp chí Volonté. Cộng tác thường xuyên với tạp chí này có Le Corbusier và Henri Miller. Một buổi sáng mùa đông năm 1939, trong không khí ngột ngạt chiến tranh sắp bùng nổ, H.Miller đến thăm từ giã Belfont. Tay xách tay mang bề bộn đủ thứ, một họa phẩm của Hans Reichel, mấy tác phẩm của Durrel, De Kierkegaar vẻ mặt bơ phờ, chán nản, vừa gặp Belfont, H.Miller nói ngay:

"Tôi đem biếu bác tất cả những thứ này... vừa chia "gia tài" xong cho bạn bè trước khi chuồn... Tình thế không đẹp đẽ lắm đâu, Âu Châu thế nào cũng đi-đoong... Tôi ghét chiến tranh, tôi ngại bom đạn, lần này tôi phải từ giã Paris!"

Nói là "chuồn" ngay để trở về Mỹ, nhưng mấy ngày sau H.Miller còn lang bang ở Dordogne, Marseille từ giã thêm một số bạn bè khác rồi qua Hy Lạp cho đến đầu năm sau mới trở lại quê hương.

Nghèo đói đã hành hạ người nghệ sĩ trong thời gian ở Pháp; nghèo đói còn bám theo H.Miller qua tận Big Sur, nơi H.Miller nghèo tiền nhưng giàu bạn, đang ở nhờ một biệt thự sang trọng do người bạn tỷ phú cho mượn. Một buổi sáng đang làm vườn, cúi lên cúi xuống nhiều lần, cái quần vải xanh gần lủng đít đã rách nát tả tơi lần này được dịp cọ sát nhiều càng rách nát, tả tơi hơn. Tuy ở biệt thự, nhưng chủ nhân đang nghèo cháy túi. Chỉ còn một cách duy nhất là đăng báo may ra nhờ ơn "thập phương cúng dường" cái quần khác thay thế.

Mẩu tin ngắn đăng trong mục quảng cáo tờ Los Angeles Times: "Một nhà văn Mỹ không có quần mặc, xin bà con gởi gấp cho..." làm những người lâu nay nghe danh tiếng biết H.Miller xúc động. Nước Mỹ "đạo đức" không muốn đọc sách H.Miller nhưng lại sẵn sàng tặng nhà văn quần áo! Mấy ngày sau, H.Miller nhận được hơn 30 cái quần và 300 bộ quần áo, tất cả còn mới nguyên. Làm sao mặc cho hết cả kho y phục này? H.Miller lại mất công đi ban phát áo quần cho những người quen, ròng rã ba bốn tháng trời mới hết.

Gần cuối năm 1952, H.Miller trở lại Paris, đinh ninh rằng nước Pháp vẫn còn là đống tro tàn gạch vụn và dân chúng vẫn đói ăn như

ngày xưa. H.Miller cũng không ngờ hai tác phẩm Tropic of Cancer và Tropic of Capricorn đang là loại sách "best sellers" sắp sửa đem lại cho tác giả số tiền nhuận bút khổng lồ 20 triệu Francs. Một số tiền quá sức ước mong, vì nhà văn nghèo túng kinh niên dù biết rằng tác phẩm mình bán chạy, nhưng vẫn nghĩ rằng nhiều lắm cũng chỉ vài trăm ngàn quan, đủ tiêu xài trong những ngày ở Paris. Có nhiều tiền, Henri Miller lại đi thăm bạn bè.

"Mày cần tiền không, tao có nhiều... nhiều lắm!"

Vừa nói H.Miller lôi từ túi áo trong, áo ngoài những cuộn tiện giấy dày cộm có lẽ vừa lãnh ở ngân hàng ra.

Chưa hết, nhà văn triệu phú lại có những cử chỉ, hành động mà những người suốt đời nghèo mạt rệp bỗng chốc trở nên giàu có không mấy ai làm. Những người ngày xưa đã giúp đỡ H.Miller, những ân nhân không phải là bạn bè, đã từng chia sẻ với nhà văn đói rách từng miếng thịt nguội, từng hớp rượu vang, bây giờ ở đâu, ai còn ai mất? Chiến tranh đã tản mác họ đi khắp nơi, biết mô mà tìm!

Với sự kiên nhẫn và quyết tâm tìm cho được, H.Miller lùng kiếm khắp nơi, hỏi han khắp chốn, và đã tìm ra gần hết. Vị ân nhân đầu tiên là ông tài xế taxi người Bạch nga. Trong những năm nghèo khó, có ngày không cơm ăn, không nhà ở (có nhà nhưng không ở, thích lang thang), H.Miller theo xe ông bạn tài xế. Ngủ gà ngủ gật ở "băng" trước bên cạnh người tài xế tà tà đi kiếm khách, H.Miller có ngày cùng chia ăn với người tài xế tốt bụng những bữa cơm trưa thật "thanh đạm" một gói "xúc xích" với mấy lát bánh mì.

Tìm ra tung tích người tài xế, H.Miller mừng rỡ còn hơn khi nhận được tiền bản quyền tác giả. Mang theo nào Jambon, saucisson, nào rượu ngon, caviar béo, thôi thì đủ thứ của ngon vật lạ, H.Miller đến thăm vị ân nhân, biếu một số tiền khá lớn gọi là kỷ niệm lúc hàn vi. Rồi còn một ông chủ tiệm chạp phô người Do Thái ở đường Monsieur Le Prince.

Một hôm kẹt tiền quá, H.Miller đến tiệm chạp phô gạ bán cái quần cũ. Gọi quần cũ cho có vẻ lịch sự, thật ra cái quần "cháo lòng" quá mức tồi tệ dù đem cho kẻ bần cùng chưa chắc họ đã nhận. Lẽ dĩ nhiên ông chủ tiệm Do Thái từ chối. Thất vọng, H.Miller nói thật là gần hai ngày qua chưa có bữa ăn thật sự. Thương tình, người chủ tiệm chạp phô lịch sự biếu H.Miller ít tiền và trả lại cái quần cho người khách hàng hiếm có.

"Nhờ Trời... một ngày nào tôi sẽ đến thăm ông..."

Ngày nào đó là 20 năm sau khi H.Miller trở lại Paris và nhớ mãi kỷ niệm cũ. Theo bạn bè kể lại, cũng là người Mỹ như ai, không phải H.Miller không biết quí tiền. Nhưng những cử chỉ, hành động trên phát xuất từ một tấm lòng chung thủy, rộng rãi và hào hiệp sẵn có trong con người H.Miller. Cho đến những ngày sau cùng ở California, không bao giờ H.Miller có được chút tiền gọi là dư dật. Bất cứ gặp người bạn nào, câu nói sau cùng của H.Miller trước khi chia tay luôn luôn vẫn là câu: "Do you want something?" Tâm tính hiền hòa, vui vẻ và dễ tính, H.Miller dễ dàng có nhiều bạn. Trường hợp độc nhất nhà văn trở nên giận dữ là khi có kẻ nào ác độc, chỉ trích mình là nhà văn "porno." Trường hợp ấy xảy ra thì khỏi nói, nếu có sẵn súng bên cạnh có lẽ H.Miller sẵn sàng đáp lễ người đối thoại bằng mấy viên kẹo đồng...

Trong suốt đời viết văn, lần đầu tiên và độc nhất H.Miller nhận lãnh giải thưởng, đó là vào năm 1970 tại Naples, với tác phẩm "Come Il Colibri" được chọn là cuốn sách hay nhất trong năm.

Ngày sinh nhật cuối cùng của đời mình năm 1979, Henri Miller nhận được điện tín chúc mừng của bạn thân Durrel: "Ráng tiếp tục khơi nguồn cảm hứng, tiếp tục yêu thương để sáng tác nhiều."

Con người tài hoa và nghệ sĩ đó hình như suốt đời chỉ có hai thú đam mê: sách và đàn bà. Lập gia đình nhiều lần và đổ vỡ nhiều lần. Lần đầu tiên với Beatrice Sylvas, giáo sư dương cầm tại New York người đã đưa Henri Miller khám phá thế giới âm thanh huyền ảo. Rồi đến Eve, họa sĩ, người bạn đồng hành đã giúp H.Miller có thêm đam mê mới: thế giới màu sắc của hội họa. (Chính H.Miller cũng là một họa sĩ với những họa phẩm nhiều lần được trưng bày tại Mỹ, hai lần tại Nhật, và một lần tại London). Người vợ sau cùng, một phụ nữ xứ Phù Tang, Hoki Takuda.

Có điều rất cảm động là không một người đàn bà nào làm H.Miller quên được mối tình đầu. Một thiếu nữ New York tên Seward Cora, lúc H.Miller còn là chàng trai 18 tuổi, học sinh trường Trung học Eastean District High School. Một chuyện tình ngắn ngủi nhưng hương xưa còn thấm đọng mãi như lời H.Miller tâm sự:

"...Tôi vẫn thường đi bộ khá xa đến nhà Cora Seward, chỉ đi ngang qua nhìn lên cửa sổ, xong lại cuốc bộ trở về. May lắm, có lần gặp nàng hé cửa nhìn ra. Lần đầu tiên và duy nhất tôi cùng Cora đi chung với nhau; chúng tôi đi xem diễn kịch. Tôi tặng nàng bó hoa tím (violettes). Khi vào rạp, trước lúc ngồi xuống ghế, Cora trợt chân suýt ngã, bó hoa lìa khỏi tay nàng và rơi xuống đất. Vô ý, nàng dẫm lên bó hoa. Từ đó chúng tôi không bao giờ gặp nhau lại..."

Đề tặng bức tranh gởi một nhà văn hữu ở Paris năm 1967, H.Miller viết:

Cho tôi một ít hy vọng,
Một chút khung trời trong xanh,
Cho tôi nhiều tình yêu
Và còn lại mãi mãi... nguyên hương.

Mấy câu thơ diễn tả tâm tư, ước mơ khắc khoải của người nghệ sĩ già 72 tuổi rồi, vẫn thấy mình chưa sống hết giấc mơ đời mình, vẫn chưa thực hiện được thiên chức nghệ sĩ như H.Miller viết trong tác phẩm "My Life and Time," xuất bản năm 1972.

Những ước mơ ấy, ngày nay H.Miller đã được toại nguyện. Tám mươi tám tuổi, vĩnh biệt gia đình, bạn bè thân thuộc, không còn phải nghe những lời chỉ trích xét đoán, không còn phải khổ vì đàn bà, không còn chịu cảnh bệnh tật hành hạ thể xác, H.Miller đã thật sự tìm thấy bình an trong giấc ngủ ngàn thu.■

TẠI SAO VIẾT VĂN?

BÙI BÍCH HÀ

Tôi là đứa con gái út trong một gia đình phong kiến, chỉ quí trọng con trai. Mẹ tôi là vợ thứ ba của bố tôi, vai vế xếp ngang hàng với người ăn, kẻ ở trong nhà. Thời thơ ấu của tôi lăn lóc giữa đám con cái của những người này. Tuy nhiên, chúng nó và tôi có những chỗ không giống nhau! Tôi được đi học, chúng nó thì không. Ngoài giờ đi học, tôi được tự do rong chơi, chúng nó phải làm việc phụ giúp cha mẹ. Vì vậy, có những khoảng thời gian trong ngày tôi chỉ có một mình. Dần dần, khoảng cách về trí tuệ khiến tôi trở nên ít thân cận hơn với chúng nó, chán những trò chơi tắm rửa con búp bê làm bằng cái chày giã cua hoặc vặt quả non trong vườn nấu nướng làm cỗ.

Tôi có bà chị hơn tôi mười tuổi. Chị hay bị bố và mẹ già tôi mắng vì chị mê đọc tiểu thuyết. Bị mắng thì bị mắng, chị không chừa. Chị sai anh xe ra tiệm cho thuê sách ở đầu phố, mang về cho chị hết quyển nọ đến quyển kia. Có một quyển mà cái tựa ở mãi trong trí nhớ tôi cho tới bây giờ là cuốn Tắt Lửa Lòng, hình như của tác giả Nguyễn Công Hoan.

Chị hay ngồi bên cửa sổ, yên lặng đọc. Thỉnh thoảng, chị ngẩng đầu lên khỏi trang sách, đôi mắt mơ màng nhìn ra khoảng không. Có lúc chị khóc, ướt đẫm những sợi tóc mai bay phơ phất bên gò má. Tôi nấp ở một chỗ kín nhìn chị, ngạc nhiên và thích thú vì sự thay đổi trên khuôn mặt chị. Cả người chị gợn lên vẻ đắm đuối gợi cảm ở đôi mắt long lanh, đôi môi hé mở, đôi má hồng lên từng chập.

Tôi tò mò muốn biết chị đọc gì trong cuốn sách nên tôi lấy trộm một cuốn, đem dấu trên cái hộp nước ở nhà cầu. Buổi trưa lúc nhà vắng vẻ, tôi lẻn vào phòng vệ sinh lấy cuốn sách ra đọc. Từ đấy về sau, tôi đọc bất cứ quyển truyện nào của bất cứ ai trong nhà, bằng cách dấu nó trong phòng vệ sinh hoặc ở gầm bàn thờ trên tầng lầu hai. Có nhiều tựa sách tôi còn nhớ, như Lệ Hằng phục thù, Tố Tâm. Cũng có khi tôi chỉ nhớ tên tác giả, như Lưu Thị Hạnh, Phạm Cao Củng, Lê Văn Trương. Đọc riết rồi tôi giả làm nhân vật nào trong truyện mà tôi thích. Tôi nhái lại lời nói của họ, làm bộ điệu như sách mô tả. Mỗi buổi trưa tôi ngồi hằng giờ trong nhà cầu chơi trò diễn kịch này. Lâu dần, có lúc tôi nhìn thấy thật sự ở ngoài đời cái cảnh tôi đã đọc thấy trong truyện, như chị Nụ đứng khóc bên cạnh cái chuồng lợn và anh Xã Cu đứng bên cạnh chị van lơn một chuyện gì. Một lát, anh Xã Cu đặt một bàn tay lên bụng chị Nụ, rồi, như người bị điện giật, anh quỳ thụp xuống bên chân chị, áp má anh vào bụng chị. Đến đây, tôi sợ bị người lớn bắt gặp tôi đang nhìn trộm cảnh tượng ghê gớm ấy nên tôi bỏ ra chỗ khác. Ít lâu sau, một đêm đã khuya, tôi thức giấc vì tiếng khóc rấm rứt của một người đàn bà xen lẫn tiếng quát tháo ghìm sau hai hàm răng của mẹ già tôi. Tôi tụt khỏi giường, rón rén đi đến nơi tiếng động vẳng ra. Tôi thấy mẹ già tôi và chị Nụ trong căn nhà chứa củi. Bà đang ngoại tay xoắn mớ tóc mây của chị Nụ, tay kia bà cầm một thanh củi dài. Chị Nụ khom người, chúi đầu ra phía trước để các chân tóc đỡ bị dằn, chắc hẳn làm chị đau đớn. Hai tay chị ôm bàn tay mẹ già tôi đang giật tóc chị từng cơn, miệng chị vừa rên khe khẽ, vừa van lạy mẹ già tôi, xin tha. Tôi sợ quá, nước mắt trào ra, hai chân ríu lại.

Ngày hôm sau, tôi không bao giờ còn nhìn thấy chị Nụ và anh Xã Cu lần nào nữa. Người làm xì xào là mẹ già tôi đuổi cả hai người vì họ dám trăng hoa, dan díu với nhau ngay trong nhà của bố mẹ tôi.

Những cuốn truyện tôi đọc làm tôi nhận ra mặt trời hoàng hôn nhuộm đỏ chân trời, tiếng những hạt mưa rơi băn khoăn trên tàu chuối, cơn gió thổi nhẹ qua vườn đem hương hoa bưởi và hương dạ lan vào nhà.

Bên hiên phòng học của tôi, bố tôi làm dàn cho hoa thiên lý leo. Cửa sổ phòng trông ra một phía là cái giếng nước với các bồn hoa lài trắng nõn, một phía là rặng sầu đông.

Tôi đọc Liêu Trai Chí Dị của Bồ Tùng Linh, tưởng tượng có giai nhân hiện ra từ khóm hoa dạ lan bên cái bể nước mưa long lanh dưới ánh trăng. Tôi đọc thơ Hàn Mạc Tử, tưởng tượng mình cũng mắc bệnh nan y rồi làm thơ tiếc thương vu vơ rất cải lương. Bài luận tả con mèo rình chuột của tôi năm lớp nhì được thầy giáo đọc cho cả lớp nghe vì trong đó có câu "con mèo lao vút vào bóng tối".

Cũng giống như mọi cô gái mới lớn, tôi bắt đầu viết nhật ký. Kể lể một trăm thứ chuyện đầu cua tai nheo, phịa ra nhiều tình tiết ảo não như một trò chơi cô đơn. Các bạn cùng lớp thấy tôi làm luận được điểm cao thì tín nhiệm văn tài của tôi nên thường nhờ tôi trau chuốt dùm các cô những lá thư tình hoặc những lá thư gửi cho cha mẹ ở xa để xin tăng viện. Cuối năm học, tôi là người nhận được nhiều tập lưu bút ngày xanh nhất, bạn nào cũng muốn tôi viết ở trang đầu.

Một hôm, có đứa bảo tôi "mày gởi bài đăng báo đi". Tôi nhờ người gởi dùm. Bữa hai anh Thanh Nam và Tô Kiều Ngân, đại diện tuần báo Thẩm Mỹ đem giải thưởng một truyện ngắn trúng tuyển của tôi ra tận Huế (gồm mấy trăm bạc và mười bức tranh lụa mô tả mười phong thái đánh đàn của Cô Kiều), bố tôi trịnh trọng mặc áo the, đội khăn xếp, pha trà tàu tiếp khách văn phương xa thay cho con. Khách về rồi, bố ngồi lặng trên tràng kỷ, một lúc mới khẽ khàng bảo con gái "con tập tành viết lách lăng nhăng như thế đủ rồi, phải dốc lòng lo việc học. Người viết văn ở nước ta nghèo rớt, vả chăng, con gái, đàn bà mà viết văn thì rồi thân thế long đong lắm con ạ." Bố tôi thở dài. Mặc dầu vậy, tôi không thể không viết, như một cách thế chuyện trò, giải bày, trang trải với chính mình, vào một lúc nào đó, trong ngày hay trong đêm. Cho nên, những điều tôi viết ra không có qui mô một tác phẩm mà chỉ là những mảng vỡ của đời sống, những góc cạnh đôi khi lóng lánh, đôi khi ảm đạm của thiên nhiên nơi tôi ở hay đi qua.

Trò chơi cô đơn của tôi chấm dứt khi tôi lên xe hoa về nhà chồng. Phu quân tôi có thói quen, nếu không đi đánh phé hay nhảy đầm, đi ngủ vào lúc chín giờ. Khi chàng lên giường, đèn đóm trong phòng phải tắt hết. Chàng không bao giờ đọc sách, bất luận sách gì. Vì vậy, tôi làm cô giáo để mưu sinh, làm vợ, làm mẹ, làm chị sen để phục vụ hạnh phúc gia đình, không có hoàn cảnh hay điều kiện làm nhà văn.

Hơn hai mươi năm sống giữa "Sài thành hoa lệ", tôi lẩn khuất như một con chuột ngày ở mấy con hẻm chật, xếp mấy cái tên quen thuộc thời con gái vào các ngăn kéo ký ức: Tô Kiều Ngân, Thanh Nam, Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng, Giang Tân, Tạ Ký, Duy Lam, Thế Uyên v.v.. Sau cơn lũ lụt, con cá nhỏ rạt lên bãi cạn, mắc kẹt trong sỏi đá, chết khô.

Một hôm, phu quân của tôi ở ngoài phố về, cười bảo tôi "Em nói hồi xưa em viết báo, làm văn chương. Bây giờ bộ Thông Tin Chiêu Hồi mở cuộc thi truyện ngắn, giải thưởng hai mươi lăm ngàn (tương đương ba lạng vàng vào năm Mậu Thân) đây này, có

NGUYỄN TƯ

TRONG CHUYẾN TÀU ĐÊM TỪ CITY

Hai đứa ngồi bên nhau,
Trao đôi bàn tay ấm,
Nghe cơn buồn chầm chậm,
Đi vào trái tim đau!

Ai cũng một đời người,
Sao em không được sống!?
Ai cũng thời vang bóng,
Sao tôi mãi đau vùi!?

Tuổi thơ làm mục đồng,
Lớn lên đăng lính thú,
Tù rục trong rừng rú,
Làm bạn với muỗi-mòng!

Già, lang thang đất khách,
Vợ con coi ra gì!
Viết dăm ba cuốn sách,
Chữ nghĩa mà làm chi!?

Gặp em thời bóng xế,
Nước mắt cũng không còn,
Nói chi tình nhân thế,
Bèo-bọt nắng đầu non!

Tàu về đêm lạnh giá,
Tôi ngồi trong lặng thinh,
Em hát nghe buồn quá:
"Anh mang em đóa quỳnh!..."

Mơ một ngày xa lắc,
Còn sống, về thăm nhà,
Đi từ Nam ra Bắc,
Miền Trung, quê đôi ta!

Thương em nhiều long đong,
Sống cuộc đời chim lồng,
Vì người mà im tiếng,
Quên đi tháng ngày hồng!

Đến một lúc nào đó,
Người ta nghĩ tới mình,
Như con thú trong xó,
Liếm vết thương tội tình!

Đưa em qua phố hoang,
Hoa trúc đào nở đỏ,
Hôn bàn tay em nhỏ,
Mùi lệ chi thơm lan...

Mùa Jacaranda 93

giỏi thì viết đi." Lòng tê tái, tôi tìm cách thoái thác "em không có máy đánh chữ". Chiều hôm sau, phu quân tôi tan sở về, xách theo cái máy đánh chữ của sở. Hơn cả lời thách thức của người bạn đường, hơn cả sự hấp dẫn của ba lạng vàng, tôi ôm lấy cơ hội được cầm lại cái bút đã nhiều năm không còn viết một điều gì cho riêng tôi. Trong mấy đêm liền, khi con cái đã ngủ yên, tôi ngồi viết như một người mê sảng. Truyện ấy gửi đi dự thi dưới mỹ danh của phu quân tôi. Ít lâu sau, một thư của bộ Dân Vận Chiêu Hồi gởi đến nhà, báo tin truyện ngắn dự thi của chàng được chấm giải nhất, mời chàng tới lãnh giải tại trụ sở trên đường Thống Nhất. Hôm đi nhận thưởng, chàng đem tôi theo. Tôi nhìn chàng được nồng nhiệt bắt tay và khen ngợi, như chuyện đó không liên quan gì đến tôi. Sau cùng, bất cứ lúc nào nhớ lại kỷ niệm buồn cười ấy, tôi chỉ cứ nhớ hình ảnh bà Nguyễn Cao Kỳ lộng lẫy trong chiếc áo dài hàng đũi Thái Lan màu cốm non. Bà mang giày, ví tay và đeo hoa tai làm bằng cùng một thứ vải, trông bà tươi mát như một tàu chuối nõn (Hôm đó, ông bà Nguyễn Cao Kỳ chủ tọa lễ phát giải thưởng).

Sau biến cố giống như "một ly nước giải khát màu bạc hà" này, những chiếc bút bi màu đen hoặc xanh dương của tôi lại nằm mốc rêu trong ngăn bàn sữa của tụi nhóc. Cô giáo chỉ xài bút đỏ để chấm bài. Một phần tư đời người trôi qua, âm thầm, nhạt nhẽo, vô vị. Những cơ hội làm văn chương hiếm hoi của tôi chỉ là vài khi đứng trên bục giảng, vận dụng chút vốn liếng ít oi về văn học và thi ca Việt Nam vào các bài giảng ngữ pháp hoặc văn phạm tiếng Pháp để sinh động hóa bài học, giúp các em học sinh tiếp cận dễ dàng hơn môn ngoại ngữ này thông qua tiếng mẹ đẻ.

Sau 75, nhà văn Huỳnh Phan Anh được bổ dụng Hiệu phó học vụ trường tôi đang dạy. Vào dự lớp của tôi một hai lần theo qui định của chế độ mới, anh cười cười bảo tôi "lẽ ra chị dạy văn thì phải hơn". Thế nhưng tôi lại không hề làm cái việc phải lẽ ấy mà tôi lênh đênh trôi tuốt ra chợ Trời. Thỉnh thoảng, anh Huỳnh Phan Anh đạp xe qua chỗ hè đường tôi ngồi, trước cổng nhà thờ Tân Định, anh dừng lại, đến cạnh tôi, quấn xong điếu thuốc rê to gần bằng ngón tay cái, thè lưỡi liếm tờ giấy mỏng cho dính rồi là phủi quần đứng dậy. Một đôi lần cùng đi với anh có nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng và nhà thơ Nguyễn Đông Ngạc. Về sau, tôi còn gặp Nguyễn Xuân Hoàng vài bận nữa trong lớp Lý luận Mác Xít do Sở giáo dục thành phố cưỡng bách đám giáo viên lưu dụng phải học. Lớp tổ chức vào buổi tối, trong ngôi biệt thự lớn ngào ngạt hương hoàng lan của một nhà giàu đã di tản, trên đường Phan Đình Phùng, gần ngã tư Mạc Đĩnh Chi. Nguyễn Xuân Hoàng thường đến trễ. Anh ngồi ở cuối lớp, cùng bàn với tôi. Anh cười khẽ, nói bông đùa mấy câu, vẽ lằng nhằng lên giấy một chốc là thăng. Tôi để ý từ lúc đến tới lúc biến, Nguyễn Xuân Hoàng không bao giờ nhìn lên chỗ bục giảng. Được vài buổi, anh lặn mất tăm. Qua đường Đồng Khởi, gian hàng tơ lụa và áo thêu của bà xã anh cửa đóng then cài, cảnh tượng đẹp đẽ ít lâu trước như truyện Liêu Trai. Hỏi thăm Huỳnh Phan Anh, người bạn thiết của Nguyễn Xuân Hoàng, anh lớ ngớ trả lời "chắc nó vượt biên bị cum rồi".

Sự nghiệp viết lách của tôi đã ngắc ngư sẵn, nay lại càng ngắc ngư hơn nữa cùng với cục xương khó nuốt mắc nghẽn trong cuống họng dân tộc tôi. Ngày qua tháng lại, thấm thoát mười một năm nữa trôi tuột vào hư không, chỉ còn lưu dấu đôi ba bài thơ nhỏ viết cho mấy đứa con, đứa chìm sâu đáy nước, đứa lưu lạc phương trời.

Qua tới Mỹ đầu năm 86, ở một thành phố ven núi, những ngày đầu định cư chưa phải làm gì, tôi lại muốn mượn giấy bút vỗ về nỗi đau riêng. Chỉ là viết vào hư không, không địa chỉ, không mục đích gì rõ rệt, cho tới khi bắt được liên lạc với người bạn cũ là chị Cỏ Tháng Giêng định cư từ 75 ở vùng Ngũ Đại Hồ. Chị viết cho tôi như sau "hồi ở Đồng Khánh, tưởng sau ni mi về làm văn sĩ, viết văn cho tụi chị đây dọc, ai dè vô tang vô tích, nỏ hề thấy mi mô, trời Nam chỉ lừng lẫy Túy Hồng, Nguyễn Thị Hoàng và Nhã Ca. Thờ chồng, nuôi con đủ chưa em? Chừ ráng mà viết đi chớ?" (Chị đâu biết rằng tôi có ráng cách mấy thì cũng không sao bì kịp các bạn tôi có tên bên trên).

Những gì tôi viết gởi cho chị đọc, chị gởi tứ tung đi các báo thường đăng bài của chị. Chị ký một chục cái bút hiệu khác nhau, trong đó vô tình cầm nhầm một cái của chị Đỗ Quí Toàn bên Canada, báo hại ông Lê Đình Điểu bị vạ lây vì đã đăng bài ký tên cầm nhầm ấy. Ngoài nhuận bút trả rất sòng phẳng, báo Văn Nghệ Tiền Phong còn gởi cho tôi một trăm đôla về một truyện được chọn là truyện ngắn hay nhất năm 87 của tạp chí này. Hạnh phúc của tôi không ở chỗ có bài đăng báo hay được đám đông khen ngợi. Hơn tất cả mọi thứ khác, tôi nhâm nhi thưởng thức cái lạc thú được lựa chọn đời sống và con người theo những ao ước hoặc mong đợi riêng như một cách thế đền bù sự khiếm khuyết và bất ưng của chính mình.

Tuy nhiên, niềm vui thuở ấy cũng không được bao nhiêu. Trong dòng sống áo cơm chật chội ở đây, yếu tố để lựa chọn cứ ít dần đi, cũ mòn, nhàm chán. Mặt khác, sự náo nhiệt trôi chảy ngoại vi như một con ngựa bất kham, lồng bốn vó, mạnh và nhanh như vũ bão. Tôi đứng ngẩn ra nhìn, ý thức sâu xa về khả năng chế ngự và tái tạo yếu kém của tôi nay ví như một con dao cùn.

Than vãn điều này với một bạn viết, người ấy nhếch mép cười "thì đem mài đi chứ kêu ca gì!"

Vấn đề là "ai chả biết thế nhưng mài cách nào đây?" ■

Quận Cam 11/93

ĐỌC VÀ
GIỚI THIỆU
THẾ KỶ 21
(714) 894-9021

TẠI SAO TÔI VIẾT?

VÕ DOÃN NHẪN

Trước 1975 tôi không viết văn, cũng chẳng làm thơ. Nếu có viết thì tôi cũng chỉ viết "giáo khoa" cho học sinh, rồi qua bài dạy tôi có thể "lồng" tư tưởng và kinh nghiệm sống của tôi vào, cốt để làm sáng tỏ hoặc cụ thể hóa những tư tưởng trừu tượng khó hiểu trong các bài học.

Sau 1975 tôi mới nghĩ đến viết và... làm thơ. Tại sao phải sau 1975?

Sau 1975 tôi không còn được tiếp tục dạy Triết ở các trường trung học nữa. Triết không có trong chương trình Trung học. Tôi đã mất đi môi trường truyền đạt tư tưởng và kinh nghiệm. Nói cho cùng, giả dụ tôi có được tiếp tục dạy Triết đi nữa, liệu tôi nói được gì, truyền đạt những gì đến học sinh? Như nhà thơ Thế Lữ ví von thi sĩ là một con chim, ngứa cổ hót chơi. Tiếng hót của chim là ngôn ngữ của nó. Nó hót vì... ngứa cổ. Hót là một nhu cầu: cho đỡ ngứa cổ. Nếu con người không thể hót thì con người phải... ho cho đỡ ngứa cổ. Và nếu không hay ho thì cũng phải "húng hắng". "Chẳng hay ho cũng húng hắng lấy một vài" (TTX). Ngôn ngữ là một phương tiện bày tỏ tư tưởng và giải tỏa những dồn nén của tình cảm, cảm xúc.

Bầu không khí ở miền Nam Việt Nam sau 1975 là một bầu không khí dồn nén, con người cảm thấy khó thở ngột ngạt trong bầu không khí đó. Cuộc sống của bản thân mỗi người, thực tế của xã hội khiến cá nhân phải suy nghĩ, từ đó phát sinh biết bao nhiêu cảm xúc. Phải chi tôi được đi dạy Triết, tự do truyền đạt tư tưởng, kinh nghiệm, có lẽ tôi đã không viết lách gì. Vì không biết "xả hơi" vào chỗ nào, bằng phương cách gì, tôi đành phải "xả hơi" bằng cách viết lên giấy những đoạn văn xuôi và những đoạn văn vần. Tôi viết cho "hả" một phần nào, cho đỡ... bức xúc. "Những điều trông thấy mà đau đớn lòng" tại Nam Việt Nam sau 1975 nhiều vô kể, hằng hà sa số, trên mọi lĩnh vực, cùng khắp mọi chốn mọi nơi. Nhưng làm sao tôi có thể "tâm sự" với ai những suy tư tình cảm của tôi khi phải chứng kiến, phải sống những điều đau đớn ấy?

Vậy thì tôi phải viết. Nhưng cũng như nhân vật chính trong truyện "Ông vua tai lừa" phải đào lỗ sâu chui xuống đó, hét thật to điều anh phát hiện -- Ông vua có đôi tai lừa -- mà chẳng ai nghe thấy, tôi viết mà chẳng dám phổ biến điều tôi viết. Mà cần gì phải phổ biến, trao "tác phẩm" cho người khác xem nhỉ? Cũng như khóc thầm cũng làm vơi đi nỗi khổ đau của ta. Cũng như ta viết thư tình, tâm sự ngổn ngang, cho vơi nỗi nhớ nhung, nhưng viết xong rồi để đó hoặc xé hoặc đốt đi, đâu cần phải gửi cho "ai đó" đọc!

Những bài thơ tôi làm -- sau 75 -- cũng có số phận tương tự. Tôi làm thơ cũng chỉ để giải tỏa niềm u uất, chủ yếu là do cuộc sống mới gây nên. Nhưng rồi tôi cũng e ngại: thơ tả thực quá, nói thẳng quá, rủi lọt vào tay nhà cầm quyền thì sao? -- Thì đó là văn hóa phản động! Và biết đâu có cả đòi trụy nữa. Hậu quả ra sao, chúng ta ai cũng thấy được. Do vậy mà thỉnh thoảng tôi lại phải "sáng tác" một số bài thơ mang tính chất siêu thực để hòng qua mặt các cán bộ văn hóa thông tin, mặc dù tôi biết những chế độ độc tài rất không ưa khuynh hướng siêu thực trong thi ca, hội họa, bởi đối với những chế độ ấy, cái gì cũng phải dứt khoát, rõ ràng. Nếu không tột thì là xấu. Không phải cách mạng là lạc hậu, phản động. Nhưng làm sao có được cái rõ ràng, "dứt khoát" trong nghệ thuật siêu thực? Trước đây và bây giờ tôi không hiểu thơ Thanh Tâm Tuyền và chỉ hiểu lờ mờ một số tranh Picasso, Braque, Rousseau v.v... Do vậy tôi hy vọng (hy vọng thôi) những cặp mắt cú vọ không thấy gì khi nhìn vào mấy bài thơ siêu thực ấy.

Liệu tôi có tự mâu thuẫn khi viết những dòng này? Thưa nghĩ rằng không, bởi lúc này giờ đây tôi mang một tâm trạng khác: như một người muốn khóc cho người yêu thấy, như một con chim muốn hót cho cả đàn cùng nghe.■

PHẠM KIM KHÔI

THƯƠNG THÂN

Thương cái tôi còn tham sân si
Đầy thân xác nặng mê lầm đi
Đường qua dương thế không chiều ngược
Tới đích hư vô chẳng có gì

Thương cái tôi thèm khát chút danh
Danh hư danh hão vẫn chưa thành
Múa may hát hỏng quay đầu lại
Khán giả đâu rồi rạp vắng tanh

Thương cái tôi buồn trơn hầu bao
Người ta buôn bán mình nôn nao
Cũng mong kiếm lợi xoay nghề vặt
Theo mãi tiền rơi chạy ngõ nào

Thương cái tôi từng mơ ta đây
Vô danh rỗng túi giả vờ say
Bờ mê ở chỗ chưa từng bước
Bến giác nơi về bụi cát bay

Cali 8/1993

MẤY ĐIỀU CẦN NÓI THÊM

TÔN THẤT THIỆN

Đọc bài tường thuật về "Bàn tròn về văn học" (Thế Kỷ 21, tháng 2, 1994, trang 13) tôi thấy cần xin các anh vài hàng để nói lại cho đúng một điểm và rõ hơn về các điểm khác về phần tôi: "viết là muốn chia sẻ với người khác về tình cảm, kỹ thuật, tư tưởng."

1/ Về tình cảm. Đọc lại, tôi thấy đáng lẽ nói "cảm xúc" thì đúng hơn.

2/ Về mỹ thuật (với M) chớ không phải "kỹ thuật" (với K). Có sự ghi sai ở đây. Điểm này rất quan trọng vì nhà văn là người thấy cái đẹp trong sự việc và có chức năng, cũng như khả năng, giúp người khác thấy cái đẹp đó. Hồi còn trẻ (cách đây 50 năm!) tôi đọc Gide có một câu, mà tôi nay không còn nhớ rõ ở tác phẩm nào (*Du côté de chez Swan*, hay *Nourriture terrestre?*), nhưng điều này không quan trọng. Điều quan trọng là câu nói tuyệt mỹ, và nay tôi vẫn còn nhớ. Đó là: "La beauté est dans le regard et non la chose regardée." Xung quanh ta, mỗi lúc, có bao nhiêu sự vật, bao nhiêu sự việc, có nhiều cái đẹp, mà người phàm không thấy. Chỉ có nhà văn, với cái nhìn và cách nhìn rất nhạy bén, mới thấy, và có biệt tài và khả năng chuyên môn để làm nổi bật cái đẹp đó được. (Ở đây có thể dùng danh từ "kỹ thuật" -- nhưng kỹ thuật thì lại không chia sẻ được vì mỗi nhà văn có cách hành văn độc đáo của mình...).

Đó là một trong những lý do chính mà chúng ta, mà xã hội, cần có nhà văn, nhất là nhà văn tài ba. Họ giúp ta thấy cái đẹp xung quanh ta, và làm cho đời sống của chúng ta tươi vui, thú vị hơn. Không có họ, hay chỉ có những "nhà văn" của nhà nước, "văn nô", hay văn gia bị khóa miệng hay nằm tù như ở trong chế độ Cộng Sản Việt Nam hiện nay, thì xã hội chỉ có la khẩu hiệu chán phèo, và cái gì cũng xám rịt hoặc đen sì!

3/ Tư tưởng. Ở đây phải hiểu danh từ "tư tưởng" này theo nghĩa rộng. Thật ra thì người viết chia sẻ không những kết quả đạt được, mà còn những điều kích động mình trong lộ trình sưu tầm, quan sát, suy niệm, tìm kiếm sự thật. Khi thấy được chân lý -- cũng như nhà văn thấy cái đẹp -- thì có sự thúc đẩy phải chia sẻ những gì mình phát hiện được, nhất là nếu những phát hiện này có thể cứu xử sở, dân tộc, khỏi rơi xuống hố sâu. Khi đã thấy rõ chân lý rồi tất nhiên có nhu cầu, có "bức xúc" (như Nguyễn Kiến Giang giải thích) phải nói lên những gì mình đã phát hiện được.

Đây là điều một số trí thức "bên này" đã làm trong những năm qua và đang tiếp tục. Và may thay, đây cũng là một điều mà hiện nay, sau bao năm phải đương đầu với thực tại, suy gẫm, tìm kiếm, dấn đó, do dự, những người trí thức "bên kia" đã nhất quyết là mình cũng phải làm. Cần đọc kỹ những bài từ trong xứ chuyển lậu được ra ngoài trong thời gian gần đây (của Hà Sĩ Phu, Hồ Hiếu, Lữ Phương, chẳng hạn), và nhất là phải theo dõi lộ trình của họ từ mấy năm nay, ta mới thấy tầm quan trọng của sự "chia sẻ" này. Nhưng đây là một điều mà tôi sẽ "chia sẻ" với độc giả của *Thế Kỷ 21* trong một số sau.■

Ottawa, 21-1-1994

LÊ HỮU KHÓA

Nhớ Anh Tiên, Anh Tâm

THỞ

Dựng bia thân đứng
Ngủ ngờ vực theo con dốc
Thở nhẹ kín trong hòm ngực

BƠI

Bơi câm theo lá rụng
Thân thể vết thẹo dòng sông
Hai bờ chực như môi

CHÌM

Lục bình khựng chìm
Chuồn chuồn quắt nghiêng
Thăng bằng ướt nước

TRÒ CHUYỆN VỚI ĐẠO DIỄN TRẦN ANH HÙNG

BÙI XUÂN QUANG *thực hiện*
NGUYỄN THỊ CHÂN QUỲNH *dịch từ Pháp ngữ*

LỜI TÒA SOẠN: Phim Mùi Đu Đủ Xanh đang được trình chiếu tại California. Phim nói tiếng Việt nên có nhiều khán giả Việt Nam đi coi. Thế Kỷ 21 đã có bài giới thiệu phim này, do Thụy Khuê viết; và một bài bên lề, do Trần Thanh Hiệp viết, đặc biệt giới thiệu một vai nam trong phim do Vương Hòa Hội thủ diễn (tài tử này là con trai của văn hữu Hoàng Linh, một cộng tác viên của Thế Kỷ 21.)

Lời mở đầu:

Trần Anh Hùng, 31 tuổi, nhà đạo diễn điện ảnh Pháp, gốc Việt, là một tài năng mới xuất hiện tại Đại hội Điện ảnh Cannes mùa hè 1993. Cuốn phim dài đầu tay Mùi Đu Đủ Xanh của anh đã đoạt giải "Caméra d'Or" (máy quay phim vàng) trong tiết mục "Un certain regard" (một cách nhìn) dành cho những cuốn phim đầu.

Công chúng rất hâm mộ phim Mùi Đu Đủ Xanh. Riêng khu vực Paris có tới 133 668 người đi xem nội trong 10 tuần. Mặc dầu rất bận, Trần Anh Hùng cũng vui lòng dành cho chúng tôi một buổi trò chuyện khá lâu tại nhà riêng của chúng tôi.

Bùi Xuân Quang

Lộ trình

BXQ. Anh có thể tóm tắt vài câu về những bước đầu của anh ?

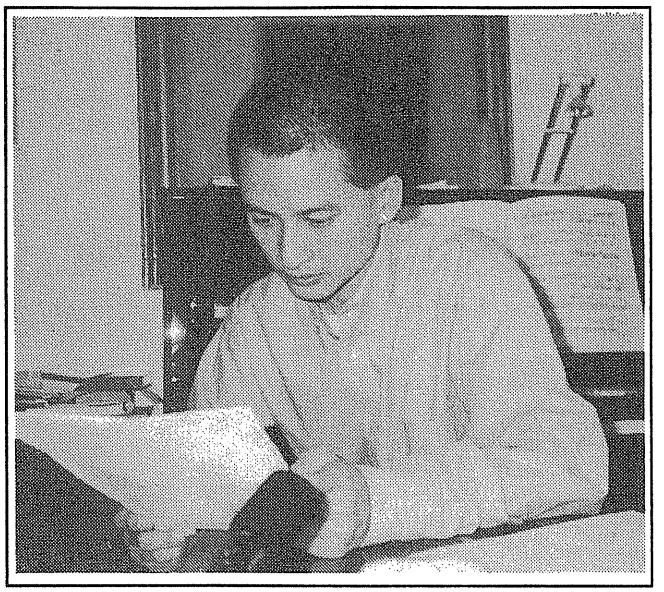

Trần Anh Hùng: Đạo diễn phim "Mùi Đu Đủ Xanh" (Ảnh Bùi Xuân Quang)

TAH. Tôi rời Việt-Nam sang Pháp năm 12 tuổi. Tôi đi học như mọi người, đậu tú tài văn chương (Bac A) rồi bắt đầu học Triết, được một năm, tôi bỏ Triết xoay sang điện ảnh. Tôi thi vào trường Lumière, và đã quay một cuốn phim ngắn 35 ly khi còn học ở trường. Học xong, tôi bắt đầu viết truyện phim dài trong bốn năm. Sau bốn năm tôi thấy cần quay phim. Tôi viết truyện một phim ngắn và đưa trình Trung tâm Quốc gia Điện ảnh và được ngay một khoản tài trợ. Sau đó tôi đi tìm một nhà sản xuất phim, thế là tôi gặp Christophe Rossignon, chủ hãng phim Lazennec. Hồi ấy, Christophe Rossignon chỉ sản xuất những phim ngắn. Trong thời gian soạn phim này, tôi đưa ông ta đọc thử truyện phim Mùi Đu Đủ Xanh, ông ta thích ngay. Chúng tôi ký hợp đồng rất nhanh. Chẳng bao lâu, Trung tâm Quốc gia Điện ảnh nhận ứng ra một số tiền chi dụng, và công việc tiến hành trôi chảy, mau chóng sau đó.

BXQ. Làm nghề điện ảnh ở Pháp không phải là dễ, tôi và một vài người bạn đã thất bại. Anh thành công rất nhanh.

TAH. Phải nói là tôi đã gặp nhiều may mắn. Nhưng tôi không quên bốn năm tìm tòi, lông bông. Tôi chẳng có nghề ngỗng gì, lại không dự kỳ thi tốt nghiệp ra trường Lumière, chỉ vì lý do giản dị là nếu tôi thi ra có bằng cấp, cha mẹ tôi sẽ bắt đi làm và tôi không viện cớ gì để từ chối được.

BXQ. Anh có thể làm nghề gì chẳng hạn?

TAH. Thì làm chuyên viên quay phim, hoặc làm phụ tá đạo diễn truyền hình. Song chí nguyện tôi không ở chỗ đó. Tôi biết một khi tôi đã bắt đầu như thế là tôi sẽ càng ngày càng cần tiền nhiều hơn và tôi sẽ không thể làm cái

tôi muốn.

BXQ. Anh sinh ở Mỹ Tho nhưng gia đình anh gốc Bắc phải không?

TAH. Không, tôi gốc Trung, người vùng Nghệ Tĩnh.

BXQ. Gia đình anh di cư vào Nam năm 1954?

TAH. Không, tôi không nhớ rõ, nhưng vào sau 54. Tôi sống ở miền Nam một thời gian rồi sang Lào hai năm. Đến 75, tôi bỏ Lào sang Pháp. Gia đình tôi nhỏ, chỉ vẻn vẹn có cha mẹ tôi và đứa em trai.

BXQ. Em anh làm nghề gì?

TAH. Nó theo ngành thương mại, làm tuỳ viên cho một hãng bán đồ chơi cho trẻ con.

Luôn luôn có liên hệ với gia đình

BXQ. Mùi Đu Đủ Xanh có phải truyện phim dài đầu tiên của anh?

TAH. Không. Nó là truyện phim dài đầu tiên được thực hiện. Trước đó, tôi đã viết tới bốn truyện phim dài. Truyện đầu tiên tôi viết về Thánh Julien l'-Hospitalier, theo một truyện ngắn của Flaubert. Truyện thứ nhì là một phim trinh thám dựa theo một cuốn tiểu thuyết của Nhật Bản. Truyện thứ ba, bắt đầu thời kỳ của các đề tài Việt-Nam, truyện phim nói về cuộc chiến chống giặc Cờ Đen khoảng những năm 1910, tôi trù liệu nó sẽ là một cuốn phim đồ sộ, rất tốn kém, và dĩ nhiên đối với một cuốn phim đầu tay, tôi đã đặt quá nhiều tham vọng. Truyện phim thứ tư nói về người Việt ở Pháp, là một bi hài kịch theo kiểu Ozu. Tôi khởi thảo nó cùng một lúc với Mùi Đu Đủ Xanh, song Mùi Đu Đủ Xanh được thực hiện trước.

BXQ. Anh có đưa những truyện phim này cho các nhà sản xuất phim?

TAH. Bao giờ tôi cũng đưa cho càng nhiều người càng tốt. Tất nhiên chẳng phải ai cũng trả lời, nhưng những người trả lời đều đã khuyến khích, hỗ trợ tinh thần tôi. Điều này giúp tôi vững tâm kiên trì.

BXQ. Anh cho biết sơ về những đoản phim của anh.

TAH. Thiếu Phụ Nam Xương là cuốn phim để ra trường của tôi. Cuốn thứ nhì do Lazennec sản xuất là La Pierre de l'Attente (Hòn Vọng Phu).

BXQ. Anh chọn đề tài ra làm sao? Tôi có cảm tưởng các đề tài cuả anh rất khác nhau.

TAH. Vâng. Đề tài của tôi rất khác nhau song chúng có một điểm tương đồng là đều có liên hệ đến gia đình tôi.

BXQ. Cái truyện phim dài về Saint Julien...

TAH. Tôi viết nó vì lúc ấy cha mẹ tôi quyết định theo đạo Thiên Chúa, điều này làm tôi phân vân, xúc động, và tôi đã viết truyện phim ấy. Còn truyện Việt-Nam hồi đầu thế kỷ 20: tôi muốn tìm hiểu đời sống của ông nội tôi thời ấy ra sao. Đó là những điều có liên hệ đến gia đình tôi, chẳng khác gì Mùi Đu Đủ Xanh, những điều mà tôi nắm bắt được về mối quan hệ của tôi với mẹ tôi, hay với nước Việt-Nam, tôi thử đem ra gởi gấm trong phim.

Một cái kết không lạc quan như người ta tưởng.

BXQ. Tại sao anh lại cho một cái kết lạc quan như thế?

TAH. Người thiếu phụ trong phim không có hạnh phúc lắm đâu. Tôi muốn thể hiện một cuốn phim rất tế nhị, không tô đậm thô sơ—nói thế nào nhỉ?—Không bắt khán giả phải đi theo một chiều hướng này hay một chiều hướng khác. Tôi muốn tạo một mối liên hệ tối đa giữa khán giả và màn ảnh. Người thưởng ngoạn phải tham dự vào sự hình thành cuốn phim, cả nội dung lẫn hình thức. Tôi không muốn quay một cuốn phim về thân phận nô bộc theo thói thường nghĩa là tố cáo cái chế độ bất người đàn bà giữ phận nô bộc và đồng thời du nhập mẫu mực tranh đấu cho nữ quyền kiểu Tây phương. Với lại tôi không tin tưởng vào nó cả 100 %. Tôi không cho nó là kiểu mẫu duy nhất trên quả đất này. Tôi muốn cho thấy những mối tương quan khác giữa nam và nữ, mà tôi đã tìm thấy ở dân tộc Việt, người Việt. Thứ nhất là tôi muốn khơi gợi một niềm phân vân, bối rối, một cảm giác hoang mang trước cuộc sống với tất cả những vấn đề nan giải. Đó chính là những điều tôi muốn diễn tả trong phim. Nếu ở cuối phim, chàng nhạc sĩ đã chọn người phụ nữ Á đông chứ không phải cô gái Âu hóa, đó là vì những lý do người ta có thể đoán ra: hoặc anh ta sợ một sự thay đổi toàn diện, hoặc vì là một nghệ sĩ, anh cần phải hụp lặn trong một cái gì đó đã thâm nhập cốt tủy anh, tìm lại một di sản trong quan hệ tình ái của anh. Có thể là thế, là một sự pha trộn của cả hai duyên cớ. Anh đã chọn cô hầu gái đại diện cho người phụ nữ cổ truyền, nhưng anh cũng có thái độ nước đôi, khó hiểu, vì chính anh đã dậy cho cô ta học đọc và học viết, tức là giao tận tay cô một loại vũ khí tranh đấu theo kiểu Tây phương.

Nói thế nhưng người ta cũng có thể suy ra tâm trạng anh vì anh bị văn hoá Tây phương quyến rũ với những tư tưởng tiến bộ, tự do cá nhân. Ở đoạn cuối, khi tôi cho thấy người thiếu phụ nhìn ống kính và thốt câu kết thúc phim, tôi đã nhường lời cho chị ta. Tôi nhường lời nhưng đồng thời tôi cũng nhắc nhở, ngay sau đó, bởi vì chị ta kêu lên và hạ tầm mắt xuống, tôi nhắc nhở chị có liên hệ với một cái gì hoàn toàn thuộc về thể xác, tức là cái bản chất phụ nữ của chị, chị mang thai nghĩa là sắp bước sang giai đoạn làm mẹ, và có thể sau khi sinh sản chị sẽ mất đi phần nào cái vẻ tươi mát, và thế là trở về với cái mô hình của người mẹ ở đầu cuốn phim. Và có thể người đàn ông, vì anh lạnh lùng thu hồi cái nhẫn đính hôn—tức là có cái gì tàn bạo tiềm ẩn dưới cái bề ngoài trầm tĩnh của anh—người ta có thể nghi ngờ cái nhân tính của anh, có thể anh là một người yếu đuối mô phỏng theo mẫu người cha ở đoạn đầu phim. Thành ra cái kết ấy, nó không vui lắm đâu, chỉ là bề ngoài đấy thôi.

Một nhân sinh quan

BXQ. Anh đã liều dàn dựng một cái gì không thật.

TAH. Nghĩa là?

BXQ. Một người hầu gái được ông chủ yêu.

TAH. Chẳng lẽ điều đó không xẩy ra được sao?

BXQ. Trong một cuốn phim, bất cứ một chuyện gì ngoại lệ đều có thể bị coi như không thực.

TAH. Đây là một vấn đề thường được nêu ra. Vì nó là một sự cấm kỵ hay vì nó là một sự

Chuyện phim Mùi Đu Đủ Xanh

Sàigòn, năm 1951... Mùi, một cô bé quê, 10 tuổi, đến nhà của một gia đình khá giả để ở mướn.

Nếp sống của Mùi được gắn bó với cung cách sinh hoạt của những phụ nữ. Bà Nội chỉ ở gác trên, đốt hương trầm cho người chồng quá cố và cô cháu nội xấu số đã qua đời; Bà Mẹ quán xuyến việc nhà, tận tụy lo lắng cho chồng và ba con, thật bận bịu với công việc quản trị tiệm may, nguồn sinh sống của gia đình. Mùi được bà vú già tên Thi dạy cho cách nấu nướng và những cử chỉ lễ phép trong khi phục vụ để vừa lòng gia đình chủ. Người chồng là một người đàn ông vô công rồi nghề, chỉ biết thú vui với đàn, sáo. Một hôm người cha bỏ nhà ra đi, đem theo tất cả tiền bạc dành dụm được của gia đình. Hai cậu con trai nhỏ, diễn đạt nỗi buồn bực của mình bằng cách hành hạ Mùi hoặc... chơi với côn trùng.

Mùi lớn lên, thầm lặng nhút nhát, nhưng lại đem đến niềm vui cho bà Mẹ như người con gái ruột của gia đình.

Sàigòn, năm 1961 — Mùi đã trở thành một thiếu nữ xinh đẹp. Trung, cậu trai trưởng đã lập gia đình, và người con dâu mới, vì ganh ghét đã ép nàng rời khỏi nhà, để đến giúp việc cho Khuyên, bạn của Trung, một nhạc sĩ sáng giá từ một gia đình giàu có mà Mùi đã yêu thầm ngay trong ngày đầu gặp gỡ lúc ấu thơ.

Từ đó, Mùi đã phục vụ Khuyến với tất cả chân tình, đặt hết tâm can vào từng cử chỉ.

Sau cùng, tình yêu đã đến với hai người...■

phân chia giai cấp. Nhưng nếu nó có thể xảy ra, dù hiếm thì ta cũng có thể đề cập đến được. Tôi không định nói trường hợp này thường xảy ra ở Việt-Nam. Tôi không bảo đấy là một chuyện phổ biến.

BXQ. Anh đã suy nghĩ nhiều về vấn đề này, nhưng một người hầu gái, đã bị ông chủ dùng bạo lực cưỡng ép, khi xem phim của anh có thể nghĩ khác với anh và tôi.

TAH. Đúng thế. Nhưng chuyện của cô ấy lại là chuyện của một cuốn phim khác. Tôi thấu hiểu thủ đoạn dã man của những người chủ đối với người làm công, nhưng đấy là một chủ đề khác, thế thôi. Đấy là một trường hợp khác. Tôi không bảo rằng nếu ở Việt-Nam người ta tin như thế là người ta lầm. Tôi không mô tả toàn diện cái xã hội Việt-Nam. Đây là một trường hợp riêng biệt của một người mẹ đau khổ vì cái chết của đứa con gái nhỏ. Vì thế bà ta dốc hết tình thương yêu, trìu mến vào cô hầu gái. Do đó, có nhiều điều trở nên lệch lạc, nhưng nó là một cái gì rất nhân bản, tức là có thể xảy ra.

BXQ. Cái người đàn ông chơi nhạc Chopin, đoạt giải nhất Viện Quốc gia Âm nhạc Paris, mặc áo sơ-mi kiểu lãng mạn, một người giản dị chỉ thích cái thiện, cái mỹ...Tôi chưa bao giờ được tiếp xúc với một mẫu người như thế.

TAH. Đấy là một cách nhìn nhân thế, một nhân sinh quan.

BXQ. Một biểu tượng.

TAH. Người ta có thể làm một cuốn phim về một ông chủ hết sức đê tiện, bại hoại, thích lén lút dòm trộm một cách bệnh hoạn.

BXQ. Anh nghĩ rằng vì anh ta được đào tạo ở Pháp, đoạt giải nhất của Viện Quốc gia Âm nhạc ở Paris nên anh ta hành động như vậy?

TAH. Không phải thế.

BXQ. Nếu anh ta là "con quan" anh ta sẽ không cư xử như thế?

TAH. Đúng. Tôi cho thấy đó là một thiếu niên đã tiêm nhiễm tư tưởng Âu Tây, nhưng tôi không nói rằng một người "con quan" sẽ xử sự như một tên đểu cáng. Điều này có thể xảy ra nhưng lại là một phim khác. Khi người ta quay một cuốn phim, người ta phải lựa chọn và phải tự giới hạn chủ đề.

BXQ. Khán giả không có cái may được thảo luận lâu dài với anh như tôi.

TAH. Đúng thế.

BXQ. Mỗi người chúng ta mang trong lòng những ý kiến, những khả năng cảm thụ riêng đối trước một số sự việc, và cái khó là ở chỗ ấy.

TAH. Vâng. Khi tôi đi một vòng các tỉnh tôi đã gặp những người Việt không nhận ra nước Việt trong phim tôi, ngược lại có những người khác lại nhận ra. Nó liên quan đến đời sống riêng tư của từng người. Chính tôi muốn tả cái nhân loại này nhiều hơn bất cứ cái gì khác.

BXQ. Lúc anh diễn tả, nó đã là sự thật rồi. Mỗi người Việt lại mang trong lòng một cuốn phim khác. Cái trí nhớ, đóng một vai trò quan trọng trong phim, nó không biểu hiện giống nhau trong lòng mỗi người chúng ta. Nhưng một khán giả nào được biệt đãi, có những kỷ niệm ấu thơ có thể đem ra so sánh với những kỷ niệm của anh.

TAH. Vâng, nhưng tôi không chấp nhận chữ "biệt đãi".

BXQ. "Biệt đãi" ở chỗ làm dân tị nạn, có trí nhớ và còn giữ những kỷ niệm thời thơ ấu.

TAH. Tôi đã gặp trường hợp những người nông dân quê ở miền Bắc, họ xúc động vì phim nhưng ở một khía cạnh đơn giản hơn nhiều.

BXQ. Nếu đấy là những nông dân ở Việt-Nam...

TAH. Thì nó sẽ là một chuyện khác.

Diễn tả tâm hồn một dân tộc qua nhịp điệu một cuốn phim

TAH. Ngay từ đầu, khi tôi có ý học điện ảnh, tôi đã biết là Việt-Nam thiếu vắng cái quang cảnh sinh hoạt điện ảnh. Nhà đạo diễn đứng một mình, hay dù là hai, ba mình đi chăng nữa thì cũng hoàn toàn không đủ.

Đấy là một tình trạng tôi không thích chút nào. Tôi muốn nói là tôi nhận thấy khi tôi thực hiện cuốn phim ấy thì những sự đòi hỏi từ tứ phía đã đổ đến tôi. Với người Pháp tôi cảm thấy có áp lực, với cả người Việt ở Pháp nữa. Tôi nghiệm thấy họ mong muốn một cái gì mà tôi không thể đáp ứng. Tôi ước ao có nhiều đạo diễn Việt khác để làm việc ấy

thay tôi, tại vì cái khung cảnh mà tôi diễn tả trong phim là một tâm cảnh, là một cái gì đã được trí tuệ chắt lọc. Tôi diễn tả cái mà tôi có thể nắm bắt được ở nhân loại. Tôi không thực hiện một cuốn phim du lịch. Nó thiếu cái nhìn đa dạng về nước Việt-Nam.

BXQ. Anh không phải là một Cimino.

TAH. Tại sao? Cimino hiện hữu ở—nói thế nào nhỉ—ở tất cả phim Mỹ. Ông ta quay phim loại Cimino nhưng không phải là một người đã quay mọi khía cạnh nước Mỹ. Không đúng.

BXQ. Tôi chỉ muốn nói đến sự nhậy cảm, cách lựa chọn chủ đề.

TAH. Không. Tôi không thấy tôi gần Cimino. Tuy rằng tôi rất thích ông ta. Điều mà tôi thấy tuyệt là bất cứ một người Mỹ nào quay phim, phim trinh thám chẳng hạn, người ta có thể thảo luận rất lâu về phim trinh thám Mỹ, so sánh cuốn phim mới với những phim được thực hiện vào những năm 60, vạch ra những cái mới lạ người đạo diễn khai phóng, những quy luật ông ta tôn trọng hay vứt bỏ so với những năm 70. Với một phim Việt thì không thể thảo luận kiểu ấy được tại vì người Việt chúng ta không có cái may mắn có một thành tích sinh hoạt điện ảnh. Mọi người phải hiểu là tôi không thể cung ứng cho họ đủ mặt phim Việt-Nam. Tôi chỉ làm cái gì mà tôi có thể làm. Có rất nhiều nhà phê bình nói đến phim tôi và tôi nhận thấy rõ ràng họ muốn tôi làm một cuốn phim khác hẳn. Điều quan trọng đối với tôi là cho thấy cái nhân tính của dân tộc Việt. Tất cả những cái người ta đã quay về Việt-Nam chỉ toàn là chiến tranh. Điều này che lấp mất khía cạnh kia của Việt-Nam. Vì thế tôi muốn quay một cuốn phim rất đơn giản, hoàn toàn hướng vào đời sống hàng ngày, cho người ta thấy một phụ nữ đang bận rộn làm việc và từ cái công việc ấy toát ra thi vị của cuộc đời. Tôi muốn tạo ra một nhịp điệu—nói thế nào đây—dành riêng cho tâm hồn. Tôi muốn diễn tả tâm hồn một dân tộc qua nhịp điệu cuốn phim.

Thế nghĩa là điều này có thể xảy ra trên nhiều bình diện. Thí dụ ở bình diện quyến rũ. Trong phim tôi cho thấy song song hai loại quyến rũ. Loại quyến rũ kiểu Tây phương, rất chủ động, trong đó có một cuộc đọ sức trong mối quan hệ nam nữ, hoặc người đàn bà, hoặc người đàn ông làm chủ động, khiêu khích. Đó là một cái gì đã được dẫn đến chỗ tận cùng trong phim Mỹ vì cái tính hiếu động, nét đặc thù của sự quyến rũ Tây phương, rất thích hợp với phim Mỹ. Lối quyến rũ của mình khác hẳn. Người ta đi lướt qua bên nhau, lẩn tránh nhau, tìm cớ gặp gỡ nhau nhưng không bao giờ đối chọi nhau. Lần lần họ thấm nhuần tính khí nhau, họ trở nên cần thiết cho nhau. Tôi cần phải tìm ra một thứ ngôn ngữ điện ảnh để diễn tả tình trạng này mà không bao giờ đề cập thẳng đến nó, cũng không bàn tán dông dài đến loại quyến rũ này. Đáng lẽ tôi phải thực hiện một cuốn phim về sự thấm nhuần, tức là tôi muốn có một sự trao đổi giữa người thưởng ngoạn và màn ảnh. Vì thế, tôi không ngạc nhiên khi một vài người nói với tôi rằng cô gái Âu hoá ấy lạc lõng ở trong phim, không hợp chỗ, cô ta lố lăng. Không phải thế đâu. Tôi vẫn tuân theo những quy luật của phim Tây. Vậy mà cô ta lại lố lăng bởi vì khán giả đã bị cái nhịp điệu Á đông của hình thức phim lôi cuốn. Thành ra vì sự đối chọi ấy mà thoạt kỳ chúng ta thấy cô gái Âu hoá ấy chướng mắt.

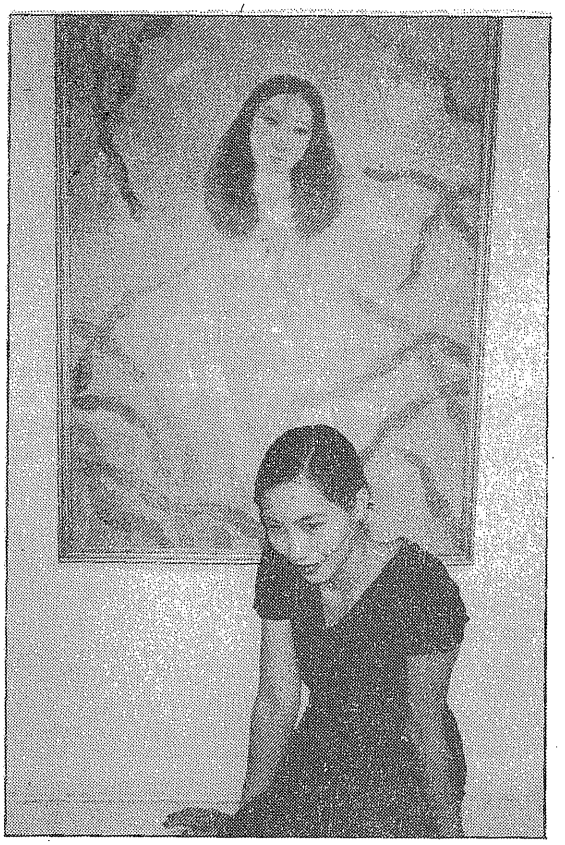

Trần Nữ Yên Khê, vai nữ chính (phần sau) của cuốn phim.
(Ảnh Trần Đại Lộc, chụp tại tòa báo *Thế Kỷ 21*)

BXQ. Mặc dầu anh đã theo cô ta ra khỏi nhà. Khi cô thấy mình bị hất hủi.

TAH. Đúng.

BXQ. Máy thâu ảnh không ở trong nhà, nó theo sát cô khi cô khóc.

TAH. Vâng.

BXQ. Vào lúc ấy anh tỏ ra công bằng hơn đối với cô ta.

TAH. Lúc nào tôi cũng công bằng đối với cô. Vấn đề là nếu người đàn ông trong phim lựa chọn cô gái Âu hoá ấy thì cuốn phim phải rút ngắn lại và nó hơi ngây ngô. Nó cũng có nghĩa là chính tôi nói rằng nên du nhập cái mẫu phụ nữ Tây phương ấy, một phụ nữ hiếu động, biết rõ tranh đấu nữ quyền là cái gì. Mà

tôi thì lại không tin ở nó. Cái mà tự nó có một sức quyến rũ mạnh, là tất cả cái gì chống lại cổ truyền. Bằng cách đối chọi, người ta có thể tạo ra một không khí khêu gợi nhục cảm. Tôi để anh ta chọn người phụ nữ kia, câu chuyện và chủ đề trở nên phức tạp hơn và vì thế hấp dẫn hơn.

Ngoài cái chủ đề về thân phận nô bộc của người phụ nữ, tôi cũng đề cập đến những đề phụ nhưng không để các nhân vật nói ra miệng. Thí dụ vấn đề dục tình đã được luyện rất công phu. Cũng như tôi bàn đến đề tài nô bộc ở trên hai bình diện khác nhau. Thứ nhất về phương diện hoàn toàn vật chất, tôi phải cho thấy những cái cụ thể trong đời sống thường nhật, trong công việc làm. Đồng thời tôi cũng muốn đưa ra khía cạnh tinh thần trong đời sống của một người đàn bà, khi làm việc cũng như khi biểu lộ sự dịu dàng chấp nhận vai trò nô bộc. Nếu không thì người đàn bà ấy chỉ là một con vật, không có nhân cách.

Tôi đã bàn luận nhiều với mẹ tôi và mẹ tôi khiến tôi rất bối rối ở điểm này. Tôi nhận thấy mẹ tôi vẫn giữ nguyên vẻ dịu dàng, tươi mát khi bà nấu ăn. Trông mẹ tôi rắc rau thơm vào nồi canh thật là đẹp mắt. Tôi không thể không tin trong thâm tâm mẹ tôi không thấu hiểu và kính trọng vai trò của mình trong gia đình và nói rộng ra, trong xã hội. Giống như khi tôi tiếp chuyện những phụ nữ cũng dịu dàng như thế, tôi thấy họ có một cái gì rất cao cả mà chính họ cũng nhận ra. Nói nào đây, như thể là chỉ với sự hiện hữu, các bà đã truyền cái nhân cách dịu dàng cho các con. Đấy, tôi cho là tôi được thừa hưởng ở mẹ tôi rất nhiều về mặt này.

Nó khiến tôi dựng ra một cuốn phim như thế. Trong phim tôi chỉ đưa ra những nét chính của mọi hành động, đặc biệt chú trọng đến từng động tác để cho thấy cái tính cách nghi lễ trong công việc và hai yếu tố này, thực tế và cách điệu hoá, bổ sung cho nhau.

Tôi không biết cuốn phim sẽ ra sao trước khi quay nó. Nó là một cái gì dễ gây xúc động. Thói thường người ta chỉ chuyên chú vào một mặt.

Thi tứ

Trái tim để xúc động và mơ mộng

... Trần Anh Hùng không dùng những tiết điệu bi thương hay ảo não. Đúng như anh đã thổ lộ "tôi cần một cái gì tươi mát." Anh cần sự đổi mới, như mở rộng một cánh cửa của căn nhà tù hãm để đón lấy sinh khí thay vì rêu mốc, tàn tạ bên trong. Những buổi sáng trong Mùi Đu Đủ Xanh đầy tiếng chim hót bên thềm bếp. Nước rửa mặt trong chậu đựng đầy sương sớm. Thế giới xung quanh rạo rực những điều hứa hẹn trong mắt cô bé Mùi.

Anh để cô làm gia nhân cho một chàng nhạc sĩ con nhà giàu, đẹp trai, độc thân. Bạn tôi cùng xem phim bên cạnh tôi, kêu ầm lên "Cái này không được, vô lý quá! Có bố mẹ nào lại để con trai của mình ở với một cô giúp việc như thế!" Quả thật bạn tôi cũng có một cậu con trai trạc tuổi nhân vật nhạc sĩ trong phim và lúc nào bạn tôi cũng đi những bước vững chắc trên mặt đất. Vì vậy, bạn tôi thiếu một chút tưởng tượng để chấp nhận giấc mơ nhân hậu của nhà đạo diễn trẻ tuổi muốn làm thăng hoa đời sống và tình người. Những nhà chính trị làm cách mạng sắt máu, người nghệ sĩ làm cách mạng lãng mạn không cần sự hợp lý. Họ chỉ có trái tim để xúc động và mơ mộng.

Quả đu đủ bị bứt ra khỏi cuống, dòng nhựa ứa xuống tài lá xanh, rờn rợn cqái khoái cảm nhục thể một thanh xuân thầm kín bỗng nhiên phô bày, tỏ lộ. Tôi yêu những bóng người di chuyển thấp thoáng sau cái dàn cây, bên một bờ dậu lờ mờ sáng, gợi nhắc những đêm trăng trên các khu vườn quê hương. Tôi yêu cái phong cách diễn tả ý nhị của các nhân vật trong phim, họ không nói nhiều, họ để cho người đối diện và người xem những khoảng yên lặng để cảm nhận.

BÙI BÍCH HÀ

(Trích từ bài Đi Xem Mùi Đu Đủ Xanh, nhật báo Người Việt ngày 6 tháng 2, 1994)

BXQ. Văn thơ Việt có ảnh hưởng gì đến anh không?

TAH. Rất ít. Tôi không hiểu gì nhiều về thơ, tôi biết rất ít bài thơ, dù là thơ Việt hay thơ Pháp. Tôi chỉ thích văn xuôi. Cái chất thơ mà tôi tìm ra trong phim là một thi vị rất cụ thể, từ đời sống hàng ngày toát ra. Tôi có lần nói chuyện với một nhà phê bình. Chúng tôi nói về cây đu đủ. Cây đu đủ ít khi được văn chương Việt đề cập đến vì nó không thuộc loại cây quý. Đu đủ là một thứ nửa quả, nửa rau. Tôi nhấn mạnh rằng cái chất thơ mà tôi tìm kiếm nó rất trần tục, rất liên hệ đến đất cát, đến những vật cụ thể trong đời sống chứ không phải loại thơ ca tụng một thác nước từ trên núi đổ xuống hay là những đám mây, hoặc một cái gì tương tự. Đó là cả một thế giới thơ mà tôi gạt bỏ. Trong phim, tôi quay những bàn chân. Tôi biết trong văn thơ người ta không nói đến chân người, nhưng với tôi thì cái chân nói lên nhiều điều lắm. Đôi chân một bà mẹ nói lên tất cả những sự đau khổ bà trải qua trong cuộc đời.

BXQ. Đáng lẽ vẽ một cô gái trẻ đẹp với suối tóc dài mướt, Van Gogh đã vẽ một cái ghế, một cái giường.

TAH. Đấy, đúng thế. Ông ta còn vẽ cả những đôi giày nữa.

BXQ. Có một sự cắt đứt với nền văn hoá cổ truyền Việt-Nam phải chăng vì anh sang Pháp rất sớm?

TAH. Vâng, nhưng phải nói cắt đứt và cũng là không cắt đứt. Cái khía cạnh nhịp nhàng của phim, cái khía cạnh hoàn toàn thuộc về tình cảm toát ra ở phim, tôi cho là nó rất Việt.

BXQ. Sống lưu vong cũng là một sự cắt đứt, cắt đứt cũng có thể làm cho ta thêm phong phú, khi ta đi xa, ta mới thấy nhớ nhà.

Tự do nó nằm trong đầu chúng ta

BXQ. Với tư cách một nhà điện ảnh Việt, anh thấy quay phim ở ngoại quốc là một sự gò bó lớn hay là tự do ?

TAH. Tự do nó nằm trong đầu chúng ta. Còn nói về gò bó thì nên nhớ là hễ đã quay phim, bất cứ một loại phim nào, tất phải chịu những sự gò bó. Về phim Mùi Đu Đủ Xanh sự gò bó có thể đến từ khung cảnh cũng như từ con người. Riêng về phần tôi, tôi không thấy đó là một sự gò bó. Hai cuốn phim ngắn của tôi đều được quay trong phim trường. Về cuốn phim dài, khi tôi còn chọn lựa phong cảnh tại Việt-Nam, tôi đã định dựng bối cảnh tại Việt-Nam.

Với tôi, điện ảnh là một cách miêu tả thế giới. Tôi chỉ cần nói rõ tôi muốn loại diễn xuất nào với những người hợp tác là đâu vào đấy. Thế thì cái mà tôi đòi hỏi ở các cộng tác viên của tôi là làm sao diễn tả được cái tinh thần của phim. Quay một phim ở Việt-Nam nghĩa là thế nào? Là quay với những phương tiện ở Việt-Nam? Hay là quay với những phương tiện ở Pháp? Tất cả mọi công việc tranh đấu, miệt mài, tất cả đều diễn ra ở Pháp. Tại vì Pháp ứng tiền ra để thực hiện phim. Dĩ nhiên, tôi là người Việt, phản ứng đầu tiên của tôi về một chủ đề Việt-Nam là phải quay nó ở Việt-Nam. Đấy là điều tôi nghĩ lúc đầu với Mùi Đu Đủ Xanh, tôi không làm được vì nhiều duyên cớ.

Sơn Nam

BXQ. Anh đã về Việt-Nam kiếm tài liệu, anh về với ai? với Christophe Rossignon hay với ông giám đốc hình ảnh?

TAH. Với đủ mặt bá quan. Tất cả những người có trách nhiệm đều đã đi Việt-Nam để chụp ảnh, thu thập mọi cảm giác, không khí, để có một khái niệm giúp tạo dựng lại ở đây.

BXQ. Thế còn những cuộc tiếp xúc của anh ở Việt-Nam, với Sơn Nam chẳng hạn?

TAH. Sơn Nam là người rất dễ thương. Chúng tôi cùng nhau thảo luận rất nhiều. Điều làm tôi lạ nhất là cách ông ta nói chuyện với tôi có nhiều ẩn ý. Ông sử dụng một ngôn từ rất tế nhị. Ông không coi tôi là một người mất gốc, như một đứa cần phải học hỏi lại nhiều điều. Ông đọc xong truyện phim của tôi và liền tìm gặp tôi để cảm ơn tôi đã làm một cái gì trung thực đối với một thanh niên đã sống lâu ở ngoại quốc. Đó là một hành động thật dễ thương.

BXQ. Anh biết những tác phẩm của ông chứ?

TAH. Không, tôi chưa hề đọc ông.

BXQ. Sơn Nam đã làm cố vấn cho Jean-Jacques Annaud để quay phim Tình Nhân.

TAH. Vâng.

BXQ. Cuốn phim của anh tổn phí hết bao nhiêu?

TAH. Hai mươi triệu.

BXQ. Đó là một chi phí khổng lồ cho một cuốn phim đầu tay.

TAH. Không đúng. Nó chỉ trên mức trung bình một chút. Đối với thời buổi bây giờ, nó không nhiều lắm đâu. Dĩ nhiên Christophe Rossignon bảo tôi số tiền này rất lớn.

BXQ. Tôi thì tôi cho là nhiều. Những người như Pialat khó lòng mà có nổi một ngân quỹ như thế.

TAH. Tôi không biết. Những phim như Toxic Affair với nữ diễn viên Adjani tốn tới 50 triệu.

BXQ. Adjani lĩnh 10 triệu, tức là nhiều hơn Yên Khê một tí.

TAH. Vâng.

Diễn xuất và phù hợp

BXQ. Trở lại phim Mùi Đu Đủ Xanh, tôi không muốn nhấn mạnh tới phần diễn xuất.

TAH. Vì sao? Các diễn viên không đóng ra hồn hay sao? Có phải có những chỗ họ không diễn tả được cái mà tôi muốn?

BXQ. Nếu họ là những tài tử giỏi, họ sẽ phô diễn tình cảm của các nhân vật một cách hay hơn nữa.

TAH. Tôi không đồng ý với anh.

BXQ. Phần đóng góp của một diễn viên đôi khi rất lớn trong một cuốn phim, chẳng khác một người đánh đàn giỏi có thể đem thêm lại cái gì cho một bản nhạc.

TAH. Người ta có thể nói như thế ngay cả với những người chuyên nghiệp.

BXQ. Vâng, nhưng cũng có những người chuyên nghiệp mà vẫn dở. Tôi muốn nói rằng cuốn phim này có thể hoàn hảo hơn (về mặt diễn xuất).

TAH. Điều quan trọng là cách diễn xuất phải phù hợp với chuyện phim, với phong cách cuốn phim. Có những người trong nghề đã đến khen với tôi là diễn viên giỏi, ít tác động mà biểu lộ được nhiều. Điều Bresson đòi hỏi ở các diễn viên không giống như Claude Miller đòi hỏi. Tôi thích Bresson hơn Miller.

BXQ. Công chúng đã hưởng ứng với anh, cả rạp đã cười khi anh chàng nhạc sĩ thu hồi lại cái nhẫn đính hôn. Và cậu bé Tín nổi đình đám lắm.

TAH. Cậu bé ở ngoài còn linh lợi, sáng láng gấp mấy vai trò cậu đóng. Nếu anh thấy cậu ta nổi bật lên thì không phải vì tài diễn xuất mà là cái hoàn cảnh của vai trò cậu đóng.

BXQ. Tôi nói là nói vai trò.

TAH. Nó liên quan đến cốt truyện hơn.

BXQ. Thế là anh đã điều khiển rất chặt chẽ.

TAH. Kể cũng đúng.

BXQ. Các diễn viên không có quyền ứng biến?

TAH. Không. Người nào cũng biết mình phải làm gì. Nhưng không một ai biết tại sao mình phải làm như thế, vào lúc ấy. Tôi

HUẾ.
KHÔNG HUẾ.
KHÔNG THỂ KHÔNG ĐỌC

HUẾ BUỒN CHI
Thơ
Hoàng Xuân Sơn

Để nhìn chút ngậm ngùi thân thương dĩ vãng

Giá 15 MK kể cả cước phí

Liên lạc:
Hoàng Xuân Sơn
38, 14e rue
Roxboro, Quebec H8Y 1M6
CANADA

Tel: (514) 685-0116

điều khiển họ một cách trừu tượng. Tôi đòi hỏi, còn họ thì đề nghị, rồi tôi đồng ý hay không đồng ý. Chúng tôi tập dượt ít lắm. Trong hai tháng mấy đứa trẻ chỉ tập cho quen với ống kính, tập đi đứng cho đúng chỗ, tập ngồi. Những lần tập dượt thực sự chính là lúc quay phim. Chúng tôi tập ít vì các diễn viên chỉ hay trong bốn lần quay đầu, quá nữa là hỏng, có thể họ sẽ lại hay sau lần quay thứ bốn mươi nhưng tôi không bao giờ quay đến lần thứ bốn mươi.

Tôn Thất Tiết, một cuộc gặp gỡ thực sự

BXQ. Thế còn sự cộng tác với Tôn Thất Tiết ra sao? Anh Tiết đã soạn một nhạc điệu đặc biệt cho cuốn phim?

TAH. Đúng thế. Quả là một cuộc gặp gỡ thực sự giữa chúng tôi. Tôi đưa truyện phim cho anh Tiết đọc và anh nhận lời viết nhạc. Tôi kể cho anh nghe về cuốn phim tôi dự tính quay, về cái nhân loại tôi muốn diễn tả, tôi nói tôi muốn tạo dựng một cuốn phim nhuần nhuyễn, một cuốn phim có nhịp điệu dìu dịu, không sôi nổi, chói lói. Tôi khám phá ra nhạc của anh Tiết khi phim nối ráp đã gần xong. Nhạc của anh Tôn Thất Tiết hoàn toàn thích hợp với tinh thần cuốn phim.

BXQ. Thế còn những cố vấn như Lê Hữu Khóa và Đinh Trọng Hiếu?

TAH. Anh Lê Hữu Khóa khuyên tôi về mặt quảng cáo phim với người Việt, anh Đinh Trọng Hiếu giúp tôi ý kiến về cây cối ở Việt-Nam.

BXQ. Trong một bài phê bình Mùi Đu Đủ Xanh mà tôi vừa viết cho báo Le Médecin du Viêt-Nam (Y sĩ Việt-Nam), tôi so sánh phim của anh với phim Lola của Jacques Demy. Lola là một nhạc kịch, tôi có cảm tưởng Mùi Đu Đủ Xanh cũng là một phim nhạc với rất nhiều chỗ yên lặng.

TAH. Phải rồi. Khi tôi cho đọc truyện phim ở Đại hội Angers là chỗ người ta đọc những truyện phim đầu tay sẽ được thực hiện, còn gọi là Premier Plan, những người có mặt ở đó hỏi tôi dự tính quay ra sao, tôi trả lời là quay như một nhạc kịch thì một vài người cười vì họ không tin. Nhưng quả nhạc là một yếu tố quan trọng của phim. Anh nhận xét rất đúng.

BXQ. Tôi kết thúc bài với một câu mà người chủ biên tờ báo không mấy hài lòng là "Dĩ nhiên, Trần Anh Hùng chưa nắm vững được tất cả mọi mặt, nhưng những cái anh nắm vững kể cũng đã khá nhiều". Anh nghĩ sao?

TAH. Thế là phải. Tôi không cho tôi đã nắm vững được nghệ thuật phức tạp của điện ảnh ngay từ cuốn phim đầu.

BXQ. Phim của anh đã được rất nhiều người hoan nghênh, riêng tuần lễ đầu có tới 22 000 người đi xem ở Paris. Nó vượt xa nhiều phim khác của Pháp; đặc biệt là vượt phim Toxic Affair với Isabelle Adjani đã được quảng cáo rầm rộ. Cuốn phim sau của anh về mặt tài chính chắc sẽ không gặp khó khăn gì nhiều.

TAH. Vâng, tôi đã ký hợp đồng cuốn thứ nhì với nhà sản xuất, phần tiền chính ông ta khắc phải lo liệu.

BXQ. Về phía Việt-Nam, hẳn bây giờ không còn vấn đề gì nữa, anh đã nổi tiếng rồi.

TAH. Tôi không biết. Chúng tôi định đi Việt-Nam tháng Chín để trình chiếu cuốn phim ở cả ba miền.

BXQ. Chủ đề cuốn phim thứ nhì của anh là gì ?

TAH. Tôi cho tên là "Cyclo". Đây là chuyện một thanh niên mười tám tuổi làm nghề đạp cyclo, đã va chạm với những thực trạng kinh tế và xã hội ở Việt-Nam.

BXQ. Anh không thể cho biết gì thêm nữa?

TAH. Hiện giờ thì không thể được. ■

Bùi Xuân Quang:
"Deux heures avec Trần Anh Hùng," tạp chí Le Médecin du Vietnam, N. 10, septembre-octobre 1993.

TẢN MẠN VĂN HỌC HIỆN ĐẠI TRUNG QUỐC:

CHU TÁC NHÂN và UỐNG TRÀ

THANG MA

LỜI GIỚI THIỆU: Trời vào đông. Gió lạnh từ Tây Bá Lợi Á thổi về mang theo những cơn tuyết phủ ngập Đông Bắc Trung Quốc. Đầu tháng mười hai, tôi về lại nhà đoàn tụ vợ con sau một chuyến công tác mệt mỏi gần ba tháng miền Giang Nam. Trút đi cái ẩm thấp của xứ "ngư mễ chi hương" (quê của luá gạo và cá), tôi co người trong cái khí hậu buốt giá buổi sáng tuyết sương. Thức dậy thật sớm, cả nhà hãy còn ngủ. Tôi quờ quạng đốt lò sưởi. Tháng trước gia đình mua mấy trăm kí than đá để sưởi ấm mùa đông. Than đá là nguồn chất đốt chính ở Trung Quốc. Than mang nghiền nát, trộn với đất bùn và nước, đóng thành từng bánh để khô, chất sau vườn xài dần. Than đá cháy rất mạnh, tỏa nhiệt gấp mấy lần than củi nên dùng ở nhà phải trộn thêm bùn. Lúc đốt đổ thêm nước cho than ướt cháy chậm. Mọi người đều làm vậy. Mùa đông mà đến miền bắc Trung Quốc, không quen ngửi một mùi khen khét rất lạ. Mùi khói than đá. Cháy xong than biến thành đá vụn. Trước cửa nhà tuyết đóng băng thì mang ra rải, đi khỏi trượt. Đốt lò sưởi, rửa mặt xong, quàng cái khăn lông của thằng nhóc con, đượm chút mùi nước đái chú bé! Lách cách pha ly cà phê nóng hổi. Vào bàn viết, bên cạnh giường vợ con còn cuộn tròn ngủ. Nhè nhẹ mở cuốn sách vợ mua tặng hôm trước: 20 Thế Kỷ Trung Quốc Mỹ Văn Tập. Sách tuyển chọn những bài tản văn xuất sắc nhất của văn học Trung Quốc thế kỷ 20. Điều đặc biệt là gồm toàn tản văn viết trước khi cộng sản chiếm Hoa lục 1949. Non độ 150 bài. Thật mỉa mai! Suốt 44 năm của nền "văn học hiện thực XHCH", chỉ có độ dăm ba bài. Ban biên tập cô đọng tuyển văn trong vòng 30 năm trước 1949. Những đoạn văn độc đáo này chỉ mới tái xuất hiện ở Hoa lục vài ba năm nay. Trước bị liệt vào hạng văn chương đồi trụy, phản động, ngăn cấm. Vợ tôi không mê văn chương, với nàng văn học là thứ mơ màng xa xôi, không thực tế. Lời của nàng: nó... nó... "trừu tượng" quá. Nhưng nàng vẫn thường báo tôi biết các sách văn học mới ra lò và thỉnh thoảng mua về tôi đọc. Vợ tôi chỉ mê dăm ba tạp chí điện ảnh mấy chuyện đời tư tài tử Hồng Kông, và tờ Điện Thị Báo để biết cốt truyện phim tuồng TV. Tôi mở đại lựa một bài mà đọc: "Uống Trà" của Chu Tác Nhân, một tay cự phách của làng tản văn hiện đại Trung Quốc.

Tản văn là văn xuôi gọi chung các thể truyện ký, bút ký, tùy bút... Trong văn học cổ điển Trung Quốc, gọi tản văn để phân biệt với "vận văn" và "biền văn". Viết không theo quy luật nào, không cần thâm cứu, cốt chỉ để diễn tả tâm tình. Thường không dài lắm, hai ba trang là nhiều. Các tác phẩm nổi danh văn học cổ điển Trung Quốc thường bao gồm nhiều bài văn ngắn ngắn hơn là một tập tràng giang đại hải theo kiểu văn học tây phương. Tuy họ cũng có những tác phẩm đồ sộ. Truyền thống này ăn sâu vào lòng dân tộc Trung Hoa. Vì thế nên người Tàu thường thành công với các tác phẩm văn học nghệ thuật ngắn gọn, đơn giản về mặt hình thức. Thử nhìn qua Đường thi, những bài nổi tiếng chỉ bốn hoặc tám câu, dài lắm như "Tỳ Bà Hành" cũng chẳng hơn vài chục dòng. Tranh họa thì điểm sơ vài nét thủy mặc, bông mai vài chấm phá, lá trúc phác dăm cái... Không câu nệ chi tiết như phương tây. Đại khái là được, nhưng phải xuất thần. Ngay như "Ah Q Chính Truyện" của văn hào Lỗ Tấn, nổi tiếng như thế, ngồi vừa ăn đậu phụng nhấn nha mà đọc thì chỉ độ hơn tiếng đồng hồ là hết. Lần trước tôi có dịch "Khổng Ất Kỷ" của Lỗ Tấn, truyện ngắn này từng gây sào sáo một thời ở Tàu, đăng Thế Kỷ 21 in cũng không hết hai mặt giấy. Do đó, tiêu chuẩn của một bài tản văn hay là phải ngắn, không rườm rà, lời tự cảm xúc trong lòng mà ra. Dứt mà ý vị vẫn còn man mác nơi hồn người đọc. Việt Nam ta, theo tôi, có hai nhà văn khá sở trường về tùy bút: Nguyễn Tuân ngoài bắc và Võ Phiến trong nam. Nhưng cả hai ông đều viết hơi dài nên chẳng biết có nên gọi là "tản văn" theo cái nhìn của người Tàu không. Tôi có dịp đọc qua tập bút ký "Nhà Đòi" của Quang Dũng miền bắc, nghĩ là tác giả "Đôi Mắt Người Sơn Tây" với máu thi sĩ sẽ viết ngắn chút, nhưng mỗi bài cũng hơi dài. Có lẽ người Việt ta không chịu viết quá ngắn. Vì thế, ngoài cái nghĩa văn xuôi, "tản văn" còn là một văn thể trong văn học hiện đại Trung Quốc, rất được yêu thích. Có lẽ trên thế giới chưa một dân tộc nào ưa chuộng tản văn đến mức độ như người Tàu.

Chu Tác Nhân (1885-1967) là em ruột của Lỗ Tấn (Chu Thụ Nhân). Nhỏ hơn Lỗ Tấn bốn tuổi. Quê tỉnh Triết Giang, làng Thiệu Hưng, nơi sản xuất nhiều văn nhân anh tài. Thiệu Hưng nay không còn là một làng nhỏ mà là một thị trấn khá sầm uất, nhiều kinh rạch chằng chịt y như miền hậu giang Việt Nam, cách Hàng Châu độ hai tiếng xe đò. Chu Tác Nhân được nhiều người biết tiếng về tài tản văn và dịch thuật. Hầu như ông viết về mọi thứ, cảm tình phong phú: đêm thu tiếng dế kêu làm ông mơ màng, giọt sương cọng cỏ buổi sớm mai khiến lòng nhẹ nhàng, ăn tô cháo nóng cạnh cửa sổ một chiều mưa lâm râm mà nhớ bạn

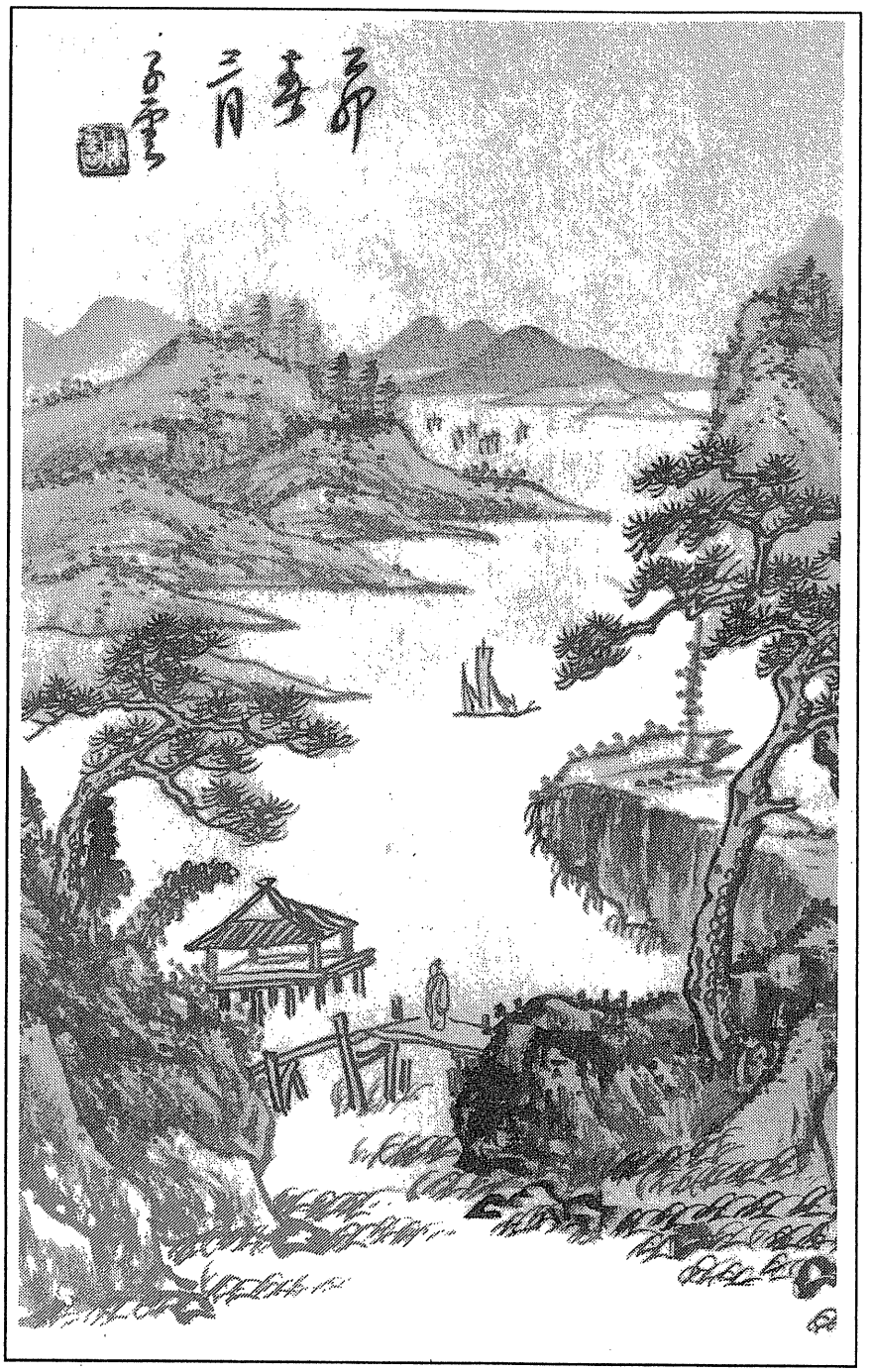

học cũ, nhìn cóc nhảy trong đồng mà bồi hồi thời niên thiếu, buổi tối chèo ghe đi xem hát tuồng, nhìn bác nông phu già đánh xe bò trên đường làng quê v.v... đều được ông diễn tả một cách độc đáo chỉ trong một hai trang giấy. Văn hay gọn, nhẹ nhàng u nhã, ý man mác xa xôi, phong cách riêng biệt. Phê theo kiểu Tàu thì văn Chu Tác Nhân "bình hòa xung đạm","u nhã đạm viễn", "độc cụ phong cách". Tạo ảnh hưởng rộng lớn trong nền tản văn hiện đại Trung Quốc. So với Lỗ Tấn ông hơn hẳn về mặt hình thức. Văn Lỗ Tấn mạt sát, mỉa mai, châm chọc với những tư tưởng cách mạng đập phá, thích hợp tình trạng xã hội chính trị đương thời hỗn loạn của Trung Quốc (1917-1936). Văn Chu Tác Nhân đọc thời nào cũng thích. Vì thế ngày nay ở Hoa lục, sách Chu Tác Nhân in lại rất được hoan nghênh, còn của Lỗ Tấn chẳng ai buồn để ý, được coi như giáo khoa thư, chỉ có nhà nước cổ động.

Năm 1903, Chu Tác Nhân rời quê lên Nam Kinh theo học trường Thủy Sư Giang Nam. Sau ba năm ông qua Nhật Bản du học. Thời đó nhiều học sinh Tàu sang Nhật du học gây thành một phong trào. Lỗ Tấn cũng từ Nhật Bản về. Giới sĩ phu Trung Quốc dùng đất Nhật phát động tư tưởng canh tân, gây cả ảnh hưởng sang Việt Nam với phong trào đông du. Cách mạng Tân Hợi 1911, Chu Tác Nhân hồi hương làm nhà giáo ở quê Thiệu Hưng. Khoảng 1919 thì ông đã là giáo sư Đại Học Bắc Kinh. Lúc này ông cho ra đời tác phẩm "Văn Học Con Người" (Nhân Đích Văn Học), đề xướng nhân đạo và dân chủ chủ nghĩa, gây tiếng vang trên văn đàn bấy giờ. Ông đứng ra thành lập hội nghiên cứu văn học. Từ đó cả cuộc đời viết văn, viết tạp chí, đủ mọi thể tài: thơ, truyện, tạp văn, tham luận, nghiên cứu.... Thôi đủ cả. Chu Tác Nhân và Lâm Ngữ Đường tạo ra một phe phái văn chương gọi nhóm "Luận Ngữ" mà hai ông là đại biểu chính. Năm 1938, ông làm viện trưởng Đại Học Bắc Bình (tức Bắc Kinh). Lúc này, Nhật Bản xâm chiếm Trung Quốc, toàn quốc kháng chiến. Nhưng ông lại có tư tưởng thân Nhật. Thế giới đại chiến thứ nhì chấm dứt, ông bị chính phủ Trung Hoa Dân Quốc bắt giam tù năm 1945, tội Hán gian, cho đến khi Mao Trạch Đông chiếm Hoa lục. Đó là một vết nhơ trong cuộc đời ông. Chính vì việc này ông bị vệ binh đỏ hành hạ cho đến chết một cách thê thảm năm 1967, thời Cách Mạng Văn Hóa. Trong nhiều năm văn ông bị cấm. Hiện nay tên tuổi của Chu Tác Nhân đã được phục hồi đầy đủ, chẳng ai muốn nhắc tới chuyện Hán gian năm nào. Nhà xuất bản văn học nhân dân Bắc Kinh đang

chuẩn bị in Chu Tác Nhân Toàn Tập, và tập truyện về cuộc đời ông đã ra mắt độc giả (Chu Tác Nhân Truyện). Các tập tản văn của ông được xuất bản tứ tung trên toàn quốc. Cũng như các tác gia nổi tiếng trước 1949, văn chương của họ không có tác quyền, đều là "tài sản chung" của đám con buôn chữ nghĩa. Chẳng biết ở Việt Nam ta hiện nay ai hưởng tiền tác quyền của Tự Lực Văn Đoàn?

Sau đây tôi xin dịch một bài tản văn của Chu Tác Nhân. Qua đoạn văn sau ta thấy được phần nào tinh thần thân Nhật của ông.

UỐNG TRÀ

Trước đây tại Trung Học Bình Dân, Từ Chí Ma (1) tiên sinh có giảng về "Uống Trà" - không phải là đề tài "Uống Nói Trà" của Hồ Thích Chi (2) tiên sinh - tôi không có rảnh đi nghe, cũng lấy làm tiếc chưa được đọc qua bản thảo công phu kỹ lưỡng của ông, nhưng tôi đoán ông nói về "Trà Đạo" của Nhật Bản (tiếng Anh dịch là Teaism), và còn nghĩ nhất định ông nói rất hay. Ý nghĩa của trà đạo, dùng ngôn ngữ bình thường mà nói, có thể cho là "mang lí du nhàn, khổ trung tác lạc" (chút nhàn khi bận, làm vui khi khổ), hưởng tí hài hòa đẹp đẽ của thế giới vô toàn ngày nay, trong khoảnh khắc sát na (3) mà thể hội vĩnh cửu, đó là thứ nghệ thuật đại biểu của nền "văn hóa tượng trưng" Nhật Bản. Về chuyện này, Từ tiên sinh nhất định đã thuyết giảng một cách thấu triệt và tuyệt diệu, bất tất phải lắm lời. Điều mà tôi muốn nói ở đây, chỉ là quan điểm dùng trà rất bình thường của riêng cá nhân tôi mà thôi.

Uống trà phải dùng trà xanh mới chính tông, trà đen chẳng có ý vị gì, đừng nói đến việc bỏ thêm đường - hoặc sữa bò? Cuốn "Thảo Đường Tùy Bút" (nguyên tác Private Papers of Henry Ryecroft) của ông Cát Tân (George Gissing) được coi là một cuốn sách rất thú vị, trong quyển chót có đề cập việc uống trà, cho rằng các gia đình người Anh buổi chiều uống trà đen ăn bánh mì bơ là lạc thú thích nhất trong ngày. Đông phương ẩm trà đã hơn ngàn năm, vị tất thưởng thức nổi một phần ngàn cái lạc thú bổ ích này, nhưng tôi không hẳn nghĩ như vậy. Trà đen mang "mùi đất" không phải là không dùng được, nhưng chỉ uống khi ăn cơm lúc bụng đói mà thôi; cái mà tôi gọi uống trà, tức là uống trà không, không pha thêm gì, để thưởng thức màu sắc và hương vị của nó, ý vị đâu chỉ ở chỗ uống, tất nhiên lại càng không phải cốt cho đầy bụng. Trung Quốc ngày xưa người ta dùng qua tiên trà và mạt trà (4), còn ngày nay đều pha bằng nước sôi. Trong cuốn "Trà Chi Thư" (Book of Tea) của Cang Thương Giác Tam (5) gọi trà không một cách tuyệt diệu là "trà chủ nghĩa tự nhiên", vì thế mà chúng tôi hợp nhau ở chỗ tự nhiên diệu kỳ này. Người Trung Quốc khi vào quán trà uống liên miên hết chén này đến chén nọ cả nửa ngày, dáng dấp cứ như mới từ sa mạc về, rất hợp cái ý nghĩa uống trà của tôi (nghe nói ở Quảng Châu, Phúc Kiến gọi họ là bọn uống trà công phu (6), thật hợp lý), điều đáng tiếc gần đây bị tây phương hóa, mất đi cái ý nghĩa ban đầu, kết quả thành thói uống trà của phường quán cơm, chỉ ở nhà quê người ta còn giữ được chút ít tập tục cổ, duy chỉ có điều nhà cửa trà cụ vạn phần thô sơ giản lậu, thôi thì cứ cho là có ý nghĩa uống trà đi, nhưng không thể đạt tới cái đạo uống trà được.

Uống trà dưới một mái nhà ngói cạnh cửa sổ giấy, trà xanh nước suối, dùng trà cụ đồ gốm giản nhã, cùng hai ba người đồng ẩm, được nửa ngày nhàn, có thể xem là mười năm mộng trần. Uống xong ai về nhà nấy, tiếp tục theo đuổi công việc của mình, bất luận vì danh vì lợi, cứ thế là được, nhưng thỉnh thoảng rảnh rỗi gặp nhau đôi chút cũng thật cần thiết. Người Trung Quốc uống trà thường hay cắn hạt dưa, tôi cảm thấy không thích hợp lắm; đồ ăn có thể dùng khi uống trà phải là những món "trà thực" thanh đạm. "Trà thực" của Trung Quốc biến thành thứ hỗn tạp chẳng khác gì quà vặt cho trẻ em, không thích hợp khi dùng trà. Các món điểm tâm Nhật Bản tuy cũng là thực phẩm đậu gạo, nhưng màu sắc hình thức thanh nhã, mùi vị tinh khiết, thật hợp với tư cách uống trà, như các món "dương canh" (theo sự tra khảo của Thượng Điền Cung Phổ, cho rằng những món này do bánh làm bằng gan dê đời nhà Đường mà ra), có hương vị rất đặc thù. Mấy quán trà ở Giang Nam có một loại "can ty" (sợi khô), dùng đậu phụ khô cắt thành sợi nhỏ, cho ít gừng cắt sợi và xì dầu, thêm nước súp đem hâm nóng, đổ trên mặt ít dầu mè, rồi bưng ra cho khách, chủ quán biết làm thì thật kiếm lời. Trong đậu phụ khô có một thứ gọi "trà can" (khô trà), nay cũng làm thành sợi, rất thích hợp với trà. Tôi khi ở Nam Kinh cũng thường ăn qua món này, nghe nói do một vị phương trượng ở chùa nào đó chế ra lần đầu, rồi lại quên đi, người nhớ được là một vị thí chủ ở căn lầu trên bờ sông dưới cửa quan. Thường thường khi mang "can ty" ra, bọn học sinh có thói quen không ăn ngay, đợi cho đến lúc chế thêm dầu mè, nước sôi đổ thêm lần nữa mới chịu bắt đầu cầm đũa. Một khi đã động đũa thì ăn sạch, thêm tiếp tô nữa, không thì giờ tán chuyện, chế thêm dầu mè hai ba lần, thoáng cái là xong. Khách quán nhìn bọn chúng ăn mà tiêu tán cả ý trà, bực mình ra mặt, lắc đầu bỏ đi.

Quê tôi ở Xương An Môn, ngoài thành có một địa phương gọi Cầu Ba Chân (thực sự không phải có ba chân, mà là cầu rẽ hình chữ Y), nơi đó có một tiệm làm đậu phụ tên Chu Đức Hòa, chế khô trà rất nổi tiếng, những miếng đậu phụ tầm thường vuông cỡ vài đốt ngón tay, dày khoảng ba phân, gía hai văn tiền, Chu Đức Hòa cũng bán với gía ấy, nhưng nhỏ và mỏng, chỉ độ phân nửa, đen thui chắc nịch như phiến gỗ mun. Nhà tôi cách Cầu Ba Chân đi bộ khoảng hai giờ đồng hồ, ít có dịp mua nên thường ăn đậu phụ rán thôi. Mỗi ngày có người gánh đậu phụ nóng dọc vỉa hè bán, lời rao rằng:

Lạt tương lạt,
Ma dầu tạc,
Hồng tương sát, lạt tương tháp;
Chu Đức Hòa cách ngũ hương dầu tạc đậu phụ can.

Dịch nghĩa:

Ớt tương ớt,
Chiên dầu mè,
Sát tương đỏ, chà tương ớt;
Đậu phụ khô chiên dầu ngũ

hương kiểu Chu Đức Hòa.

Cách chế như lời rao, cắm vào đầu que tre, mỗi que ba văn tiền. Miếng đậu phụ khô to nhỏ cỡ miếng Chu Đức Hòa, nhưng ăn mềm xèo, chỉ liệt vào loại đồ ăn thường, nhưng nhờ cách nấu nên cũng được coi là miếng đậu phụ ngon, tuy nhiên không thể là một trong các món "trà thực" - Đậu phụ thật là một loại thực phẩm tuyệt hảo, có thể biến chế ra nhiều món, duy ở phương tây vẫn chưa thưởng thức nổi, xem thường như trà.

Nhật Bản có người dùng trà vo gạo nấu cơm, gọi "trà tử" (ngâm trà), ăn với dưa muối và "trạch am" (tức củ cải Phúc Kiến, do Pháp Sư Trạch Am truyền sang Nhật), thật thanh đạm và phong vị thơm ngọt. Người Trung Quốc không phải không ăn như vậy, nhưng do nguyên nhân khác, nếu không nghèo khổ thì là tiết kiệm, ít chịu tìm ra cái ý vị trong bữa cơm đạm trà lạt, tôi nghĩ thật đáng tiếc.

CHÚ THÍCH MẠN ĐÀM : (1)&(2) Từ Chí Ma (1896-1931) một cây bút nổi tiếng về thơ và tản văn trong văn học hiện đại Trung Quốc. Hồ Thích Chi (1891-1962), còn gọi Hồ Thích, là thi sĩ, văn nhân, và nhà văn học sử trứ danh. Tên tuổi của hai ông hầu như người Tàu nào cũng biết đến. Sau 1949, tác phẩm hai ông bị xem phản động, mãi tới 1988 mới được hoàn toàn phục hồi ở Hoa Lục.

(3) sát na: một ý niệm thời gian cực ngắn.

(4) Cách pha trà hiện nay trên khắp thế giới thường dùng nước sôi pha với lá trà trong ấm. Trung Quốc cổ đại có hai lối pha trà nguyên thủy: tiên trà và mạt trà. Tiên trà là bỏ lá trà vào ấm nước rồi đem đun thật lâu, nhưng không để cho sôi. Giống như cách nấu thuốc bắc của đông y (gọi tiên dược). Chữ Hán "tiên" có nghĩa nấu với nước, hoặc chiên dầu như tiên ngư (chiên cá). "Mạt" nghĩa là nát như bột, đem lá trà đánh nát hay xay nhuyễn gần như bột rồi đem pha với nước sôi mà uống, vì thế có tên mạt trà. Mạt trà hiện nay chỉ còn xuất hiện trong Trà Đạo của Nhật, cách pha từ Trung Quốc mà ra.

(5) Mười năm trước ở Mỹ tôi có đọc qua cuốn "The Book of Tea" của tác giả Nhật Kakuzo Okakura, nhà xuất bản Dover. Cang Thương Giác Tam có lẽ là ông này. Đa số tên của người Việt, Tàu, Đại Hàn thường dùng ba chữ, nhưng người Nhật thì tới bốn chữ (tính theo âm chữ Hán). Không biết có ai còn nhớ trước 1975 ở Sài Gòn mấy phim quyền cước xuất hiện một tài tử Nhật rất ăn khách Sương Điền Bảo Chiêu? Người Việt ta tỵ nạn ở Nhật, nếu được phép nhập tịch, có lẽ nên thêm tên để được dân bản xứ hoan nghênh, như Nguyễn văn Tư thành Nguyễn văn Tư Lang chẳng hạn. Ấy, bạn đừng cười. Hồi ở Mỹ tôi đã gặp và làm việc chung với một kỹ sư Nhật gốc Việt, sinh viên du học trước 75, từ Tokyo đến. Tên Bản Điền Trung Nguyên, tên thật Nguyễn văn Điền. Một trường hợp rất hiếm.

(6) Tiếng Tàu "công phu" có nghĩa là rảnh rỗi. Ở đây tác giả ngụ ý nói bóng uống "công phu trà" là ngồi rảnh rang uống trà tán ngẫu cả ngày. Thực ra, "công phu trà" là một cách thưởng trà đặc biệt của dân miền nam nước Tàu. Cách pha chế bắt đầu từ đời nhà Đường. Dùng ấm chén bé xíu (ấm quả quít, chén hạt mít). Nước sôi để sẵn trên bàn. Trà bỏ ấm độ bảy phần mười, dùng nước sôi pha thật lẹ nước đầu bỏ đi, gọi rửa trà. Chén ấm đều ngâm nước nóng. Nước uống đầu thật đắng, qua nước thứ hai hoặc ba, cảm thấy ngon ngọt. Ít khi uống một mình. Có bạn tâm đầu ý hợp, hoặc cùng bậc trưởng thượng thưởng thức. Người chủ trì phải hầu trà. Sách viết về trà của người Việt chỉ có cuốn "Trà Kinh" của ông Vũ Thế Ngọc ở Bắc Cali, in năm 86, 87 gì đó, viết có nghiên cứu, hợp cho ai muốn biết thêm về trà.

Bạn đọc chắc ngạc nhiên trong bài "Uống Trà" Chu Tác Nhân nhắc đến đậu phụ khô, nó có liên quan gì đến trà? Một số món ăn ở Tàu dùng trà như một thứ gia vị. Trong các món ăn bình dân có món "trứng trà" (trà dan) và đậu phụ trà (một loại đậu phụ khô). Trứng và đậu phụ kho với trà thật lâu đến khi ngả màu nâu đậm. Giống như người Việt kho trứng với thịt. Thường mấy món này dùng ăn sáng, vì có chất trà nên cảm thấy tỉnh táo. Lúc đầu tôi không thích lắm, nhưng ăn riết cũng quen.

Tôi uống trà từ tấm bé. Cứ mỗi sáng sớm, nhất là khi trời cao nguyên đổ sương, ông nội tôi thức dậy tự đun nước pha trà. Khi tôi mở mắt thì hương trà đã bốc. Hai ông cháu ngồi lặng lẽ nhâm nhi. Cụ thường bảo sáng sớm lạnh uống hớp trà nóng ấm cổ, thông đàm, khỏi bị ho lại tốt phổi. Cụ mất năm tôi mười hai tuổi, không còn dịp cho tôi "thưởng trà" sáng sớm. Giống một số người Á Đông, tôi có tật tu vòi ấm trà chứ ít khi chịu chế ra chén ly hẳn hòi mà uống. Lớn lên tôi không ghiền trà mà lại ghiền cà phê. Đến nay, ở miền bắc Trung Quốc trong khi mọi người dùng trà, thì tay tôi móc ly cà phê. Một thứ "xa xỉ tây phương"! Gía cà phê mắc gấp hai chục lần gía trà, chưa kể thêm cream, đường. Pha chế hơi lỉnh kỉnh. Điều này không có nghĩa tôi không uống trà. Trà tôi thường uống sau bữa cơm thịt cá, hoặc khi có khách cần phải thù tiếp. Cà phê mới chính là người bạn cô độc của tôi. Nhưng ở đây tôi lại muốn kể vài mẩu chuyện có dính tí trà. Dầu sao trong mỗi người đông phương không ít thì nhiều đều có chất trà.

Thỉnh thoảng tôi đi công tác xa nhà. Mỗi lần như vậy thường dùng xe lửa hoặc tàu thủy, phương tiện giao thông chính yếu ở Tàu. Giống như mọi người, trong túi sách tay tôi bỏ một gói trà thơm, một cái ly to bằng sắt bộ đội. Trên tàu thủy, xe lửa nước sôi cung cấp tự do. Thế là mọi người tự bỏ lá trà của riêng mình vào ly pha ra mà uống giết thì giờ, nhẩn nha cắn hạt dưa. Cái ly mang theo phải thật bự, vừa dùng uống trà, ăn mì gói, lẫn đánh răng rửa mặt. Đó là tính thực dụng của người Trung Quốc khi du hành xa nhà, rẻ tiền lại giản tiện. Du khách ngoại quốc, nhất là Hoa kiều và người Nhật cảm thấy kỳ quái, thô tục, mất đi cái nhã thú của trà. Tôi cho rằng uống trà trên xe lửa chỉ để giải khát, giết thì giờ cần gì phải nhã. Nó có khác gì uống coke.

Tục uống trà của hai miền nam bắc nước Tàu không giống nhau. Người miền bắc không dùng ấm, mà chỉ dùng ly cối để pha, xong thì xốt qua vài ly nhỏ cho khách, trông thô lậu. Miền nam đại khái như dân Việt, kiểu cách hơn, ấm chén đa dạng, cách pha chế nghiên cứu kỹ hơn. Nhưng không cầu kỳ quá đáng như Trà Đạo của Nhật. Có lẽ cách uống trà của người Quảng

Đông, Phúc Kiến gần gũi người Việt nhất. Vào mấy quán trà ở Tàu, mỗi vùng một kiểu nhưng tựu trung đều bỏ trà vào chén có nắp, hầu trà xách ấm nước sôi đi qua đổ vào. Uống thì dùng nắp gạt lá trà qua một bên. Đấy là cách uống "chính thống" của Hoa Lục. Ngay cả ở Trung Nam Hải, khi tiếp quốc khách chính phủ Trung Quốc cũng pha trà như thế. Uống vơi nửa lại châm nước sôi, cạn độ hai nước là xong. Nước không được sôi quá. Giới ghiền trà cho rằng khoảng 85-90 độ C là thích hợp cho mọi loại trà. Nhưng có ai uống trà mà lại mang theo cái thermometer. Nước sau khi sôi thì mở nắp, độ dăm phút sau pha là được. Quán trà ở Tô Châu thường kiêm luôn bán mì, rượu và đồ nhắm. Nằm cạnh bờ lạch nước hay bên bờ kinh. Xưa trông thơ mộng chứ nay thì hôi hám dơ dáy kinh khủng. Nước đen ngòm, nổi lềnh bềnh đầy rác. Thế mà quán lúc nào cũng đông. Quán trà ở Thành Đô, tỉnh Tứ Xuyên, thường có hát bội, hát chèo Tàu giúp vui. Mục thường xuyên là kể chuyện đời xưa. Người kể nhớ rành truyện Tam Quốc, Thủy Hử, Đông Chu Liệt Quốc...đứng trên bục, tay cầm quạt, làm bộ làm tịch coi vui mất. Đấy là loại quán trà điển hình truyền thống. Vi Tiểu Bảo trong Lộc Đỉnh Ký lúc rảnh rang thường la cà quán trà nghe kể truyện, nếu người kể hay thì được thưởng tiền (người Tàu đại lục thích nghe kể truyện, TV radio lúc nào cũng có. Họ gọi là "bình thư". Một hình thức giúp vui văn nghệ rẻ tiền nhất. Đài Radio Bắc Kinh giờ tiếng Việt có mục kể truyện Tam Quốc, tôi nghe một hai lần, kể dở quá!). Ở Quảng Châu, quán trà có vẻ business nhất, phục vụ theo kiểu "dim sum" (điểm tâm). Nói chung thì nơi nào cũng tiếng húp xì xụp, chén bát khua chạm loạn cào cào. Ồn ào nhức óc. Ở đấy người ta bàn đủ thứ chuyện, thượng vàng hạ cám, kể cả văn chương thi ca. Quán nào cũng phải có chỗ cho khách treo lồng chim. Vừa nhâm nhi vừa ngắm chim chóc nhảy nhót hót ca. Có lần tôi đến Thượng Hải thăm một người bạn vong niên làm giáo sư cổ văn đại học Đồng Tế, đã về hưu, lớn hơn tôi gần ba mươi tuổi. Nhà ông nuôi vài lồng chim. Con nào cũng đẹp. Sáng sớm hai chúng tôi ra công viên tập thể dục, xách theo hai lồng. Ông chỉ tôi múa ít thái cực quyền (taichiquan). Ông đánh thái cực quyền đã trên 50 năm nên dáng quyền cực kỳ ổn trọng. Xong thì đi uống trà ăn sáng. Tôi cầm lồng chim mà ngượng. Nhưng vị giáo sư già muốn tôi "thưởng thức" kỳ được cái thú bình dân sáng sớm này.

Vài năm trước tôi đến Hàng Châu thuyết trình tại đại học Triết Giang, không xa bờ Hồ Tây nổi tiếng là bao. Thì giờ còn lại ngắm cảnh đã chán, tôi bàn với anh bạn cán bộ hành chánh làm ít giấy tờ công tác ma, lấy chiếc jeep cùng ít phiếu đổ xăng đi chơi núi Hoàng Sơn (Huangshan). Tính đường chim bay cách Hàng Châu chỉ non giờ đồng hồ, nhưng lái xe khoảng tám tiếng vì đường đèo ngoằn ngoèo, lại rất xấu. Phong cảnh hai bên đường cực kỳ mỹ lệ với những rừng thông và lồ ô, một loại tre lớn. Triết Giang nổi tiếng non xanh nước biếc. Đồi trà liên tiếp kề những ngôi làng nho nhỏ. Trà Triết Giang có tiếng. Khí hậu ở đồi trà chợt nắng, chợt mưa, chợt đổ sương, rất ẩm thấp. Không quen dễ sinh bịnh. Ghé một ngôi làng nhỏ xem dân hái trà, mua ít trà tươi. Hoàng Sơn nơi du lịch, khách ngoại quốc đông. Không biết mua dễ bị lừa. Một gói trà tươi rao 80 đồng, làm gân trả giá xuống còn 5 đồng cũng bán! Mở ra toàn lá trà vụn. Quanh vùng Hoàng Sơn có thị trấn Đồn Khê, nơi đó hầu như nông dân nào cũng tự trồng ít trà mà dùng. Họ trồng trà lẫn những bụi ớt. Cứ khoảng tháng năm tháng sáu xuất hiện một loại dế, to dài hơn ngón tay giữa một người bình thường, trông rất hung, ăn cả lá trà lẫn ớt, đặc biệt ăn ớt càng cay gáy càng dữ dội. Dân miền bắc Trung Quốc rất thích nuôi. Hè đến, đàn bà ở nhà trông trà. Thanh niên trai trẻ túa ra đi bắt loại dế này. Sẵn tre họ đan lồng dế, lớn hơn nắm tay một chút, thật công phu. Mỗi lồng một con. Họ mang cả ngàn con dế lên xe lửa đi miền bắc. Hai đồng một con. Hè năm trước tôi mua bốn con, cho ăn ớt, đêm gáy vang trời. Trong đời chưa bao giờ gặp loại dế nào lợi hại đến thế.

Cũng thời gian ở Hàng Châu, tôi quen một nhân vật kỳ dị Nhật, anh Sato. Sato là họa sĩ chuyên vẽ theo lối cổ truyền Nhật. Sang Tàu nghiên cứu thêm hội họa truyền thống Trung Quốc (người Nhật nói chung rất kính trọng văn hóa Trung Quốc). Sato ngụ ở Học Viện Mỹ Thuật Triết Giang, ngay bờ Hồ Tây. Vì Triết Giang là quê hương trà, Sato muốn vẽ mười bức "Lục Vũ thưởng trà" (Lục Vũ tác giả "Trà Kinh", tổ sư nghệ thuật thưởng trà Trung Quốc). Viện Mỹ Thuật Triết Giang rất nổi tiếng nên có khá nhiều sinh viên ngoại quốc đến học, học phí cao khoảng 6000 đô la một niên học. Đa số đến từ Mỹ, Nhật, Âu Châu. Nhiều họa sĩ quốc tế cũng đến nghiên cứu hội họa Tàu. Sato kéo tôi đi Vô Tích bằng ghe thuyền dọc theo "Kinh-Hàng Đại Vận Hà" (Con kinh đào cổ nhất thế giới, đào cách nay hơn hai ngàn năm cuối đời Xuân Thu, chạy từ Bắc Kinh đến Hàng Châu nên gọi Kinh-Hàng. Đường giao thông kinh tế chính ngày xưa). Kinh bề ngang chỉ vừa ba chiếc ghe song song, giống con rạch miền nam Việt Nam. Hai bên bờ với những cánh đồng lúa, làng mạc, ao cá. Phong cảnh gợi tôi nhớ Nam Việt biết bao. Sato chỉ muốn ngồi ghe thưởng trà từ Hàng Châu đến Tô Châu và Vô Tích (Tô Châu - Vô Tích cách nhau khoảng tiếng đồng hồ) như Lục Vũ đã từng ngồi. Đi hai ngày ghe. Đêm muỗi cắn quá trời. Ở Vô Tích chúng tôi đến một địa điểm cạnh bờ Thái Hồ, nơi có một khe nước mà Lục Vũ pha trà cho là ngon đứng hàng thứ ba (Lục Vũ liệt kê năm nơi). Khe nước đó nay đã cạn, và địa điểm biến thành di tích lịch sử kỷ niệm Lục Vũ. Hai đứa tôi tới thăm một ngôi chùa cổ nay thành công viên. Sato mang theo bình nước nóng, ít trà cùng cái ấm nắm, hai cái chén con cỡ hơn ngón tay cái. Tục truyền vua Càn Long thường ngồi thuyền theo rạch đào Kinh-Hàng đến chùa thăm một vị phương trượng nổi tiếng cao cờ. Chùa có cái bàn tròn bằng đá, to cỡ bàn tròn ăn cơm gia đình, và bốn cái ghế cũng bằng đá. Hai người tại đó đánh cờ thưởng trà, hễ thua thì phải hầu trà (Càn Long rất ghiền trà, và đạt tới nghệ thuật thưởng thức rất cao). Ván cờ nào Càn Long cũng thắng. Lúc đầu ông rất vui vì hạ được tay cao thủ.

Sau vài ván, nhà vua có ý ngờ nên cố tình đánh thấp mong thua. Nhưng rốt cuộc nhà vua vẫn thắng. Càn Long biết hòa thượng cố ý nhường, cảm thấy buồn vì hòa thượng không đánh hết mình, không làm Càn Long thi thố hết khả năng. Ngài tự động rót trà hầu vị phương trượng. Tiện tay Càn Long viết luôn hai chữ "Uất Bàn", cái bàn nơi mình cảm thấy uất ức, cũng có nghĩa bàn cờ làm vua bực dọc. Cái bàn đá nay vẫn còn. Nhẫn thín. Chỉ tiếc thời Mao Trạch Đông cách mạng văn hóa, bị vệ binh đỏ đập phá sứt mẻ. Sato đòi tới ngồi đó uống trà cho kỳ được, vừa uống vừa thắc mắc cái ghế nào Càn Long hoặc hoà thượng đã ngồi qua. Về lại Hàng Châu xem Sato vẽ. Một lần Sato hét lớn đuổi tôi ra khỏi phòng chỉ vì tay tôi cầm ly cà phê đứng cạnh xem anh họa, "Vẽ trà mà ly cà phê của ông sực mùi thì vẽ trà thế nào cho ra hồn được!" Tôi không giận cái tính ngông đó.

Tôi có một nghiên cứu sinh (graduate student), đã trên ba mươi, tên Lan Chí Minh, quê ở một thị trấn nhỏ tỉnh Giang Tây miền nam. Làm thầy giáo trung học mười năm, chán cảnh quê nhà, lên miền bắc học thêm. Học lực rất kém, thi nhập trường bốn năm liên tiếp không đậu. Đến năm thứ năm lại thi rớt. Giáo sư chủ nhiệm thấy tội nghiệp, bèn đến tìm tôi hỏi ý kiến. Tôi đề nghị cho đậu vớt. Ngày nhập trường, Chí Minh dắt cả vợ con đến cảm tạ, biếu tôi gói trà đựng trong bọc ni lông cùng năm sáu lớp giấy báo bao bọc, và ít thịt vịt khô. Tôi đã ăn qua nhiều loại thịt khô, nhưng vịt khô thì đó là lần đầu. Trà có mùi rất lạ, như có lá chanh, lá cam, cả mùi quế... Chí Minh lớn tuổi, chậm chạp, quê mùa, nên bạn đồng học thường chọc diễu. Mỗi lần thế, anh hoảng hốt lắm như tự mình vấp phải lỗi lầm gì đó không biết. Biết tôi ưa uống cà phê, Chí Minh thường đến nhà xin mấy lọ cà phê không. Tôi cho anh cả chục cái. Nghĩ để uống trà, vì ở Hoa Lục người ta thường dùng lọ uống trà, chứ ly chén để tiếp khách. Ngay cả chủ tịch nhà nước Giang Trạch Dân cũng dùng lọ uống trà khi tiếp cán bộ địa phương, trông ra vẻ "bình dân vô sản". Điều oái oăm là cái lọ phải là lọ đựng cà phê, vì lọ cà phê phẩm chất cao. Sau này tôi mới biết nhà Chí Minh trồng trà. Anh dùng mấy lọ thủy tinh tôi cho để ướp trà hương. Mỗi lọ một kiểu. Gia đình đã mấy đời chuyên nghề trà. Chỉ cần ngửi, nếm hoặc nghe trà sóc sách trong lọ thủy tinh là có thể đoán là loại trà nào. Lan Chí Minh nếu theo đại học nông nghiệp có lẽ thành công hơn là ngôn ngữ học. Bây giờ anh không còn khù khờ nữa và thỉnh thoảng cũng ma lanh lắm. Luận án tốt nghiệp của anh tôi phải năn nỉ mới xin đủ chữ ký giáo sư cho lãnh bằng. Nhiều lúc nghĩ học hành không nên tội nghiệp.

Một số tỉnh quê ở Trung Quốc nông dân sau khi uống trà ăn luôn cả bã. Mao Trạch Đông có tật này khi ở Diên An. Sau khi chiếm Hoa Lục và ngụ tại Bắc Kinh, đôi khi Mao cũng ăn bã trà để nhắc nhở nhân dân cái "nguồn gốc nông dân nghèo hèn" của mình. Thật ra Mao xuất thân gia đình phú nông, khá giàu có. Ở đây tôi nhớ một chuyện ăn bã trà mà thân bại danh liệt. Đó là nguyên soái Bành Đức Hoài của bộ đội Trung Quốc. Tướng Bành Đức Hoài từng là tư lệnh kiêm chính ủy quân đội Tàu trong cuộc chiến Triều Tiên, và là bộ trưởng quốc phòng thập niên 50. Năm 1959, Mao Trạch Đông triệu tập hội nghị Lô Sơn (núi Lô, thắng cảnh tỉnh Giang Tây, mùa hè khí hậu rất mát mẻ nên cán bộ nhà nước thích họp hành ở đấy, luôn tiện nghỉ hè. Phía nam thị xã Cửu Giang nơi có bến Tầm Dương mà Bạch Cư Dị nhắc tới trong "Tỳ Bà Hành" "Tầm Dương giang đầu dạ tống khách"). Mục đích tổng kết các thành quả, rút tỉa kinh nghiệm chính sách "nhân dân công xã" và "bước tiến nhảy vọt" (đại vượt tiến) mà Mao đề xướng năm trước đó để mong bắt kịp Liên Sô. Hai chính sách "nổi hứng" này đã làm kinh tế Trung Quốc kiệt quệ, nông dân thờ ơ canh tác. Cán bộ toàn quốc báo cáo láo làm vui lòng Mao. Duy chỉ có tướng Bành Đức Hoài thấy được sự thất bại. Cán bộ cao cấp địa phương đến hội nghị Lô Sơn thay phiên nhau phát biểu ca tụng thành quả. Bành tướng quân không nỡ làm Mao mất mặt trước hội nghị nên buổi tối cùng bí thư soạn một lá thư dài mười ngàn chữ chỉ để riêng cho Mao Trạch Đông đọc, vạch trần chính sách thất bại sai lầm, yêu cầu để cho nông dân tự do canh tác, đừng ép vào công xã... Đêm đã quá canh ba, hai thầy trò ngồi uống trà đậm cặm cụi viết, vì sáng sớm phải trình Mao cho kịp đúc kết. Bí thư muốn đánh thức nhà bếp nấu cái gì ăn khỏi đói. Bành tướng quân gạt đi, tự đổ bã trà vào miệng ăn sạch. Mao đọc xong, phê Bành Đức Hoài tiêu cực, muốn trở lại con đường tư bản. Cho in thư của họ Bành truyền phát toàn hội nghị để phê bình. Bành tướng quân nổi giận vào phòng họp ngồi ghế sau chót để ra về trước tránh mặt Mao. Mao Trạch Đông họp xong vội đi lẹ theo sau gọi lớn: "Này lão Bành, bất đồng ý kiến cùng nhau thảo luận, không sao cả." Bành tướng quân đứng từ xa xua tay lớn tiếng "Không có gì để thảo luận" lên xe bỏ đi tuốt. Mao giận thái độ Bành Đức Hoài, bẽ bàng trước mặt các cán bộ trung ương. Đêm đó Mao không ngủ được, ra ngoài đi dạo, lính hầu theo cạnh. Bất chợt nói với người lính hầu "Chú có biết lão Bành tên thật là gì không? Lão tên thật Bành Đắc Hoa. Hừm! Đắc Hoa! Lão muốn đoạt nước Trung Hoa ấy mà!" Số là hôm đó kết thúc hội nghị, quá giận Mao ra lệnh họp thêm ngày nữa định tội, lột hết quyền bính của Bành Đức Hoài. Thân bại danh liệt chỉ trong phút chốc không ai ngờ. Mao Trạch Đông như Tần Thủy Hoàng. Kể ra Bành Đức Hoài cũng có phần lỗi vì thái độ sấng với cấp trên. Sự thật chuyện này không đơn giản như thế, nó khá phức tạp và rất quan trọng trong lịch sử đương đại Trung Quốc, gọi là "sự kiện hội nghị Lô Sơn", nó có liên quan tới một vở kịch châm ngòi cuộc "cách mạng văn hóa" khủng khiếp 1966-1976 (văn hóa đại cách mạng). Cái này có dịp sẽ hầu bạn đọc riêng. Ở Hoa Lục có câu đối "Đại Vượt Tiến dục tốc tắc bất đạt, Bành Đức Hoài trực ngôn bị bãi quan". Lịch sử đương đại Trung Quốc có khác gì sử đời nhà Minh, nhà Thanh?

Lang bang kể vài chuyện có dính tí trà thế là đủ. Hẹn lần tới. Tái kiến. ■

NGU NHƯ LỢN

CAO XUÂN HUY

Lý lịch của Mạnh *chuột* đọc được trên tờ trích ngang:

- Họ và tên: Nguyễn Đức Mạnh
- Cấp chức sau cùng: Y sĩ Đại úy, Đại đội phó Quân Y
- Đơn vị sau cùng: Sư đoàn Nhẩy Dù

Mạnh *chuột* không loắt choắt như cái biệt danh "chuột" mà anh em cùng trại đã đặt, mà Mạnh *chuột* to lớn, vẻ to lớn của một võ sĩ hạng trung đã đấu nhiều trận trên võ đài. Không to lớn thì sức mấy mà đi được lính Nhẩy Dù.

Mồm miệng Mạnh *chuột* cũng không chu ra như cái biệt danh lạ lùng, giống những đồng nghiệp "lương y" đang làm cán bộ, mà phải công nhận một cách "lô gích" là Mạnh *chuột* đẹp trai. Không đẹp trai, sáng sủa sức mấy mà học giỏi. Bác sĩ mà. Đã là bác sĩ thì tự động là phải đẹp trai. Không tin, cứ hỏi các cô thì biết. Cái khoản học giỏi, anh em trong trại không ai thắc mắc, vì ở đây, chỉ cần sức khỏe mà không cần học thức. Nhưng... cán bộ đồng nghiệp thắc mắc.

Một hôm, không hiểu vì hay phát biểu linh tinh, hay vì cái vẻ ngoại hình làm ngứa mắt cán bộ đồng nghiệp trong ban y tế trại, Mạnh *chuột* bị gọi lên chất vấn để bổ túc thêm cho bản lý lịch.

"Anh học đến đâu?"

" Bác sĩ. "

"Chúng tôi biết anh là bác sĩ rồi, nhưng anh học đến đâu?"

"Bác sĩ."

"Này, tôi không đùa đấy nhé. Anh là bác sĩ thì chúng tôi biết rồi, nhưng anh học đến lớp mấy."

Mạnh *chuột* ngớ ra. Cán bộ y tế vừa để khoe và cũng vừa để giải thích thật cặn kẽ cho tên bác sĩ Ngụy ngu dốt này hiểu câu hỏi:

"Tôi biết anh là bác sĩ rồi, nhưng anh học đến lớp mấy. Như tôi cũng là bác sĩ, và tôi vừa học bổ túc xong lớp sáu."

Cái sức học của Mạnh *chuột* vẫn còn là một nghi vấn.

Đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu.

Riêng cái khoản con nhà giàu thì không biết, không ai biết ngoại trừ chính Mạnh *chuột*. Có lắm kẻ con nhà nghèo vẫn được thăm nuôi soành soạch, và cũng có lắm kẻ con nhà giàu, bỗng dưng trở thành "con bà phước". Mạnh *chuột* thuộc loại "con bà phước" trong trại nên cũng khó mà nói Mạnh *chuột* là con nhà nghèo hay con nhà giàu. Từ ngày trình diện đến giờ, chuyển qua bao nhiêu trại, có bao giờ Mạnh *chuột* được thăm nuôi đâu.

Tóm lại. Đẹp trai thì đúng rồi. Học giỏi, còn đang nghi ngờ. Con nhà giàu, không ai biết. Nhưng, đẹp trai, học giỏi, con nhà giàu chẳng để làm gì cả. Tất cả chẳng nói lên một tí cái gì cả, chẳng nhờ thế mà được thêm tí sắn, tí khoai nào cả. Nguyễn Đức Mạnh chỉ là một anh Y sĩ Đại úy Nhẩy Dù bị phạt đang cong đít ra đào giếng, hết.

Chỉ có một tí đặc biệt về cái biệt danh "chuột". Để "cải thiện linh tinh" cho cái bụng, để có một chút protéin cho cái thân hình vạm vỡ lúc nào cũng thiếu "chất tươi" này, Mạnh *chuột* chuyển khả năng từ một anh chuyên viên chữa người sang một anh chuyên viên chăn nuôi.

Một hôm Mạnh *chuột* vớ được một ổ chuột con, sau khi "sơi tái" vài con, Mạnh *chuột* đã "đầu tư", để lại một đực một cái. Mạnh *chuột* đào một cái hố, có rào ngăn cẩn thận, nuôi cặp chuột "bàn cổ" này để làm "kinh tế". Một thời gian không lâu, nhờ trời, bàn cổ sinh "thái tổ", thái tổ sinh "thái tông", thái tông sinh thái... ôi thôi, không biết đến tam tứ ngũ lục đại con cháu họ hàng nhà chuột. Cái hố không đủ sức chứa, Mạnh *chuột* bèn phát triển nghề nghiệp, phải nới rộng thêm hố mới đủ chỗ chứa cho nguồn cung cấp chất thịt này. Bạn bè đồng trại, nếu ai không sợ "thịt" đều được hưởng nhờ. Mà thực ra thì cũng chẳng ai sợ. Từ đó, Mạnh *chuột* được anh em "thân thương" đặt cho chữ "chuột" đằng sau cái tên đẹp đẽ, rất đàn ông, Mạnh.

Nhưng, đôi lúc, soi mặt vào vũng nước, Mạnh *chuột* cũng có cảm giác là hai má hơi hóp lại, miệng hình như có dài ra, nhòn nhọn, hai môi có vẻ như cũng lúc nào cũng đang giựt giựt.

Tuy vậy, Mạnh *chuột* vẫn thường hãnh diện khoe với bạn cùng trại về sự tiến bộ, thức thời của mình:

"Ngày trước 75 người ta đầu tư chất xám. Bây giờ người ta không cần chất xám, mà chỉ cần "chất tươi". Tao phải đầu tư chất tươi chứ."

Ngoại trừ chuyện chăn nuôi, tiêu thụ và phân phối cho anh em cùng đội những con chuột còn đỏ hỏn để làm chất tươi, Mạnh *chuột* chẳng có gì đặc biệt. Mạnh *chuột* sống lẫn vào đám đông thầm lặng, đúng như lời cán bộ vẫn mắng là "nín thở qua sông". Giản dị một điều, Mạnh *chuột* biết mình là thằng hay bốc đồng, ưa đốp chát, không chui vào đám thầm lặng này thì, một sớm một chiều, chẳng lẽ lại chuyển võ nghiệp vừa bị mất cùng miền Nam sang thành "khẩu nghiệp".

Mạnh *chuột* đã có lần tạo được

một cái cớ để giữ sự im lặng. Một "ông" công an cán bộ tuổi cũng khoảng trên dưới mười tám, đứng khoa chân múa tay dạy dỗ cho đám "trại viên", "thằng" trẻ nhất cũng gần ba mươi, "thằng" già thì đâu đó năm, sáu mươi tuổi về cách giáo dục, nuôi dạy con cái trong nhà. Mạnh *chuột* điên lên được, nhưng, cũng may, Mạnh *chuột* tự tìm ra một lý do *Chính mình cũng chưa vợ con, thì làm sao gây với "ông" cán bộ này được*.

Vậy mà, cái khẩu nghiệp đâu có tha cho Mạnh *chuột*, đã gọi là "nghiệp" thì làm sao mà thoát. *Đã mang lấy "nghiệp" vào thân* mà.

Hôm bác Tôn Đức Thắng chết, cả nước để tang, ai oán, sầu não trùm lên mọi cảnh vật, lên mọi người, nhất là các cán bộ. Vậy mà Mạnh *chuột* lại dám cười. Sau một ngày lao động cật lực "dâng lên bác" để tỏ lòng thương tiếc, để "biến đau thương thành hành động", Mạnh *chuột* đã mặt mũi hớn hở cười cười đố bạn:

"Tao đố chúng mày biết tại sao Tôn Đức Thắng chết?"

"Thì tại già..."

"Thì tại bệnh..."

"Già gì, bệnh gì."

Mạnh *chuột* đảo mắt nhìn quanh, điều chỉnh âm thanh chỉ vừa đủ cho đám bạn tù đứng quanh nghe, nhại giọng Nam

"Thằng chó nào "đức thắng" mà 'hổng chớt'."

Không hiểu sao, dứt khoát là không có "ăng ten". Lời đồn thằng này ăng ten, thằng kia ăng ten đều là láo khoét, đều là thất thiệt cả. Nhưng, không hiểu sao, ngay ngày hôm sau Mạnh *chuột* ta lết thẳng vào nhà biệt giam sau một trận "tự kiểm" toe người. Mặc dù Mạnh *chuột* nhất định không nhận tội giễu bác Tôn. Không lết sao được khi mặt mũi thì tím bầm, sưng húp lên, môi thì tưa máu tươi, người thì mềm như cọng bún.

Rõ ràng Mạnh *chuột* là một thằng không có học. Vì nếu có học, ai lại dại gì đi mua vui, chỉ được một tiếng cười cho thằng khác để rồi được hưởng sự "khoan hồng" như thế này. Và cái sự "khoan hồng" này không biết còn kéo dài đến bao lâu.

Nhưng, chắc là không lâu, vì...

Mới đến ngày thứ ba, đang ngồi ngủ, dĩ nhiên là ngồi vì "nhà" biệt giam không đủ cao để Mạnh *chuột* đứng, và cũng không đủ dài để Mạnh *chuột* nằm. Đảng đã tha tội chết, và đảng chỉ tha tội chết thôi, chứ còn những tội khác, đảng không tha, đảng phải "chuyên chính" với những kẻ không chịu học tập. Biệt giam khơi khơi với cái tội dám mang bác Tôn ra mà cười như vậy là nhẹ lắm rồi. Mạnh *chuột* đang ngồi ngủ, thì có tiếng lách cách mở ổ khóa. Giọng của "đảng" vang lên.

"Anh Nguyễn Đức Mạnh."

Mạnh *chuột* thều thào qua hai môi nứt nẻ:

"Có."

"Đi ra."

"Chân tôi bị cùm, không đi ra được."

Ánh đèn pin cực mạnh chiếu thẳng vào mặt làm chóa mắt, Mạnh *chuột* biết là có người mở khóa chốt cái cùm.

"Anh theo tôi lên khung."

Chết mẹ rồi, tội này đâu phải là nhỏ. Thằng Trung úy San bên Thủy Quân Lục Chiến chỉ vì cái tội đứng bên này hàng rào kẽm gai, khua chân múa tay cãi nhau với đảng ở bên kia hàng rào trước 75, vô tình bị nhận diện sau một buổi xem phim tài liệu để "học tập". Chỉ vì cái tội đó thôi mà nó còn bị vứt xác ở bìa rừng. Huống hồ... Vừa đi theo tên cán bộ, Mạnh *chuột* vừa hồi hộp. Nửa đêm khuya khoắt thế này mà gọi lên khung thì thế nào cũng có chuyện, hung chắc chắn là nhiều hơn kiết.

Mạnh *chuột* giả vờ đau chân, đi khập khiễng để kéo dài thời gian, theo dõi những hành động của tên cán bộ. Hung hay kiết sẽ lộ ra trên thái độ của anh chàng cán bộ này. Tên này tại sao hôm nay lại có vẻ hiền từ. Mặt không hầm hầm như mọi ngày, lại còn cả không hối thúc Mạnh *chuột* phải đi nhanh.

Vừa bước vào khung, cán bộ trực trại đã đợi sẵn, hỏi Mạnh *chuột* một cách "dịu dàng":

"Anh là bác sĩ, vậy thì anh có biết đỡ đẻ không?"

Mạnh *chuột* hoàn hồn. À ra thế. Mẹ kiếp, hóa ra là chúng mày cần đến chuyên môn của ông. Tuy không phải là bác sĩ chuyên về sản khoa, nhưng thời còn là sinh viên đi thực tập, Mạnh *chuột* cũng đã đỡ nhiều ca rồi chứ. Nhưng mà, ở đây có đàn bà đâu mà đẻ với đái. Vậy thì cái gì đây? Gì thì gì, chắc chắn không phải là đi theo thằng San là tốt rồi.

"Biết chứ cán bộ. Mà ở đây, tôi có thấy phụ nữ nào đâu."

Tay cán bộ trực trại cười giả lả:

"Không phải là đỡ đẻ cho người, mà chúng tôi gọi anh lên để đỡ đẻ cho lợn."

Máu tếu Nhẩy Dù chảy nhanh trong cơ thể, Mạnh *chuột* nghĩ ngay đến Lịnh, tay chuyên môn thiến heo trong đội.

"Nếu đỡ đẻ cho lợn thì một mình tôi không đủ đâu. Cần phải gọi thêm người."

Cán bộ sốt sắng hỏi:

"Anh cần thêm mấy người? Tôi cho gọi lên."

"Cán bộ gọi cho tôi anh Lịnh, ở đội tôi. Tôi với Lịnh là đủ rồi."

Hơi ấm từ đống lửa bập bùng trong chuồng lợn tỏa ra, Mạnh *chuột* và Lịnh được sưởi nhờ ơn mưa móc của con lợn sắp đẻ này.

Lịnh ngày xưa, trước khi đi lính lên đến hạ sĩ, chuyên sống bằng nghề thiến heo. Đúng ra, nếu không vì tính mê gái, muốn chứng tỏ với cô em bán nước mía đầu đường Nguyễn Thiện Thuật mình là Thiếu úy, và nếu không bị cách mạng ra thông cáo là học tập cải tạo mười ngày cho cấp úy. Những tưởng mười ngày đi học tập cải tạo, Lịnh được chính phủ cách mạng chính thức hóa được cấp bậc sĩ quan của mình, nên Lịnh hăng hái đi trình diện, và bây giờ thì là bạn cùng trại với Mạnh *chuột*.

"Đang ngủ ngon lành, anh lại phá tôi. Tôi có biết gì về vụ đẻ đái của mấy con heo bao giờ."

Mạnh *chuột* nheo nheo mắt, cười cười:

"Mày sống bằng nghề thiến heo, tức là có dính dáng đến heo rồi. Cũng như tao là bác sĩ thì tao phải biết đỡ đẻ vậy mà."

Lịnh vẫn còn hậm hực:

"Vậy bộ anh muốn tôi "thiến" con heo nái này à?"

"Không ai ngu như mày. Đỡ đẻ xong, ngày mai sẽ được nghỉ lao động, và thế nào mà không được bồi dưỡng một ít đường."

Mạnh *chuột* được ân xá nhờ đỡ đẻ "đạt tiêu chuẩn", một lứa tám con, không chết con nào nên được tha về đội, lại còn được nghỉ nguyên ngày hôm sau để bù lại

cho suốt một đêm thức trắng đánh vật với lợn.

Đảng tha, nhưng "khẩu nghiệp" thì không tha. Mạnh *chuột* lại bị vạ miệng vì cái "vô học" của mình.

Thời gian này có chiến dịch trốn trại. Đêm hôm trước điểm danh đủ, sáng hôm sau mở mắt ra là thiếu một vài mạng. Đảng là kẻ tổ chức và lãnh đạo thành công mọi cuộc cách mạng, cho nên đảng không thể thất bại trong chuyện ngăn cản việc trốn trại. Vận dụng mọi khả năng sáng tạo của cuộc cách mạng vô sản, đảng nghĩ ra một cách kiểm soát tù không tốn công, tốn của là bắt tù gác tù. Sau một ngày "lao động là vinh quang, trồng khoai lang là yêu nước", tù được phân công thay nhau gác... tù.

Trong một ca "đón giao thừa một phiên gác đêm", Mạnh *chuột* đã lỡ "vui xuân quên nhiệm vụ", gác thì lơ là mà miệng lại còn nghêu ngao hát:

Giờ đây bên sông "mai" rụng tơi bời

Giờ đây em ơi "sao" mọc lên rồi

Lòng anh tan hoang, thôi vỡ "đời tôi"

Đảng còn đang tiến hành cuộc điều tra về gốc gác bài hát, vì đây là một bản nhạc vàng đầy phản động. Tại sao cách mạng thành công, miền Nam được hoàn toàn giải phóng mà lại dám nói là "thôi vỡ đời tôi".

"Báo cáo cán bộ, đây là bài thơ cách mạng."

"Cách mạng nào, anh lại bôi bác cách mạng phải không?"

"Báo cáo cán bộ, đây là bài thơ của cán bộ cách mạng thật mà."

"Anh chỉ cho tôi xem cán bộ nào lại dám làm bài thơ này?"

"Bài này là bài "Hoa rụng bên sông" của cán bộ Lưu Trọng Lư."

Trong khi chờ đợi cuộc điều tra ngã ngũ, Mạnh *chuột* không bị vào nhà biệt giam, vì có dây dưa đến cán bộ Lưu Trọng Lư, dù rằng cán bộ khung chẳng ai biết cán bộ Lưu Trọng Lư là cán bộ nào. Cho nên Mạnh *chuột* được "tại ngoại hầu tra", và đang cong đít lên mà đào giếng.

Đây là vùng đất mà chỉ có chó mới sống được một cách no đủ, toàn đá với sỏi. Mỗi nhát cuốc bổ xuống là mỗi lần lửa tóe lên. Mạnh *chuột* đào giếng qua đến ngày thứ hai mà mới sâu xuống được đâu ngang đầu gối. Cán bộ vệ binh luôn luôn mắng nhiếc "Anh dơ cuốc lên thì chim đậu; Hạ cuốc xuống thì mối đùn". Mạnh *chuột* giận lắm, ở cái xứ khỉ ho, cò gáy này, lấy chó đâu ra chim với mối mà đậu với đùn. Có giận thì giận, có gì thì gì, Mạnh *chuột* vẫn phải cuốc và vẫn phải cắn răng "ngậm miệng mà không... ăn tiền".

Nhưng cây muốn lặng mà gió chẳng ngừng, buổi chiều ngày thứ hai, khi Mạnh *chuột* đang lui cui vét đất dưới hố để hất lên trên, cán bộ vệ binh đến cà khịa:

"Đầu óc anh vẫn còn hướng về bọn đế quốc Mỹ nên mới bảo "nà" cách mạng đã "nàm" cho đời anh tan hoang."

"Đó là bài thơ của cách mạng mà, cán bộ."

"Thơ thẩn gì, anh vẫn còn tư tưởng *yêu Mỹ, kính Mỹ, thương Mỹ, sợ Mỹ*. Tôi "nà" đọc được tư tưởng của anh mà."

Mạnh *chuột* im lặng không thèm trả lời.

"Phát biểu thì "ninh tinh", 'nao' động thì trây 'nười'."

Mạnh *chuột* vẫn cắn răng, cố gắng nhịn, không nói. Anh cán bộ vệ binh thấy Mạnh không nói, nghĩ ngay là nó đang khinh mình, tức giận quát một câu thật to: - Anh ngu như "nợn" ấy.

Máu Nhấy Dù dồn lên mặt, mắt đỏ lửa. Tay cầm cuốc, Mạnh *chuột* đứng bật dậy. Trán Mạnh *chuột* chạm ngay vào mũi khẩu AK. Hơi lạnh của chất thép lan nhanh sang Mạnh *chuột*. Mọi động tác như ngừng lại, chỉ còn ý nghĩ chạy trong đầu:

"Mày ngu như lợn thật, Mạnh *chuột* ạ". ■

CAO XUÂN HUY

TRẦN TRUNG TÁ

NGHĨ TRONG NGÀY LẠNH Ở MỸ

Lạnh buồn đến nỗi đất không thơm
trời cũng không xanh. Nắng đỏ lòm
hoa cỏ đìu hiu, vườn rã rượi
và đường xe thả khói mù tuôn...

Lạnh buồn đến nỗi tôi không nói
một tiếng nào thương em nhớ em!
bởi nói cũng là đây với đó
chẳng làm sông ngược với non nghiêng!

Lạnh buồn đến nỗi chim bay mất
rừng bỗng thưa ra, lá trở mình
tôi muốn trở về quê quán cũ
mùa Đông quá khứ chưa lần quên!

Mùa Đông quá khứ xương loang máu
và thịt tan trong đất hóa bùn
chân lính giẫm lên nghìn xác giặc
mong liền ba cõi Bắc Nam Trung...

Lạnh buồn đến nỗi tôi rưng rức
muốn khóc quê người giấu hỗ ngươi
năm chục tuổi đầu mang tiếng Cựu
lạ lùng nước mắt vẫn còn tươi!

TRỜI VÀ ĐẤT, CUỐN PHIM MỚI NHẤT VỀ VIỆT NAM CỦA OLIVER STONE

HOÀNG KHỞI PHONG

Đối với những người thích coi xi nê, thì Oliver Stone là một tên tuổi lớn trên vòm trời điện ảnh. Đặc biệt với các khán giả Việt Nam thì ảnh hưởng của Oliver Stone còn in đậm hơn với những khán giả Mỹ, bởi vì ông thực hiện nhiều tác phẩm điện ảnh liên quan tới đất nước chúng ta. Ông chĩa máy quay phim vào những chỗ nhức nhối, chưa lành trên đất nước chúng ta cũng như trên thân thể chúng ta. Với những cận ảnh tưởng chừng như có thể lôi hàng triệu đồng bào chúng ta, kéo trở lại một không gian cách đây nửa vòng thế giới. Ông cũng vặn lui trục quay đồng hồ, đẩy chúng ta trở ngược lại một thời khoảng hai mươi năm. Thập niên 80, ông thực hiện hai tác phẩm về Việt Nam, gây nên những dư luận trái chiều là: *Platoon và Born on the 4th of July*. Phim mới nhất của ông hiện đang trình chiếu trên khắp nước Mỹ mang tên là "*Heaven and Earth*". Khác với hai phim trước, đề tài do những người viết truyện phim của kỹ nghệ điện ảnh Mỹ thực hiện. Truyện phim "Trời và Đất" này phỏng theo một hồi ký của một phụ nữ Việt Nam là bà Lệ Lý Hayslip. Theo tường thuật của báo chí Mỹ đây là một phim trong một bộ ba cuốn, giống như một trilogy, một loại trường thiên tiểu thuyết.

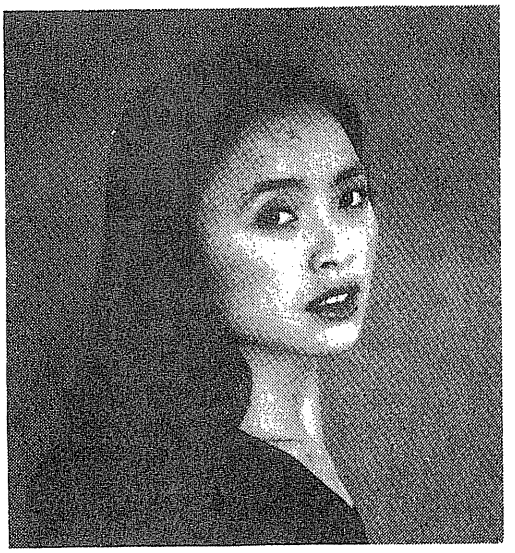

Lê Thị Hiệp,vai chính trong phim "Trời và Đất"

Để có thể đi vào cuốn phim thiết tưởng chúng ta cũng phải lướt qua cuốn sách này. Đây là một quyển hồi ký, nhưng tác giả của nó đã tiết lộ một cách thành thực là bà không đủ sức để viết bằng tiếng ngoại quốc. Nếu chúng ta đọc thì chúng ta phát giác thêm được một điều là e rằng bà ta cũng không đủ sức để viết bằng tiếng Việt. Rải rác trong cuốn sách, để người đọc thỉnh thoảng bắt lại được cái không khí của nước Việt, bà đã chêm vào nhiều tiếng mẹ đẻ, nhưng hầu như không một chữ Việt nào bà ta viết đúng chính tả. Những tiếng đó chỉ là những danh từ hết sức giản dị, và phải dùng thường ngày, tuyệt không phải là những danh từ trừu tượng, có tính bác học của văn chương... Do đó nếu quyển sách có những điều không đúng với sự thật ở ngoài đời, thì chắc chắn rằng bà Lệ Lý Hayslip không thể nào có khả năng phát giác. Nếu như vậy thì tính trung thực của một cuốn hồi ký sẽ rất ít ỏi. Những chi tiết cốt tủy của cuộc đời bà Lệ Lý Hayslip, những nguyên nhân khiến bà từ một cô thôn nữ biến thành một cô gái mại dâm thì chắc chắn phải đúng. Nhưng những tiểu tiết để dẫn tới chung cuộc cho cuộc đời của bà Lệ Lý, tôi e rằng đã được những người khác, những người viết thực sự biến dạng đi, bi thảm hóa thêm một tầng, đẩy cho sự tàn bạo đi xa hơn, gò cho mọi việc phù hợp với nhãn quan của người viết, cho đúng với nhu cầu cần thiết của quyển sách.

Dù có đọc quyển sách này bằng nhãn quan nào chăng nữa, chúng ta cũng phải công nhận với bà Lệ Lý Hayslip và những người "đồng tác giả" của quyển sách này một điều: Nhân vật chính trong cuốn sách là nạn nhân của chiến tranh. Chính chiến tranh đã đem không phải chỉ một Lệ Lý Hayslip, mà là hàng trăm ngàn những cô Lài, cô Lý, cô Huệ, cô Bông, cô Thơm, cô Hai, Ba, Bốn, Năm... ra khỏi những lũy tre làng, quẳng họ vào thành phố, nơi không phải chỉ có một đạo quân, của QLVNCH, mà còn có đạo quân đối diện: của Cộng Sản. Vẫn chưa đủ, còn nhiều đạo quân đến chiến đấu dưới danh nghĩa Đồng Minh. Chiến tranh làm cho thôn quê teo lại, và nó làm cho thành phố phình ra như một người đàn bà có chửa. Chiến tranh làm cho ruộng

nương biến thành bãi chiến trường, chiến tranh khai tử một số nghề đồng thời khai sinh một số nghề khác. Chiến tranh mang hàng triệu những người trai ra khỏi mái ấm gia đình của họ, tước bỏ bộ thường phục của những người nông dân, những người thanh niên thành thị, khoác vào người họ những bộ quân phục nặng nề và nhét vào tay họ những vũ khí giết người. Chiến tranh làm thay đổi số mạng hàng hàng lớp lớp những con người, biến họ thành những người khác. Cũng có một số nhỏ người may mắn làm giầu nhờ chiến tranh, nhưng đa phần chiến tranh mang lại đổ vỡ, không may mắn, nên đếm không kể xiết những cô gái sa chân vào ổ điếm. Những người như bà Lệ Lý Hayslip đáng thương mà không đáng trách. Nhưng nghĩ cho cùng thì cũng chẳng đáng khen.

Riêng với bà Lệ Lý Hayslip, sau những không may mắn đầu đời bà đã bắt được những may mắn đáng kể vào lúc cuối đời. Trước tiên là bà đã gặp được những người "đồng tác giả" biết khai thác đề tài, biết marketing thị hiếu của độc giả, biết bắt trúng mạch những vấn đề thời đại. Kế đó là sự gặp gỡ với Oliver Stone, con người có khối óc và bàn tay phù thủy trên lãnh vực điện ảnh, biến một quyển sách thiếu giá trị văn chương thành một phim có kích thước lớn. Do đó chúng ta có thể lướt qua cuốn sách này. Hơn thế nữa bài viết này chỉ nhắm đến cuốn phim "Trời và Đất", chứ không phải là một bài điểm sách. Đây cũng không là bài viết nhắm đến đời tư của bà Lệ Lý.

Cảm giác đầu tiên của tôi là Oliver Stone không chỉ là một nhà đạo diễn thuần túy. Ngấm ngầm theo những thước phim đó là những chính kiến còn ứ đọng lại từ những cuốn phim trước. Oliver Stone xuất thân là một phi công trực thăng của Lục Quân Hoa Kỳ, ông đã tham chiến ở Việt Nam và tất nhiên ông có lối suy nghĩ riêng về Việt Nam, ông có những kỷ niệm không bao giờ quên được trong vùng đất khổ đau đó. Ông đã từng bay trên cao, để nhìn xuống dưới đất nơi con người đôi lúc không còn được sống như những con người. Chính vì ông bay trên cao không được nhìn thật gần, nên những cận ảnh ông cho thu đã phạm quá nhiều sai lầm, đến độ cảm giác thứ hai của tôi về Oliver Stone là đã đành ông không là người Việt, nên không hiểu một chút nào về nước Việt, về QLVNCH cũng như về bộ đội Công Sản. Tệ hơn nữa, ông còn chẳng biết gì về đạo quân của chính ông là Quân Đội Mỹ.

Dưới bàn tay của ảo thuật gia Oliver Stone, cuốn phim mở ra với hình ảnh đặc thù của vùng đồng bằng Đông Nam Á, những ai đã sinh ra, hoặc lớn lên ở miền Nam thấy ngay đây không phải là hình ảnh của đồng bằng Nam Việt. Những dẫy núi đá thấp và những cây thốt nốt trên nền trời chiều cho biết ngay phim đã được thu ngoại cảnh ở Thái Lan. Cảnh thì rất đẹp nhưng đó vẫn không là quê hương thật nên sự xúc động đã bị giảm ngay từ đầu. Nhưng ngay lập tức hình ảnh chiếc nón lá của người phụ nữ Việt Nam nhấp nhô trên biển lúa xanh, xao động như những làn sóng dưới sức mạnh của gió tạo bởi cánh quạt trực thăng đang xà xuống thấp, khán giả như tìm lại được đúng phong vị chiến tranh của ngày nào. Nhạc đệm cho phần mở đầu của cuốn phim cũng là những âm thanh quen thuộc của một loại nhạc khí đặc Việt Nam, càng làm cho chúng ta yên chí đang xem lại hình ảnh tàn phá quê nhà. Nói chung phần mở đầu của cuốn phim đạo diễn Oliver Stone đủ chinh phục những khán giả Việt Nam khó tính nhất.

Từ đó ống kính của đạo diễn dẫn chúng ta trở ngược về thập niên 50, khi Lệ Lý Hayslip còn là một cô gái bẩy tám tuổi, nhưng đã biết theo mẹ đi cấy ở ngoài đồng. Tôi không tin vào hình ảnh tuyệt đẹp trong phim khi ông bố do tài tử Cao Miên Haing S' Ngor thủ diễn. Trong phim ông bố dẫn con gái đến một ngôi mộ, cúng bái tổ tiên, và nhân đấy dậy cho một cô bé chưa đầy mười tuổi, những bổn phận của con dân đối với đất nước, bổn phận phải giành lại đất đai hiện đang nằm trong tay người Pháp. Nếu là một cán bộ Cộng Sản làm điều này thì có thể, một ông bố nông dân hiền lành chỉ muốn sống với đất đai của mình sẽ không bao giờ mớm cho con cái ý nghĩ thoát ra khỏi vòng tay gia đình, ra khỏi đất đai của mình, nhất là con gái. Sự phóng đại gia phong của Lệ Lý chưa ngừng ở đó, trong một cuộc tranh cãi giữa hai vợ chồng, ông bố giơ tay tát bà mẹ một cái như trời giáng. Nếu chuyện đó thật sự xẩy ra trong một gia đình nông dân Việt Nam thì bà mẹ có hai phản ứng: Một là cúi gầm xuống chịu đựng, hai là sẽ gào thét, giẫy dụa chứ không như trong phim, mang con gái bé tí teo ra giáo huấn là sau này nếu làm lỗi tương tự sẽ ăn tới hai cái tát, một của chồng và một của mẹ.

Tới đây thì chiến tranh Việt Pháp chấm dứt, đất nước bị chia làm hai và một người anh của Lệ Lý tập kết ra ngoài Bắc. Trong đoạn phim này Oliver Stone bắt đầu để lộ nhãn quan chính trị của ông khi thực hiện những thước phim nói lên cái ngây ngô chính trị của miền Nam dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm, bằng cách cho khán giả thấy hình ảnh một cán bộ chính trị nông thôn dưới lốt của một ông thầy giáo. Tôi không tin những hình ảnh này, miền Nam có thể có những sai lầm về chính trị, nhưng đường lối và chính sách giáo dục của miền Nam không hề bị chính trị chen vào nặng nề như thế. Thời gian cuối 50 và đầu 60 ở nông thôn nếu cần phát động những phong trào chính trị miền Nam có những đoàn cán bộ nông thôn, những người biệt chính, những cán bộ thông tin xã ấp, những cán bộ công dân vụ. Ông thầy giáo tiểu học trong các vùng thôn quê hẻo lánh này cũng không khác những người nông dân khác là bao, cũng một cổ đôi ba tròng y hệt như bố của Lệ Lý vậy. Tuy nhiên trong đoạn phim này Oliver Stone thực hiện được cái cảnh hoang mang ngơ ngác của nông dân Việt Nam. Ban ngày chính quyền trong tay Quốc Gia, ban đêm quyền kiểm soát rơi vào tay những người Cộng Sản.

Oliver Stone cho chúng ta một cái nhìn có vẻ như là chống chiến tranh, lên án sự bạo tàn của cả hai phía VNCH và CS. Nhưng nếu chúng ta ngẫm nghĩ một chút thì chúng ta sẽ thấy những hình ảnh ông đưa ra về phía chúng ta là một cái nhìn phiến diện, hời hợt và sai lạc hoàn toàn với thực tế của chiến trường. Ở đây tôi hoàn toàn đồng ý với nhà văn

Phan Nhật Nam khi phát biểu về phim này, mặc dù Phan Nhật Nam chưa đi xem. Chưa đi xem không có nghĩa là không được phát biểu, bởi vì những lời phát biểu của Phan Nhật Nam là cách ông nhìn về việc làm của Oliver Stone: *Tôi chưa đi xem phim này. Nhưng đối với tôi cuộc chiến ở Việt Nam là cuộc chiến giữa hai phe, mà phe Cộng Sản ác hơn phe Quốc Gia. Cái ác của Cộng Sản là chính sách. Cái ác của phe Quốc Gia chỉ là phản ứng của từng cá nhân thí dụ như một tên trung sĩ khốn nạn, một tướng lãnh tham nhũng. Phe Quốc Gia không ác bằng phe Cộng Sản, nên phía Cộng Sản thắng. Giải pháp cho vấn đề Việt Nam là giải cái Ác của con người... Nghiệp ác thường hằng trong sự sống. Đạo diễn Oliver Stone không có khả năng làm việc này, vì văn minh Mỹ không có chỗ cho thần học, triết học thì làm sao có được đạo học. Oliver Stone chưa thấy rõ mặt Tính Ác thì làm sao giải được Ác Nghiệp. Ông ta chỉ làm phim nói về một mặt của hiện tượng Ác. Một mặt rất thiếu sót và cũng rất chủ quan dù ông ta đã cố gắng. Tóm lại tôi tin vào tính Thiện của Con Người.....*

Quả có đúng như thế, trong phim Oliver Stone cho chúng ta thấy những hành động tàn ác của cả hai phe. Phe Quốc Gia với một viên Đại Úy có thể là cao cấp nhất trong vùng Kỳ Là, khi tra tấn những người Cộng Sản đã đổ mật vào chân những người này để dụ dỗ kiến tới cắn. Nhà đạo diễn không hiểu về đời sống của đất nước chúng tôi. Chúng tôi làm gì có dư mật ong đóng hộp để dùng cho việc này. Nếu có chúng tôi để ăn, còn kiến thì thiếu gì. Cảnh trong phim còn cho lính Quốc Gia bắt rắn bỏ vào trong áo của các người bị tra tấn. Người ta còn cất công đi kiếm rắn thì cũng có thể tra điện vào những chỗ kín, xá kể gì vài ổ kiến. Về phía những người Cộng Sản, khi Lệ Lý nhờ hối lộ với phe Quốc Gia và được thả ra thì họ cho là Lệ Lý đã phản bội, họ đã quyết định xử tử Lệ Lý, hai cán binh Cộng Sản lãnh thi hành bản án này đã bắt Lệ Lý tự đào mộ cho mình, họ đã tha chết cho Lệ Lý sau khi thỏa mãn nhục dục ngay trên miệng hố. Để chạy trốn vùng đất chết, nơi mà người ta chỉ có một cái cổ nhưng đâu đó lúc nào cũng có tới hai, ba cái tròng sẵn sàng xiết chặt lại, hai mẹ con dắt díu nhau ra tỉnh thành. Cả hai mẹ con đi làm công cho một thương gia. Lệ Lý nhờ còn trẻ nên đã lọt vào một cái bẫy êm ái của tên thương lái này. Lệ Lý mang thai và bị bà mẹ bắt phải phá thai để có thể tiếp tục ở lại. Cuộc phá thai không thành, bụng mỗi ngày một to, bà chủ nhà biết, và vì vậy hai mẹ con lại một lần nữa phải lê la kiếm sống một cách nhọc nhằn.

Trong chiến tranh người ta có thể làm những điều ác hơn thế nữa, người ta có thể bắn chết hàng loạt như Cộng Sản đã làm ở Huế năm 68, ngay trong phim cũng có cảnh Cộng Sản bắn những người dân làng vô tội, nhưng bắn hàng loạt, hay tra tấn không ai làm ngay giữa sân quận đường, sân trường học dưới sự chứng kiến của hàng ngàn cặp mắt. Cũng chẳng nên trách Oliver Stone đã nhìn QLVNCH chúng ta một cách tệ hại như những tên thảo khấu, bởi vì ông nhìn dạo quân của chính nước Mỹ, đạo quân mà chính ông ta góp phần cũng còn sai, đến độ đã để cho một nhân viên MP, đang hành sự trước cổng một đơn vị Mỹ dẫn gái cho hai người lính Mỹ. Nói cho cùng hành vi dẫn gái cho người khác thì quân đội nào cũng có. Nhưng những người phải dẫn gái sẽ làm cái việc đáng xấu hổ này kín đáo. Thông thường là hạ cấp phục vụ cho thượng cấp, mặc cả ở chỗ khác, rồi chở tới cho những ông xếp lớn. Không ai làm việc này mà chường mặt ra ngay thanh thiên bạch nhật, trong khi thi hành nhiệm vụ an ninh đơn vị. Còn nữa, điểm vô lý sau cùng người được dẫn gái cũng không thể là những anh binh hạng bét.

Đến đây Oliver Stone cho khán giả chúng ta bớt ngộp thở bằng một mối tình khá đẹp giữa một người lính viễn chinh và một cô gái bản xứ. Đây là một đoạn vui tươi duy nhất trong cuốn phim này. Đây cũng chính là đoạn phim chứng tỏ khả năng đạo diễn bậc thầy của Oliver Stone, nam tài tử Tommy Lee Jones và nữ tài tử Lê Thị Hiệp đã làm hơn những gì được giao phó. Cả hai đã diễn xuất tuyệt hay. Nhất là Lê Thị Hiệp, người sinh viên chưa bao giờ xuất hiện trước máy quay phim. Phải, chính Lê Thị Hiệp đã làm cho nhiều khán giả quên mất nhân vật thật Lệ Lý ở ngoài đời, cô diễn xuất hay đến nỗi nhiều khán giả cho rằng tuy cô mới đóng phim lần đầu, nhưng đã làm lu mờ nhiều bậc tài tử đàn chị trong làng điện ảnh Việt Nam.

Có lẽ từ khi chúng ta làm quen với điện ảnh thì đây là lần thứ hai, chúng ta có được một tài tử đúng với cái nghĩa của nó, trước đây chúng ta có Phạm Linh Đan, trong phim "Đông Dương". Ở đây tôi muốn mở một dấu ngoặc là tôi chỉ nói tới diễn xuất của hai tài tử này, chứ không nói tới quan niệm chính trị của cả hai phim này. Trước một nam diễn viên thuộc vào loại hàng đầu của Hoa Lệ Ước cũng như những tài danh khác của điện ảnh Trung Hoa và Cao Miên, Lê Thị Hiệp đã không bị lép vế một chút nào, chẳng những thế cô còn có vẻ lấn lướt những tài tử khác trong phim. Nhiều người trước khi xem phim đã có thành kiến với quyển sách của Lệ Lý, nhưng vô hình chung Lê Thị Hiệp đã đem hình ảnh của Lệ Lý lại gần với chúng ta, đến độ có nhiều người sau khi xem phim đã nghĩ đến việc đọc cuốn sách nguyên bản của bà Lệ Lý. Trong mục *Thư Hoa Thịnh Đốn* đăng hàng ngày trên Nhật Báo Người Việt chính ông Bùi Bảo Trúc đã thú nhận điều này.

Tới đây cuốn phim bước vào thời điểm sụp đổ của miền Nam Việt Nam, ở đây ống kính của Oliver Stone lại một lần nữa làm cho chúng ta quặn đau trong lòng. Nhiều người trong chúng ta không dám đi coi phim này chỉ vì không dám nhìn lại một lần những gì họ muốn quên đi. Đúng vậy trong chúng ta có nhiều người vừa mới tới đây, những vết thương trong hồn chưa khép miệng, hình ảnh sống động của cuốn phim với kỹ thuật cao có thể làm vỡ toác vết thương thêm một lần nữa. Kỹ thuật của Oliver Stone trong đoạn phim này làm cho chúng ta có cảm giác đang sống lại những ngày của tháng Tư năm đó. Đôi khi tôi có cảm giác là đang xem phim thời sự, chứ không phải là một phim diễn xuất. Những đoàn người hỗn loạn, quân chen lấn với dân, già nương vào trẻ, những người bị thương và những người lành lặn... Tất cả trôi đi cảnh trời

chiều chạng vạng, những đám mây đỏ rực cuối chân trời, và những đám khói đen bao phủ ngay trên đầu họ. Những chiếc trực thăng chao qua lại trên trời và dưới đất, con người thì như một bầy thú đang chạy nạn cháy rừng. Phải, trong chúng ta quá nhiều người còn đầy nhậy cảm với những hình ảnh đó. Và cũng nhờ vào đó mà Oliver Stone cho chúng ta thấy trong phim này ông có sửa soạn kỹ lưỡng hơn hai phim trước. Chính trong đoạn phim này Oliver Stone đã sử dụng kỹ thuật một cách tột đỉnh. Và tôi nhận thấy một điều khi kỹ thuật đã đạt đến tột đỉnh, nó có thể đánh lừa được tâm lý của khán giả. Những bi thương đó sẽ làm nhẹ đi những sai lầm cố ý của cuốn phim.

Lệ Lý theo chồng về Mỹ trong năm 75. Hai vợ chồng cũng phải làm lại từ đầu như trăm ngàn tị nạn chúng ta, bởi vì ông chồng đã từng lập gia đình và đã từng ly dị nên họ cũng hai bàn tay trắng để khởi nghiệp. Người chồng như không nguôi nỗi ám ảnh về Việt Nam. Những hạnh phúc ban đầu mỗi ngày mỗi nhỏ lại, hai vợ chồng chia tay, người chồng tuyệt vọng tự tử. Lệ Lý lại một lần nữa gượng đứng vững được trước những khó khăn. Sau cùng lòng thương nhớ quê nhà trỗi dậy, Lệ Lý mang con về thăm lại quê hương. Gặp lại người chủ đã lợi dụng thân xác và tặng cho Lệ Lý đứa con đầu đời. Nơi nhà cũ Lệ Lý gặp lại bà mẹ giờ đây đã qúa già, gặp lại người anh đã đi tập kết ra Bắc, cùng hai người chị. Ở đoạn phim này đáng lẽ cảnh "happy ending" phải vô cùng cảm động và ngậm ngùi ở ngoài đời thì trong phim khán giả chỉ bắt được những gượng ép, gò trong những câu đối thoại đầy tính chính trị.

Cảnh cuối của phim vẫn là chiếc nón lá trên biển lúa. Hình ảnh đó một lần nữa tạo cho khán giả Việt Nam những ấn tượng mạnh về quê hương.

Thập niên 80, khi dư luận quần chúng Mỹ muốn quên đi Việt Nam, Oliver Stone với hai sản phẩm *Platoon* và *Born on the 4th of July* đã không cho nước Mỹ quên đi một cách dễ dàng. Ông bắt người Mỹ nếu đã đau thì phải đau hơn nữa, qua các sự kiện bi thảm của đoạn kết trong phim *Platoon*. Hình ảnh người lính Mỹ, người lính xứng đáng nhất trong phim bị đồng đội bỏ rơi trong rừng, khi quân CS đang hàng hàng lớp lớp tràn tới, và trên trời những chiếc máy bay tối tân đang ào xuống dội bom. Sang tới *Born on the 4th of July* thì khung cảnh không còn là chiến trường Việt Nam nữa, mà là những thành phố Mỹ. Những người cựu chiến binh Mỹ trở về từ Việt Nam, hành trang thì thật nhẹ nhưng lòng thì mang nặng những u hoài. Những dằn vặt nội tâm được họ nén lại như những chiếc lò so bị ép xuống, và vụt một cái sức ép mất đi, hàng loạt những chiếc lò so này bung dậy khiến những người cựu chiến binh này trở nên bất thường. Công tâm mà nói họ đã gây nên một vấn đề nghiêm trọng cho nước Mỹ trong thời hậu chiến. Và dường như ảnh hưởng của nó đến bây giờ vẫn chưa tan biến hoàn toàn. Những gì mà Oliver Stone cho thâu lại chứng tỏ ông là con người phản chiến. Ông không phải chỉ phản chiến không mà thôi, ông còn tả khuynh, bởi vì hình ảnh Quân Đội Mỹ cũng như Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà đã được ông nhìn từ những khía cạnh xấu, trong khi bộ đội Cộng

NGUYỄN TẤN HƯNG

HỒI XUÂN

Em, bốn mươi hơn vẫn còn con nít
Anh, quá nửa đời bỗng thích trẻ con
Rừng ân ái đôi chim non ríu rít
Mải mê yêu quên giấc ngủ hao mòn

Ửng trái chín vừa ngon và vừa ngọt
Lưng chén quỳnh càng nhấp lại càng say
Muối với gừng thêm mặn lẫn thêm cay
Non với nước mây mưa giăng khắp lối

Trời vào đông những sáng trưa chiều tối
Ngược dòng đời tìm lại tuổi đôi mươi
Lửa yêu đương âm ỉ cháy từng hồi
Sưởi cho nhau, em ơi, từng hơi thở

Em có biết vì em hoa đã nở
Nhụy lẫn cành rực rỡ thắm hương xuân
Én đưa bay tấu khúc nhạc tưng bừng
Xuân về, hề, đồng nghĩa với hồi xuân!

TRẦN MỘNG TÚ

BÀI THƠ THÁNG GIÊNG

Anh ạ tháng Giêng còn trẻ lắm
Mặt đất rền như bánh chưng xanh
Buổi sáng ngực xuân, sương, căng sữa
Nhỏ xuống chiều những hạt long lanh.

Cả một tháng Giêng còn thơm ngát
Hồn em trẻ lại tuổi mười lăm
Thơ tròn những hạt trong mạch máu
Ngôn ngữ như dường giữa kẻ răng

Cả một tháng Giêng còn thơ dại
Con chim nghiêng mỏ hát trong tranh
Nắng xuân hôn tận bên trong áo
Để em mơ mộng gọi tên anh

Cả một tháng Giêng còn bỡ ngỡ
Ngày chạm môi trên lịch mới tinh
Mùi mực thơm như mùi hạnh phúc
Giọt thời gian vỡ giữa bình minh

Có một tháng Giêng dài như tóc
Chảy xuống hồn anh cả bốn mùa.

Tháng Giêng Giáp Tuất

Sản thì chỉ được ông ghi lại những nét mờ nhạt, không rõ nên vì vậy mà khi xem khán giả không bắt gặp những nét tàn ác của đạo quân này.

Chúng ta đang ở thập niên 90, vài năm ngắn ngủi nữa nhân loại đã bước sang thế kỷ 21. Thế giới đang đi vào một vận hành mới, trong vận hành này khối Cộng Sản không bị tấn công từ bên ngoài, mà ụp xuống từ bên trong. Khắp nơi trên thế giới người ta thay đổi sự suy nghĩ để có thể đáp ứng kịp với những biến chuyển nhanh như lằn chớp xẹt qua bầu trời. Nước Mỹ đã thay đổi cách nhìn của họ với các quốc gia thù địch cũ như Trung Hoa, Liên Xô... và cả Việt Nam. Oliver Stone cũng phải điều chỉnh kịp thời với những biến chuyển này. Công tâm mà nói nhãn quan của OLiver Stone trong phim này so sánh với hai phim trước đã có nhiều thay đổi. Trước kia, trong hai phim cũ chỉ có Quân Đội Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa bị ông phơi bầy những điều xấu xí. Giờ đây cả ba phe đều bị ông kết tội.

Oliver Stone vẫn là người phản chiến, ông dùng phim *Trời và Đất* này như là một biểu hiện cho cách nhìn điều chỉnh từ nơi ông. Ông kết tội cả ba phe tham chiến. Có lẽ ông đang dùng những tác phẩm điện ảnh của ông để chứng minh cho mọi người biết ông sẽ là một trong những điểm hội tụ được mọi cá biệt của những đạo quân này. Ông là một trong những tụ điểm của hàn gắn, của viễn ảnh thân hữu giữa các quốc gia trong quá khứ đã từng thù nghịch. Nước Mỹ hiện nay còn đang lúng túng về Việt Nam, như trước kia đã từng lúng túng. Họ sẽ sẵn sàng bang giao, hợp tác kinh tế, bãi bỏ cấm vận... Những đại công ty của Mỹ chỉ chờ những dấu hiệu chính phủ Mỹ bãi bỏ cấm vận kinh tế là đổ xô vào khai thác một thị trường đang bỏ ngỏ. Nước Mỹ ở quá xa, lại khởi hành chậm trong việc trở lại vùng đất này trong khi Nhật Bản, Đài Loan, Tân Gia Ba, Đại Hàn, Hồng Kông... đang lăn xả vào con mồi. Nước Mỹ muốn trở lại Việt Nam, nhưng người Mỹ thì vẫn còn ám ảnh bởi cuộc chiến cũ. Đã thế luật lệ Mỹ lại không lỏng lẻo đến độ chính quyền Mỹ muốn làm gì thì làm. Nước Mỹ không thể chậm chân hơn được nữa, và để sửa soạn cho việc hợp tác trong tương lai, những người như Oliver Stone núp dưới bóng những người hoạt động xã hội, những hội thiện nguyện chính là những người tiền phong đặt những vọng canh cho một thị trường mới. Bà Lệ Lý thật không thể nào có đủ khả năng nhìn thấy vai trò của chính bà ta trong những công việc xã hội hiện nay bà đang làm tại làng Kỳ La, nơi chôn nhau, cắt rốn của bà. Hiện nay Oliver Stone đang đỡ đầu cho một cơ quan thiện nguyện, trong một bài báo mới đây của tờ *Register* tiết lộ, cơ quan từ thiện này hiện đang điều hành một chẩn y viện, với một ngân khoản là 200.000$ US. Số tiền này chẳng lớn lao gì so với những con số thương vụ hàng tỷ của các đại công ty thương mại trên toàn thế giới. Tôi vẫn tin nơi lòng thiện của bà Lệ Lý, nhưng tôi e rằng bà sẽ không đủ tỉnh tường nhìn ra những dụng ý của những người đang làm việc thiện bên cạnh bà.

Vấn đề của chúng ta không phải là một cuộc biểu tình chống lại cuộc họp báo của bà Lệ Lý. Giả dụ trước những thành công của bà ta trong hiện tại rất có thể làm bà ta quên đi cái quá khứ đau buồn, cũng rất có thể hiện nay bà đang ở trong cơn ảo tưởng của danh vọng, của những thành quả bà đạt được trên mọi lãnh vực, bà

cũng có thể hợm mình dưới mắt nhiều người. Bà cũng có thể mắc nhiều khuyết điểm. Nhưng điều quan trọng là trước kia cũng như hiện nay bà Lệ Lý hầu như không biết những việc gì đang xẩy ra chung quanh bà. Trước kia bà là nạn nhân của cả ba phe tham chiến, trước kia bà nghèo và đã có lúc không được người ta đối xử như những con người. Những người "đồng tác giả" của quyển sách cũng như đạo diễn Oliver Stone quả là những người đánh hơi nhậy với thị trường, với thị hiếu của độc giả. Những người này xuất bản sách và làm phim về một nạn nhân có thật. Họ bán được nhiều sách, phim thì cùng một lúc được chiếu trên hàng ngàn rạp, và khán giả nhiều khi sắp hàng dài trước cửa để chờ tới phiên mình mua vé tiến vào. Quyển sách và cuốn phim đang hâm lại vấn đề Việt Nam trước dư luận Mỹ. Nước Mỹ đang lúng túng trong việc muốn nối lại quan hệ ngoại giao với Hà Nội, phải giải tỏa dư luận quần chúng trước khi bãi bỏ cấm vận. Phải bãi bỏ cấm vận trước khi đặt quan hệ ngoại giao. Phe bảo thủ của nước Mỹ vẫn còn mạnh, cứ mỗi khi Hà Nội tiến gần được đến đích của liên hệ ngoại giao là ngay lập tức chính quyền Mỹ phải đối phó với một khó khăn khác. Nào là vấn đề MIA, những tiết lộ của Nga về những tù binh Mỹ có thể còn sống và còn bị giam giữ đâu đó trong rừng rậm Đông Dương. Tất cả những vụ đó chính quyền Mỹ có thể đối phó được.

Vấn đề duy nhất hiện nay Mỹ không thể đối phó vì nó không nằm trong tay người Mỹ: Đó là vấn đề nhân quyền tại Việt Nam. Dư luận Mỹ chỉ có thể cho phép chính quyền của họ liên hệ ngoại giao với những chế độ nào có một nền cai trị tương đối ổn định, và người dân được những luật lệ tối thiểu bảo vệ cho việc làm ăn buôn bán. Và ngay cả những đại công ty lớn muốn đầu tư cũng vậy. Họ không thể nhắm mắt thiết lập những cơ xưởng, những nhà máy, những hãng xuất nhập cảng nơi một quốc gia không hề có một đạo luật, một quốc gia mà mỗi thành phố lại có một luật lệ riêng, và cách giải thích luật khác nhau. Chúng ta cũng phải công nhận một sự thật nữa là vấn đề bãi bỏ cấm vận, vấn đề bang giao không nằm trong tay những người tỵ nạn chúng ta. Nó nằm trong tay chính quyền Mỹ, trong tay những người soạn thảo đường lối cho nước Mỹ.

Tất nhiên chúng ta cũng cần nói lên tiếng nói của chúng ta. Nghĩ cho cùng chúng ta phải đặt thẳng vấn đề với Oliver Stone, chứ không phải với Lệ Lý Hayslip. Trong trường hợp bà ta mở cuộc họp báo, tôi sẽ không tham dự bởi vì tôi biết bà ta sẽ không trả lời được câu hỏi của tôi. Tôi cũng tránh không để cho một bà cụ 86 tuổi, từ Việt Nam sang đây thăm con, đã sống trong sợ hãi suốt một đời được đón tiếp bằng hàng trăm khuôn mặt đằng đằng sát khí. Không nên đón tiếp bà cụ như thế. Vả lại ảnh hưởng của cuộc biểu tình chỉ có giá trị ngây ngất, ngay trong lúc đó. Khi những cờ quạt xếp lại, những biểu ngữ cuốn đi, không một âm hưởng nào đến với đạo diễn Oliver Stone. Tôi biết rằng tôi không đủ khả năng để đối thoại bằng Anh Ngữ với đạo diễn Oliver Stone, nhưng tôi tin rằng Ban Đại Diện Cộng Đồng vừa đắc cử có đủ khả năng để trực diện với Oliver Stone. Trong trường hợp có được cuộc đối thoại này, tôi sẽ xin góp tiếng nói nhỏ bé của tôi. Tất nhiên tôi cũng sẽ nhân danh một người lính cũ, để hỏi Oliver Stone đôi điều trong những cuốn phim của ông ta.

Tôi thấy không có gì để đặt vấn đề với Lệ Lý. Quyển truyện nguyên bản trung thực hay không chúng ta đã biết. Tôi đã xem phim đó hai lần. Một lần bằng tiếng Anh và một lần bằng tiếng Việt. Mỗi lần tôi có một cảm giác khác. Tôi cũng để ý đến diễn dàn độc giả của các tờ *Register và Los Angeles Times*. Những cái thư độc giả đó cho tôi thấy hình như khán giả Mỹ có cái nhìn cởi mở với phim này hơn chúng ta. Bởi vì chỉ giản dị một điều đối với khán giả Mỹ, những hình ảnh trong phim không thể gây những ấn tượng mạnh như trong lòng chúng ta. Bởi vì những mái tranh bị đốt đó là của chúng ta, những con người bị giết được là đồng bào, bằng hữu, ruột thịt chúng ta. Một người lính VNCH hay một bộ đội CS trên màn ảnh với khán giả Mỹ thì cũng như nhau. Đối với khán giả Mỹ Oliver Stone làm được một điều: Ông đem Việt Nam lại gần với họ hơn, cho họ biết được một điều cả dân tộc chúng ta là nạn nhân của ba phe, cho đến bây giờ chiến tranh đã lui vào trong bóng tối gần hai mươi năm, mà ảnh hưởng xấu của cả ba phe để lại vẫn còn tác hại.

Tôi công nhận bà Lệ Lý là một nạn nhân của chiến tranh, nhưng tôi cũng biết có nhiều người còn khổ đau hơn bà ta và hiện đang âm thầm sống trong tăm tối. Nhưng hình như chính trong hàng ngũ chúng ta cũng không thiếu gì những quyển sách xây dựng trên sự không thật. Nếu quyển hồi ký của ông Đỗ Mậu đúng thì chắc chắn quyển của ông Nguyễn Văn Chức sai, và ngược lại. Ông Cao Thế Dung lúc đầu là một trong những yếu nhân của Mặt Trận, ông dăng đàn nói về kháng chiến ở khắp năm châu. Thế rồi ông rút ra khỏi và viết hai quyển sách liên quan tới Mặt Trận. Trong đó ông cho là ông đã rút ra khỏi vì trong hàng ngũ cấp cao của Mặt Trận có Cộng Sản trà trộn. Ông quả quyết là Mặt Trận cho người ám sát ông. Bây giờ ông Cao Thế Dung vẫn chống Cộng, và Mặt Trận cũng đang làm việc tương tự. Không biết trong những lúc tình thế đòi hỏi phải cùng làm một việc, họ chen vai thích cánh với nhau để cùng làm hay là họ sẽ thúc cùi chỏ, có khi còn đi đến chỗ đổ máu, ám sát như là ông Dung đã từng quả quyết. Chỉ có dân tị nạn là thiệt thòi lòng tin. Tiền bạc quyên góp nghĩ cho cùng cùng không đáng kể đối với mỗi cá nhân. Cũng chưa có ai đến nỗi khánh kiệt tài sản vì đóng góp. Nhưng cái quan trọng là lòng tin, là khí thế không dễ gì gây dựng được. Rồi hàng ngàn những bài báo bôi bẩn nhau, rủa xả nhau, mà kỳ lạ thay cũng những người đã từng chống đối nhau cật lực đó, đã từng vu cáo nhau là Cộng Sản đó đôi khi lại cùng đứng chung với nhau trong những cuộc biểu tình.

Cuốn phim Trời và Đất chỉ là chặng chót trong toàn bộ tiến trình hoạt động của Oliver Stone. Hai chặng đầu của một bộ Trilogy chính là *Platoon* và *Born on the 4th of July*. Chúng ta không thể tách rời đoạn kết ra khỏi toàn bộ cuốn trường thiên này. Khi hai phim đầu được chiếu trước công chúng, những người nghiên cứu

chính trị đã nhìn thấy ngay chân tướng phản chiến và thiên tả Oliver Stone. Phải nói ngay rằng thiên tả không có nghĩa là Cộng Sản, chính trong hàng ngũ của Cộng Sản cũng có những người tiến bộ bị liệt vào bọn tả khuynh. Khuynh tả theo nghĩa của nó là ngược lại với khuynh hữu. Nếu hữu khuynh bảo thủ bao nhiêu thì tả khuynh cởi mở bấy nhiêu. Nếu chỉ thiên tả không mà thôi vẫn có phần tốt của nó, thiên tả chỉ thực sự xấu khi nhập hẳn vào dòng Cộng Sản. Jane Fonda và người chồng cũ của cô ta là Tom Hayden ban đầu là những người tả khuynh, sau dần lọt hẳn vào quỹ đạo của bộ máy tuyên truyền Hà Nội, mới có những hành động bất lợi cho Quân Đội Mỹ khi viếng thăm Hà Nội. Ca sĩ Joan Baez cũng đã từng lọt vào vòng tuyên truyền của Cộng Sản, nhưng đã sớm phản tỉnh sau một thời gian hoạt động phản chiến.

Trở lại với Oliver Stone và cuốn phim mới nhất chúng ta vừa mới coi. Trong phim có những đoạn hư cấu hoàn toàn khác với truyện. Tất nhiên văn chương có ngôn ngữ của văn chương, và ngôn ngữ điện ảnh lại khác. Nhưng không thể bịa ra cái chết trần truồng mất nhân cách của người cựu chiến binh Hoa Kỳ, đây không phải là chi tiết làm cho phim được hay thêm. Cái chết là lớn nhất, thế mà người cựu chiến binh đó còn dám với tới thì cũng không nên hạ nhục người chết bằng cách lột trần truồng. Chi tiết này chỉ có mỗi giá trị là bôi nhọ những người đồng đội cũ của chính đạo diễn Oliver Stone. Với những khán giả nhậy cảm, thì hình như số phận của những cựu chiến binh chẳng may mắt bình thường này, chỉ có thể giải quyết bằng một cái chết. Tất nhiên hư cấu là điều cần thiết cho mọi bộ môn nghệ thuật. Chết là đủ. Hà cớ phải cho một người đã sống trong khổ đau chết với thi thể trần truồng?

Cuốn phim hay dở tùy theo cảm nghĩ của mỗi khán giả. Nhưng chắc chắn khi thực hiện ba cuốn phim này, Oliver Stone ngoài việc xác định vị trí phản chiến khuynh tả thân Cộng của ông, đồng thời dùng nó để làm hậu thuẫn cho việc lập một Foundation, tìm cách sử dụng tiền của đóng góp của nhiều người cho mục đích của riêng ông. Cách vận động tài chánh này người Mỹ gọi tắt là OPM (Other people's Money). Nếu chúng ta không bị xúc động bởi hình ảnh cuối cùng của chiếc nón lá đang rập rờn trên thảm lúa xanh, và để ý hơn một chút nữa chúng ta sẽ thấy dòng chữ cuối cùng của cuốn phim là lời cám ơn, và đồng thời giới thiệu East Meets West Foundation. Tôi không nghĩ là bà Lệ Lý giám đốc điều hành cơ sở của Foundation này có đủ kích thước để vận động hữu hiệu những thành quả tài chánh hiện tại, và theo một bài báo của *Los Angeles Times*: Phải có một người đầu tiên đứng ra lập quỹ sơ khởi cho cơ quan, trước khi cuộc vận động OPM được tiến hành. Người bỏ tiền đầu tiên này nào biết đâu lại chính là Oliver Stone? Tôi chỉ nêu một nghi vấn có thể. Và nếu như vậy càng chú ý tới phim này, càng tìm hiểu về nó cảm giác chắc chắn của tôi là bà Lệ Lý Hayslip chỉ là người được một nhóm người đẩy ra đằng trước, Những người hiện đang để tay ở sau lưng, đẩy bà tới trước mới là những người chúng ta cần biết rõ trước khi chống.

Trong trường hợp như thế tôi không nghĩ đến sự hữu hiệu của cuộc biểu tình. Tôi nghĩ đến một cuộc đối thoại thực sự với Oliver Stone, một cuộc bầy tỏ ý kiến chính thức với nhà xuất bản đã thực hiện quyển sách. Và như vậy chúng ta phải sắp xếp lại hàng ngũ của chính chúng ta trước khi đối đáp với người. Nếu như không thể thực hiện được cuộc đối thoại công khai thì ít nhất chúng ta phải có những bài viết bằng Anh Ngữ, với những lý luận vững chắc của những cây bút chuyên về lý luận được gửi tới những tờ báo đông độc giả , nhiều uy tín trên khắp nước Mỹ. Công việc đó đòi hỏi sự làm việc cần cù, nhẫn nại, chưa kể đến sự phong phú ngôn ngữ, sắc bén về lý luận, chính xác về sự kiện. Công việc đó âm thầm, không có cờ quạt, không có bích chương, không có máy vi âm cho những diễn giả, không có hình đăng báo ngày hôm sau. Nhưng tôi tin rằng công việc đó hữu hiệu hơn bởi vì công việc của chúng ta làm có cái đích để nhắm tới, chứ không phải là đánh vào một khoảng trống, không có tiếng vang vọng lại trả lời. ■

California Tháng 1-1994

HOÀNG KHỞI PHONG

Diễm Châu

Thơ Diễm Châu

Người làm vườn và bông hoa
Đốm hương . Niềm vui mỗi ngày

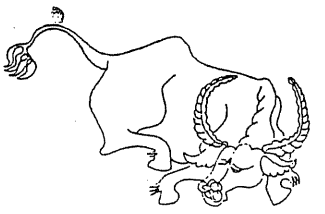

trình bầy

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA
LASER BỆNH TRĨ

* Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt
* Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh
* Không cần nằm bệnh viện
* Không ra máu, không đau

* TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
* MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
* UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ SẠN MẬT
* CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU.

Bác Sĩ TRẦN TIỄN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

* Tốt nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh
* Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan
* Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon
* Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Huê Kỳ (Fellow American College of Surgeons)
* Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột Và Trĩ Khoa Huê Kỳ (American Society of Colon and Rectan Surgeons)

14571 MAGNOLIA ST., SUITE 207
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 898-1177

NHẬN MEDICAL * MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG
NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

7151 LINCOLN AVE., # A
BUENA PARK, CA 90260
(714) 527-2777

Bác Sĩ LÊ NGỌC BÍCH, M.D.

Tốt nghiệp chuyên môn sản phụ khoa tại Hoa Kỳ

Tel: (714) 890-9283

* *Sinh viên du học tốt nghiệp trường Đại Học Y Khoa tại SF, School of Medicine, University of California, San Francisco.*
* *Tốt nghiệp chuyên môn Sản Phụ Khoa tại New York Albany Medical Center, New York*
* *Nguyên giảng huấn viên khu sản phụ khoa Albany Medical Center, New York.*
* *Cựu Thường Trú các bệnh viện Columbia Hospital For Women tại Washington D.C., Providence Hospital tại Washington D.C.*
* *Hội viên Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ và tiểu bang California.*

CHUYÊN TRỊ

* *Thăm thai, đích thân đỡ đẻ.*
* *Bệnh hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn (nối lại ống dẫn trứng). Truy tầm Ung thư Tử cung và Ngực.*
* *Giải phẫu bệnh Tử cung, Bướu, Sa tử cung.*
* *Kinh nguyệt bất thường, đau bụng lúc có kinh.*
* *Bệnh huyết trắng.*
* *Ngừa thai, cột ống dẫn trứng.*
* *Giải phẫu bằng tia Laser.*
* *Giải phẫu âm đạo nhỏ lại theo ý muốn.*

PHÒNG MẠCH
2740 S. Bristol St.,
Suite 204
Santa Ana, CA 92704
(714) 549-4294

MỞ CỬA:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
10 AM - 12 PM, 2 PM - 5 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 2 PM.

State of California LICENCED SMOG CHECK INSPECTION & REPAIR STATION

FRANK'S Computerized AUTO CENTER

ASE CERTIFIED AUTOMOTIVE SERVICE EXCELLENCE

FRANK'S AUTO #1

REPAIR & SERVICE DEPT.

4525 W. FIRST ST. #A, SANTA ANA, CA 92703

TUẤN LÝ
(MANAGER)
(714) 531-7908

TOYOTA | HONDA | DATSUN | MAZDA | ACURA | BMW

Summer SALE

PASS OR DON'T PAY

SMOG CHECK
$19.00 + $7 CERT.
VAN + $5 EXTRA

CHUYÊN MÔN:

- ☆ Chuẩn bệnh và sửa chữa COMPUTER SYSTEM on all cars.
- ☆ TUNE UP, SMOG CHECK, ELECTRICAL SYSTEM, CARBURATOR, OVERHAUL CV JOINTS, CV BOOT, AXLE SHAFT, RACK & PINION.
- ☆ AIR CONDITIONING, HEATING, RADIATOR.
- ☆ OVERHEAT REPAIR, WATER PUMP, HOSES.
- ☆ OIL LEAK REPAIR, RESEAL.
- ☆ CLUTCH JOB, TIMING BELTS, VALVE JOB
- ☆ Bảo trì theo FACTORY SCHEDULES: 15,000Miles - 30,000Miles - 60,000Miles.

COMPUTER ALIGNMENT
4 WHEEL $35 AMERICAN CAR $5 EXTRA
2 WHEEL $25 MOST CARS
1 YEAR OR 10,000 MILES GUARANTEED

COMPUTER ALIGNMENT by HUNTER COMPUTER SYSTEM D-111 CHUYÊN TRỊ:
Vỏ xe mòn không đều - Xe đâm về một phía - Xe bị rần hay bị run - Tay lái bị cứng và khó điều khiển

☆ *Trung tâm sửa xe dành cho Quý Vị chưa tìm được nơi nào đáng tin cậy.*

☆ *Garage cũng dành cho Quý Vị nào muốn bảo trì và sửa chữa xe cộ mình an toàn, đúng mức, đáng tiền chỗ dealers.*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

CHUYÊN MÔN:

- *Làm đồng và sơn tất cả loại xe Japanese, German & Domestic Car, theo tiêu chuẩn Factory.*
- *Trang bị giàn kéo, máy đo theo tiêu chấn hiện đại. Life Time Waranteed cho Paint Job.*
- *Khi có tai nạn xin quý vị liên lạc với FRANK'S AUTO BODY để được hướng dẫn đi Bác Sĩ, Luật Sư.*
- *Nhận tất cả các loại bảo hiểm, có giá đặc biệt cho trả tiền mặt.*
- *FREE ESTIMATE.*

FRANK'S COLLISION & PAINT DEPT.

14901 CHESNUT ST., WESTMINSTER, CA 92683

TRUNG TÂM SỬA XE LỚN NHẤT
(714) 373-3344

ĐƯỢC SỰ ỦNG HỘ VÀ TÍN NHIỆM Ở CÁC ĐẶC ĐIỂM

- HIGH QUALITY WORKS
- FACTORY PARTS
- EXPERIENCE TECHNICIANS
- COMPUTERIZED EQUIPMENT
- NO AFTER MARKET OR TAIWAN PARTS ON BODY WORK
- EXPERT INSURANCE CLAIM

AUTO BODY & PAINT

FRANK'S AUTO #1 VAN Arts

AIR CONDITIONING RECHARGE
$50.00
EVACUATE EXTRA

THANH BUI
(GENERAL MANAGER)
Kính Mời

AIR CONDITIONING SPECIALIST

- ** Có thợ chuyên môn về sửa chữa Air Conditioning System*
- ** Máy lạnh thổi không ra hơi*
- ** Hơi thổi ra không đúng chỗ*
- ** Hệ thống lạnh bị xì*
- ** Xe bị nóng khi xài máy lạnh*
- ** Sửa chữa toàn diện đường ống dẫn gas và bộ phận liên hệ*

Design by VAN Arts 714/ 891-0052

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET

小西貢想想市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén diã tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

LOTTO
DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như diã giấy, ly, muổng, nỉa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN QUỐC TOẢN, M.D.

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN NỘI KHOA TỔNG QUÁT HOA KỲ

** Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Saigon * Nguyên Giáo Sư Môn Nội Khoa Đại Học Y Khoa Oklahoma*
** Nguyên Phó Giám Đốc Oklahoma City V.A. Medical Center.*

BÁC SĨ Y KHOA TRẦN BÍCH VÂN, M.D.

FAMILY MEDICINE
VĂN BẰNG CHUYÊN MÔN Y KHOA GIA ĐÌNH HOA KỲ

** Tốt nghiệp Y Khoa tại University of Oklahoma * Nguyên Nội Trú và Thường Trú Chuyên Khoa Nội Khoa, Thần Kinh và Y Khoa Gia Đình tại các University of Oklahoma, Louisiana State University, University of California Irvine*

13832 Brookhurst Street, Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst/Westminster trong khu chợ Kinh Đô, cạnh Furiwa Restaurant)

(714) 636-3595

BỆNH NỘI KHOA VÀ BỆNH NGOÀI DA

- **BỆNH DỊ ỨNG**: Sổ mũi, nổi mề đay, phong ngứa
- **BỆNH NGOÀI DA**: Mụn trứng cá, tàn nhang, mụn cóc, lang ben, bệnh phong thấp: Đau khớp xương, đau nhức thần kinh.
- **BỆNH THẦN KINH**: Mất ngủ, nhức đầu, chóng mặt, động kinh.
- **BỆNH DINH DƯỠNG VÀ BỆNH NỘI TIẾT**: Áp Huyết Cao, tiểu đường, mở cao trong máu, mập phì, bướu cổ.
- **BỆNH TIÊU HÓA**: Loét bao tử, chai gan, sạn túi mật, trĩ, táo bón, tiêu chảy, đi tiêu ra máu.
- **BỆNH TIM**: Tức ngực, hồi hộp, đau tim, tim đập sai nhịp.
- **BỆNH PHỔI**: Ho kinh niên, khó thở, suyễn, sưng phổi.
- **BỆNH THẬN VÀ ĐƯỜNG TIỂU**: Nhiễm trùng, tiểu ra máu, sạn thận và đường tiểu, thận suy.

BỆNH PHỤ KHOA VÀ NHI KHOA

BỆNH LIÊN QUAN ĐẾN TUỔI GIÀ

- Bệnh suy yếu, run rẩy
- Bệnh cứng động mạch, đứt gân máu não.
- Bệnh tê liệt, bại xuội.

Y KHOA PHÒNG NGỪA

- Khám tổng quát định kỳ
- Chích ngừa cảm cúm, sưng phổi
- Chích ngừa nhập học, thi đua thể thao
- Truy tầm ung thư: máu, vú, phổi, ruột, tử cung
- Khám bệnh, thử máu trước khi lập gia đình

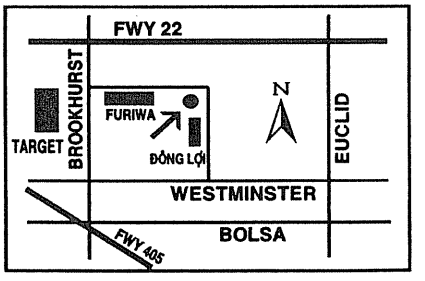

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ 2, 4 & 6: 10AM - 7PM
Thứ 3 & 5: 1:30PM - 7PM
Thứ 7: 10AM - 5PM
Chủ Nhật: Nghỉ

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM
XIN GỌI TRƯỚC ĐỂ LẤY HẸN

Có nhiều điều chị em muốn hỏi
bác sĩ, nhưng lại ngần ngại
vì thấy chỉ tiện nói với bạn gái thôi.
Các bạn có một người bạn gái là
bác sĩ. Hãy đến với BS Đoàn Thị Mai Anh

Nữ Bác Sĩ Sản Phụ Khoa

ĐOÀN THỊ MAI ANH, M.D.

10301 BOLSA AVE., SUITE # 107, WESTMINSTER, CA 92683

(714) 531-9667

- *Tốt nghiệp Đại Học Y Khoa University of California, San Francisco*
- *Tốt nghiệp Chuyên Môn Sản Phụ Khoa tại Santa Clara Valley Medical Center, San José*
- *Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (A.M.A.), Y Sĩ Đoàn Tiểu Bang California (C.M.A.), và Y Sĩ Đoàn Orange County (O.C.M.A.)*
- *Bác Sĩ Sản Phụ Khoa điều trị tại St. Joseph Hospital, Orange, CA và Garden Grove Hospital, Garden Grove, CA*

CHUYÊN TRỊ:

- **Các bệnh phụ nữ, sinh lý, hiếm muộn.**
- **Thăm thai và đỡ đẻ với máy Ultrasound tại phòng mạch để theo dõi thai kỳ.**
- **Hướng dẫn dinh dưỡng và săn sóc tiền sản.**
- **Kế hoạch hoá gia đình.**
- **Giải phẫu các bệnh phụ nữ.**
- **Truy tầm và chữa trị các bệnh ung thư của phụ nữ.**

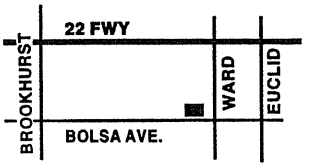

NHẬN: INSURANCE, MANAGED CARE HMO,PPO, MEDI-CAL

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai đến Thứ Bảy: **9:00 AM - 6:00 PM**

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 23

NEWPORT INSTITUTE COSMETIC SURGERY &
THẨM MỸ VIỆN HOÀN MỸ

chuyên sửa những gì về sắc đẹp cho phái nữ và phái nam

NHÂN DỊP KỶ NIỆM 9 NĂM THÀNH LẬP, TRUNG TÂM SẼ BỚT TỪ 19% ĐẾN 30% ĐỂ CẢM TẠ QUÝ KHÁCH

MẮT $980 - MŨI TỪ $980

Do một nhóm Bác Sĩ Thẩm Mỹ
Canada, Mỹ, Nhật
có bằng Thẩm Mỹ
kinh nghiệm hơn 20 năm,
từng giải phẫu
trên 25,000 trường hợp

Dưới Sự Điều Khiển Của Bác Sĩ

P. JAMES VOLOSHIN
M.D., F.R.C.S. (c)

GRAHAM M. KEMSLEY
M.D., F.R.C.S. (c)

Bà PHƯƠNG LAN
NGUYỄN GIA QUỲNH
Tốt nghiệp Thẩm Mỹ tại Hoa Kỳ
nhiều năm kinh nghiệm
Vẽ kiểu mặt và chọn mẫu mũi
cho hợp với khuôn mặt Á Đông

CÓ MÁY COMPUTER THẨM MỸ CHO BẠN NHÌN THẤY KẾT QUẢ TRƯỚC KHI SỬA

Hình sẽ hiện ngay trên Màn Ảnh
để bạn chọn lựa theo ý muốn

BẢO ĐẢM 100% KHÔNG ĐAU
KHÔNG HẠI SỨC KHỎE VÌ
KỸ THUẬT TÂN TIẾN CỦA THUỐC MÊ

MAU LẸ,
RA VỀ TRONG MỘT NGÀY
Phương pháp mới nhất
dùng chất sụn trong cơ thể
để đắp lên mũi nên 100% tự nhiên.

KHÔNG SỢ PHẢN ỨNG
SAU KHI SỬA

NHẬN TRẢ GÓP & BẢO HIỂM
(tùy trường hợp)

Ở XA CÓ XE ĐƯA RƯỚC
VÀ NGHỈ LẠI

ĐẶC CHẾ KEM
CHO TỪNG LOẠI DA

Mrs. Phương Lan Nguyễn Gia Quỳnh
DIRECTOR ASIAN COSMETIC COUNSELING PROGRAM

360 SAN MIGUEL ST. # 406 NEWPORT BEACH, CA 92660

Tel: (714) 759-0995 or 898-6514

GIÁ US $3.00